

NGUYỄN Q.THẮNG

LƯỢC KHẢO HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ

(TÌM HIỂU LUẬT GIA LONG)



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN



Tên thật:

Phạm Tùng Nguyễn Quyết Thắng

Bút danh: Nguyễn Q. Thắng

Sinh năm 1940 tại

Trường Xuân,

Quảng Nam.

Thuở nhỏ giữ trâu

làm ruộng [nhà] ở quê,

học xong các

chương trình Cử nhân,

Cao học, Tiến sĩ

trước năm 1975.

Đã dạy ở các trường

Đại học Văn khoa,

Sư phạm (Cần Thơ),

Đại học Sư phạm,

Sài Gòn (TP.HCM).

Tác giả nhiều

công trình biên khảo

văn học, sử học...

LƯỢC KHẢO
HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ

NGUYỄN Q. THẮNG

LƯỢC KHẢO
HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ
(Bước đầu tìm hiểu luật Gia Long)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

嘉隆二十二年頒行

皇越律例



Lời đầu sách

Tập Tiểu luận này là một vài suy nghĩ của chúng tôi về cổ luật Việt Nam, hay nói chính xác hơn, đây là Bước đầu tìm hiểu bộ luật Gia Long. Tuy vậy, theo chiều suy nghĩ đã vạch ra từ lâu, chúng tôi tạm gọi là Tiểu luận IV, tiếp nối Tiểu luận III (NXB Văn Hóa - TT 2001, Hà Nội) về các vấn đề học thuật Việt Nam.

Nội dung chủ yếu của những trang sau dành cho việc phân tích, tổng hợp, dịch văn... nhằm sơ bộ giới thiệu bộ luật Gia Long (tên nguyên bản là Hoàng Việt luật lệ). Qua các trang, chúng tôi không có ý đề cao hoặc hạ thấp các vấn đề được đặt ra; mà chỉ có tham vọng giới thiệu đến độc giả một phần rất khiêm nhường của di sản văn hóa dân tộc mà tiền nhân đã đóng góp cho văn minh sử Việt Nam.

Nhân đây tác giả xin cảm ơn bạn N.C.L - một chuyên gia Luật, Hành chánh - đã xem giúp lại bản thảo và chỉ cho một số điều sai sót đây đó.

Đây chỉ là ý kiến cá nhân, chắc sẽ có một số trang chưa hoặc không làm hài lòng một số độc giả. Chúng tôi mong bạn đọc và các bậc cao minh hạ cố chỉ giáo cho những chỗ chưa hài lòng trên. Tác giả xin «nghiêng tai nghe dạy».

Sài Gòn đầu năm 2002

NQT

PHẦN THỨ NHẤT

Hoàng Việt Luật Lệ (luật Gia Long) một phần của văn minh sử Việt Nam

1. HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ - MỘT BỘ LUẬT LỚN

Hoàng Việt luật lệ (hay còn gọi là *luật Gia Long*) là một trong hai bộ luật lớn nhất của chế độ phong kiến Việt Nam ⁽¹⁾. Có thể nói, đây là một bộ luật đầy đủ và hoàn chỉnh của nền cổ luật Việt Nam.

Ngay từ thế kỉ XV, nước ta đã có *Lê triều hình luật* (còn gọi là *luật Hồng Đức*) đã được các đại thần đời Lê Thánh Tông (1442-1497) biên soạn công phu và được áp dụng vào công quyền Việt Nam suốt mấy thế kỉ. Chính vì vậy *Lê triều hình luật* đã thành một khuôn mẫu cho cổ luật Việt Nam trong nhiều trăm năm và làm rạng danh cho nền văn hiến Việt Nam.

Năm 1802, với sự ra đời của triều Nguyễn, trong thời sơ

1. Ý nói đến 2 bộ luật: *Hồng Đức* và *Gia Long*.

Nguyễn này, vua Gia Long (Nguyễn Phúc Ánh: 1762 - 1820^(u)) người đã hoàn tất công cuộc thống nhất nước nhà. Từ khi lên ngôi ông phải đảm đương rất nhiều công việc trọng đại mà cũng đã phải thừa hưởng một di sản nội chiến dài. Suốt thời gian chiến

-
1. *Nguyễn Phúc Ánh* (1762-1820): hay còn gọi là Nguyễn Ánh, vua đầu nhà Nguyễn (1802-1945). Con thứ ba của Thái tử Nguyễn Phúc Chương (hay Luân) và là cháu nội của Võ vương Nguyễn Phúc Hoảng (hay Khoát).

Năm Ất mùi 1775, quân Tây Sơn chiếm Thuận Hóa, ông cùng Nguyễn Phúc Thuận (Thái Thượng vương) bỏ chạy vào Gia Định, đến khi Thái Thượng vương và Tân Chính vương chết, Nguyễn Ánh được các tướng sĩ tôn lên làm *Đại nguyên soái quyền nhiếp chính* thống lãnh ba quân để chống lại nhà Tây Sơn.

Năm Canh tí 1780, ông chiếm được Gia Định, xưng vương hiệu. Năm 1782, 1783 ông bị quân Tây Sơn đánh bại phải bỏ đất Gia Định chạy ra đảo Phú Quốc lánh nạn. Năm Giáp thìn 1784 ông bị Tây Sơn vây khốn ở Phú Quốc, ông phải chạy sang Xiêm (Thái Lan ngày nay) ẩn náu.

Năm Mậu thân 1788, ông thu phục được đất Gia Định, năm 1792, ông liên lạc được với Giám mục Pigneau de Béhaine nhằm nhờ nước Pháp cứu viện, nhưng công việc không có kết quả như ông mong muốn.

Năm Đinh tị 1797, ông chiếm Khánh Hòa, Qui Nhơn..., năm Tân dậu 1801 ông đem quân ra đánh úp kinh thành Phú Xuân (Huế). Trước sự suy sụp của nhà Tây Sơn, ông đưa quân bình định luôn cả đất Bắc Hà, đến năm 1802 (Nhâm tuất - ngày tháng 5) ông lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long và tuyên bố cáo chung niên hiệu Cảnh Hưng nhà Hậu Lê.

Trong thời gian cầm quyền, ông đã làm được nhiều việc trọng đại. Ông đã ra lệnh cho triều thần soạn bộ luật *Hoàng Việt luật lệ* để làm giềng mối cho việc trị nước lâu dài.

Ông ở ngôi 18 năm, thọ 58 tuổi, sau khi mất được triều đình truy tôn là Thế tổ Cao hoàng đế. (Theo *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Văn Hóa, Hà Nội 1993, Cùng tác giả).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

tranh mọi việc trong nước bị đình đốn và riêng pháp luật coi như bị quên lãng một phần lớn. Thế cho nên, sau khi lên ngôi hoàng đế, vua Gia Long phải giải quyết nhiều vấn đề hệ trọng mà luật pháp là một trong những vấn đề được ông đặc biệt quan tâm. Đó là việc ông ra lệnh triều thần biên soạn một bộ luật nhằm làm công cụ cho công cuộc trị nước lâu dài.

Người đứng đầu công việc soạn thảo bộ luật này là Tiền quân Bắc thành Tổng trấn Nguyễn Văn Thành (1757-1817) ⁽¹⁾ làm Tổng tài và có sự chỉ đạo trực tiếp của vua Gia Long. Dưới quyền Nguyễn Văn Thành là hai vị: Vũ Trinh (1769-1828) ⁽²⁾ và Trần Hựu ⁽³⁾ trực tiếp biên soạn. Bộ luật có tên: *Hoàng Việt luật lệ*.

1. *Nguyễn Văn Thành* (1757-1817) *Danh thần* đời vua Gia Long, quê huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, thân phụ là Nguyễn văn Hiến vào cư ngụ đất Gia Định.

Thuở nhỏ, ông cùng cha theo Nguyễn Ánh chống nhà Tây Sơn được phong làm Cai đội, sau lên đến chức Khâm sai, Tiền quân chương cơ. Khi Nguyễn Ánh lên ngôi ông được liệt vào hàng đệ nhất công thần, tước Quận công.

Năm 1804, vua Gia Long cử ông làm Tổng trấn Bắc thành trông coi mọi việc ở miền Bắc, chức như một “Phó vương”. Năm 1811 về Kinh giữ chức Trung quân, rồi làm Tổng tài trong việc biên soạn bộ *Hoàng Việt luật lệ*. Theo một số tư liệu văn học thì ông là tác giả bài *Văn tế trận vong tướng sĩ* và tuyên đọc tại Đàn tế nghĩa sĩ tại Thăng Long hồi năm 1802.

Năm 1817, ông bị vua Gia Long khùng bố đến độ bắt ông phải thuốc độc chết do một bài thơ với ngôn từ khẩu khí của con trai (Nguyễn Văn Thuyên). Theo *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, *Sđđ*.

2. *Vũ Trinh* (1769-1828) [Xin đừng lầm với Vũ Trinh con trai đại thần Võ Trọng Bình đời vua Tự Đức (1829-1883), ông Vũ Trinh sau làm tới chức Thượng thư Bộ Lễ triều vua Thành Thái (1879-1854)]. *Danh sĩ* đời Lê mạt,

Bộ luật được biên soạn trong một thời gian và đến năm 1811 mới hoàn tất, năm 1812 [có lẽ] được khắc in lần đầu ở Trung Quốc, với bài *Tựa* của đương kim hoàng đế Gia Long. Theo lời tựa thì chính nhà vua trực tiếp đọc duyệt, tu chỉnh lại sau cùng mới cho phép khắc in và ban hành, rồi cho áp dụng vào năm 1813 trên

tự Duy Chu, hiệu Lại Sơn, Nguyễn Lan, Lan Trì Ngư Giả. Quê làng Xuân Lan, huyện Lang Tài, trấn Kinh Bắc. Năm 1786 đỗ Hương tiến (Cử nhân) lúc mới 17 tuổi, làm tri phủ Quốc Oai, sau về triều làm Thanh chánh triều Lê ở nội các.

Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi, ông được vời ra tham chánh với chức Thị trung học sĩ, Hữu Tham tri bộ Hình, đi sứ nhà Thanh năm 1809. Năm này ông cùng Nguyễn Văn Thành, Trần Hựu hợp soạn bộ *luật Gia Long*. Năm 1816 ông bị liên can trong vụ án Nguyễn Văn Thuyền (con trai Nguyễn Văn Thành) ông bị liên lụy (vì Thuyền là học trò ông) mà lại có ý bênh vực Thuyền nên bị đày vào Quảng Nam đến 12 năm sau (1828) mới được ân xá, ông về quê trong một thời gian ngắn thì qua đời, hưởng thọ 59 tuổi.

- Các tác phẩm của ông:
 - *Lan Trì kiến văn học* (Ngô Hoàng và Nguyễn Tử Kinh để tựa)
 - *Cung oán thi tập*
 - *Súc Yên thi tập*
 - *Hoàng Việt luật lệ* (hợp soạn cùng Nguyễn Văn Thành, Trần Hựu).
- (Theo *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sdd).

3. *Trần Hựu*: Về nhân vật này chúng tôi chưa khảo được tiểu sử. Chỉ thấy trong *Đại Nam liệt truyện* ghi: “Thành cử thuộc hạ là Trần Hựu làm Đông Các học sĩ. Năm thứ 10 (1811), sửa luật lệ, Thành sung làm Tổng tài, Thành cùng triều thần xét lọc, chước định, lấy bỏ đem bản thảo tiến làm và ngục cụ lớn nhỏ liệu nặng nhẹ đặt làm định thức...”. “Năm 12 (1813) Thành cùng Vũ Trình xét định luật lệ cộng 398 điều, sách luật làm xong tiến trình, vua thân tự lại sửa, liền sau khắc in ban hành” (*Đại Nam liệt truyện*, Q.21).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

phạm vi toàn quốc ⁽¹⁾ mãi đến năm 1949 mới bãi bỏ hẳn ⁽²⁾.

Năm 1813 là năm in xong và cũng là năm «ban hành» như trên trang đầu bộ luật ghi «*Gia Long nhị thập niên ban hành*» (Ban hành năm Gia Long thứ 12 - Tây lịch 1813).⁽³⁾

1. Gần đây tháng (10/1994) trên báo *Pháp luật* (8/1994) có đăng bài «*Nhận xét của một giáo sư Pháp về bộ luật Gia Long*» do Nguyễn Phan Quang lược dịch và giới thiệu. Trong một luận án tiến sĩ Quốc gia (doctorat d'état) Pháp, giáo sư Philippe Langlet cho rằng bộ luật Gia Long ban hành vào tháng 8 năm 1815 và đến năm 1818 mới thật sự được áp dụng. Chúng tôi (NQT) theo *Đại Nam liệt truyện* quyển 21. Cũng về việc này *Sđđ* viết: «*Năm Gia Long thứ 12 (1813) Thành cùng lữ Vũ Trình xét định luật lệ cộng 398 điều, sách luật làm xong tiến trình, vua thân tự sửa định, lại sai làm bài tựa liền sau khắc in ban hành*» (*Sđđ* quyển 21).
2. Thật ra trong Nghị định ngày 30-3-1931 thì *Bộ Dân luật* được áp dụng ở Bắc Kỳ như Nghị định trên đã ghi: «*Những đạo Dân luật hiện hành ở Bắc Kỳ mà tương phản với luật này thì bãi bỏ hết, nhất là các điều khoản trong luật Gia Long sẽ bãi bỏ*».
- Còn ở Trung Kỳ thì dùng bộ *Dân luật* ban hành năm 1939 thay cho bộ *luật Gia Long*. Như vậy cả ở Bắc Trung Nam Kỳ vẫn áp dụng luật Gia Long để xét xử các vấn đề về Hộ luật (thừa kế, chế độ tài sản của vợ chồng, gia đình...) mãi đến năm 1949 mới chấm dứt hẳn (Theo GS Vũ Văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam thông khảo*, Sài Gòn, 1972).
3. Về năm ban hành bộ luật, có người cho rằng bộ Luật này ban hành năm 1818, vì theo họ, năm 1813 nhắc in trên trang đầu bộ luật chỉ là «*Dự kiến*». Theo chúng tôi (NQT) vị ấy bảo là «*Dự kiến*» thì sẽ phải hiểu phải chăng hỏi các năm 1813-1818, vua *Gia Long* và *Quốc sử quán triều Nguyễn* có nhân mệnh riêng hoặc điện thoại di động (phonlink) riêng» cho vị này là «việc ban hành ấy chỉ là *dự kiến*, vì «*chưa in ấn đầy đủ*». Cần chú ý, chúng tôi viết năm ban hành bộ luật là theo năm in nên trang đầu bộ luật và *Quốc sử quán triều Nguyễn*, *Hoàng Việt giáp tí niên biểu* là năm 1813. Thế thôi!

II. ĐẶC ĐIỂM CỦA HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ

Mấy trang sau không có tham vọng *khảo luận thâm cứu* về bộ luật này (xin tham khảo toàn văn trong *Hoàng Việt luật lệ*) mà chỉ sơ bộ tìm hiểu để giới thiệu sơ lược đôi nét về nó thôi.

Ở trên chúng tôi vừa viết *Hoàng Việt luật lệ* là một bộ luật hoàn chỉnh và đầy đủ nhất (vào thời điểm đó) của thư tịch luật pháp Việt Nam. Do đó từ lâu nay, tác phẩm này đã được các học giả, nhà luật học, giáo sư luật nghiên cứu và giới thiệu trong các công trình thâm cứu.

1- Người Việt Nam đầu tiên nghiên cứu *Hoàng Việt luật lệ* là luật sư Phan Văn Trường (1875-1933). Trong một luận án tiến sĩ luật trình tại Đại học đường Paris vào những năm 20 của thế kỉ XX rồi. Qua luận án tác giả đã phân tích, so sánh các điểm tương đồng và dị biệt giữa *Hoàng Việt luật lệ* và cổ luật Trung Quốc. Luận án gồm 2 đề tài có tên là *Essais sur le code Gia Long* (86 trang) và một luận án phụ có tên *Le droit pénal à travers l'ancienne l'Egislation Chinoise* (Etude comparée sur le code Gia Long) (phần sau gồm 194 trang) đã được Hội đồng giám khảo công nhận là Tiến sĩ luật khoa đầu tiên của một người Việt Nam tại Pháp. Luận án này, sau đó do nhà Librairie moderne de droit et de jurisprudence Ernest Sagot et Cie-Paris xuất bản thành hai quyển sách riêng biệt với các nhan đề vừa dẫn vào năm 1922 tại Paris.

Trong luận án trên, luật sư Phan Văn Trường đã nghiên cứu bộ luật này khá tường tận; đồng thời tác giả cũng so sánh, đối chiếu, phân tích giữa bộ *luật Gia Long* và cổ luật Trung Hoa nhất là luật

nhà Thanh nhằm rút ra những điểm giống nhau và khác nhau của các bộ luật Trung Hoa và Việt Nam. Đây là một công trình bề thế và tầm cỡ về việc nghiên cứu có tính khoa học hiện đại tại phương Tây (Pháp).

2- Người thứ hai nghiên cứu bộ luật này là giáo sư Thạc sĩ Tư pháp Vũ Văn Mẫu⁽¹⁾. Trong một số công trình nghiên cứu dùng làm bài giảng đã in thành sách xuất bản trước đây ở Sài Gòn; nhất là trong sách *Cổ luật Việt Nam thông khảo* (352 trang khổ 14,5x20,5cm, Sài Gòn, 1971) khi khảo về cổ luật Việt Nam tác giả đã đề cập nhiều về luật Gia Long và có nhiều nhận xét chuyên môn về luật học hiện đại. Tuy nhiên, nhiều trang tác giả đã tỏ ra thiếu công bằng và nhất trí khi đem cái nhìn hiện đại ra phán xét việc làm của những người sống cách chúng ta hàng trăm năm; nhất là Giáo sư đã khẳng định: *«Hoàng Việt luật lệ đã mô phỏng hoàn toàn luật nhà Thanh từ hình thức đến nội dung»* (Sđd từ trang 172 - 181). Nhận định trên của Giáo sư Vũ Văn Mẫu chắc chắn sẽ

-
1. *Vũ Văn Mẫu*. Giáo sư luật học, Tiến sĩ luật, Thạc sĩ Tư pháp, người Việt Nam thứ nhất đậu Thạc sĩ Tư pháp tại Pháp.

Trước năm 1954 ông là giáo sư Đại học luật Hà Nội. Sau hiệp định Genève (1954) ông tiếp tục dạy tại Đại học luật khoa Sài Gòn. Từng tham gia chính quyền Sài Gòn và giữ các chức vụ: *Khoa trưởng Đại học Luật khoa Sài Gòn*, *Bộ trưởng Ngoại giao* (1955-1963) *Đại sứ Việt Nam tại vương quốc Anh*, *Thượng nghị sĩ Quốc hội Sài Gòn*, trước khi là *Thủ tướng* của chính phủ Dương Văn Minh (1911-2001) ngày 30-4-1975. Ông còn là luật sư tại Tòa thượng thẩm Sài Gòn.

Sau năm 1975 ông sống tại Pháp.

phải có nhiều cuộc trao đổi, mới có thể có một nhận định chung.

⁽¹⁾ Chính vì cách nhìn vấn đề như vậy mà lâu nay nhiều nhà làm luật và phê bình luật thường đồng ý một cách dễ dàng qua việc đánh giá toàn thể bộ luật này. Thậm chí các nhà nghiên cứu trước đây và cả hiện nay đã sẵn sàng trích các ý kiến trên của Giáo sư Mẫu để bảo vệ quan điểm mình. Ở miền Nam thì các luật sư, giáo sư luật (phần đông là môn đệ của GS Mẫu) đều “nhất trí” với ý kiến trên. Cách đánh giá như vậy hiện nay vẫn thấy qua các giáo trình đang giảng dạy tại Khoa Luật thuộc Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh⁽²⁾ với các bài giảng của Tiến sĩ Vũ Tam Tư, và một số giáo sư khác. Các luận cứ và nhận định trên đã trở thành nhận định chung về *Hoàng Việt luật lệ* (mấy dòng này không nhằm phê phán cách đánh giá của các giáo sư và các nhà nghiên cứu, phê bình luật, giáo sư sử học - Tham khảo bài *Giới thiệu và Lời nói đầu* trong sách *Quốc triều hình luật* (Nhà xuất bản Pháp lý, Hà Nội, 1991, *Cổ luật Việt Nam*, Vũ Văn Mẫu, Sài Gòn - 1966, 1971 đã dẫn) là [bộ luật này] *không có tính chất Việt Nam*, hay nói rõ hơn đây là một sự *sao chép nguyên xi luật nhà Thanh* (Trung Quốc).

-
1. Trong khi đó GS Mẫu đã không ngớt lời ca tụng *luật Hồng Đức*, tuy rằng *Lê triều hình luật* vẫn còn một số điều luật hà khắc, như lăng trì, yêu thư yêu ngôn, hối lộ... (xem sau)

Gần đây, các ông Nguyễn Hữu Chân Phan, Huỳnh Công Bá trên *Nghiên cứu Huế* năm 2000, 2001, 2002 có một số chuyên luận về luật pháp triều Nguyễn và *luật Gia Long* nói riêng. Các bài trên có nhiều ý kiến đáng suy nghĩ.

2. Nay đã sáp nhập vào Trường Đại học Luật TP.HCM.

3- Nhóm thứ ba là hai người đầu tiên giới thiệu *Hoàng Việt luật lệ* là các học giả, nhà luật học người Pháp đến Việt Nam hồi giữa thế kỉ XIX. Người thứ nhất là ông Aubaret một học giả người Pháp đến Việt Nam từ khi Pháp lập chế độ thực dân ở Nam Kỳ. Người thứ hai là ông P.L.F.Philastre một viên chức và cũng là một học giả rất am tường Hán, Việt học, dịch Hoàng Việt luật lệ ra tiếng Pháp nhằm giới thiệu nó đến với thức giả phương Tây, nhất là các viên chức hành chánh và các học giả người Pháp.

Ngoài việc chú dịch, ông Philastre còn nghiên cứu bằng cách phân tích, so sánh, tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt giữa *Hoàng Việt luật lệ* với các bộ luật của Trung Quốc nhất là đối với bộ luật nhà Thanh. Philastre đã nêu lên được những điểm có tính cách Việt Nam của bộ *Luật Gia Long* này⁽¹⁾ chứ không phải các tác giả Việt Nam “*hoàn toàn sao chép từ luật nhà Thanh*” của một số tác giả khác (trích lại từ ý kiến của GS Vũ Văn Mẫu trong sách thượng dẫn.)⁽²⁾

-
1. Sách có nhan đề *Le Code Annamite* in khổ 17x27cm chia ra làm 2 tập (hơn 1.500 trang) bản in lần thứ nhất năm 1875, Paris, NXB Ernest Le Roux, Paris, 1909 (bản in lần thứ 2) - (Xem Phụ lục: *Bài Tựa* tiếng Pháp của Philastre).
 2. Ngoài ra, gần đây chúng tôi được một người bạn cho biết có được đọc một bản trích dịch ra tiếng Pháp do Aubaret dịch, sách in năm 1887 tại Paris. Hiện chúng tôi không có bản dịch này. Theo giáo sư Langlet thì sách này (của Aubaret) in năm 1865 tại Paris (Bài báo đã dẫn). Theo ông Philastre, bản dịch của ông hoàn tất năm 1875 và xuất bản cùng năm, bản chúng tôi sử dụng in lần thứ 2 năm 1909 tại Paris.

Khi đề cập đến nội dung *Hoàng Việt luật lệ*, ông Philastre đã phân tích, tổng hợp, so sánh, cuối cùng ông rút ra những nhận xét cá nhân và cho rằng bộ luật *Gia Long* là một bộ luật «có tầm mức của nền văn minh hiện đại».

Trong *Lời nói đầu* cho bản dịch ra tiếng Pháp bộ *Hoàng Việt luật lệ*, P.Philastre nhấn mạnh:

«Vua Gia Long, người sáng lập triều đại hiện nay, khi ban bố bộ luật hiện thời để thay thế bộ luật cũ soạn theo bộ luật nhà Minh⁽¹⁾, đã mở ra một con đường mới khiến cho sự ảnh hưởng giữa hai dân tộc An Nam và Tàu ngày càng thêm chặt chẽ.

Mặc dầu có một vài sai lầm sẽ được nêu lên [ở sau] bộ luật An Nam gồm các sắc luật(?) có lời bàn và các chỉ dụ kèm theo, rõ ràng là một bộ luật mô phỏng theo bộ luật Thanh triều. Chỉ có khác là đã bỏ bớt ở đôi chỗ này và sửa đổi ở đôi chỗ nọ.

Khoản sửa đổi quan trọng hơn hết là khoản lược bỏ một số điều luật của bộ luật nhà Thanh⁽²⁾.

Chính vua Gia Long đã đích thân viết lời tựa và trong lời tựa đã nhấn mạnh vào tính cách Việt Nam của bộ luật. Lời tựa vạch ra rằng:

“Ta nhờ oai linh liệt thánh, trấn áp hỗn loạn, đem lại thanh bình, chỉnh đốn trật tự cõi bờ theo luật pháp, lấy giáo hóa làm việc hàng đầu; tuy vậy cũng vẫn quan tâm đặc biệt đến việc xử phạt.

1. Tác giả muốn nói đến bộ *Luật Hồng Đức* đời Lê.

2. Chúng tôi (NQT) nhấn mạnh cho in đậm.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Giờ xem hình luật của các triều đại trước của nước Việt ta, mỗi triều đại thành lập từ Lí, Trần, Lê đều có pháp chế riêng cho mỗi triều đại, mà đầy đủ hơn cả là bộ luật Hồng Đức [đời Lê].

Cả triều đình phương Bắc, các vua dựng lên những là Hán, Đường, Tống, Minh... Mỗi triều đại các sách về luật lệ đều có sửa đổi mà đầy đủ nhất là luật triều đại nhà Thanh. Thế cho nên, ta ra lệnh cho triều thần lấy luật lệ của các triều đại nước ta làm căn bản, tham chiếu luật Hồng Đức và luật Thanh triều; rút lấy, thêm bớt, cân nhắc, biên tập thành bộ loại tiện dụng. Dịch thân Trẫm tu chỉnh lại sau cùng, rồi ban hành [ra] để mọi người biết mà tránh bớt lỗi lầm, khiến bộ luật chiếu rọi như ánh sáng mặt trời, mặt trăng không còn chỗ nào bị che khuất nữa. Những điều nghiêm trị trong bộ luật sáng như tia chớp, vang động như sấm sét không thể sai phạm được. Các quan viên giữ chức vụ [về luật lệ] phải vâng chiếu theo luật này, coi nó như khuôn mẫu đầy ánh sáng về luật pháp. Từ đó, kẻ ngoan cố dễ tránh được những hành vi sai phạm để họ tự cải hóa mà xa rời sự trừng phạt hầu tránh khỏi pháp luật xử lí. Theo vậy kẻ sai trái có thể đi vào con đường tự giáo hóa, tự tránh được sai phạm để quan chức hữu ti khỏi can thiệp vào. Được như thế thì mọi việc sẽ an thịnh mà không cần đến luật pháp xử trị. Việc đó há chẳng phải là chỗ dựa tốt sao?

Thế nên Trẫm ra lệnh chép những lời này làm tựa”.

Ngày 12 tháng 6 năm Gia Long thứ 11 ⁽¹⁾.

-
1. Gia Long, Lời tựa, Hoàng Việt luật lệ, NXB Văn hóa, 1994, NQT, NVT chủ dịch và giới thiệu (tập 1).

Tổng tài Nguyễn Văn Thành⁽¹⁾ trong *Sớ Tấu* dâng lên vua Gia Long năm 1812 cũng nói rõ:

«Nay thừa mạng trời, đức Thánh thượng đã đổi loạn thành trị, vỗ an bốn biển, chấn chỉnh kỉ cương, nhổ sạch gốc rễ gian tà, đặt lại qui tắc khoan hồng và thường phạt. Khi xem đến bộ luật triều Thanh, đức Thánh thượng nhận thấy đó là bộ luật gồm đủ các sắc luật của các triều đại trước, nên ban sắc chỉ dạy các quan đem ra bàn bạc, xem xét cùng hạ thần ngó hầu chọn lấy những gì khả dĩ soạn thành bộ luật riêng để dùng trong nước.

Hạ thần ngó trông, biết được đức nhân từ của Thánh thượng muốn giáo hóa kẻ ác cả trong khi trừng phạt chúng.

Sách đã dạy: «Trừng phạt để về sau không còn phải trừng phạt nữa, đặt ra tội hình để về sau không còn phải dùng đến tội hình nữa». Điều đó há chẳng phải là điều mà đức Thánh thượng hằng mong muốn hay sao?

Thừa vâng Thánh chỉ, hạ thần đã chặt lọc, sửa đổi, gom lại thành một bộ luật hai mươi hai quyển. Nhưng vốn tự biết bất tài, thành thử chưa rõ đức Thánh thượng có đẹp dạ về công việc này chăng?

Hạ thần cung kính quỳ lạy, mong chờ đức Thánh thượng ban lời phủ chính.

-
1. Nguyễn Văn Thành, *sớ Tấu*. Dịch từ bản tiếng Pháp trong *Le Code Annamite* của Philastre (*Sđd*), bản in lần thứ 1, 1909, Paris. Trong *Hoàng Việt luật lệ* bản chữ Hán khắc in ở Việt Nam thì *Sớ Tấu* này bị đục bỏ sau khi Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu bị buộc tội (*Đại Nam liệt truyện*). Nhưng trong bản in khác đời Tự Đức cho in lại bài *tấu* này, (xem Phụ lục).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Chính vì những đặc trưng và bản chất của bộ luật *Gia Long*, nên khi khảo về nó, học giả P.Philastre đã nhận xét một cách khách quan:

Thoạt đầu, lúc bắt tay vào công việc này, tôi đã dự định sẵn một chương trình rộng lớn. Nhưng sau khi xét lại, tôi thấy một công trình tổng hợp rút ngắn bộ luật An Nam có lẽ sẽ có lợi hơn. Chủ ý của tôi vẫn là chuẩn bị một chương trình tu sửa bộ luật lần lần để nâng nó lên tầm mức của nền văn minh hiện đại, để làm cho nó trở thành thích hợp hơn với những nhu cầu của dân chúng Nam Kỳ. Việc làm của tôi, dầu giá trị của nó là thế nào chăng nữa, ít nhất cũng được cái là tôi đã thực hiện nó với đầu óc hoàn toàn không bị che lấp bởi bất cứ thiên kiến nào, trong mục đích mưu tìm sự thật. Như vậy, tôi mong ở mọi người sự thể tình và sự rộng lượng ⁽¹⁾.

Nếu đọc kĩ *Hoàng Việt luật lệ* và tham khảo từ các sách luật khác, chúng ta mới thấy được phần đóng góp và sáng tạo của các tác giả bộ luật này, và cũng từ đó thấy được tinh thần nhân đạo của nó. Tính nhân bản và thực chất của bộ luật đã được vận dụng vào công quyền Việt Nam khởi đi từ năm 1813 cho đến những năm gần đây⁽²⁾. Điều dễ thấy nhất trong bộ luật là các cực hình trong luật nhà Thanh như: *Yêm, Tru di tam tộc*, nhất là hình phạt *Lăng trì*

1. Dịch từ bản tiếng Pháp (Sđd trang 6), chúng tôi (NQT) cho in đậm.

2. Đúng là năm 1949.

đã một phần được loại bỏ.⁽¹⁾ Trong chương *Giải thích thêm về tội xử tử* (quyển 1) có nói rõ về hình phạt lăng trì như sau:

Nguyên văn viết:

“Lăng trì giả cực hình ngoại chi cực hình dã. Bất độc kim ngũ hình trung sở vị lệ tức thượng cổ ngũ hình trung diệc sở vị kiến kì pháp.

Nãi thử thốn nhi chương chi tất chí thể vô dư hữu nhiên hậu nam tắc vi chí phẩu kì thể, nữ tắc kế kì u phẩu kì phục xuất kì tạng phù dĩ tất kì mệnh, nhưng vi chi phần tiết giải thư kì cốt nhi hậu dĩ. Mặc phóng kì sở tự thi. Tích Thương vương thọ khoa dụng phụ phẩu hiển nhơn diêm Bá Ấp Khảo đãi phi kì đoan dư nhi Chiến Quốc thời xa liệt giả phụ thực-khải lăng trì chi ý. Hán thời đương tru tam tộc giả giai tiên trảm tá hữu chi phẩu kì thể si sát chi kiêu kì thủ thư kì cốt nhục vị chi ngũ hình cụ phạt luật chi sở vị lăng trì giả. Hoặc bốn ư Hán chế nhi nhiên dư.

Kim nhục hình vĩnh phế, tộc hình viễn cách chỉ lưu thử cực hình ngoại chi cực hình dĩ lục phù bất trung bất hiệu giả”.

Nghĩa:

Chết lăng trì là một hình phạt ghê khiếp nhất trong các hình phạt ghê khiếp. Không chỉ trong năm hình phạt ngày nay người ta không kể đến nó, mà cả trong năm hình phạt thượng cổ cũng chưa thấy kể đến.

Quy tắc của việc xử tội này là khoét thịt trên thân thể một tác, róc

1. Thậm chí các cực hình *tru di tam tộc*, *Yêm đa* hoàn toàn bị loại bỏ; riêng *lăng trì* đôi chỗ vẫn còn nhập nhằng.

cho đến khi hết thịt hoàn toàn, liền sau đó, đối với nam giới thì cắt bộ phận sinh dục, đối với nữ giới thì lấy vải che, cắt ổ bụng, moi tạng phủ cho đến chết rồi cắt tay chân, cắt những khớp xương, đập bể xương sống. Người ta không biết hình phạt này bắt nguồn từ đâu. Ngày xưa nhà Thương mổ bụng phụ nữ có thai và người hiền sĩ khi cho rằng họ có tội, ngâm muối da thịt của Bá Ấp Khảo. Phải chăng đó là khởi nguyên của hình phạt lăng trì này? Mặt khác trong thời Chiến Quốc một tội nhân đã bị xé xác bởi xe kéo⁽¹⁾. Phải chăng đó cũng là khởi đầu của hình phạt lăng trì? Tiếp đời Hán từng tru di tam tộc, trước hết là khắc dấu vào mặt, thêu mũi, cắt ngón chân tả hữu, cắt bộ phận sinh dục, đánh bằng roi cho đến chết, lấy dầu bôi lên, xương thịt ngâm trong nước muối. Đó gọi là năm hình phạt đầy đủ, luật gọi là **lăng trì**! Phải chăng gốc nó là từ đời Hán.

Ngày nay vĩnh viễn bỏ nhục hình ấy, vĩnh viễn bỏ, tộc hình⁽²⁾ cũng đối chỉ còn giữ lại hình phạt ghê khiếp ngoài hết thấy mọi ghê khiếp này là bằng cách chém⁽³⁾. Kể bất trung bất hiếu thôi” (H.V.L.L, quyển I (người viết nhấn mạnh, in đậm).

1. Theo sử Trung Quốc thì hình phạt này Tần Thủy Hoàng dành cho cha đẻ mình là La Bất Vi.
2. **Tộc hình**: giết ba họ, gồm: họ cha, họ mẹ và họ vợ. Ta quen gọi là “tru di tam tộc”.
3. Nguyên văn là *Dĩ lục*; nếu dịch sát là *chém bêu đầu*. Câu văn và từ đã rõ như vậy mà vẫn có người cho rằng chữ *lục* là *lăng trì*. Đúng ra chữ *lục* có nghĩa là *giết chết, trách nhục, chém, chém bêu đầu*. Có lẽ hiểu từ *lục* là *giết chết* (chém) nên ông Philastre dịch là *pour exterminer* (giết, loại trừ, trừ khử...) chứ đâu ông có dịch là *lăng trì* mà *lăng trì* ông (P) dịch là *mort lente* (chết chậm chạp).

Khi dịch về hình phạt *Lăng tri* trong *Hoàng Việt luật lệ* qua bản văn tiếng Pháp, ông Philastre (tr 61, 62 trong sách *Le Code Annamite, Paris - 1909*) dịch như sau:

Nguyên văn

Mort Lente⁽¹⁾

La mort lente est la peine terrible au delà des peines terribles; ce n'est pas seulement dans la liste des peines modernes qu'on ne la voit pas figurer, on ne la voit pas non plus énumérée dans les peines des temps anciens.

La règle de cette peine consiste à arracher les chairs du corps par menus morceaux, jusqu'à ce qu'il soit complètement décharné; aussitôt après, aux hommes, on coupe les parties sexuelles; pour les femmes, on recouvre ces parties d'une étoffe, on leur ouvre le ventre et on en retire les intestins jusqu'à ce que la vie soit éteinte. Après cela on enlève les membres, on coupe les articulations et on brise les os. On ignore l'origine de cette peine. Autrefois le roi de la dynastie des Thuong ⁽²⁾ fit ouvrir ventre de femmes enceintes et de sages, il fit aussi saler la chair de Ba ap Khao; ne serait-ce pas là l'origine de la peine de la mort lente?

1. Note le l'article 223 dans le *code chinois*: "Le nom de cette peine est lang tri; *lang* veut dire subtil; *tri* veut dire lent.

2. *Tru*, ou en chinois *cheou*; dernier roi de cette dynastie mis à mort par Vô Vương, 1154 av.J-C.

D'un autre côté, du temps des "guerres des royaumes" ⁽¹⁾ le "faux père" ⁽²⁾ fut trainé par des chars écartelé, ce qui certainement pourrait aussi passer pour la première idée du supplice de la mort lente. Enfin, du temps de la dynastie des Hân, les coupables des crimes qui entraînaient la destruction des "trois familles" ⁽³⁾ étaient d'abord marqués, puis on leur coupait le nez, les doigts des pieds, les parties sexuelles et on les frappait de rotin jusqu'à la mort; ensuite leur tête était exposée et les os et les chairs plongés dans la saumure: c'est qu'on appelait les cinq peines réunies. Ce que la loi appelle la mort lente a peut-être son origine dans cette règle du temps des Hân?

A présent, les peines qui consistaient en mutilations sont complètement supprimées; les peines d'extermination des familles abolies, et il ne reste plus que cette peine terrible au delà des plus terribles pour exterminer les coupables d'attentats à la fidélité due au souverain et à la piété filiale.

Dịch:

-
1. Guerre civile, fin de la dynastie des Châu, vers 256 av.j-C.
 2. Fait de l'histoire de la Chine. C'était un marchand qui maria une de ses femmes, déjà enceinte de ses oeuvres depuis deux mois, au fils d'un roi. Cette femme devint mère et son fils devint roi; le marchand, parvenu alors au comble de la puissance, revendiqua sa paternité et fut mis à mort.
 3. Pour certains crimes on exterminait les trois familles du coupables, c'est-à-dire la famille de son père, celle de sa mère et celle de son épouse.

Lăng trì ⁽¹⁾

Lăng trì là một hình phạt ghê gớm nhất, hơn tất cả các hình phạt ghê gớm, trong các bằng hình phạt ngày nay không thấy ghi mà trong các bằng hình phạt, đời xưa cũng không thấy có.

Qui tắc lăng trì là xẻo thịt lấy từng miếng nhỏ cho đến lúc hết thịt; sau đó, đối với đàn ông thì cắt bộ phận sinh dục, đối với đàn bà thì lấy vải che chỗ đó (bộ phận sinh dục) lại rồi mổ bụng rút ruột cho đến chết. Sau đó, người ta chặt tay chân, cắt các khớp xương và đập gãy xương. Người ta không biết gốc của hình phạt này. Thuở xưa, vua đời nhà Thương⁽²⁾ cho mổ bụng phụ nữ có thai và các người hiền, ông ta cho muối thịt Bá Ấp Khảo. Vậy có phải là nguồn gốc của hình phạt lăng trì?

Mặt khác vào thời Chiến Quốc ⁽³⁾, người «cha già» ⁽⁴⁾ đã bị buộc sau xe kéo đi rồi bị xẻ xác. Việc này có lẽ là cái ý đầu tiên đã làm nảy sinh hình phạt lăng trì. Sau rớt vào đời Hán, những tội phạm bị tru

-
1. Ghi chú của điều 223 trong luật Trung Quốc. "Tên gọi của hình phạt này là Lăng trì; lăng có nghĩa là té nhô, trì có nghĩa là chậm (cắt thịt chậm chậm cho đến chết).
 2. Trụ: âm Tàu đọc là *cheou*, vua cuối cùng của triều đại này bị Vô Vương giết chết, 1154 tr.Thiên chúa.
 3. Nội chiến cuối đời nhà Chu, vào khoảng 256 tr.Thiên chúa.
 4. Sự kiện trong sử TQ. Đó là một lái buôn, đã gả một trong các bà vợ của mình đã có thai hai tháng cho con một ông vua. Người đàn bà này sanh con và đưa con sau lên ngôi. Người lái buôn lên đến tột đỉnh quyền quý, nhìn ông vua là con mình và bị giết chết - tức Tần Thủy Hoàng và La Bất Vi (người đọc Việt Nam hiểu là La Bất Vi. (NQT chú).

đi tam tộc ⁽¹⁾ thì trước hết bị đánh dấu, rồi cắt mũi, cắt ngón chân, cắt bộ phận sinh dục và bị đánh bằng roi mây cho đến chết. Sau đó đầu của họ bị đem bêu, xương và thịt bị ngâm vào nước muối; cái đó người ta gọi là năm tội nhập chung. Cái mà luật gọi là lăng trì có lẽ bắt nguồn từ qui tắc này của đời Hán?

Ngày nay, những hình phạt cắt xẻo thân thể (mutilations) như thế hoàn toàn bị bỏ, những hình phạt giết các gia đình (có liên hệ họ hàng - NQT chú) cũng bị bỏ, và chỉ còn lại cái hình phạt ghê gớm nhứt trong các hình phạt ghê gớm để loại trừ (pour exterminer) những kẻ phạm đến sự trung thành đối với vua và đối với đạo làm con”.

Theo đó thì hình phạt lăng trì trong luật Gia Long đã được loại bỏ.

Hoặc trong mục *Giải thích biểu đồ năm hình phạt* cũng viết: «*Năm hình phạt xưa là khắc dấu vào mặt, cắt mũi, cưa chân, thiến, lăng trì. Năm hình phạt ngày nay là xuy (roi), trượng (gậy), đồ (khổ sai), lưu (đày), tử (chết) (...) Cần cẩn thận ghi nhớ điều này*”. (Q.1).

Trong mục *Giải thích về hai bậc tội chết* cũng ghi rõ:

- *Treo cổ: tử chi thân thể còn nguyên vẹn.*

- *Chém: đầu hoàn toàn vắng khỏi mình.*

Đây là hình phạt cùng cực nhứt”.

Trong khi đó luật *Hồng Đức*, tội tử hình chia ra làm ba bậc.

1. *Tru di tam tộc*: giết ba họ. Trong lịch sử Việt Nam, Nguyễn Trãi là một trong người bị án này vì vụ án Nguyễn Thị Lộ ở Vườn ươm Hưng Yên.

Điều 1 ghi rõ *«Tù hình có ba bậc: Thất cổ, chém, chém bêu đầu, lăng trì»*.

«Tù tội thất cổ - giao - chém đến lăng trì, chia làm ba bậc. Một bậc là thất cổ, chém. Một bậc là chém bêu đầu. Một bậc là lăng trì»⁽¹⁾

Quyển 5 HVLL (Lại luật) nói về việc *«Sự ung tấu bất tấu»* điều lệ 1 viết rõ: *«Phạm quan châu, huyện không báo rõ cho thượng ti biết về tình hình thường dân bị bệnh tật khổ sở, khiến dân không biết kêu ca vào đầu (thì [quan lại sở tại ấy] bị cách chức vĩnh viễn (không dùng lại). Nếu đã báo lên mà thượng ti không tiếp chuẩn để đạt thì [thượng ti] bị cách chức»*

Quyển 2 phần Danh lệ điều 17 Người phạm tội còn phải ở nhà nuôi dưỡng cha mẹ (Phạm tội tồn lưu dưỡng thân) ghi rõ:

«Phạm người phạm tội không được ân xá theo bình thường mà ông bà nội, cha mẹ già trên 70 tuổi hay tàn tật (bại liệt nặng) cần được săn sóc mà trong gia đình y (tội nhân) không còn ai trưởng thành (từ 16 tuổi trở lên) nghĩa là không khác gì con trai duy nhất thì pháp quan phải điều tra kỹ lưỡng, kê khai rõ tội danh của phạm nhân ấy (cũng như nguyên do) để căn cứ vào tâu lên vua, chờ vua quyết định. Nếu phạm đồ, lưu thì xử 100 trượng, tội còn thừa thì cho phép nhận giá chuộc, cho ở nhà nuôi dưỡng cha mẹ (quân nhân phạm tội cũng vậy)».

1. *Lê triều hình luật* (Luật Hồng Đức) Nguyễn Q. Thắng khảo dịch, chú thích, NXB Văn Hóa - TT, 1968. Nguyên bản chữ Hán.

Tiếp theo điều lệ 1 cũng nói rõ thêm:

«Phàm cả anh em trai đều phạm tội và đều bị kết án tội chính, thì một trong 2 người được ở lại nuôi cha mẹ. Theo lệ phải tâu lên vua, chờ vua định đoạt».

Về tiền chuộc, tiền nợ, điều 23, quyển 3 (mục Giải thích) viết:

«Nếu các loại trâu ngựa, chiếu luật, lúc phạm tiền công thuê là bao nhiêu và bao nhiêu ngày phải kết toán rõ ràng. Tháng như ngày tháng dài lâu, tiền nợ tích lũy nhiều, vượt hơn giá trị đồ vật gốc thì phải lấy giá gốc làm chuẩn, không được đòi hơn, đưa đến tình trạng con hơn mẹ».

Quyển 15 (Hình luật) điều 11 ghi rõ:

«Quan lại dùng uy thế (chức vụ) vô cớ bắt trói người và tra khảo họ nơi tư gia (Không kể có thương tích hay không thương tích) thì tăng hơn người thường hai bậc tội, nếu nạn nhân chết thì [kẻ ấy] bị xử treo cổ».

Quyển 19 (Hình luật) điều 10 viết về việc Không được tra tấn người già, trẻ em; luật ghi rõ:

«Phạm người Bát nghị (được ưu tiên vì lễ) và trên 80 tuổi (xót thương người già), 15 tuổi trở xuống (vì lòng yêu mến trẻ) nếu tàn phế (thương kẻ tàn phế) như có phạm tội thì quan ti không được dùng hình phạt tra khảo, chỉ căn cứ vào các bằng cứ mà định tội. Pháp quan trái lệnh thì bị xử theo điều sai sót, thêm tội cho người (có ý thì xử đủ tội, sai sót mà thêm thì giảm ba bậc). Còn người được che chở theo luật (vì nể chỗ tình thân), và 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở

xuống đều không được bắt họ làm chứng. Người xù trái luật này thì bị phạt 50 roi.

III. NỘI DUNG HÌNH LUẬT CỦA HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ

Quyển 20 (Hình luật) điều 12 viết về mục đàn bà phạm tội, ghi rõ về cách thụ lí và xử án rất phân minh mà cũng khá nhân đạo đối với nữ phạm nhân; luật viết:

«Phạm đàn bà phạm tội, trừ tội gian dâm và tội chết mới bị giam cầm cố, còn những tội khác thì trách phạt rồi giao cho chồng y quản cố. Người không có chồng thì trách phạt và cũng giao cho thân thuộc có chế độ tang phục, lân lí bảo quản. Tùy nha môn cho phép, chớ không được đồng loạt giam cầm. Ai trái, bị phạt 40 roi.

- Phụ nữ mang thai phạm tội nếu bị tra khảo thì y sự bảo quản nói trên, chờ sau khi sinh nở một trăm ngày mới tra xét. Nếu chưa sinh nở mà tra xét làm cho sẩy thai thì quan lại giảm tội thường nhân đánh lộn ba bậc. Làm cho họ chết thì phạt 200 trượng, đồ 3 năm. Hạn sinh chưa mãn mà tra xét đưa đến chết thì giảm một bậc tội.

- Nếu phụ nữ đang mang thai phạm tử tội thì cho phép mẹ bà vào nơi giam cầm chăm sóc; cũng cho phép sau khi sinh nở 100 ngày mới hành hình. Chưa sinh mà hành hình thì kẻ thi hành án bị phạt 80 trượng. Sinh nở hạn chưa mãn mà hành hình, bị phạt 70 trượng, quá hạn mà không hành hình thì phạt 60 trượng.

- Pháp quan lầm lẫn khi xử thì phạt giảm ba bậc. Đàn bà mang thai không nên tra khảo và tra khảo làm sẩy thai thì bị phạt 70 trượng, làm chết phạt 70 trượng, đồ 1,5 năm. Hạn sinh nở chưa hết

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

mà bị tra khảo đến chết, phạt 60 trượng, đồ một năm. Phạm tử tội án xử không nên phạt mà phạt, chưa sanh mà đem hành quyết thì phạt 50 roi. Chưa mãn hạn mà hành quyết thì phạt 40 roi, quá hạn mà không hành quyết, phạt 30 roi”.

Hình luật (luật hình) của *Luật Gia Long* (Hoàng Việt luật lệ) thuộc quyển 12 có tất cả 176 điều tổng hợp và nhiều *Lệ*.

Riêng phần *Mưu nghịch* có 28 điều, gồm:

ĐẠO TẶC THUỘC

01- *Mưu phản đại nghịch (Mưu phản nghịch lớn)*

02- *Mưu phản (Mưu gây rối loạn)*

03- *Tạo yêu thư yêu ngôn (Tạo lời nói yêu tà sách)*

04- *Đạo đại tặc thần ngự vật (Ăn cắp đồ vua dùng trong đại tế thần)*

05- *Đạo chế thư (Ăn cắp chiếu chỉ của vua)*

06- *Đạo ấn tín (Ăn cắp ấn tín của vua)*

07- *Đạo nội phủ tài vật (Trộm tài vật trong nội phủ)*

08- *Đạo thành môn thuộc (Trộm chìa khóa cổng thành)*

09- *Đạo quân khí (Trộm quân khí)*

10- *Đạo viên lăng thụ mộc (Trộm cây trong vườn lăng)*

11- *Giám thủ tặc đạo thương khố tiền lương (Giám thủ trộm trong thương khố)*

12- *Thường nhân đạo thương khố tiền lương (thường dân trộm thương khố)*

13- *Cưỡng đạo (Trộm táo bạo)*

ĐẠO TẮC TRUNG

01- Kiếp tù (Cuớp tù nhân)

02- Bạch trú sang đoạt (Cuớp đoạt giữa ban ngày)

03- Thiết đạo (Trộm cắp vật)

04- Đạo mã ngư súc sản (Trộm súc vật)

05- Đạo điền dã cốc mạch (Trộm thóc lúa ngoài đồng)

TẮC ĐẠO THƯỢNG

1- **Mưu phản đại nghịch** (Mưu phản nghịch lớn; tức điều 223 Tổng mục

- Phàm kẻ mưu phản không làm lợi cho đất nước, mưu hại xã tắc và đại nghịch không có lợi đối với vua, mưu phá hủy tôn miếu, sơn lăng và cung khuyết.

- Chỉ nhúng tay vào âm mưu mà không chăm cầm đầu hay tông phạm dã, hay chưa làm đều bị xử tử chém ngay (bêu đầu).

- Ông nội, cha con, cháu anh em và người cùng ở một nhà, như trong tộc, không để tang thân thuộc, bà ngoại, cha vợ, rể, không chia khác nhau theo họ, chánh phạm hay mới quen.

- Chú bác, con của anh em không hạn dã hay chưa ở riêng, quê quán khác nhau. Nam từ 16 trở lên, không kể là bệnh nặng, tàn phế, đều đem chém hết.

- Con trai từ 15 trở xuống và mẹ của chánh phạm, con gái, thê thiếp, chị em, bao nhiêu thê thiếp ấy đem phát cho làm nô lệ trong các nhà bực đại công thần. Của cải của chánh phạm, cho vào kho

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

quan. Nếu con gái, chị em hứa gã mà chưa định ngày, chồng tương lai là con cháu nuôi của chánh phạm và con trai chánh phạm đã đi hỏi vợ mà chưa cưới, đều không buộc tội. (Tội bực cao nhất chỉ buộc vào con của anh, em người chánh phạm, không buộc vào đám cháu khác, luật vẫn không chép không được chém bừa bãi).

- Ai biết tình hình mà cố dung túng, che giấu thì bị xử chém. Ai có khả năng bắt được chánh phạm thì dân giao về dân, lính giao về lính tùy theo công cho lên chức. Sẽ đem tài sản phạm nhân làm phần thưởng trao cho người bắt được. Người nào biết, đi tố cáo cho quan bắt [nó] thì chỉ cấp tài sản, dù tình cờ biết tung tích, nhưng không đi tố cáo thì phạt 100 trượng, lưu đầy xa 300 dặm (chưa thực hiện âm mưu nhưng đã bị thân thuộc tố cáo nơi quan và bắt chánh phạm dẫn đến quan). Chánh phạm cùng bè đảng tự thú tội, chánh phạm được miễn tội đã làm. Những tội miễn khác không được miễn cho người chánh phạm vì nếu không thân thuộc tố cáo và bắt y thì dù chưa hành động vẫn là xử theo luật. ⁽¹⁾

-
1. *Phán chú trên: Tập chú:* kẻ cùng mưu và chánh phạm đều bị tru di tam tộc (giết ba họ) đến ông nội, con cháu đều bị tội cả, không phải đồng mưu mà là đồng cư (ở chung nhà). Lời chú bên dưới có nói: không để tang thân thuộc nhưng có để tang bốn tộc, có thể biết. Nói bà ngoại, cha vợ, cha chồng của con gái đương nhiên là khác họ, khác tộc. Chỉ người thân ở cùng nhà tức không luận đến có để tang hay không, họ có giống, Phác. Nếu không ở chung thì chỉ là bạn quen biết bên ngoài thì đại để là không buộc tội. Nô bộc, người làm công như không biết sự việc thì cũng không liên can, vì không nói khác họ, chỉ nói thân thuộc.

[Giải thích]: - Xa tắc là nền móng của nước. Tôn miếu, sơn lăng, quan khuyết đều là sở hữu của vua. Bầy tôi dưới âm mưu không tuân theo lối ấy đi ngược lại cả nước và chống lại vua, không dám chỉ ra nên lời chú nói âm mưu làm nguy xa tắc, lập mưu phá hủy tôn miếu và phá chiếm cung khuyết. Cái ác cùng cực, tội lớn nhất, cho nên mới kể vào hàng giặc số một, cùng với đại phản nghịch. Tuy có chút cách nhau, nhưng bẻ tôi mà không có lòng, chỉ bấy nhiêu đó thôi, không cần chia ra kẻ cố ý cầm đầu, đưa cùng mưu là tông phạm mà cả thầy đều là chánh phạm, cho nên xử tử bằng hình phạt chém bêu đầu. Tội nghịch thiên, đại

- *Tập chú chỉ nói:* Chú bác, không nói tổ của chú bác, chỉ nói con của anh em, không nói đến cháu, thì chúng cũng không tội.

- *Tập chú nói:* liên can tội làm nô tì, nói mẹ mà không nói đến bà ngoại, nói đến chị, em mà không nói đến cô, nói vợ lớn bé của con mà không nói đến vợ của cháu anh em chú bác cùng ông nội, thì những người ấy đều không bị tội. Cho nên chú nói: có dư mà luật vẫn không chép, có lời rằng không được giết liên chuyên.

- *Tập chú nói:* là nữ quen gọi ở nhà nhưng chị em cũng gồm trong đó. Cho nên bắt tôi liên can đối với chị em gái là khi ở nhà chưa gả. Nếu đã hứa gả thì cũng không bị tội. Tập chú nói 6 chữ: *con cháu con nuôi cho người* cần hiểu rộng con cháu luôn cả nam nữ, nhưng không nói đến cùng hoặc khác họ. Phạm hạng người làm nô tì hay xuất gia làm tăng ni thì đều kê vào hạng con nuôi cả, cũng không bị tội, anh em con của anh em chú bác, và chị em, cũng là con nuôi, không bị tội.

- *Tập chú nói:* cố dung túng là chỉ quan phủ có bộ phận gồm thân nhân viên, vốn có trách nhiệm, biết mà không tố cáo lên, cho nên gọi là *cố tình dung túng*. Che giấu là chỉ cho thân thuộc và những người có lòng nhân sau đây, tuy là không phải cùng mưu, nhưng có tâm sợ hãi cho nên che giấu nó. Biết mà không đi tố cáo là chỉ chung cho người thường (Nguyên chú).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

pháp không dung tha nổi. Kẻ chánh phạm bị chém bêu đầu thì không cần thêm gì nữa. Nó làm liên lụy đến người thân kẻ thích. Người chi thân của chánh phạm là ông nội, cha con, cháu, anh em. Người ở chung nhà với chánh phạm thì không chia ra giòng hay khác họ. Người thân mà chánh phạm để tang là chú bác, con của anh em, không chia ở cùng làng hay khác làng. Phạm là con trai từ 16 tuổi trở lên có sự hiểu biết, không kể đến đứa bình nặng hay tàn phế đều đem chém cả, dù không cùng mưu mà thật ra là đồng đảng phản nghịch đều là kẻ điển hình cả.

- Nói về TỘC, như thế đó, nhưng con trai từ 15 tuổi trở xuống và mẹ của chánh phạm, con gái, thê thiếp, chị em thê thiếp của con trai ấu nhi, phụ nữ nhỏ chúng đều không có sự hiểu biết cho nên được tha chết, nhưng bị đi làm nô tì trong các nhà công thần.

- Gia sản của chánh phạm tịch thu hết cho vào kho quan. Nếu con gái đã hứa gả, đã nhận sính lễ của đảng trai, mà chưa qua ngõ hay con hoặc cháu từ nhỏ làm con nuôi của người khác, sau là chỗ hứa hôn cho con gái người khác, chưa qua ngõ, thành vợ. Những hạng ấy cũng không bắt tội, không ở trong hạng bị chém [hết ráo] hay trong hạng nô tì.

- Nếu có ai biết âm mưu phản nghịch của bọn kia không đi tố giác ngay để bắt chúng, mà cố dung túng cho chúng chạy trốn hoặc che giấu chúng trong nhà. Như vậy là cùng ác đảng với chúng, cũng đều bị tội. Người nào có sức khỏe tóm bắt được chúng, trời dẫn nộp cho quan, dân thì giao về cho quan dân, lính thì giao về cho chức lính. Rồi tính theo thế mạnh yếu, công ít hay

nhiều được tăng chức quan nhất định chứ không nói quan nào khác.

- Đem hết gia tài sự sản của phạm nhân cấp làm phần trao thưởng. Không có khả năng bắt sống chúng, nhưng khi biết, liền đi tố giác cho quan để bắt thì được thưởng nhưng không được nhận chức quan. Nếu biết mà không đầu thú, dù vô cớ che giấu [chúng] cũng bị phạt 100 trượng, đầy xa 3.000 dặm.

- Theo điều này luật pháp rất nghiêm khắc, nhưng cũng hết sức khoan hồng. Nguyên bản ý muốn làm chỗ mong chờ của người ta, nhưng biết sợ, giao thân nhau giới hạn lo sợ cho nên quá ác, mới manh nha, hối ngộ chưa phát động ra được. Bọn phản nghịch thì dựa vào quần chúng kết đảng tụ đồ, việc chúng làm bí mật nhưng dấu tích khó che, người thân thuộc ở chung há lẽ nào lại không biết? Bộ luật có điều kể về tội liên can, ai tự thú, pháp luật giấu kín tên họ để thúc đẩy chuyện trước khi làm được đem ra đầu thú. Như thế được khỏi tội, nhưng ai che giấu, không báo lên thì coi như là đồng đảng tội ác với chúng, nếu đem chém đi thì có gì phải thương xót? Thế nên, kẻ 70 tuổi trở lên đang mang bệnh nặng, tử tội không thêm nhưng đều bị chém, người lão bệnh vẫn có khả năng trấn trở phát lộ, chỉ dứa 15 tuổi trở xuống thì còn ấu trĩ không biết gì nên được khỏi chết. Cùng ở một nhà, dù khác họ, dù con nuôi nhưng đã hứa gả thì không buộc tội. Đó là hết sức nghiêm khắc, nhưng cũng hết sức khoan nhân.

Điều lệ:

1) Phạm kẻ phản nghịch xét trong bản án về sự liên can lưu

đầy với phạm nhân thì vợ con cùng bị lưu đầy theo bản thân y; cho nên có vợ, có con thì cùng bị lưu đầy, không có con thì miễn lưu đầy.

2) Những kẻ thực phạm và kẻ sách động quần chúng giết quan, phá ngục, xướng lên tà giáo truyền cho tín đồ, mê hoặc quần chúng dây dưa đó đây trong bản án nổi về thân thuộc nhưng vẫn chiếu theo luật mà bắt tội liên can. Ngoài hạng đó ra, còn có hạng vốn là dân ngu bị loại sách sai lầm làm cho cong vẹo hăng máu hoặc kẻ âm mưu lừa bịp tiền của người ta, nổi lên lập tà giáo, chưa truyền cho tín đồ, làm mê hoặc quần chúng và sắp đặt tà thuyết chưa thối bùng mê hoặc vào lòng người. Bọn gian manh ôm mối tư thù, mưu phản nghịch sâu tình, lo sợ giấu tên đi dán giấy nói điều láo khoét. Hạng này so với phản nghịch và mưu phản, bản án vẫn là chánh phạm, chiếu theo luật xử trị gia thuộc của họ, nhưng đồng loạt miễn tội liên can..

(Phản chú thích bên trên: Chánh phạm và bọn phạm đồng mưu bị xử tử hoặc thân đã chết nhưng chặt đầu bêu lên để cảnh cáo).

2- Mưu phản (Âm mưu làm phản loạn); tức điều 224 Tổng mục

- *Phàm kẻ mưu phản gài mưu trong nước, nghe lệnh nước ngoài. Chỉ là cùng mưu thì cũng không chia cầm đầu hay tông phạm thì đem chém cả. Con trai, con gái, thế thiếp [của chúng] đem phản phối làm nô tì trong các nhà bực công thần. Tài sản hoàn toàn nhập kho quan. Không buộc tội chị em. Con gái hứa gả đã định, con cháu là con nuôi cho người khác đã hỏi vợ mà chưa cưới, cũng đều không*

buộc tội. Ông bà, cha mẹ, cháu anh em ở khác làng cũng đều bị lưu đầy 2000 dặm, an trí.

- Ai biết mà cố tình chứa chấp, che giấu thì bị tội giảo. Ai năng nổ tố cáo bắt được thì được thưởng toàn bộ tài sản của phạm nhân. Ai làm mà không đầu thú, phạt 100 trượng, lưu đầy đi 3000 dặm. Nếu mưu nhưng chưa thực hiện kẻ đầu nã bị tội giảo, đứa a tông không kể nhiều ít đều bị đánh 100 trượng, lưu đầy 3.000 dặm. Biết chưa làm mà không đi đầu thú, phạt 100 trượng, tội đồ 3 năm (chưa làm là việc còn giấu kín cho nên không nói có dung túng ẩn tàng) ⁽¹⁾

- Nếu trốn vào núi, đầm không chịu ra thú theo lời gọi của quan, trốn vì sợ đi phu, hoặc phạm tội, cố thủ trong núi, chừ chẳng phải tạm thời. Lấy việc mưu phản mà chưa làm để nói thì y theo sự chia trên là cầm đầu và a tông mà xử.

- Ai chống cự lại cuộc bố bắt của linh quan thì lấy mưu phản đã hành động mà luận y theo trăn, không chia ra cầm đầu hay a tông. Luật lấy hai điều, lúc việc chưa hành động thì thuộc về bí mật, cần phải xét kĩ mới buộc tội.

[Giải thích:] - Nghĩa quân thần không thể trốn nơi nào trong khoảng trời đất này mà làm phản được. Ở trong nước mà lên theo

1. *Chú thích bên trên:* Điều này trong tập chú cùng với điều phản nghịch nói trên, tham khảo nhau. *Tập chú nói:* vợ lớn nhỏ của con đó là nói con, chưa nói đến thê thiếp của con. Chị em không bị tội là chị em đang ở nhà, nếu hứa gả đã định rồi, chồng cô ta tuy phản nghịch nhưng cô ta vẫn không bị tội (Nguyên chú).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

nước ngoài, người như thế thì bỏ nghĩa quên vua. Tội quá là nặng lắm. Từ đó, đưa đến việc làm phản nghịch, cho nên chánh phạm, tòng phạm và thân thuộc của họ. Người biết tình mà cố dung túng, che giấu không tố cáo là tội kẻ, chỉ cùng mưu với chánh phạm đã thực hành thì không chia cầm đầu hay a tòng đều chém hết ráo. Tài sản cho vào kho quan, thê thiếp, con trai, con gái dinh lưu, đều làm nô tì.

- Nếu con gái đã hứa gả, con nuôi hỏi, chưa cưới đều không bắt tội, cũng không bắt tội mẹ, chị em, thê thiếp của con. Cha mẹ, ông cháu anh em không kể là cùng hay khác làng, đều bị lưu đầy 2000 dặm, an trí. Cho đến em trai, em gái con của hàng phụ huynh và cùng ở chung thân thuộc một nhà đều không bắt tội. Nếu biết rõ mà cố chấp chứa, che giấu thì bị tội giảo, không chém. Ai báo quan bắt được thì được thưởng, nhưng không trao chức quan.

- Việc phản nghịch quan hệ đến tang chứng, còn tội mưu phản thì ở một thân, cho nên tội của chánh phạm nhẹ thì tội của người liên can nhẹ. Phép liên lụy khác thì phép khen ngợi cũng khác. Duy kẻ biết không tố cáo thì cũng phạt 100 trượng, lưu đầy 3.000 dặm, cùng giống điều nói trước, nhưng đều chỉ việc đã thực hành mà nói. Nếu có mưu mà *chưa thực hiện* được so với *đã thực hiện* lại cần có yếu tố thời gian. Nếu quả thật có bằng chứng quá rõ về mưu kia lộ bày ra thì người cầm đầu bị treo cổ, hết thấy đồng mưu là tòng phạm. Không kể là bao nhiêu mạng, đều bị phạt mỗi đứa 100 trượng, lưu đầy 3.000 dặm. Người nhà không dính tội, tài sản không bị tịch thu. Loạn tuy chưa làm mà mưu có bằng cứ; nếu biết

không tố cáo, bị phạt 100 trượng, tội đồ 3 năm, không nói cố ý chấp chứa, che giấu. Mưu chưa thực hiện thì sự còn giấu kín thì làm sao có việc chấp chứa che giấu cho nên lược không nói vậy.

- Nếu vì trốn tránh sưu dịch mà quân dân trốn vào núi, đầm, lập chỗ ở kiên cố, không chịu trở về theo lời kêu gọi của quan, tình tuy không phải lên theo nước ngoài, nhưng sự trốn tránh ấy cũng không phải làm tạm thời. So ra, không chịu trở về, cũng chưa dám ở chắc, cho nên lấy mưu, gây loạn nhưng chưa thực hiện mà luận đến thì đưa cầm đầu bị treo cổ, a tòng đều là tội lưu. Còn nếu dám nào cả gan chống cự cuộc hành binh tóm bắt của quan quân. Như vậy không khác với mưu gây loạn đã thực hiện thì không chia ra cầm đầu hay a tòng, nếu chém hết ráo, số người trong nhà dính tội, tài sản cho vào nhà quan.

Điều lệ:

1) Bản án kẻ gây loạn có liên quan đến tội lưu đầy như bản thân kẻ phạm tội, cho nên vợ con y khỏi bị đầy.

2) Phạm người khác họ, chỉ dính vào việc uống máu ăn thề, đốt tờ biểu kết làm anh em, thì chiếu luật mưu phản mà chưa thực hiện, kẻ cầm đầu buộc tội giảo, giam chờ, kẻ a tòng thì bớt một bậc.

- Nếu tụ tập chúng nhân từ 20 người trở lên, thì kẻ cầm đầu bị tội giảo lập tức; kẻ tòng thì phát đi biên giới xa; kẻ không có uống máu ăn thề, đốt biểu mà chỉ kết làm anh em theo tuổi tụ tập chúng nhân từ 40 người trở lên. Tội này kẻ cầm đầu bị tội treo cổ, giam chờ, còn kẻ a tòng thì giảm một bậc tội.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Nếu lãnh tụ là thiếu niên, không theo lệ tuổi tác mà y thuộc về đầu sở cừ khôi đảng cướp thì treo cổ ngay, kẻ a tòng, phát đi biên giới.

- Còn kết bè đảng cướp theo tuổi tác, 40 người trở xuống, 20 người trở lên. Người cầm đầu bị phạt 100 trượng, lưu đầy 3.000 dặm, và 20 người thì bị phạt 100 trượng, đóng gông hiệu một tháng là tòng, nên giảm một bậc tội.

- Nếu lãnh tụ là thiếu niên, không theo lệ tuổi tác mà y thuộc về đầu sở cừ khôi đảng cướp thì treo cổ ngay, kẻ a tòng, phát đi biên giới.

3) Phàm đám bất mãn uống máu ăn thề, chuyển qua kết thân với bọn thổ hào, bọn côn đồ chợ búa, lính các nha dịch, xương đây đáp, làm hại lương dân. Làng xóm bảo vệ nhau, tố cáo quan địa phương biết, chỉ lo che chống bên ngoài. Đến lúc giặc nổi như ong, trộm cướp hoành hành, cướp phá thì các quan văn võ địa phương ấy bị cách chức, trị tội theo lối nặng. Lúc bình thường, mất việc coi xét, sau người ta bảo, tự né trốn thì khả năng bắt giặc của quan địa phương ấy, miễn bàn. Đến khi những người bảo vệ xóm làng báo cáo lên cũng không làm. Trường hợp này nên xử theo tội nặng, như người bên cạnh biết chắc báo lên mà quan địa phương lường chước cấp thưởng, có khi mượn chuyện ấy để nói hồ thêm, thì vẫn buộc tội theo luật vu cáo.

3. **Tạo yêu thư yêu ngôn** (Làm ra sách quái đản, nói lời yêu mị); tức điều 225 Tổng mục.

- Phạm ai bày đặt sấm vĩ (tức lời tiên tri) sách nói chuyện quái dân, lời mập mờ quái lạ tuyên truyền làm mê hoặc dân chúng. Tội này đều bị chém hết (giam chờ), người bị lừa bịp không bị tội. Nếu chưa truyền sâu vào dân chúng thì bị lưu đầy 3.000 dặm, chia thời gian chịu tội cho hợp tình lí.

- Nếu truyện do người khác đặt ra đó là tư hữu yêu thư mà giấu cất không đưa cho quan thì phạt 100 trượng, tội đồ 3 năm.

[Giải thích]: - Sấm vĩ như loại Xích phục phù đồ lục. Hết thầy nhưng bịa đặt tuồng chữ lạ lùng, nói chuyện lạ đã qua, đoán điềm, nói chuyện hung phế vị lai, giả chế qui thần nói lời yêu ma, lời nói chứa đầy gian tà, viết soạn yêu thư (sách nói nhảm) thành những lời yêu quái. Đó đều là nói láo về thịnh suy thế đạo, vận may hên của đất nước, nhằm thổi bùng lên sự lừa bịp vào lòng người với ý đồ chống đối nhà nước. Cho nên, kẻ đặt bẫy và truyền tụng đều bị chém. Giả như có đặt bày mà không truyền rộng ra, thì chuyện quái gỡ chưa truyền rộng, nọc độc chưa sâu. Cho nên tội truyền tụng và đặt bày giống nhau.

- Nếu không phải do mình đặt ra, nhưng tình cờ có sách loại ấy, thì phải đem trình cho quan. Nếu không trình quan mà giấu cất ở nhà, tuy không dùng đến. Thế là ý gì? Cho nên phạt 100 trượng, tội đồ 3 năm, pháp luật nghiêm khắc để cắt đứt ngòi về sau.

- Xét điều này trong luật về Đạo tặc kể rằng kẻ gian manh, kẻ bất mãn, vì chúng mà lập ra lệ luật, chép những việc cấm là điều nói về bọn thầy pháp, đồng bóng tà thuật. Đó là những tà đạo gây rối, chúng thổi bùng ngọn lửa mê hoặc trong lòng dân chúng. Nếu

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

quan mà làm thì giao (treo cổ), nếu kẻ a tòng thì phạt lưu. Hai việc ấy giống nhau mà thật sự thì lại khác nhau, vì đám đặt bày yêu thư, yêu ngôn kia là bọn phá hoại. Chủ ý của chúng là lừa bịp, tóm lấy của cải của dân ngu. Như vậy từ đầu chúng lập chi ăn trộm, cho nên lệ luật nói về chúng, còn đám đồng bóng theo luật ăn trộm nói về chúng, yếu tố đầu khác nhau, tội cũng khác nhau. Nhưng chiếu theo điều nói về sách cấm thì tư gia mà cất chứa thiên tượng, khí vật, đồ sấm. Đó là sách cấm và hình vẽ hoàng đế các đời *Xí ngọc phù tử*, ai chứa phạt 100 trượng. Trong 6 khi vật cấm thì sách cấm là đứng trên hết. Các tư gia không được cất giấu [nó]. Nó là [sách cấm] không phải yêu thư, cho nên tội nhẹ; chủ yếu là Đồ sấm, nhưng ở đây coi là sấm, tội treo cổ. Nhưng nó là lưu truyền từ triều đại trước vốn có sách ấy. Nhân đó, bọn gian mới đặt bày ra nói láo mượn lời chú giải để mê hoặc dân chúng nên tính chất cũng khác loại kia.

Điều lệ:

1) Phàm ai rêu rao lời tà bậy, viết trên những trướng, thiếp xanh thối dây mê hoặc trong lòng người. Kẻ cầm đầu chém ngay, kẻ tòng thì chém (giam chờ).

4. Đạo đại từ phản ngự vật (Ăn trộm vật thần ngự trong đền thờ xã tắc), tức điều 226 Tổng mục.

(Tập chú bảo đàn giao, đàn xã, tông miếu là đại từ, ngoài nó ra là trung, tiểu từ cả).

- *Phàm ăn trộm đồ vật cúng tế của vua trong đại từ, thần kì (trời*

là Thần, đất gọi là Kì) như trướng, màn các vật, ăn trộm những loại như đồ đựng dọn cỗ dâng cúng, ngọc lụa, súc vật nuôi để mổ thịt cúng thần... thì bị tội chặt cổ, không chia cầm đầu hay tòng phạm. Người thường ở đó coi ngó mà lấy cắp đồ tế ở nội điện và các nơi thờ khác như phẩm vật, đồ tế mà vua chưa dâng lên điện thần, hoặc những đồ cúng làm chưa xong. Nếu những đồ vật đã dâng cúng rồi và những vật khác của quan, tuy đồ dùng của Đại từ, chẳng phải vật nên tiến cúng, đều bị 100 trượng, đồ ba năm. Nếu kể tang vật nặng đối với tội gốc, 100 trượng đồ ba năm, còn thêm một bức tội về ăn trộm. Kẻ trộm là người thường dân coi ngó ở đó thì mỗi món tăng thêm một bức về tội về giám thủ thường nhân gian trộm. Cho đến khi ăn trộm nhiều món khác thì treo cổ, chặt đầu, không đóng chữ vào mặt. ⁽¹⁾

[Giải thích]: - Điều về tội ăn trộm này trọng tâm là đồ đựng vật vua dùng để soạn mâm cỗ dâng cúng Đại từ, đó là hai lễ Giao, Xã, Thần, Kì trời đất. Đồ tế có màn, trướng các vật. Đồ vua dùng để cúng thần kì, nguyên ở trong nội điện, ngọc lụa, súc vật làm mâm cỗ để dâng cúng thần kì. Cho đến những món tế khác mà lấy cắp là đại bất kính; cho nên không luận giám thủ thường nhân, không chia thủ, tòng, đồng là tội trộm thì chặt cổ.

- Nếu vật vua chưa dâng cúng trong điện, vật chưa thiết mãn trình bày ra để tế và những món vua dùng để tế mà làm chưa

1. *Tập chú nói*: Gia thêm một bức là tang vật chia khinh trọng, người có giám thường khác nhau, mỗi loại người theo đó mà tăng tội (Nguyễn chú).

xong. Hay những vật thiết mần tế rồi đem xuống, và những vật nhà quan khác như đĩa, nôi, bình, tuy dùng cho Đại tế mà vua không dùng thiết mần đi nữa, mà lấy cấp trước thân như vậy, là cố ý gian tham, đều phạt 100 trượng, đồ 3 năm, không kể tang vật nhiều hay ít. Nghĩa là vật trong đại từ và vật tầm thường trong kho quan không giống nhau. Nếu kê tang vật bị lấy cấp, chiếu giám thu thường nhân phân ra buộc tội. Tội nặng là trượng, đồ; người giám thủ còn thêm một bức tội về tội giám thủ ăn trộm, còn thường nhân thì thêm bức tội [thường nhân] ăn trộm, đóng vào mặt 3 chữ **TRỘM ĐỒ QUAN**.

- Tang vật ăn trộm của giám thủ mà đến 17 lượng, 5 tiền, tang vật ăn trộm của thường nhân mà đến 40 lượng thì bị phạt 100 trượng, đồ 3 năm. Nếu giám thủ mà ăn trộm đến 20 lượng, thường nhân ăn trộm đến 45 lượng thì phạt 200 trượng, lưu đầy 2.000 dặm là xử nặng theo luật gốc. Thêm một bức tội nữa là 100 trượng, lưu đầy 2.500 dặm. Còn những việc khác thì phỏng theo đây mà suy ra.

5. Đạo chế thư (Ăn trộm sách của vua), tức điều 227 Tổng mục.

(Trong tập chú ghi tội treo cổ mà bên dưới có nói giam chờ, trước ghi chém mà dưới đó nếu không ghi giam chờ thì người ta chặt cổ ngay không đợi. Tập chú nói vắn, sách cũng là vật quan, nên đóng vào mặt 3 chữ trộm đồ quan).

- Ai lấy cấp sách của vua thì bị chặt đầu không chia thủ, tông (nếu không phải đồ ngự bảo mà nguyên chỉ là sách sao lưu hành thì luận tội là theo hệ vắn sách quan).

- *Ăn trộm văn, sách của quan ở các nha môn thì phạt 100 trượng thích chữ (xâm chữ vào mặt), nếu có sự gian trá thay đổi, hoặc cắt xén tiền lương hoặc nhận tiền mưu cầu, đều xử theo tội nặng. Riêng việc liên can đến quân cơ về lương tiền thì bị treo cổ, giam chờ, không chia thủ, tòng.*

[Giải thích]: - *Chế thư* (sách vua) là những mệnh lệnh ban xuống cho toàn dân, nó xuất phát từ nội phủ, rất hệ trọng. Thế nên ai lấy cắp thì bị chặt đầu. Nếu ăn trộm văn kiện tầm thường ở các nha môn nội ngoại quan dân, như thư văn quan trình trên mà lại trình dưới, thì đều bị phạt 100 trượng, xâm chữ vào mặt. Nếu cố ý lấy trộm rồi gian dối sửa đổi thì mỗi thứ luận tội theo chỗ nặng. Tội trộm nặng là từ việc gian dối sửa đổi, xoáy vào tội gian dối ấy, nhưng rốt cùng luật pháp là xâm vào mặt chữ ăn trộm.

- Còn vật trộm là văn thư có liên can đến quân cơ tiền lương, như thân báo quân vụ, chuẩn bị đủ quân nhu... ấy là sự cụ trọng đại thì đều bị tội treo cổ. Tiền lương là nói chung về quân cơ, là văn thư nói về tiền lương, cụ bị tiếp tế đầy đủ cho cuộc đánh dẹp của quân đội. Nếu chỉ là văn thư tầm thường nói về chính thu giải chi tiền lương, thì cũng luận theo tội ăn cắp văn thư nhà quan. ⁽¹⁾

1. *Phần chú bên trên: Tập chú nói: ăn trộm ấn tín và ăn trộm sách vua là giống nhau về tội danh, cùng đồng mà chia 2 điều thì đầu đến kia chém liền, đây giam chờ. Tập chú nói bốn luật là chuyên chỉ ấn tín, khi nói ấn tín là để phòng kẻ gian xảo, cho nên pháp phải nghiêm. Nếu của cải vốn là đồ ăn cắp mà tình cờ có ấn tín thì phải xét tội riêng.*

6. **Đạo ấn tín** (Ấn cấp ấn tín), tức điều 228 Tổng mục.

- Phàm ấn cấp ấn tín các nha môn đều bị chặt đầu, không chia thủ, tông, giam chờ, lại tạo nguy ấn tín. Hiến thư, điều lệ nói Vua cấp Quan phòng⁽¹⁾ và ấn tín đồng nhau. Ấn cấp Quan phòng, ấn kí đều phạt 100 trượng, xâm chữ vào mặt.

[Giải thích]: - Ấn tín là ấn vương mà văn võ nha môn từ nhất phẩm đến cửu phẩm dùng in vào để truyền tín đi bốn phương, cho nên nói ấn tín. Nó được ban ra từ những cơ yếu quan hệ đến triều đình, cho nên ai lấy cấp đều bị chặt đầu.

- Quan phòng, ấn kí ai lấy cấp thì phạt 100 trượng, xâm chữ vào mặt.

- Xét ra, ngoài Đốc phủ của Hồng lô thông minh ra, thì những ai được vua cấp Quan phòng thì đều có giá trị ngang hàng với ấn tín. Nhưng đây chia riêng ra Quan phòng, Ấn kí mà nói là vì không biết cái quan phòng, ấn kí như thế nào một cách sáng tỏ, hoặc gọi nó là ấn kí khác riêng của quan không được vua cấp quan phòng. Nhưng vấn đề này, gần đây, không nên cho vào luật, hay gọi là điều kí về quan phòng mà tập chức nha môn nội ngoại dùng, nhưng

1. *Quan phòng* là loại ấn tín hình dài. Đầu đời Minh Thái tổ (Trung Quốc), Hộ thân, Bối chính, dùng ấn đóng sẵn trên giấy trắng để dùng nhiều việc. Tệ nạn đó bị phát hiện, bèn dùng lối đóng ấn nửa dấu, chữ phân nửa, khi khám so hai phân hợp nhau mới tin. Từ đó dần dần biến thành ấn *Quan phòng*. Ban đầu nó vốn hình dài nửa ấn, chữ khác một nửa ấn. Về sau việc gì có tính chất đặc biệt đóng dấu nhà quan thì gọi là Quan phòng (Nguyên chú).

chức vụ dù nhỏ cũng có chức chương đồng là vua cấp, không nên chia cách biệt xa như trời với đất như vậy.

7. Đạo nội phủ tài vật (Ăn cắp của cải trong kho nhà nước);
tức điều 229 Tổng mục.

- Phạm ăn cắp của cải trong nội phủ đều bị chặt đầu. Tạt phạm thì chỉ trộm là bị tội, không kể ít nhiều, không kể thủ, tòng. Nếu của cải chưa cho vào kho thì y theo điều về ăn trộm của quan mà luận tội. Cần phải biết rõ chữ nội phủ.

[Giải thích]: - Kho của vua gọi là *Nội phủ*, nó ở trong cấm địa của hoàng thành. Hễ lấy trộm món gì ở đó dù nhiều hay ít, giám thủ hay người thường thủ hay tòng thủ (cùng giữ) đều coi là tạt phạm, tội chém đầu. Chỉ có tên tội chết mà không có chết thực là vì tội này khó miễn mà xóa cách nào cũng không được. Cho nên đổi ra tội đồ 5 năm để tha cho *tội khó tha chết*, mà không đổi tên gọi. Đó là để giới hạn răn dạy.

- Nếu của cải chưa chất vô kho mà lấy cắp thì chỉ luận tội theo điều ăn cắp đồ quan, nhưng phải chia ra giám thủ, thường nhân kẻ tang vật mà bắt tội. Nếu đồ vật chưa chất vô kho, thì mới qua người quan mà ăn trộm thì y theo tội giám thủ ăn cắp mà luận tội.

Điều lệ:

1) Phạm lấy cắp đồ vật trong Nội phủ liên can đến vật dụng vua dùng: xe cộ, áo vua... thì thực phạm tội chết. Ngoài ra giám thủ, thường nhân ăn trộm 2 lạng bạc trong thương khố, tiền lụa...

thì chiếu theo tội ăn trộm tiền lương trong thương khố, chiếu các luật lệ mà xử.

8. **Đạo thành môn thuộc** (Ăn trộm chìa khóa cổng thành); tức điều 230 Tổng mục.

- *Phạm ăn trộm chìa khóa của Kinh thành không kể thủ, tòng đều bị phạt 100 trượng, lưu đầy 3.000 dặm. Tạt phạm ăn cắp chìa khóa của cổng thành ở phủ, châu, huyện, trấn đều bị phạt 100 trượng, đồ 3 năm. Ăn cắp chìa khóa ở thương khố, nội ngoại nha môn đều bị phạt 100 trượng và xăm chữ vào mặt.*

[Giải thích]: - Ăn trộm chìa khóa cửa Hoàng thành, luật không chép thành văn. Luận tội theo tội ăn cắp đồ trong nội phủ. Ăn cắp chìa khóa cửa của giám ngục, so với cửa thương khố ắt nặng hơn. Để đề phòng cẩn thận ra vào, phòng gian đạo, chìa khóa không phải là của cải, nhưng ăn cắp nó là ló mòi ăn cắp rồi. Kinh thành là nơi nghiêm mật hơn phủ, châu, huyện, trấn; nhưng cửa thành phủ, châu, huyện, trấn cũng là nơi quốc gia phòng cấm. Thường dân mắc tội mở đường cho kẻ gian nên tội nặng. Nhất là thương khố, vì tiền lương, đồ quan nằm ở đấy. Ba môn (nơi) ấy khóa cất có lớn nhỏ khác nhau, cho nên định tội chia ra phạm khinh trọng tùy đó mà buộc tội. Ở kinh thành thì bắt tội lưu; phủ, châu, huyện, trấn thì tội đồ. Phạm cửa thương khố phạt không chia thủ, tòng đồng loạt như nhau và xăm 3 chữ *trộm đồ quan* vào mặt”.⁽¹⁾

1. *Chú bên trên*: Tập chú đây nói đến pháp xử trộm, chưa nói đến dùng. Nếu dùng để luận tội thì luận vào chỗ nặng của sự gian trá của họ (Nguyên chú).

9. Đạo quân khí (Ăn trộm quân khí); tức điều 231 Tổng mục.

- Phạm ăn trộm quân khí mà quân nhân lãnh để ở nhà, như áo giáp, thương đao, cung tên đều kể là tang vật, lấy đó mà luận tội trộm.

- Những quân khí cấm lưu hành trong thường dân như ngựa, giáp bằng, thè, ống phóng lửa, súng phun lửa, cờ đuôi nheo, hiệu lệnh mang theo. Ai chiếm làm của riêng thì bị tội, nếu ăn trộm các thứ đó thì đồng tội.

- Nếu hành quân đến nơi, quân nhân tức vệ cùng ăn cắp vũ khí đưa về cho mình thì luận tội theo chuẩn tội ăn trộm dân thường, nếu không đưa vũ khí về mình, nếu có vẫn đưa cho quan dùng, giảm hai bậc tội.

[Giải thích]: - Quân khí là vật của quan, nhưng quân nhân đã lãnh đem về để ở nhà là vật của quân nhân ấy. Lấy cắp nó ở nhà người quân nhân, chứ không phải lấy nó ở tại cơ quan, cho nên tội luận theo ăn trộm đồ thường dân thì kể giá trị của quân khí làm tang vật. Tội nặng là của một chủ, án chiếu vào vào buộc tội thì rốt tội (mức cuối) ⁽¹⁾ của luật là xâm chứ vào mặt. Nếu những quân khí cấm lưu hành thì dân gian không được cất giấu. Theo luật nhà binh, tư gia giấu cất vũ khí cấm, mỗi món phạt 80 trượng, mỗi món lại thêm một bậc tội. Mút tội ⁽²⁾ 100 trượng, lưu đầy đi 3000 dặm. Người chủ nó trước đã phạm tội ấy, nay ăn cắp thì tội đồng; tuy

1. Rốt: mức cuối cùng của hình phạt (NQT)

2. Mút tội: mức tội cao nhất (NQT)

đồng nhưng buộc vào tội tư hữu. Còn tội ăn trộm thì rất cùng theo pháp luật là xâm chữ vào mặt. Cho đến quân nhân đều có quân khí khi hành quân, nhưng hạ trại ban đêm cần canh gác, quân khí không chịu gom cất, nếu quân nhân toán này, toán khác ăn cắp quân khí đưa về cho mình thì xử theo tội ăn trộm thường phạm, khỏi xâm chữ vào mặt, cho đến chết thì giảm bớt, nhưng vẫn đưa quan dùng vũ khí đó. Mỗi tội giảm hai bậc tội về việc gom về cho mình ấy. Xoáy tội vào các vị thừa hành, lính gác đêm hai hạng (quân và dân) mà nói thì đồng là quân ngũ, nhưng khác thường dân, quân túc vệ lại khác người thường, cho nên luật pháp có khoan hồng.

Điều lệ:

1) Bất được kẻ phạm tội trộm quân khí, ngoài việc phạm lưu đây là treo cổ. Ngoài biện lý theo luật thì tội phạm của y là trọng đồ. Chiều tang vật ăn trộm tăng một bậc tội mà trị, nhưng tại nơi phạm thêm đóng gông hiệu nhất một tháng. Ai mua quân khí lúc đó thì giảm một bậc tội phạm gốc, phân xử cho ra lẽ.

10. Đạo viên lãng thụ mộc (Ăn trộm cây trong vườn lãng); tức điều 232 Tổng mục.

- Phạm cây cối trong vườn lãng mà trộm, không chia thủ tòng đều bị phạt 100 trượng, tội đồ 3 năm. Ăn cắp cây cối, đã qui trong vườn mà người khác, kẻ cầm đầu, phạt 80 trượng, a tòng phạt giảm một bậc tội. Nếu tính số tang vật gom về nặng hơn tội gốc là đồ trượng thì mỗi thứ thêm một bậc tội trộm. Tăng thêm một bậc tội đối với giám

thủ, thường nhân ăn cắp, nếu chưa khiêng chở đi thì luận tội là phá hoại.

[Giải thích]: - Lãng của đế vương có vườn nên gọi là vườn lãng, đó là nơi cấm ngặt, cây cối ở đây là vật che bóng mát, quý hơn các vật của quan. Thế nên ăn trộm không kể tang vật bao nhiêu, chánh, tòng ra sao đều bị phạt 100 trượng, đồ 3 năm. Cây cối, đá quý nơi mà người khác so ra cùng là vật quý, cho nên ăn trộm thì không kể tang vật bao nhiêu. Tền cầm đầu thì phạt 80 trượng, a tòng phạt giảm một bậc tội.

- Nếu tổng kết số tang vật như cây cối trong vườn lãng nặng hơn 100 trượng tội đồ 3 năm, hay cây cối đá quý nơi mà người khác nặng hơn 80 trượng, thì không kể tội đồ trượng của luật gốc, mà chia ra giám thủ, thường nhân ăn cắp, ăn trộm mà buộc thêm một bậc tội. Như quan tuần núi mà ăn cắp cây cối trong vườn lãng, số tang vật lên đến 20 lạng thời giá thì luận tội theo Giám thủ ăn trộm, phạt 100 trượng, lưu đầy 2000 dặm. Đó là nặng hơn luật gốc đề ra là 100 trượng, đồ 3 năm. Lại tăng thêm một bậc là phạt 100 trượng, lưu 2500 dặm. Thường nhân ăn trộm thì mô phỏng theo đầy mà xử. Như ăn trộm cây cối, đá quý nơi mà người khác mà tang vật lên đến 30 lạng thời giá thì luận tội theo ăn trộm ăn cắp, phạt 90 trượng. Đó là nặng hơn luật gốc đề ra là 80 trượng, lại tăng thêm một bậc là phạt 100 trượng. Sự tăng thêm đó, là chiếu theo Giám thủ, thường nhân ăn cắp, ăn trộm: chia loại ra rồi bắt thêm tội như thế. Không nói xâm chứ vào mặt.

- Còn phạt tội ăn cắp về lúa thóc, rau quả ngoài đồng và đồ đặc

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

[nơi đó] không ai coi ngó, thì chuẩn trên số tang vật ăn trộm ấy, khỏi xâm chữ vào mặt. Còn đào mà lấy cắp các thứ như gạch, nung, sứ, đá, kể tội là chuẩn theo tang vật, loại ăn trộm thường, khỏi xâm chữ vào mặt.

- Nay ăn trộm cây cối trong vườn lăng, rớt cuộc với sự ăn trộm đồ trong đại từ có khoảng cách với việc ăn trộm cây cối, đá quý nơi mã người khác, cũng đều là ăn trộm đồ các nhà nhưng khác nhau, cho nên đều được miễn xâm chữ vào mặt.

- Còn về tội giám thủ, thường dân ăn trộm ăn cắp, đều luận tội theo tang vật, lời ghi chú gọi là nhập kỉ, đợi khảo thêm⁽¹⁾.

Điều lệ:

1) Xe, ngựa đi ngang qua lăng và quan giữ lăng, dân khi đi vào lăng, phải xuống xe, ngựa cách ngoài 100 bước. Trái lĩnh thì lấy tội đại bất kính mà luận, đánh 100 trượng.

2) Phàm trước mặt, sau lưng sơn lăng đều có hạn cấm, nếu ai chặt trộm trúc bao bọc cây cối bên trong, trúc bao bọc cây, tùng

1. *Chú thích bên trên:* Tập chú nói lấy công khai, lấy cắp đều là trộm. Điều bên trong nói rằng cây đá là vật nặng, sức một người không thể làm nổi, dù dời khỏi chỗ của nó, nhưng chưa khiêng chở đi xa, việc chưa thành là trộm. Còn điều về ăn cắp cây cối, đá quý nơi mã người khác có khiêng chở đi mới luận tội theo ăn trộm. Nếu chặt đốn mà chưa đem đi thì chưa thành trộm, cho nên trong tập chú nói là phá hoại. Nhưng cần chia ra vườn cây để nói. Nếu đốn chặt cây cối trong vườn lăng tuy chưa khiêng chở đi, há chỉ coi là tội phá hoại ư? Hơn nữa, trong luật có điều nói rằng không được hủy phá vườn lăng... (Nguyên chú)

quan trông bên ngoài. Không được lấy đất đá làm chỗ nấu đốt tro bay tàn lửa làm cháy sơn lãng. Nếu chiếu theo điều về ăn trộm chặt cây trồng, thủ phạm bị chém đầu ngay, a tòng đầy ra biên giới gần, sung lính. Quan quân giữ lãng sai phạm thì mỗi người tăng thêm một bức tội, hơn người thường dân khác. Người mất cảnh giác coi ngó thì tội giảm một bức so với thường dân khác.

- Trong ấy như có cây cảnh khô, không đi báo cho quan, rồi tự chặt bán thì kể tang vật và theo luật giám thủ tự ăn trộm mà xử.

3) Phàm cháu con tự chặt bán những cây cối trồng trước mà ông bà, thì kể đó là tang vật. Theo luật về ăn trộm, ăn cắp tăng thêm một bức tội, như có cây cảnh khô không báo cho bốn tộc mà tự ý đồn bán, không xử theo tội nặng, phạt 80 trượng. Người canh mã, nô bộc lấy cắp bán đi tội cũng đồng vậy.

4) Ăn trộm chặt bán cây cối nơi mà người khác với đá quý, đá bìa, sứ ngói thì kể theo tang vật mà luận tội ăn trộm, khỏi xâm chữ vào mặt.

- Kẻ biết tình vậy mà vẫn mua, biết cháu con bán trộm thì được giảm một bức tội so với tội cháu con bán trộm. Còn nếu mua với một người bán trộm khác (không phải cháu con) thì cả hai đồng tội, không biết thì không tội.

11. Giám thủ tự đạo thương khố tiền lương (Người giám thủ tự đánh cắp tiền lương trong thương khố); tức điều 233 Tổng mục.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Phàm giám lâm, chủ thủ mà trộm tiền lương trong thương khố, không chia thủ, tòng. Luận tội theo tang vật, nói về tang vật thì chứa 10 người cùng ăn trộm 40 lạng bạc của quan, tiết 2 kể đây: tùy mỗi người được chia bốn lạng phần mình, thống nhất tính toán rồi, 10 người, mỗi người được 40 lạng, tội đều chêm cả. Nếu 10 người cùng ăn cắp năm lạng thì phạt 100 trượng và chia ba loại phạm tội treo cổ.

- Trên cổ tay mặt xăm chữ trộm đồ [lương, tiền] quan. Mỗi chữ vuông 1 tấc, 5 phân. Mỗi ngày kéo rỗng thêm 1 phân 5 li, trên không quá cùi chỏ, dưới không quá cườm tay còn những điều khác đều chuẩn theo đây.

- 1 lạng trở xuống phạt 80 trượng
- 1 lạng trở lên đến 2 lạng 5 tiền phạt 90 trượng
- 5 lạng phạt 100 trượng
- 7 lạng 5 tiền phạt 60 trượng, đồ 1 năm
- 10 lạng phạt 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi
- 12 lạng 5 tiền, phạt 80 trượng, đồ 2 năm
- 15 lạng phạt 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi
- 17 lạng 5 tiền, phạt 100 trượng, đồ 3 năm
- 20 lạng phạt 100 trượng, lưu đầy 2000 dặm
- 25 lạng, phạt 100 trượng, lưu đầy 2500 dặm
- 30 lạng, phạt 100 trượng, lưu đầy 3000 dặm (ăn trộm vật, lưu đầy 3 năm, đồ 4 năm)

- 40 lạng, chém (trộm vật phạt đồ 5 năm) ⁽¹⁾

[Giải thích]: - Quan giám lâm là chủ chốt việc coi ngó như lính canh. Giám lâm là người chủ chốt việc trông coi chung và xem xét tìm vấn đề, có trách nhiệm quản lý điền thổ, thương khố, tiền lương đều trong tay chấp chương của ông. Hai tiếng chấp chương là bao quát chiếu rộng quản lý vật nhà quan. Phạm lấy trộm được tiền hay không được tiền, nay đem việc ăn trộm của giám thủ mà nói tức là ăn trộm vật của giám thủ là tự được tiền, khi nhân tình phát lộ không phải từ tra xét mà do thú tội. Nếu chưa được tiền thì lấy gì để trộm? Cho nên không nói được tiền hay không được tiền.

- Không chia thủ, tòng, theo tang vật luận tội, chỉ căn cứ theo tang vật mất để định tội phạm. Tang vật thì không chia thứ, số; người thì không chia thủ, tòng mà là đồng loạt bị tội. Như hai người trở lên cùng ăn trộm thì dẫn toàn văn luận tội. Một người chính y ăn trộm thì chỉ giám thủ tự trộm các vật trong thương khố bao nhiêu và ghép tội cỡ nào, cho đến 3 năm lưu đầy, đều chuẩn theo đồ 4 năm. Tội chém thì chuẩn theo đồ 5 năm và xâm 3 chữ vào mặt. Phạm tội ấy thì treo cổ. Nếu các món lấy trộm như tiền, lụa chưa đem khỏi kho, hoặc loại hàng hóa quý như châu ngọc, chưa vào tay, bạc 2 miếng còn gói kĩ, gạo thóc chưa chuyển ra

1. Phần chú trên: Nên xem các điều thương khố thỉnh linh bị mất trộm tiền lương cùng nhau xét xem và mượn lượng tiền riêng là di chuyển, xuất nộp đều trong tay quan. Tập chú nói 1 lạng trở xuống là không đầy 1 lạng, là phần nhỏ, cũng phạt 80 trượng. Một lạng trở lên là ngoài 1 lạng, là số nhiều, phạt 90 trượng, không nói dưới số đó là nói gọn vậy. (Nguyên chú)

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

khỏi kho. Tuy có tang chứng ăn trộm đấy, nhưng tang vật chưa thành của mình, thì khó bắt tội với tang vật. Trường hợp này xử theo tội trộm thì nên luận tội theo điều tự ý mở kho quan.

- Nếu Giáp, Ất hai người cùng làm giám thủ. Giáp ăn trộm mà Ất góp phần, về tang vật thì Giáp y luật gốc, còn Ất thì y theo luật người giám thủ trá lấy vật của giám thủ. Nếu Giáp lấy tiền vật của mình cho Ất để chạy tội. Ất y theo số tiền nhận được mà nói luật. Lấy chức quan tương xứng mà báo đáp cho Giáp.

- Tang vật thì nhiều, cho nên Giáp có thể dẫn lệ này luận nọ còn Ất thì không, vì từ đầu y không phải cùng đi ăn trộm.

- Nếu người giám thủ đã thôi việc hoặc bị cách chức mà ăn trộm lương tiền ngay nơi đó. Khổ thương ở đó mà lại đi ăn trộm lương tiền nơi thương khố khác, tức cùng là thương khố của thương khố mà ăn trộm, không phải vật mà mình có nhiệm vụ thu, quản lí nó.

- Trời tối đi ăn trộm, lúc ấy tân dịch khố thương chưa giao thu cho cấp lãnh đạo thương khố. Ăn trộm lúc ấy đã không có quyền của giám thủ và giám thủ đương nhiệm thì chưa tới, đủ để luận tội theo thường nhân ăn trộm.

- Nếu khố thương dân ăn trộm lấy tiền lương trong thương khố thì khố thương bị tội giám thủ, hoặc bị tội như thường nhân. Xử tội trộm rốt cùng pháp là vậy.

- Tang vật giám thủ ăn cắp lại bị thường nhân đánh cắp, chính là việc lấy trộm mà bao là không biết mới lấy trộm. Tội trộm, biết

mà lấy thì không phải là tội trộm thường nhân. Điều gọi là quan bị mất trộm tiền lương ấy, thật ra việc trộm này xuất phát ngay nơi bàn tay cầm nắm của quan [chứ đâu].

- Trộm có nghĩa là chỉ nghĩ mình được tiền không phải từ nhà quan mà là ở tư gia. Như vậy không thể buộc tội lấy trộm của nhà quan không cần biết hay không biết.

- Giám thủ, thường nhân nhận đồ gởi, biết là đồ trộm mà dùng quá mức. Nay biết là những tang vật ăn trộm ấy bị chia từng phần để buộc tội, rồi đem sự dùng quá lạm ấy mà gắn vào tội trộm thường nhân, còn món sử dụng 1 phần thì buộc vào tang vật chia ra sau khi biết là đồ trộm, việc đó không đúng.

- Thật sự, dùng quá lạm và 1 phần chỉ là một. Nhưng theo tang vật hiện có mà luận tội, há có nên chia riêng ra mà bắt tội?

- Còn như biết là tang vật ăn trộm của giám thủ, thường nhân mà vẫn mua, biết chắc nó là tang vật ăn trộm vẫn cố mua. Luật căn cứ vào đó xử tội trộm thường nhân thì cũng không đúng. Mua là vi phạm và ăn cắp khác nhau, không thể buộc tội giống nhau.

Điều lệ:

1) Phàm lương thực vận tải đường sông, giám thủ ăn cấp 60 thạch (hộc) thóc làm của riêng thì bị phát phối ra biên giới xa. Số của riêng ấy lên đến 600 thạch thì bị xử chém (giam chờ).

2) Phàm ăn trộm, chiếm tiền (biển thủ) lương trong kho thương làm của riêng, từ 1000 lạng trở lên, bị xử chém (giam chờ), gặp trường hợp ân xá có thể được miễn tội. Nhưng nếu số bạc đó

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

trên một vạn lạng thì không được miễn. Quan viên văn võ xâm phạm ăn trộm đều khỏi bị xâm chữ vào mặt.

3) Phạm truy lùng tang vật bị xâm lấn, trộm thì căn cứ vào vợ người phạm và số con chưa chia nhà (ra riêng) bắt họ phải bồi thường. Trường hợp nhà họ quả là không có khả năng đền bồi thì bổ họ một phần vào quân tại quân quản ở ngoài địa phương. Ở đây, quan địa phương nắm đầy đủ cam kết mới thân báo cho Thống quân thượng ty doanh trấn, thuận mới đề nghị khởi kết án.

- Trong trường hợp sau khi kết án mới phát giác người ấy có ruộng vườn đông người thì của cải ấy đưa vào kho quan. Nhân đó thân báo các quan bị cách chức vì thiếu tang chứng, tiền, gạo thóc dựa theo đó mà bồi thường, bổ quan xem xét, chiếu luật xử tội. Võ quan đốc thôi trong ngoài tiếp đó mà chiếu theo lệ văn chức xử tội.

- Phải xét kiểm lại tang vật giấu lén, nếu quả gia sản hoàn toàn không có khả năng đủ để bồi thường thì con cái mới được miễn tội. Không được bắt tội dây dưa tới thân tộc người ta. Nếu rui ro có sự lạm hành dựa vào thân tộc bắt đền bồi, phải truy tội kẻ lạm quyền, cách chức. Còn Quản Thượng ty ấy như có gì ép ngặt thì thân báo, trình bày đủ những cam kết của quan dưới quyền mình, không tìm cho ra kẻ thủ, người tòng thì bị tội.

4) Giám thủ ăn cấp tiền lương trong thương khố, xét ngoài việc không phải chiếm làm của riêng, những điều còn lại thì y theo luật lệ du di mà xử. Nếu số chiếm làm của dưới 100 lạng đến 40 lạng thì vẫn chiếu theo luật mà xử, với tội đồ 5 năm. Còn ai từ 100 lạng trở lên đến 330 lạng thì phạt 100 trượng, lưu đầy 2000 dặm, 660

lạng phạt 100 trượng, lưu đầy 2500 dặm, 1000 lạng phạt 100 trượng, lưu đầy 3000 dặm. 1000 lạng trở lên xử chém (giam chờ). Trong hạn một năm phải gom thu cho đủ; nếu trong hạn ấy mà gom trả đủ thì giảm hai bậc tội. Xử trí cho lưu đồ trở xuống miễn tội. Nếu không trả đủ thì hạn thêm một năm nữa để gom thu tiền cho đủ thì giảm một bậc tội lưu đồ trở xuống, phải xử trí phân minh. Nếu gom tiền vẫn không đủ thì tội lưu đồ trở xuống ấy, trở thành tội phát phối. Người tử tội bị giam cầm, tái hạn 1 năm, căn cứ vào vợ của phạm nhân và các con chưa ra riêng truy bồi trong hạn 3 năm mà không gom đủ tiền thì chừng ấy, phạm nhân kia bị giam cầm vĩnh viễn. Còn ai gom đủ tiền bồi thường thì làm bản văn tâu lên cho vua rõ, chiếu theo 2 năm đã gom đủ thì giảm một bậc tội theo luật. Xét đến cùng biết thân phận kẻ phạm tội chết, thực không có gia sản để có đủ tiền giao trả thì chiếu luật, lấy lời cam kết miễn tang chứng [đủ đủ], giảm miễn tội phạm. Nếu tái phạm với tang vật đầy đủ thì trên nền tội gốc trị tội thêm một bậc.

- Quan văn võ phạm tội ăn trộm đều khỏi xâm chữ vào mặt.

12. Thường nhân đạo thương khố tiền lương (Người thường ăn cấp tiền lương trong kho nhà nước); tức điều 234 Tổng mục.

- *Phạm thường nhân* (mọi người ngoài giám thủ) lấy trộm tiền lương các vật trong thương khố, phát giác ra, không được tiền, phạt 60 trượng, tòng phạm giảm một bậc. Nếu có được tiền thì không chia thủ, tòng mà theo tang vật luận tội, tang vật giống như trước, ở cánh tay mặt thích 3 chữ Trộm vật (lương tiền) quan.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Dưới 1 lạng: 70 trượng
- 1 đến 5 lạng: 80 trượng
- 10 lạng: 90 trượng
- 15 lạng: 100 trượng
- 20 lạng: 60 trượng, 1 năm đồ
- 25 lạng: 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi
- 30 lạng: 80 trượng, đồ 2 năm
- 35 lạng: 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi
- 40 lạng: 100 trượng, đồ 3 năm
- 50 lạng: 100 trượng; lưu 2500 dặm
- 55 lạng: 100 trượng, lưu 3000 dặm

Trộm vật tội đồ 5 năm rưỡi. Giám thủ, người trực đêm, do thiếu coi sóc kỹ cũng bị tội.

[Giải thích]: - Thường nhân khác tên gọi giám thủ, không kể là người quân dân nào, có quan có việc, không phải giám thủ [thương khố], đều là gọi chung là giám thủ lương tiền các vật. Nói không được tiền có nghĩa là mình đi mà chủ giữ, biết hoặc bị rượt đuổi mà bị bắt câu lưu, chưa lấy được tiền, hoặc bị khóa quá chắc không làm sao mó tay tới được. Tuy không được tiền mà mình thì trở nên đầu nậu ăn trộm, phạt 60 trượng, khỏi xâm vào mặt, kẻ tông phạm giảm một bậc. Trường hợp lấy được tiền, như vậy tiền đã ra khỏi thương khố vào tay kẻ trộm. Chỉ vì được tiền cho nên không chia ra thủ, tông kẻ trộm, không luận số tham gia nhiều ít và theo tang vật luận tội. Đồng loạt buộc tội và xâm 3 chữ vào mặt. Ai phạm tội này thì treo cổ.

- Gọi là giám thủ tự ăn cắp ấy là vì tiền trong tay ông ta như gom tiền của mọi nhà. Không nói được tiền hay không được tiền ấy vì trộm là được tiền, không được tiền thì chẳng phải trộm. Thường nhân và kẻ trộm bạo, ăn trộm không được tiền, rồi vì tiền mà cướp lấy của người ta dù được hay không. Đó gọi là được tiền thì bị tội, không xử đoán theo tang vật đều xử chung là tội trộm.

Điều lệ:

1) Phạm bọn ăn trộm chuyên nghiệp, như: đào tường, khoét vách, ăn trộm tiền của trong kho, ăn trộm lương thực vận chuyển đường sông nhưng chưa lấy được tiền thì kẻ đầu nậu, phạt 100 trượng, đồ 3 năm, tòng phạm y theo luật giảm một bậc.

- Nhưng lấy được tiền, thủ phạm số đến 100 lạng trở lên thì xử tội treo cổ (giam chờ). Còn 100 lạng trở xuống thì không chia số tang vật nhiều ít, phát phối đi biên giới xa, kẻ tòng phạm từ 1 đến 80 lạng, tội đồ 5 năm. 85 lạng, 100 trượng, lưu 2000 dặm, 90 lạng, 100 trượng, lưu 2500 dặm, 95 lạng, đến 100 lạng, trở lên đều phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm ⁽¹⁾

1. *Phần chú trên:* Thường nhân ăn trộm phạt 70 trượng so với giám thủ ăn trộm thì giảm một bậc. Đó là nghiêm xử giám thủ, so với tội trộm thì thêm một bậc vì quan văn quý trọng. Tập chú nói: Giám thủ ăn trộm 3 lạng 5 tiền thì thêm một bậc, thường nhân ăn trộm 5 lạng thêm một bậc tội là nhẹ một bậc, tang vật cũng tăng lên để sau đó chịu tội. Đó là thêm thì cùng thêm lên, giảm thì cùng giảm xuống.

13. **Cướp giật mạnh** (Cướp giật mạnh, trộm cướp gia trọng); tức điều 235 tổng mục.

- Phạm cướp giật mạnh nhưng không lấy được tiền, đều phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm, được tiền của người chủ nó, thì không chia thù, tòng đều chém hết: tuy về sau theo tang vật, buộc tội theo cố ý. Không chia xử theo tang vật là cứ phạt 100 trượng, lưu đầy 3000 dặm. Những lần chưa thực hiện trộm, lại cũng không chia tang vật, chỉ phạt 100 trượng.

- Nếu bỏ thuốc mê để lấy của người thì tội đồng vậy. Nếu lấy được tiền thì xử chém.

- Nếu ăn trộm [lâm thời] chống cự lúc bị bắt và gây thương tích cho người thì phạt chém (giam chờ). Được của hay không được của đều chém, phải chú ý hai chữ lâm thời (tạm thời). Ăn trộm mà có phạm tội thì tội cũng vậy (không chia thành tội lâu ra hay chưa lâu cũng như không chia thủ đồ).

- Trường hợp cùng chung nhau ăn trộm, không giúp sức, không chống cự, không gây thương tích cho người và gian tình thì xét kỹ, chỉ luận tội theo tội phạm, chia ra thủ, tòng; có lấy được của hay không.

- Khi ăn trộm, người bị lấy trộm biết, kẻ trộm bỏ tiền của chạy, và người bị mất của đuổi theo: vì thế có chống cự thì xử theo tội người chống cự, tăng hai bậc tội trên tội gốc đối với người ăn trộm mà không lấy được tiền, phạt 70 trượng. Đánh lộn khiến người bị thương tích trở lên thì buộc tội treo cổ, giết người thì bị tội chém, kẻ a tòng thì giảm một bậc. Phạm kẻ cướp giật mạnh tự thú mà không thực, không kể hết tội thì chỉ nên xử theo luật danh lệ tự thú, đến tội chết

thì giảm bớt. Khi luận tội không thể không nói đến chỗ nặng nhất. Kẻ trộm gây thương tích cho người rồi tự thú thì chỉ bị tội là trộm, nhưng vẫn luận tội chiếu theo đánh lộn gây thương tích cho người.

[Giải thích]:- Bộ luật nói về kẻ cướp giật mạnh thì chú trọng vào điểm mạnh. Phạm trước, chúng định dùng mưu mạnh, cầm vũ khí, mang theo hỏa tiêu công nhiên đi thẳng đến khổ chủ, đập phá tường, cửa nhà người ấy. Đó là mưu kế đã thực hiện. Nếu trường hợp khổ chủ chống cự, hàng xóm chỉ viện mà không cướp được tiền của; tuy nhà khổ chủ không hư hại nhưng âm mưu cướp tảo bạo ấy đã thực hiện. Thế nên, không chia thủ, từng, đều phạt mỗi tên 100 trượng, lưu 3000 dặm.

- Trường hợp cướp được gia tài khổ chủ thì không luận nhiều ít, không luận thủ, từng đều đem chém cả. Phạm bọn ăn trộm chuyên nghiệp thì không cần biết tang vật, không cần biết là món gì [ở đâu] của khổ chủ nào đều gọi là tiền của vào tay trộm thì buộc tội ngay. Gọi là tang vật cướp lấy bỏ đi, gọi là được tiền của, mỗi tên chia đem về phần tang vật chiếm được một cách tảo bạo. Tuy chưa chia tiền của của người bị hại thì chính mình đã mắc tội hành động tảo bạo trong cướp giật. Tội nặng chính là nằm ở chỗ tảo bạo ấy. Cho nên chỉ luận tiền của cướp được hay không được, mà không luận đến chia tang vật hay không. Coi trọng điều nói về đạo tặc khổ chủ chung mưu ăn trộm, không chia tang vật, đều bị chém hết. ⁽¹⁾

1. *Phần chú trên, trang sau:* Tập chú nói nếu lấy tì sương (thạch tín, một chất độc) hay thuốc độc, thuốc cho người chết để cướp tài sản. Nhờ mưu giết

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Thuốc có thể làm mê người thì đều là thuốc độc, chỉ muốn cướp của người ta thì không quan tâm đến việc giết mạng sống của họ. Việc làm bí mật mà tâm hết sức tàn bạo, cho nên tội giống như ăn trộm táo bạo. Chỉ lấy được tiền của là phải tội chém, không lấy được tiền của thì mắc tội 100 trượng, lưu 3000 dặm. Luật nói âm mưu lấy của mà không nói được của cái là vì *âm mưu là âm mưu*, còn có lấy được tiền của hay không là chuyện khác.

- Hai chữ *độ tài* (âm mưu lấy của) là gồm được của hay không được của, tội đều giống nhau. Hai chữ ấy, gồm tội chém và lưu. Trong đó, đã chụp thuốc mê cho người, tức là đã thực hiện âm mưu. Lấy được tiền của hay không đều là thuộc cướp táo bạo, ý nghĩa nó quá rõ.

- Nếu có tạm thời chống cự và gây thương tích cho người, khi bị tóm bắt thì đều chém. Nói chống cự, nói làm người bị thương, ban đầu tuy là tạm thời mà thực là táo bạo. Bên dưới đó có nói chữ chống cự là nếu khi bị bắt có chống cự mà không làm người bị

người mà được của cái, việc đó có luật nói đến rồi, còn trường hợp được tiền của mà không làm chết người thì xử theo luật lấy thuốc độc làm mê người. Trường hợp không được tiền của, người khổ chủ không chết thì xử theo luật mưu giết người chết mà họ không chết. Có chỗ khác nhau giữa thuốc làm mê người và chất độc tử vong. Tập chú nói rằng kẻ cùng mưu thì trước gọi là chế ngự ông chủ, chống cự có phụ nữ thì họ hàng trước vũ khí, nhân thế đánh cướp táo bạo. Chỉ sợ hàng xóm chung sức tấn công, nhưng trợ lực ấy chưa có trước mưu làm thời này, lại không cả gan, có thể nói là không biết kháng cự cách nào. Còn người ăn trộm vốn có tội trước, thì chưa thấy đặt luật. (Nguyên chú)

thương thì cũng mắc tội. Được của, không được của đều đem chém. Trong lời chú là nói đến việc làm người bị thương.

- Và lại ăn trộm mà đến nổi giết chết người thì là hung bạo quá lắm. Không luận là lấy được của hay không được của: nếu chống cự thì chính là đã được của, là lúc tiến hành ăn trộm đã lấy được tiền của mà chưa rời nơi ấy. Tức là bị khổ chủ hay được, nếu không bỏ của tiền chạy, trái lại còn ra sức bảo vệ mở tang vật không chút lo sợ thì khác gì cướp giết tảo bạo? Cho nên, cùng với tội làm người bị thương thì cùng tội. Lời chú nói rằng cần phải xem hai chữ *lâm thời* là chẳng chống cự tạm thời, riêng bên dưới nói: bỏ tiền của chạy, khổ chủ đuổi theo, nhân đó mới chống cự.

- Nếu đi ăn trộm lại gian dân với vợ con người ta, không sợ bị bắt, ấy là tâm địa là việc cường bạo lắm rồi, lại cùng với chống cự, gây thương tích cho người không khác. Tội cũng vậy, không kể là thành hay chưa, được của tiền hay không, đều bị chém cả.

- Việc trên chỉ là sự việc ăn trộm có thêm hung bạo, cho nên xếp vào loại tảo bạo.

- Cùng người đi ăn trộm hoặc bên trong có người biết, bên ngoài lộ, hoặc bọn a tòng được của cải bỏ chuồn (trốn) trước, tạm thời chưa từng chung sức, chưa hợp tác như thế đi ăn trộm. Lại vốn không tính toán trước, đối phó với tình hình bị vây bắt và cũng không biết trong những tang vật ăn trộm có kể luôn việc chống đối, làm bị thương cho người và những gian tình... Các yếu tố đó được khổ chủ chứng minh sáng tỏ như thế thì chỉ y theo luật trộm mà xử, chia ra là được của cải hoặc không được và luận tội theo hạng thủ, từng.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Còn lúc ăn trộm bị khổ chủ hay được, vội bỏ tiền của chạy là còn có tâm lo sợ, không có ý hung bạo, khổ chủ truy đuổi, nhân bị vây bắt, mới bắt đắc dĩ chống cự làm kẻ thoát thân. Như vậy thì chỉ xử theo luật tội nhân chống cự. Đó là bản luật về tội trộm chống cự, phụ thêm vào đây để thấy cái **NHÂN MÀ** chống cự. Chữ tạm thời chống cự ở trước, chỉ cách nhau chút ít mà xa ngàn dặm. Căn cứ vào hai chữ **NHÂN MÀ** trong điều ấy thì chính ra đối chiếu với hai chữ **TẠM THỜI** ở trước, ta thấy kẻ trộm đã bỏ tiền của, đã chạy đi rồi, nhưng bị rượt đuổi không thôi. Rồi sau đó mới chống cự lại, cho nên mới nói **NHÂN MÀ**. Còn như không liệng bỏ của cải, không chạy đi đâu, nhưng thấy mình bị bắt, liền chống cự ngay không cần tính toán gì cả. Cho nên gọi là *Tạm thời*.

- Luật trừng trị thẳng vào cái *Tạm thời* ấy và cái tâm địa chống cự, chưa muốn giết chết khổ chủ, đoạt của để trốn. Cho nên, dù chưa giết chết người ta thì cũng bị tội chém. Còn như chưa được của cải mà có lúc lâm thời chống lại thì cái tâm địa chống cự kia chỉ là cầu chạy thoát. Như vậy cũng xử theo bản luật nói về tội nhân chống cự buộc thêm hai bậc tội.

- Ăn trộm với cường bạo đã xảy ra nhưng không lấy được tiền của thì xử tội lưu. Nếu xảy ra tảo bạo ăn trộm mà khổ chủ bắt được, nhưng không có hành động chống cự thì luật không nói.

- Hai chữ chống cự gồm trong chữ **CUÔNG**. Nếu ăn trộm mà không lấy được tiền của, lại chống cự là bị tội chém, nó ngược lại với cường lấy. Đó đây phải khám xét kĩ cho rõ nghĩa.

- Ăn trộm tảo bạo chỉ là bọn trộm cắp có chủ ý cùng mưu, thực

hiện, không thực hiện, chia tang vật hay không chia tang vật. Pháp luật thì cho rằng ăn trộm không phải đâm ăn cắp vật vô lại, đâm này thì không thể giấu thân, không thể tỵ mưu sâu; cho nên pháp luật đối với đâm vô lại ăn cắp kiểu này cần phải nghiêm khắc.

- Nếu ban đầu cùng mưu đi ăn trộm, nhưng không thi hành được vì đã có lòng hối cải, sau không chia tang vật, lại có lòng lo sợ. Trường hợp khác là không thi hành mà có chia tang vật cũng phải suy xét cái cùng mưu và cơ tại sao không thi hành được. Như trường hợp mưu sâu nhưng không thi hành vì thấy trái với bản hoài (cõi lòng) thì xét đến phải tạm thời chằm chước, có thể buộc vào tội vô lại ăn cắp vật.

- Nếu mưu kế không sâu, nhưng chột hối ngộ, không thi hành, cùng khổ chủ biết nhau, không tiện thác lời, không thi hành. Sau tuy có chia tang vật thì tình còn có thể tha thứ. Còn như sau khi được của tiền, những kẻ trộm khác còn sợ bị người ta phát giác, còn sanh bạo hành này, coi thường luật lệ. Tội này xử đồ, trọng: chiếu theo luật sau chia tang vật, xử đoán. ⁽¹⁾

1. *Phần chú ở trang trên: Tập chú nói:* nếu thấy người khác ăn trộm, bắt nó rồi bị thương tích, tuy là không phải người cần bắt, nhưng cũng chiếu theo luật chống cự mà buộc tội. Tội trộm có tang chứng thì ai cũng có thể bắt nó được. Theo chỗ hiểu, hung thì cướp giựt với sang đoạt giống nhau. Người ý, không có vũ khí bén, hoặc giữa đường hay trong chợ thấy tiền của người ta mà lấy ngang là sang đoạt. Nhiều người có vũ khí bén, không chia trong nhà, ngoài đường, cướp của tiền của người, hoặc thấy của của người, phía trước đánh ngã nhào, phải sau cướp lấy, đó là cưỡng đạo. Nếu trước sang đoạt, phía sau đánh, hoặc việc lộ mặt sang đoạt mà đánh y theo tội sang

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Điều lệ:

1) Trộm bạo, giết người, phóng lửa đốt nhà cửa người ta, dâm ô với vợ con người ta, đánh cướp nhà ngục, thương khố và liên can đến thành trì, nha môn. Tập hợp 5 người trở lên thì không kể là cướp trộm được tiền của hay không, đều chiếu theo luật cướp của tiền, xử chém ngay. Liền đó, làm bản văn tâu lên cho vua quyết đoán là chém bêu đầu để cảnh cáo. (chém bêu đầu là 1 trong 6 thứ cảnh cáo, nhưng bêu đầu là cho biết sự sai phạm của người ấy).

- Nếu chỉ gây thương tích cho người mà chưa lấy được của, thì kẻ đầu sỏ bị chém (giam chờ), kẻ a tòng đưa đi biên giới xa. Còn như chưa lấy được tiền của, chưa gây thương tích cho người thì kẻ đầu sỏ phát đi biên giới xa, kẻ a tòng phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm.

2) Phàm kẻ bạo trộm cầm cung tên, quân khí ban ngày ban mặt đón đường cướp của. Nếu tang chứng rõ ràng thì không chia ra nhiều ít, được tiền hay không đều y luật xử chém. Bêu đầu chỗ y gây cướp bóc, để cảnh cáo mọi người. Như làm người bị thương nhưng không lấy được tiền của thì kẻ đầu sỏ, xử chém (giam chờ), kẻ a tòng phát đi biên giới xa. Nếu chưa lấy được của tiền, chưa làm ai bị thương thì kẻ đầu sỏ phát đi biên giới, đưa a tòng 100 trượng, lưu 3000 dặm.

đoạt, đó 15 ngày. Còn đám cầm côn, gây lừa chỗ vắng gây sự, chiếm đoạt của người ta, xếp loại tuy là sang đoạt nhưng thực chất cường đạo. Lại có kẻ trước tình chuyện ăn trộm, vào núp trong nhà người, sau đó đèn sáng chiếu, bèn cầm trượng từ chỗ tối bước ra ánh sáng bèn tạm thời làm mạnh thoát thân, cần phải hiểu rõ không xử lầm lẫn (Nguyên chú).

- Tổ chức đánh cướp lớn trên sông, biển thì chiếu theo luật lệ, chém ngay, bêu đầu.

3) Đi bắt xâu, phòng thủ đồn sở hoặc được lệnh kéo quân gài bẫy bắt ăn trộm rồi lại đi ăn trộm: tuy không phải chủ ý của ý ban đầu, nhưng xử thì chiếu theo sự cố ý ban đầu: chém ngay. Quan cai quản mất cảnh giác ở đó, giao cho bộ hợp xử. Nếu quan ở đó bắt buộc phải đối cung hoặc chúng thông đồng với nhau bảo là đối người làm việc, cai quản thương ty không thể điều tra ra một sự kiện nào thì phải giao về cho Bộ chiếu lệ xử. Như lính đi bắt xâu rồi chia tang vật, thông đồng với giặc và cùng giao kết, qua lại với đám trộm to. Trường hợp người vâng lệnh vua đi đánh bắt [chúng] lại tiết lộ tin tức và chẳng phải làm công việc đánh bắt [chúng] lại lậu tin cho chúng chạy thoát, thì không chia ra là lấy được của hay không, chiếu theo tội đã phạm mà trừng trị. Nếu vị tình chấp chứa thì chiếu theo chủ oa chứa, biết rõ sự tình mà còn che chở, theo lệ luật phân biệt mà trị tội. Còn như hoàn toàn không biết, chỉ lo việc xét bắt, nhưng không có năng lực thì chiếu luật xử theo nhẹ tội.

4) Trường hợp khổ chủ báo cáo ăn trộm, có hứa với quan sẽ đến nghe xử rồi nhận tang vật một lần, nhận tang vật là trả lại cho chủ sự an ninh gia đình rồi, không được phép tới lui, kéo dây đưa sự việc nữa. Ai trái thì quan xét xử, sẽ xử lại nghiêm khắc.

5) Khổ chủ trình báo bản án của bọn trộm mà mất đơn liệt kê đồ mất thì phải gấp rút nhớ kỹ lại. Như tang vật quá nhiều *thứ*, một lúc nhớ không xuể thì hạn trong 5 ngày phải báo cáo tiếp cho quan

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

địa phương để ông ta đem tờ cáo đầu và báo cáo tiếp tìm nguyên do, nói rõ lên trong khu vực cho đến khi bắt được tang vật với kẻ trộm. Quan phải sai quan viên đi bắt trộm để chính mắt ông nhận rõ những tang vật ấy.

- Người đi bắt xấu lên lấy tang vật, hoặc mượn cớ đi tìm tang vật vào cửa hàng tra xét, hoặc ri tai cho giặc phao lên là đi thu thuế thỉnh linh. Hoặc đem vật của giặc ăn trộm [đầu đó] rồi báo tang vật, hoặc mua thêm món gì làm tang vật, cố ý làm lộn lạo tang vật để lừa dối. Nhưng tệ nạn ấy khi phát hiện thì trừ lại dịch ra, chiếu theo luật lệ, xử nặng kẻ a tòng. Quan xử tội nếu không nghiêm khắc thì xử lại bản án ở doanh trấn đó; nếu không nghiêm khắc đề nghị xét kĩ thì đồng loạt giao về Bộ xét xử.

- Khổ chủ trình báo tình hình ăn trộm không được phép nói láo hay thông đồng đặt điều, thành hoặc không bị cướp mà nói toáng lên là bị cướp, đến nỗi chỉ trộm vật lại cho là cướp bạo, gian ít mà cho là trộm. Tội láo ấy đều bị phạt 100 trượng. Đem tính mạng ra gây hấn, đánh lộn mà báo là trộm, bản thân vô tội, nhưng cũng phạt 100 trượng. Nếu có tội thì tội rất nặng, chiếu luật lệ xử nặng đám a tòng, còn tội gốc của người này nhẹ, thì cho thêm một bậc, trị tội.

- Nếu kẻ gian manh du côn, thân hào dựng đứng lên chuyện, làm dối án của quan đi bắt xấu rồi thông đồng báo có giặc cướp, lấy cớ đó làm hại người thường dân. Chiếu theo luật thì đó là tội vu cáo đáng chết [chưa trăm trọng], luật xử đòi Giáp trưởng lân hữu mà cùng giúp mưu thì chiếu theo luật từ khổ chủ trừ một bậc, mà xử.

6) Phạm trong án của bọn bạo trộm giao cho quan sở tại xét hỏi. Không cho phép bổ quan đi riêng đến hỏi tra phiên bổ các chức việc lấy khẩu cung riêng. Trái lệnh, cho bốn quan xét xử lại dịch thì người đứng đầu nha môn ấy bị đóng gông một tháng phạt 100 trượng, cách chức. Trường hợp được của và vu hãm người vô tội thì sẽ bị buộc tội theo điều nặng, người được lệnh tra hỏi thì lúc sơ thẩm trước hết phải coi có thương tích, vết hằn gì không. Nếu quả nhiên không có thương tích thì phải bố cáo rõ trong khu vực, và hoàn toàn không được đánh đập mang thương tích. Nếu lơ đãng quên khai sự giúp đỡ ẩn tránh và chứa chấp bổ quan tra hỏi riêng thì đem quan sở tại giao về cho bộ tra hỏi lại.

- Phạm ăn trộm đến lúc xét bản án sau cùng thì trước hết phải niêm phong gia sản kẻ phạm tội chờ đến ngày kết thúc mới đem gia sản của tội trộm biện ra để bồi thường. Giả như cha, anh em, chú bác phạm nhân biết tin mà phân tán tang vật và có bạn vô lại giúp đỡ thì phải xét kĩ lại để trị tội. Ngoài ra, cũng căn cứ vào việc y với những tên vô lại mà truy bồi, thăng như trong bản án các tội trộm, hoặc có kẻ vô gia sản, cho đến những người ngoài, không kể từ đâu để chép ghi khai báo thì đem án nơi ăn trộm và bọn vô lại ăn cắp với hết gia sản của họ mà bồi thường đáng giá vào tang vật bản thân họ. Ngoài ra, nếu có thừa dữa, đại khái biến ra giá cả thay thế bồi thường; thăng hoặc có khi đem thân tộc vô can và thân tộc chưa phân tang vật bồi thường liền chuyển nhiều lớp thì quan doanh trấn đó phải tra xử.

7) Giặc trộm, cướp bạo hành hiện đã bị bắt với tang vật thì ra

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

lĩnh cho các khổ chủ đến nhận lãnh, ngoài ra như tang vật của bọn trộm bạo này không đủ đến cho số mất đầu tiên kia, thì đem tang vật vô chủ bổ thêm vào, phần còn thừa thì nhập quan. Nếu vẫn còn thiếu thì lấy gia sản của tên trộm tính ra giá [cả] bồi thường nữa.

- Nếu có nhiều người mua những tang vật kẻ trộm và tang vật ăn cắp mà không biết, thì miễn bàn, chỉ truy thu đủ giá trị tang vật của những tên phạm nhân, trả đủ cho chủ.

8) Bọn bạo trộm cùng ở chung nhà với cha anh, chú bác, em họ biết tình hình và có chia tang vật nữa, như bọn bạo trộm bị xét hỏi xẻ chém ngay thì những người này được giảm một bậc, đánh 100 trượng lưu 3000 dặm. Còn như tên bạo trộm bị xử phạt khiến thì những người này cũng được giảm một bậc, đánh 100 trượng, đày 3 năm. Những người [này] đã nhận được tiền của, mà thật sự hoàn toàn không biết sự tình kia thì chiếu tội gốc giảm hai bậc, xử trí rạch ròi. Cha anh không đủ khả năng cấm con em đi ăn trộm thì phạt 100 trượng.

9) Bọn bạo trộm dẫn đường để ăn trộm, trước chúng ráp tâm lập ý muốn đến cướp nhà nào đó, chỉ mới nghe theo bọn dẫn đường, thì tội ấy vẫn chiếu theo a tòng ăn trộm để luận tội. Ngoài ra, như đầu nậu ăn trộm hoàn toàn không lập ý nhà chúng muốn cướp, khổ chủ, họ tên, đường sá thực hiện vụ cướp đều do dẫn đường chỉ ra, lại được tang vật. Trường hợp này tuy chưa đồng hành thì cùng với thủ lãnh ăn trộm, một loạt bị xử tội, không được lấy tình xin tha tội được.

ĐẠO TẮC TRUNG (Giặc trộm bạc vira)

1. Kiếp tù (Cướp tù); tức điều 236 Tổng mục.

- Phàm ai cướp tù đều bị chém (giam chờ) không chia ra thủ, tòng. Chỉ mới cướp đã mắc tội, không cần cướp được tù. Nếu lên thả tù nhân cho [nó] chạy trốn thì tội như tù nhân, đến chết thì tha một bạc (dù có thân thuộc cũng coi như thường nhân).

- Lên cướp mà chưa được tù thì giam tù hai bạc, nhân đó làm người bị thương thì xử treo cổ (giam chờ), giết người thì xử chém (giam chờ). Nếu làm người tù bị thương cũng mắc tội [trước], không cần biết được tù hay không. Đám a tòng thì giam một bạc tội, có hai loại cướp tù và thả lên tù.

[Giải thích]: - Trường hợp đánh chiếm giữa đường với lực lượng đông đảo, xe giải tội nhân đi qua cùng với sai nha chở lương tiền, nhiều việc công thì kẻ đầu não, phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm. Nhân đó đã thương sai nha thì bị treo cổ (giam chờ), giết người và tập hợp đám đông 10 người (9 người trở xuống thì theo tội tập chúng mà xử) kẻ cầm đầu bị chém (giam chờ). Lỡ tay đưa đến chết người thì bị treo cổ (giam chờ), a tòng thì giam một bạc. Huy động lực lượng cả nhà rượt theo sau đánh, đoạt thì tội buộc vào tôn trưởng. Nếu người nhà cũng từng đánh người mang thương tích thì luận tội người thường với thủ và tòng.

- Gia trưởng bị chém, a tòng, tội lưu, không nói giết người là vì nói cái nhẹ mà hiểu cái nặng.

- Việc đánh chiếm không phải giữa đường mà là tại nhà, người

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

đánh chiếm vốn không phải người bị bắt nhốt, mà y dựa vào uy thế gia đình, đánh người thi hành pháp luật, đưa đến cuộc xô xát thì dựa vào chỗ cốt lõi của luật pháp. Nếu người kia vốn là kẻ bị bắt giam, tự gây sự đánh nhau với người có tội thì xử theo luật tội nhân chống bắt, người vô tội xử theo luật chống ấu dả che chở người. ⁽¹⁾

- Lấy bằng sức mạnh gọi là cướp, như đánh cướp trộm bạo. *Tù* là người bị nhốt vì tội phạm. Nơi người bị xiềng khóa lại chịu tội gọi là *ngục tù*. Đã hỏi cung, lấy lời khai rồi mà chưa tuyên án mà còn được đi lại tuy đã trói cùm, gọi là *tội tù*. Phạm tội đã phát hiện đã bị nhốt tại quan, nhưng chưa hỏi cung ghi tội, gọi là *tội nhân*. Những loại là tù phạm, hoặc giam cầm tại ngục, hoặc giải đi xét tra lại, giữa đường, nên đồng loại của người tù mới đánh người coi

1. *Phần chú ở trên: Tập chú nói:* nếu thấy người khác ăn trộm, bắt nó rồi bị thương tích, tuy là không phải người cần bắt, nhưng cũng chiếu theo luật chống cự mà buộc tội. Tội trộm có tang chứng thì ai cũng có thể bắt nó được. Theo chỗ hiểu, hung thì cướp giết với sang đoạt giống nhau. Người y, không có vũ khí bén, hoặc giữa đường hay trong chợ thấy tiền của người ta mà lấy ngang là sang đoạt. Nhiều người có vũ khí bén, không chia trong nhà, ngoài đường, cướp tiền của của người, hoặc thấy của của người, phía trước đánh ngã nhào, phái sau cướp lấy, đó là cường đạo. Nếu trước sang đoạt, phía sau đánh, hoặc việc lộ mặt sang đoạt mà đánh y theo tội sang đoạt, giam 15 ngày. Còn dám cầm côn gây lừa chỗ vắng gây sự, chiếm đoạt của người ta, xếp loại tuy là sang đoạt nhưng thực chất cường đạo. Lại có kẻ trước tính chuyện ăn trộm, vào núp trong nhà người, sau đó đèn sáng chiếu, bèn cầm trượng từ chỗ tối bước ra ánh sáng bèn tạm thời làm mạnh thoát thân, cần phải hiểu rõ không xử lầm lẫn (Nguyên chú).

tù và bên đường dùng biện pháp cướp ngay tên tù kia. Hành vi đó, không luận là đem tù đi được hay không, chỉ với vụ cướp ấy, không chia thủ, từng đều bị chém. Còn thả lén tù là lừa lúc người ta không chăm chú lắm, thả đi, như kẻ rình ăn cắp vật vậy. Nhưng kẻ như leo tường, đục vách, hoặc thừa lúc cai ngục lơ đãng, mở khóa sắt ra cho người tù chạy trốn, thì những việc ấy khác với việc cướp tào bạo, cho nên tội thì như người tù. Tội của người tù đến mức chết thì giảm một bậc, đánh 100 trượng, lưu 3000 dặm; tuy có tinh thần thuộc đi nữa cũng phải coi như người thường. Không còn được ai chứa chấp, ẩn trốn ở đâu mà là tù bị nhốt trói ở nhà quan thì người ấy chẳng phải phạm tội chưa được phát hiện.

- Trường hợp tuy đã được lén thả mà người tù trốn chưa được thì chiếu theo tội tù, giảm hai bậc tội, còn như vì lén thả, làm người ấy bị thương thì bị treo cổ, giết người thì bị chém. Không cần biết cướp được tù hay không, không luận là giết ai, miễn có giết người là bị tội, a từng thì có giảm, một bậc so với tội đầu đảng. Có chia ra chữ nghĩa để nói 3 hạng việc là: Đi qua mà cướp tù, cướp mà chưa được, giết đánh người bị thương, vì cướp tào bạo, tội nặng ở chỗ cướp, không biết là được tù hay không. Lén thả, tội nặng ở chỗ làm sẩy tù. Việc phân ra được tù hay không, nếu nhận việc lén đó mà giết người làm người bị thương thì nó như là cướp rồi. Cho nên cũng không luận được tù hay không, nhưng rất cùng so với cướp thì nó cũng có khoảng cách, vẫn chia ra thủ, từng.

- Nếu quan ti sai người đi thu nợ còn thiếu ở các hộ về khoản lương tiền là người tóm thu công việc ra đi vì công vụ và bắt được

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

kẻ có tội. Người này phạm tội từng bị sai nhân bắt, lúc bấy giờ có việc (biết sai nhân đi qua) tụ tập đông từ 3 người trở lên, chặn đường gây cuộc xô xát, đánh sai nhân và đoạt người kia đem đi. Việc đó giống như cướp tù, nhưng tù là phạm nhân bị trói nhốt ở cơ quan, còn người này là sai nhân áp giải anh về cơ quan nhưng chưa đến nơi. Như vậy không phải tù nhân, tội cũng khác. Cho nên chỉ bị 100 trượng, lưu 3000 dặm. Nhân vì gây xô xát đánh sai nhân bị thương, tội treo cổ.

- Giết người và tụ tập đám đông trên 10 người, đầu nậu thì bị chém. Đánh, chiếm đoạt, làm đến giết người thì là hung ác ngang ngành cùng cực. Tụ tập đám đông đến 10 người làm ngang dọc cũng là hạng rất ác. Giết người, ý ban đầu có khi chẳng phải giết, nhưng ra tay làm chết người [tuy chưa giết, bị thương] thì kẻ đứng đầu bị chém. Sở dĩ nghiêm khắc với kẻ ác đứng đầu là nhằm cho đám a tòng tự suy xét bên trong. Ra tay khiến chết người thì bị treo cổ, đó là vì trọng mạng người. Còn những đám a tòng thì giảm một bậc tội. Nhưng chữ quen dùng như: *Thừa dịp đi qua tập chúng đánh đoạt, giết, làm người bị thương*, tụ chúng 10 người là phạm nấy ý đánh chiếm là người cầm đầu nói ra, đám a tòng theo đó giúp sức vào. A tòng là chỉ người khác. Nếu cùng ở chung trong nhà với người đó thì ắt có chỗ thân thuộc. Tôn trưởng huy động người nhà đánh đoạt thì khác với việc tụ chúng bên ngoài. Tuy là trên 10 người, tội buộc vào một tôn trưởng, phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm. Làm người bị thương thì treo cổ, giết người thì bị chém. Những người nhà này chưa từng gây thương tích cho ai thì

chiếu xử theo điều về gia nhân cùng phạm, miễn tội. Nếu người nhà cũng từng đã hợp gây thương tích cho người, thì không kể là chết hay không chết đều chiếu xử theo thường nhân đánh đoạt người bị thương. Kẻ a từng giảm một bức so với tội tôn trưởng, xử lưu không có miễn hạn. Theo danh lệ cùng phạm tội, chia ra thủ, tòng, còn gia nhân cùng phạm, chỉ gia trưởng lãnh tội. Lại điều gọi là xâm tổn người ấy, lấy thủ, tòng của người thường mà luận; tức người nhà này cũng từng gây thương tích cho người, thì vẫn lấy việc người thường với thủ, tòng để xử phạt. Chỉ nói làm người bị thương mà không nói giết người, là vì làm người bị thương, giết người, thì tội gia trưởng phải chia ra treo cổ, chém, mà gia nhân chỉ là tòng phạm, đều bị tội lưu. Cho nên lời chú nói rằng: không nói giết người ấy là nêu cái nhẹ để biết cái nặng.

- Còn về việc tụ tập đám đông thì [nó] liên can đến nhiều người khác mà kẻ cầm đầu cố ý trước, và kết xâu lại làm thành sức mạnh thì đó là những hung đồ nguy hiểm; cho nên chia ra thủ, tòng, lại đồng tội. Nếu tự ra tay giết người thì đó là hung ác cùng cực, tội bị treo cổ. Đến người nhà thì ai nấy nghe lệnh của tôn trưởng, con em nghe cha, nô bộc nghe gia trưởng, những gì được chỉ định, sai bảo xuống lên [có mà dám không nghe], cho nên nhiều người không đồng, tụ chúng cùng phạm, không coi là a tòng, chỉ buộc tội tôn trưởng. Nếu gia nhân không dám làm, ai bị thương là vì còn có lòng biết lo sợ, theo lệnh tôn trưởng chẳng qua bắt đắc dĩ mà thôi. Gia trưởng chỉ xuống lệnh đánh đoạt, người nhà lại mặc tình làm ác, gây thương tích cho người bèn hãm tôn trưởng vào tội chết, không bị buộc tội chỉ vì là tòng phạm.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Điều lệ:

1) Tổ chức đám đông thi hành đánh cướp tội tù tại nhà ngục, như có cầm khí giới chống giết quan, kéo cả kẻ cầm đầu và a tòng mà giết quan. Tội đó, so ngang với tội mưu phản đại nghịch, theo luật xử tử bằng cách chém bêu đầu ⁽¹⁾.

- Ra tay gây xô xát khiến người bị thương. Tội này chém bêu đầu để cảnh cáo, còn những đồng phạm khác đều chém ngay.

- Nếu chống cự làm quan bị thương và giết chết lính dịch thì kẻ cầm đầu có dự mưu trợ lực cho cuộc xô xát nhiều lần phạm như thế thì chém ngay, bêu đầu. Nếu chỉ làm lính dịch bị thương nhưng kẻ cầm đầu và những tay em gây xô xát thương tích nhiều lần cũng bị chém ngay. Đồng bọn trợ thế dù chưa làm ai bị thương cũng xử chém (giam chờ). Khi thu thẩm (xét lại án tử hình) nên xét sâu vào thực sự, nếu hoàn toàn chưa làm ai bị thương, nhưng người cầm đầu nẩy ý cướp ngục thì chém ngay, còn đám a tòng xử chém (giam chờ), lúc thu thẩm sẽ xét sâu vào thực tình.

2. Bạch trứ sang đoạt (Sang đoạt giữa ban ngày) tức điều 237 Tổng mục.

1. Trong Quyển 1 - Phần Giải thích biểu đồ Năm bức tội, nói rõ luật này là «Ngay nay vĩnh viễn bỏ nhục hình ấy (tức lăng trì), vĩnh viễn bỏ, tặc hình cũng dôi chỉ còn giữ lại hình phạt ghê khiếp ngoài hết thảy mọi ghê khiếp này là bằng cách chém kẻ bất trung bất hiếu». Thế nhưng ở đây ghi là dĩ lục (chém bêu đầu) trừ khử ngay. Vì vậy có người hiểu dĩ lục là lăng trì (xem trên).

(Người có ý hung hăng lấy của là sang đoạt, người nhiều lấy của với thái độ hung hăng là cướp).

- Phạm giữa ban ngày mà sang đoạt tiền của người ta, không kể tang vật, phạt 100 triệu, đồ ba năm. Tính số tang vật mà luận tội, hễ nặng thì thêm tội trộm cắp hai bạc. Mút tội là 100 triệu, lưu 3000 dặm. Làm người bị thương, thủ lãnh thì bị chém giam chờ, kẻ a tòng, mỗi đứa giam một bạc so với thủ lãnh, và bên cánh tay mặt xăm hai chữ SANG ĐOẠT.

- Nếu nhân hòa hoạn hay đi thuyền gặp gió, mắc cạn, thừa cơ hội sang đoạt tiền của vật của người khác và phá hủy thuyền thì tội như trên: tội sang đoạt.

- Minh cùng người xô xát hoặc vây bắt tội nhân, nhân đó mà ăn trộm tiền vật thì kể tang vật, theo đó để luận tội ăn trộm. Nhân đó lấy đi thì tăng thêm hai bạc tội. Mút tội là 100 triệu, lưu 3000 dặm, miễn xăm chữ.

- Nếu ăn trộm giết, làm người bị thương thì xử theo luật CỐ ĐẤU (người nào không dám đấu mà giết gọi là cố, dám tranh mà giết gọi là đấu).⁽¹⁾

- Chờ khi người ta vô ý cướp lấy thì gọi là **sang**, dùng sức giằng co nhau lấy được gọi là **đoạt**. Tội sang đoạt ở gần lãnh vực bạo trộm.

1. Phần chú trên: Tập chú nói rằng dù ít, nhiều người hay hung hăng, không hung hăng để phân biệt với sang đoạt, cướp bạo, nhưng cũng không hẳn là vậy. Có khi ít người mà hung hăng, đó là cướp bạo, có khi nhiều người mà không hung hăng là sang đoạt. Tóm lại là coi tình hình chứ không phải nhiều hay ít người (Nguyên chú).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Công khai hành động giữa ban ngày không sợ ai biết có loài người bạo, không cần nhiều, lại không hung hăng, lối lấy đó gần như cắp. Cho nên nói ban ngày sang đoạt của người ta không kể số tang vật, bị xử 100 trượng, đồ ba năm, nhẹ tội hơn **cưỡng** mà nặng hơn **thiết** (trộm) nhưng tang vật của trộm cắp. Trường hợp 90 lạng phạt 100 trượng, đồ ba năm. Còn như tang vật của sang đoạt mà nhiều, trái lại là nhẹ hơn trộm. Cho nên cho phép, tang vật nặng thì thêm hai bức tội trộm cắp, xoáy tội vào chủ chốt và luận tội theo tang vật. Như trộm cắp 70 lạng thì phạt 80 trượng, đồ hai năm, sang đoạt thêm hai bức là phạt 100 trượng, đồ ba năm. Tuy đã thêm bức tội mà cũng còn chưa nặng một cách tương xứng với luật gốc đề ra. Đến 80 lạng thì thêm hai bức tội, ấy là lưu 2000 dặm, nếu tang vật nặng thì sau đó thêm hai bức tội nữa theo luật nói. Luật gọi nặng là thêm hai bức trên tội mới phù hợp với tội đồ ba năm như bản luật nói. Tang vật nặng mà chẳng trộm cắp thì phạt 100 trượng, đồ ba năm, tang vật 90 lạng mới gọi là nặng. Cho đến 100 lạng trở lên thì mức tội ở 100 trượng, lưu 3000 dặm, nếu làm người bị thương thì tình tuy là sang đoạt mà sự đã hung hăng lấy bạo làm nền, nên bị tội chém, không nói là treo cổ. Mức tội là chém, đưa cái nhẹ mà còn bị chém huống nữa là tội nặng, đâm a từng thì giảm một bức. Tổng kết theo trên thì phạt 100 trượng đồ 3 năm, thêm hai bức tội trộm cắp và làm người bị thương thì xử chém, còn lưu đồ trở xuống thì xâm chửi vào mặt để cảnh cáo.

- Người nhà bị hỏa hoạn và di thuyền bị gió, mắc cạn, nhiều kẻ lợi dụng đi cứu vớt, rồi nhân đó sang đoạt và phá hư thuyền: tuy trước đó chưa có dự mưu, nhưng thừa cơ hội người ta bị nạn rồi sang

đoạt của cải, cũng một loại sang đoạt. Tội cũng y như trên. Mọi hạng đều xử tội đồ, tang vật nặng thì thêm bức tội. Gây thương tích cho người thì bị tội chém, đồng thời xâm chữ, ý của luật là sợ người ta đem những việc này làm sai khác đi, cho nói với tính cách đặc biệt.

- Luận về chỗ tội gốc của tội mà lập luật pháp, tâm muốn giết hại, phải suy nghĩ tới cái nhân của nó.

- Phàm ban ngày sang đoạt, và thừa cơ hội nạn lửa, gió mà sang đoạt, ý ban đầu là muốn kiếm tiền mà nổi lên làm cho hiện thực thêm nặng, cho nên xử tội cũng nặng ở gốc.

- Cùng người tranh giành, đánh lộn, hoặc thừa sai bắt tội nhân, nhân đó ăn cắp, lấy đi tiền của; tuy ban ngày bản ý không tính trước lấy tiền, nên nổi lên hành động thì có hơi nhẹ, nên luận tội cũng được giảm bớt vì nhân không giống nhau. Cho nên lấy cấp thì xử tội theo tội ăn cắp, đoạt thì thêm hai bức tội là ăn cắp, ăn trộm. Mút tội là 100 trượng, lưu 3000 dặm.

- Như hai người trờ lên, chia thù, tông, miễn xâm chữ, nếu có giết người các a từng, xử theo **luật cổ đấu** ⁽¹⁾ Hai chữ **cổ đấu** là ở chỗ xem cổ ý giết gọi là **cổ**, **đấu** là đánh nhau bị thương, giết chết. Vậy là cổ sát. Mắc tội chém vì đấu sát, tội treo cổ vì đánh lộn thành thương tích, nặng nhẹ khác nhau. Mỗi thứ chiếu theo luật gốc để buộc tội. Nương theo tội bạ, đấu là đánh lộn, bị bắt, vốn là sang đoạt vô tâm. Sợ người bắt mà sang đoạt, gây thương tích cho họ thì bị tội chém, các a từng luận tội theo cổ đấu, không buộc tội lẫn lộn được đối với việc sang đoạt, gây thương tích cho người ta.

1. Cổ đấu: Cổ ý đánh nhau (NQT).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Điều lệ:

1) Phàm tổng giáp nhanh tay bắt lấy người, chỉ để tuần bố bắt giam, từ chỗ xô xát mà sang đoạt tiền của người ta, thì trừ ngoài người thực phạm tội chết ra, những phạm nhân khác đều bị tội đồ trở lên, không chia nhiều hay ít người. Nếu trước đã phạm một lần rồi và phát đi biên giới xa. Nay tái phạm, phát về nơi đoạt của, đóng gông hai tháng, chiếu theo nơi đây trước đã làm những việc gì, bắt làm tiếp. Lí lão, lân hữu (lão làng, láng giềng gần) biết mà không tố cáo, quan ti nơi ấy chứa chấp không xét hỏi, hết thấy đều bị trị tội. Lí lão, lân hữu theo chỗ tới lui biết có mưu hại mà không cứu nó khỏi pháp luật, nên các ông bị phạt 100 trượng. Quan ti chiếu theo mới đưa những người phạm tội ra xử.

2) Phàm tụ tập đám đông, mưu chuyện sang đoạt phụ nữ đi đường một mình rồi đem bán hoặc làm nô tì. Nếu xét đúng là thực sự thì không nói là được của hay không được của. Hễ là thủ lãnh thì chém ngay, tòng phạm đều treo cổ hết (giam chờ), như biết rõ sự tình mà còn cố mua thì giảm chánh phạm một bậc tội, không biết thì không tội.

3) Phàm xét tội sang đoạt ban ngày thì trước tiên phải biết cho rõ căn do phạm tội, sau đó đo lường, phân tích tình hình mới quyết định. Lấy giữa ban ngày là sang đoạt, lấy vào ban đêm và trộm trên đường [đi chân lấy tay trời tối] vẫn buộc vào tội sang đoạt [rồi đi].

- Hai chữ ban ngày, nếu sang đoạt không được của và vật đoạt được bèn đem trả khổ chủ, thì khỏi xét tội. Còn như ngang ngược xúc lúa ruộng thì theo tội sang đoạt [có thể dò biết].

- Ăn trộm của người, lấy lúc giữa đường đi ngay. Luận tội trộm cấp thi đó là tang vật loại bạo trộm. Hỏi tra thì không nên. Nếu bị chia mà đoạt, sau khi xét tội trộm, chia tang vật, người thân thuộc ai sang đoạt. Nói ra với khủng bố, dọa nạt khi xét tội. ⁽¹⁾

4) Ăn của những vụ sang đoạt trộm cấp giết người, như đồng người cùng giết một người, không kể phương tiện gì như mũi nhọn các vật khác, tay chân đến đổi nạn nhân bỏ mạng, trọng thương, là kẻ cầm đầu tại hiện trường, hoặc bỏ mạng mà chẳng trọng thương, hoặc trọng thương mà chẳng bỏ mạng. Luận tội theo tông phạm, như vừa trọng thương vừa bỏ mạng bằng mũi nhọn thì mũi nhọn là thủ, các thứ khác, tay, chân, là tông phạm. Còn như có đủ mũi nhọn, các vật khác, tay chân khiến bỏ mạng, trọng thương, không còn phân biệt được nữa, nếu có chủ sai khiến làm thì ông ta là thủ, hạ thủ là tông phạm. Nếu không có kẻ ở trên làm trước thì hạ thủ làm thủ, hậu hạ thủ làm tông phạm.

- Còn những ai cùng án sang đoạt và ăn trộm không biết sự tình, còn chống đối khi bị bắt, thì chiếu xử tội theo sang đoạt trộm cấp với hạng thủ, tông.

5) Phạm quan và lĩnh đi tuần trên sông lớn, ngoài biển, như thấy thương thuyền gặp gió đánh, chưa chìm, hay mắc cạn không

1. *Phần chú trên:* (trang 34, q.12) Nói ban đêm xét lấy chỉ đường đi có người qua lại, chưa dứt người đi. Và nói đến sông, bến sông, sương giăng đồng nội đều là nơi nghỉ ngơi đã định, nếu kết đám bọn nhiều người, ban đêm cầm gậy côn, đánh người lấy của báu và đánh thẳng vào nhà, khác nhau (Nguyên chú).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

lật chìm, không lo cứu vớt [dùm]. Trái lại sang đoạt lấy tiền của người ta, rồi phá hư thuyền. Tội ấy chiếu theo luật về ăn trộm lớn trên sông biển mà xử, không chia thủ, tòng chém ngay, bêu đầu để cảnh cáo. Như gặp gió đập, tàu chìm, nhưng người chưa chết không mau mau cứu vớt, lại cứ ở đó mò lấy của tiền đến nỗi thường dân chết đuối. Tội ấy, thủ lãnh, chiếu theo luật về sang đoạt giết người, chém ngay, còn tòng phạm, chiếu theo luật về sang đoạt làm người bị thương, xử chém chờ giam. Như thấy thuyền úp chìm mà sang đoạt tiền của, hàng hóa, làm người bị thương, chưa đến nỗi bỏ mạng, với phương tiện là mũi nhọn, cây gậy trở lên thì tội chém (giam chờ). Phạm nhân bị thương chẳng phải mũi nhọn, chỉ là xoàng thì bình phục xong, đưa ra biên giới xa. Còn vị đương sai chưa làm người bị thương là người cầm đầu, chiếu luật sang đoạt, tăng thêm một bậc tội, phạt 100 trượng, lưu 2000 dặm. A tòng, phạt 100 trượng, đồ ba năm, tang vật hơn một quan tiền thì xử treo cổ (giam chờ).

- Như có đám hung ác biết chắc phạm tội ngoài biển không ai hay biết, nên chúng đã giết toàn bộ dân buôn để bịt mồm để không còn ai thưa gởi gì. Nếu phát hiện ra, chỉ là kẻ đồng mưu thôi, cũng đều chiếu theo luật bạo trộm giết người mà chém ngay, bêu đầu.

- Như thấy thuyền chìm úp, chưa ai sang đoạt hàng hóa, nhưng cản trở việc cứu vớt, để đến nỗi dân buôn chết chìm [hết], người cầm đầu, chiếu tội cố sát, chém (giam chờ), bọn a tòng thì chiếu luật biết người mưu hại không tức tốc cứu hộ, xử tội 100 trượng,

quan và để tham cách chức, lĩnh bị xóa tên trong bảng kê lương. Hoặc làm người chết chìm ở trước, sau đó lính mới mò vớt lấy hàng hóa vô chủ trên thuyền đang trôi, thì chiếu tang vật trị tội.

- Ở địa phương nọ bị tai họa dân đói khổ, men qua để lấy cướp, nếu hoàn toàn không có khí giới, số người không kể nhiều ít, hễ cướp của phi nghĩa, tàn bạo là chiếu theo luật về sang đoạt xử tội. Như tổ chức đông người cầm khí giới đến đe cổ khổ chủ lấy của tiền. Nhiều tang vật thì chiếu theo luật trộm bạo, xử trị. Kì thực, nhân tai họa, hoang tàn, đói khổ, thấy ở đó có lương thực, nhiều người tới móc lấy đem về, hy vọng rằng nếu kéo dài thêm một sáng một chiều; nếu không chop lấy ngay, đứt giấu đi thì không còn, thì quan ở doanh trấn ấy lượng tình châm chước xin ý vua định đoạt.

3. **Thiết đạo** (Trộm cắp); tức điều 238 Tổng mục.

- *Phàm đã tiến hành ăn trộm, ăn cắp nhưng không lấy được đồ vật, phạt 50 roi, miễn xâm chữ. Trường hợp lấy được đồ, không kể là chia tang vật hay không, đem một chủ làm trọng, lấy tang vật ấy luận tội, hạng từng thì mỗi người (chỉ vừa nói trên được đồ hay không được đồ) giảm một bậc. Dem một chủ làm trọng là như ăn trộm đồ đạc của hai nhà, thì theo nhà nhiều tang vật xử tội và luận về tang vật, như 10 người cùng đi ăn trộm một nhà với tang vật là 40 lạng. Tuy mỗi tên được 4 lạng, sự phân chia thông suốt trọn vẹn, nhưng 10 người này, mỗi người phải gánh 40 lạng tội. Cố ý là người đứng đầu, phạt 100 trượng, còn những người khác là tòng phạm, giảm một bậc. Mút tội là 90 trượng, những điều khác dựa vào đấy cả. Người phạm đầu, trên cánh tay mặt xâm hai chữ ĂN TRỘM. Tái*

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

phạm xâm bên tay trái, phạm lần ba treo cổ (giam chờ) để biết xâm chứ là một cách trị tội. Mới mắc tội, cũng đồng tội như sau:

- 1 lạng trở xuống: 60 trượng
- 1 lạng lên đến 10 lạng: 70 trượng
- 20 lạng: 80 trượng
- 30 lạng: 90 trượng
- 40 lạng: 100 trượng
- 50 lạng: 60 trượng, đồ 1 năm
- 60 lạng: 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi
- 70 lạng: 80 trượng, đồ 2 năm
- 80 lạng: 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi
- 90 lạng: 100 trượng, đồ 3 năm
- 100 lạng: 100 trượng, lưu 2000 dặm
- 110 lạng: 100 trượng, lưu 2500 dặm
- 120 lạng: 100 trượng, lưu 3000 dặm
- 120 lạng trở lên: treo cổ (giam chờ)

Ba lần phạm không luận tang vật, xử: treo cổ (giam chờ).⁽¹⁾

-
1. *Phần chú trên: Tập chú nói, hoặc là lấy tang vật của 1 chủ mà luận các tội trộm, như 5 người cùng trộm 1 chủ, tang vật là 120 lạng trở lên, trong đó phân 1, 2 lạng, 3, 4 lạng. Người đầu sỏ tội treo cổ, a tòng tội lưu, không thái quá, mà không quân bình. Chỗ thấy là vậy, nhưng ý luật pháp chỉ lấy khổ chủ mất của làm chuẩn tang vật, có thể chia tội, không thể chia hợp lí, chia tang vật, ít mà luận tội nặng, vì người nói rõ ra phạm lần đầu, hoặc ngoài pháp xin khoan hồng. Tập chú nói, án chừng theo tang vật ăn trộm, tuy lấy 1 chủ làm trọng, nếu một món vật mà cả hai nhà đều có, của cải của người trong 1 chiếc thuyền vẫn phải kể tính ra (Nguyên chú).*

[Giải thích]: - Thừa lúc người ta không biết lấy một cách mờ ám gọi là ăn cắp. Phàm mưu ăn trộm đi đến chỗ lấy trộm hoặc đã leo vách, đào tường tức là khổ chủ hay rồi, rượt, chạy không lấy được đồ đạc gì. Của cải tuy chưa tóm vào tay, nhưng tội trộm đã thực hiện, phạt 50 roi, miễn xâm chữ. Chỉ lấy trộm được của khổ chủ đồ đạc thì không kể là đã trộm qua bao nhiêu nhà, duy chỉ lấy một chủ làm trọng, không luận số lần ăn trộm là bao nhiêu người, đều coi theo tang vật mà buộc tội. Dem đồ đạc các chủ cộng chung lại tính tội thì số mất quá nặng, cho nên lấy tang vật của một chủ làm trọng để buộc tội. Nếu một chủ mà lại kể tang vật từng phần riêng thì số mất quá nhẹ, cho nên ắt lấy tang vật chung xoáy tội. Phàm kẻ cùng nhau thì không hỏi từng người được chia tang vật hay không, không luận được chia nhiều ít, của cải khổ chủ đã mất đi bao nhiêu đều là chung của những người ăn trộm này lấy. Cho nên truy tang vật thì chiếu vào phần riêng để luận tội, ắt ra tang vật chung. Còn những món tang vật lấy nơi khác, là nhẹ, nếu những nhà ngang nhau, thì chỉ truy tang vật không nặng mà xoáy tội ấy cũng là 2 tội cùng phát lên. Lấy chỗ nặng luận tội thì các nhà ngang nhau kia, theo một sự buộc tội chung là cùng, cho nên được giảm một bậc.

- Còn như nói chung về được của hay không được của, hề phạm lần đầu là xâm chữ vào cánh tay mặt, tái phạm xâm vào tay trái, và thủ, từng gì cũng xâm hết. **XÂM** là nhằm mục đích cảnh cáo về sau [sửa đổi]. Sau khi bị xâm lần 2 mà vẫn không cải hối, cho đến lần 3 phạm là hung ác lắm rồi, không đem lãng⁽¹⁾ trì thì e

1. Xem chú thích trang 75.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

loạn dân. Cho nên buộc tội treo cổ để cho những người từng trải qua xâm chứ biết tội mình. Nếu phạm qua tội ăn trộm thì luật cho khỏi xâm chứ, nếu tái phạm thì bị xâm. Lừa khi vắng người lấy vật gọi là *móc*, dùng tay lấy vật gọi là *mò*. Thừa lúc vắng, lén lấy thì không khác tội ăn trộm, cho nên chiếu theo luật tội trộm xâm chứ. Ba lần phạm thì treo cổ, tội đồng thì có tội nào không đồng tội.

Điều lệ:

1) Bắt được trộm cắp, quan thừa phẩm phải tiến hành nghiêm cẩn xét hỏi tội ngay, trừ tang vật đầu tiên. Phạm 50 lạng trở lên, ứng theo luật xử treo cổ và liền đưa sự việc của phạm nhân về địa phương làm bản kết thúc đầy đủ. Nếu tra xét thấy lời nhiều bản án thì nên chiếu vào tội cao nhất của giặc trộm theo đó mà xử. Còn những lời khai của bản án huyện gán, áp gán thì quan thừa thẩm đức kết thành bản văn, sai nha, quan tra soát lại. Nếu tang chứng hoàn toàn phù hợp với cuộc điều tra, không còn chút nghi ngờ gì thì ra lệnh đem nhanh về địa phương làm bản tổng kết ngay, không vụng về phải dẫn phạm nhân qua từng nơi riêng để điều tra nữa. Thàng hoặc tang vật cung cấp không phù hợp, thì phải hỏi tra những thủ, từng phạm nhân, hoặc gán nơi bị bắt. Gặp thế lực quân chúng mạnh nên phải khai ít ra nhiều, thì quan thừa thẩm phải đưa ngay tờ văn đến địa phương đó hỏi tra lại cho rõ nguyên do. Các thượng ty ở đó bảo kiểm sai, tùy dịch đem tờ trình về phạm nhân đến lần áp từ tội nặng qui kết phúc trình. Nếu có ai mượn cơ đó đặt ra lời nói dối là cất bớt án tình để hi vọng việc cuối cùng kết thúc tốt đẹp thì phải đưa về cho quan châu, huyện của nguyên thẩm để cùng xử.

2) Phàm người ngoại quốc tiến cống vật, lúc sứ thần đến kinh đô, thì quan binh địa phương ấy phải tuần tra nghiêm ngặt các quán môn. Như gặp ăn trộm lấy đồ sứ nước ngoài thì bắt ngay, trừ tang vật nặng vẫn chiếu luật xử tội. Tội xử trượng, thích, thêm đóng gông một tháng, ngày mang gông hết, chiếu theo luật xử trí. Như sứ nước ngoài báo bị trộm, nhưng giặc phạm tội thì không bắt được thì đem lính binh dịch tuần tra, phạt 100 trượng, quan địa phương ấy giao về Bộ nghị xử.

3) Các doanh trấn có trách nhiệm răn nhắc thành thuộc, quan đô đốc, lính do xét đánh giặc cướp. Hành quân bắt được giặc thì đưa về huyện xét hỏi. Như giặc phạm đến huyện đường cung khai báo, tráo trở thì cho phép gọi người đồng hương nó cho quan xét hỏi, nếu đúng là lương dân bị vu khống và không có tang chứng thì binh đình, quan quân chiếu lệ rạch ròi xử tội. Nếu quan địa phương quả ư đem bổ dịch, nuôi dưỡng lính, thẩm tra về tội thì miễn tội mất cảnh giác, số tang vật theo nhiều ít rạch ròi tương thưởng ông ta.

4) Phàm kẻ trộm cắp ở chung với cha, anh, chú, bác, em biết sự tình, lại phân chia tang vật thì chiếu theo tội phạm gốc, giảm hai bậc; tuy được của mà thật họ không biết tình thì giảm ba bậc. Cha, anh không có năng lực ngăn cấm con em đi ăn trộm thì phạt 40 roi.

5) Kẻ ăn trộm bỏ chạy, khổ chủ vội vã đuổi theo, trật chân té bỏ mạng và quần bách vì của cải mất nên tự tử, trừ việc có chống cự lại và số lớn về tang vật bằng bạc. Tội cao nhất của giặc cướp ba

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

lần phạm, các hạng ấy ra, vẫn chiếu theo luật lệ trị tội nặng nhất. Còn như xét thấy không có sự việc chống đối, tang vật ít, tội nhẹ, không đủ để khép tội đồ, thì đem giặc phạm, chiếu theo nhân gian, nghiệm mệnh lệ, xử phạt 100 trượng, đồ 3 năm.

4. Đạo mã ngựa súc sản (Ăn trộm ngựa trâu súc sản); tức điều 239 tổng mục

- Phạm ăn trộm ngựa, trâu, heo, dê, gà, chó, ngỗng, vịt của dân gian, kể giá trị của tang vật ấy, lấy tội trộm mà xử. Nếu ăn trộm súc sản của quan thì lấy thường nhân trộm vật của quan luận tội. Nếu ăn trộm ngựa trâu của quan viên làm thịt không kể tang vật, phạt 100 trượng, đồ ba năm. Nếu kể tang vật, nên kể luôn vật bị giết [rồi ấy] nếu nặng hơn tội gốc (là đồ ba năm, một năm rưỡi) thì thêm vào tội trộm (ăn cắp đồ của thường nhân) một bậc.

[Giải thích]: - Phạm ăn trộm ngựa, trâu, heo, dê, gà, chó, ngỗng, vịt thì tính giá trị ấy làm tang vật. Trường hợp này chia làm hai hạng là nhân dân và tại quan mà buộc tội. Nếu ăn trộm vật của tư gia nuôi dưỡng thì lấy pháp luật nói về ăn trộm một chủ làm trọng luôn cả tang vật luận tội, chia thủ, tòng. Nếu lấy trộm của nhà quan như súc sản thì lấy pháp luật về thường nhân ăn trộm tiết kể đây, gộp lại tính toán với tang vật luận tội, không chia thủ, tòng. Mỗi loại chiếu luật gốc, xâm chữ cho đến chết không giảm.

- Ăn trộm ngựa, trâu rồi đem giết thịt thì không kể là của quan hay dân nuôi, đều không kể là tang vật. Ăn trộm, giết trâu ngựa thì đánh 100 trượng, đồ ba năm. Trâu ngựa là vật người nuôi kéo nặng

đi xa rất hiệu dụng. Trâu ngựa và heo dê khác nhau. Mổ thịt trâu ngựa luật lệ vốn cấm. Tự mổ thịt trâu ngựa mình nuôi cũng đã bị đánh 100 trượng, huống nay ăn trộm lại đem giết nó, há là cuộc ăn trộm vật tầm thường được ư? Kể giá trị về tang vật, nếu nặng hơn tội gốc thì mỗi loại chiếu thường nhân ăn trộm, tội trộm, buộc tội thêm một bậc nữa. Như ngựa trâu quan là 45 lạng, ngựa trâu tư nhân là 100 lạng đều xử 100 trượng, lưu 2000 dặm, nếu nặng hơn bản tội thì thêm một bậc tội, 100 trượng, lưu 2500 dặm và xăm chữ vào mặt.

- Ý lớn của luật là ghét trộm bỏ cái tình thân. Nhóm trước ăn trộm, không giết, lập pháp đủ nghiêm vì cơ đó. Chỉ ăn trộm mà giết, không kể số tang vật liền bị buộc tội gốc, tang vật nhẹ, tội thì nặng hơn nhóm trước.

- Nếu tính tang vật nặng hơn tội gốc thì gắn thêm một bậc tội là tang vật nặng, tội cũng nặng hơn nhóm trước.

- Trộm trâu ngựa quan trị giá đến 80 lạng là ăn cắp vật, tội xử treo cổ.

- Trộm trâu ngựa tư nhân trị giá đến 120 lạng trở lên là chân phạm, treo cổ. Danh lệ gọi là giả tội. Mút tội là 100 trượng, lưu 3000 dặm, không được gia thêm cho đến chết, lại còn gọi lấy giả cho chân phạm thì xăm chữ, treo cổ, chém đều y theo luật gốc luận quyết tội. Nếu tang vật của trộm giết đã đủ số thì tự chiếu trước là luận về ăn trộm thì lấy pháp luật gốc về thường nhân ăn trộm, chẳng phải thêm tội. Như ngựa trâu quan giá trị 55 lạng, ngựa trâu tư nhân giá trị 120 lạng, tội gốc là 100 trượng, lưu 3000

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

dặm thì không được tái thêm một bức nào nữa cho đến chết. Nếu nhân tố thêm chữ, tổng quát là tính tang vật đủ số đều mút hết là 100 trượng, lưu 3000 dặm. Trộm mà không giết, trái lại có tử tội, trộm mà giết, trái lại không tử tội, khinh trọng mất thứ lớp. Chỉ là tang vật nhiều, ăn trộm bị treo cổ, thường nhân ăn trộm trái lại, chỉ là trộm vật.

Điều lệ:

1) Phạm ăn trộm ngựa vua, bị tội đóng gông ba tháng, phát vàng gần biên giới. Nếu mình và kẻ khác cời chơi, bắt ngựa quan bán trộm thì đóng gông một tháng. Ăn trộm 3 con trở lên, còn tái phạm thì không kể số con, xử trí là phát phối ra vùng phụ cận.

- Ăn trộm 5 con trở lên thì phát phối ra biên giới xa.

- Nếu nhà dân nuôi ngựa quan rồi trộm bán ngựa ấy, từ 3 con trở lên thì cũng bị tội phát vùng phụ cận, sung lính.

2) Phạm ăn trộm 1 con trâu, đóng gông hiệu một tháng, 82 trượng, ăn cắp 2 con, mang gông, hiệu 35 ngày, 90 trượng, ăn cắp 3 con, mang gông hiệu 40 ngày, 60 trượng, đồ một năm, 5 con, mang gông hiệu 40 ngày, 80 trượng, đồ 2 năm, 5 con trở lên, mang gông 40 ngày 100 trượng, đồ 3 năm, 10 con trở lên, 100 trượng, lưu 3000 dặm, 20 con trở lên, không kể số tang vật nhiều hay ít, xử treo cổ giam chờ. Chuyện ở chỗ 20 con trở xuống, tang vật coi là nhẹ nên chia ra gông, trượng, đồ, lưu. Ngoài nó ra, tang vật lên đến 120 lượng trở lên, nhưng vẫn chiếu xử treo cổ giam chờ.

- Ăn trộm lại còn giết, mang gông một tháng, đưa ra vùng phụ

cận, đều chiếu theo lệ ăn trộm, xâm chủ. Oan gia biết tình mà chia tang vật thì cùng tội với ăn trộm. Biết tình không chia thì phạt 100 trượng.⁽¹⁾

5. Đạo điền dã cốc mạch (Ăn cắp lúa thóc ngoài đồng); tức điều 240 Tổng mục

- *Phàm ăn trộm lúa thóc, rau trái ngoài đồng và những đồ dùng không ai coi ngó (là những thứ không hề có ai coi ngó, không đợi coi ngó) thì tính giá trị nó mà luận tội trộm, miễn xâm chủ.*

- *Nếu những thứ như củi, cỏ cây, đá trên núi mà người khác đã bỏ công ra đốn chặt chất đống, tự tiện lấy thì tội như vừa kể trên.*

- *Củi, cỏ, cây, đá tuy chặt nhưng chưa chở đi, tự tiện lấy thì phạt 50 roi. Điều trên còn nói nếu chống cự thì xử thêm tội chống cự.*

[Giải thích]: - Điều này người ta nói chủ yếu là đồng ruộng, rừng núi. Phàm lúa thóc, rau trái còn trong ruộng, chưa cắt gặt về nhà và hết thảy mọi đồ đạc không ai coi ngó mà lấy trộm thì nó khác tính chất với đồ ở trong nhà, đồ có người coi nó. Cho nên tính giá trị nó để đặt luật pháp về ăn trộm, luận tội với tang vật, miễn xâm chủ.

- Nếu củi, cỏ, cây, đá ở rừng núi, vốn không ai làm chủ được lấy xài chung, nhưng khi người khác đã bỏ công chặt đốn chất

1. *Phần chú trên: Tập chú nói:* Đây là ngựa vua, đó là ngựa nội kí. Ngựa thu nuôi ở ngoài, không phải là ngựa vua cỡi. Nếu bọn trộm mà ăn cắp con ngựa vua cỡi này, vậy là ăn trộm vật dùng của vua như xe, ngựa, áo (Nguyễn chú).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

đồng thì nó trở thành vật của người ấy rồi. Thế mà tự tiện mang đi, lấy thì chẳng phải của mình ăn trộm, cho nên xử tội như trên.

Điều lệ:

1) Phàm ăn trộm đào vàng, bạc, đồng, thiếc, thủy ngân, khoáng sa, kim sa, một cân tính ra bạc 2 tiền 5 phân.

- Ngân sa một cân tính ra bạc 5 phân; đồng, thiếc, thủy ngân... sa, 1 cân tính ra bạc một phân 2 li 5 hào đều kể là tang vật. Theo đó buộc tội. Nếu bắt được tại núi, động mà chống lại bằng gậy gộc thì không kể người, số sa nhiều ít và phạm lần đầu hay tái phạm đều bị tội phát ra biên giới xa.

- Nếu giết, đánh người bị thương, người cầm đầu phạt theo luật về ăn trộm chống cự, giết làm người bị thương, chém, không để chống cự.

- Nếu tụ tập trên 30 người, không luận số sa nhiều hay ít và phạm lần thứ mấy, người cầm đầu, đưa đi biên giới xa, bọn a tùng mang gông ba tháng. Chiếu tội trộm phát lạc (xử trị).

- Nếu không để chống đối, lại số người không đầy 30, thì kẻ cầm đầu mang gông ba tháng, chiếu theo tội trộm phát lạc (xử trị), tái phạm phát đi biên giới gần, kẻ a tùng, chiếu tội ăn trộm, phát lạc, không phải bắt được ở núi, động mà ở nhà riêng, gom chôn giấu bên đường những đồ mang trên lưng. Chỉ xử là bị bắt, luận tội, tuân bổ, nhân viên không được ép uống khiến quay đảo, ngược ngạo làm trái điều ấy, thì xem xét trị tội.

- Khoáng sản, sơn trường, sơn chủ, nếu trái lệnh cấm mà dẫn

bọn khai mỏ lén trốn vào đào ăn cắp thì chiếu theo lệ về bọn khai mỏ, luận tội từ tên cầm đầu. Nếu trong hệ thống giản đơn tiếp tế mà được chia lợi nhiều, thì phạt 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi. Người được của, kể tang vật, chuẩn đó mà luận tội từ chỗ nặng nhất. Nếu nhân vì quan binh đến bắt, tin bị lộ [bọn này] chạy trốn cả, và ngầm chống cự thì đều chiếu quan ty truy bổ tội nhân mà tiết lậu sự việc, giảm tội người phạm tội xuống một bậc, theo luật trị tội. Bảo giáp ở gần đó biết sự việc mà chưa chấp không báo, thì đều chiếu theo láng giềng oa chủ, trộm bạo. Biết mà không thú, theo lệ phạt 100 trượng, phát lạc (xử trị một nơi).

2) Nghề nông của dân gian, như ai có nghề trong đất mình, sở phó công cán, sức đào đắp ao đầm trũng chứa nước, trải qua xe quạt nước có chủ mới đưa nước vào ruộng tràn đầy. Thế mà người khác lại tự tiện ăn cắp tháo nước cho chảy vô ruộng mình. Tội ấy không luận là đêm đen ngày trắng. Ăn chiếu theo số nước anh ta tháo chảy vô ruộng mình tưới bao nhiêu mẫu lúa, chiếu theo luật nói về: chiếm ruộng người khác một mẫu trở xuống phạt 50 roi, mỗi 5 mẫu tăng một bậc, trị tội. Mút tội là 80 trượng, đồ hai năm. Nếu có chống cự khi bị bắt thì y luật “để tội nhân chống cự khi bị bắt” mà xoáy tội vào. Như có người phải bị bắt vì giết, đánh trọng thương người ta, thì chiếu xử bởi luật nó nói về: “tự tiện giết người làm bị thương tội nhân”..

- Nếu những nơi công cộng như sông ngòi, rãnh nước, ngòi nước, cống nước, đầm nước mà cây đập ngăn nước chứa làm của mình, hoặc nơi công cộng trong đất đào ao; tuy là thành của mình

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

nhưng chưa có xe quạt nước vô ruộng... đều không được tràn lan dẫn lệ này. Ai giết và làm bị thương người ta, phải định tội rạch rồi xem đó là âm mưu hay chết vì đánh lộn thực sự. ⁽¹⁾

*

* *

1. Tính chất của hình luật trong *Hoàng Việt luật lệ*

Từ những chi tiết trên cho chúng ta thấy phần luật hình của luật Gia Long là phần khắc nghiệt trong toàn bộ bộ luật. Có thể nói Hình luật đời Gia Long - nói riêng - và triều Nguyễn - nói chung là khá khốc liệt trong các triều đại phong kiến. Tuy nhiên, vào đời nhà Trần (1225-1400) khi Trương Hán Siêu (... - 1354), Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) được vua Trần Dụ Tông (1336-1369) sai soạn *Hoàng triều đại điển* (10 quyển), đã thất lạc đồng thời với bộ *Hình luật thư*.

Hình luật thư (1 quyển) cũng do Trần Dụ Tông sai Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn cùng hợp soạn, nay cũng đã tuyệt bản chỉ còn thấy Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú nhắc lại trong tác phẩm của hai ông.

Về việc soạn sách *Hình luật thư*, *Đại Việt sử kí tiền biên* (Q.7) và *Đại Việt sử kí toàn thư* đều chép: "Thiệu Phong nguyên niên, thu bát nguyệt... mệnh Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên định *Hoàng triều đại điển* khảo soạn hình thư ban hành.

1. Tham khảo *Hoàng Việt luật lệ* (5 tập) NXB Văn Hóa TT xuất bản năm 1994, cùng dịch giả.

(Niên hiệu Thiệu Phong thứ nhất, mùa thu tháng tám (9-1341), nhà vua giao cho Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên định sách Hoàng triều đại điển (Thể lệ lớn của triều vua Trần) và soạn Hình thư ban hành trong nước.

Nhưng trước đó gần một trăm năm vào năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 13 (1244) đã một lần Trần Thái Tông sai định Hình luật

Nhưng theo GS Trần Văn Giáp ⁽¹⁾ thì có lẽ bộ hình luật này quá hà khắc nên dù được làm thành sách, mà vẫn chưa ban bố.

Sách Đại Việt sử kí tiền biên bản in đời Tây Sơn (Q.5) chép như sau: “Thiên Ứng Chính Bình Giáp thìn thập tam niên, xuân chính nguyệt định hình luật chư cách”.

(Năm Giáp Thìn niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 13, ngày xuân tháng giêng (2-1244) định rõ các hình luật.

Sau câu này, tác giả có trích lời phê phán về hình pháp khốc liệt của triều Trần chép theo sách Trung Quốc (?) để làm tài liệu tham khảo như sau: “Ân khảo lao cổ sự sao ngôn Trần hình pháp tối khốc; đạo cập đào vong tróc kì túc chỉ, phó kì nhân cam tẩm hoặc phó tượng súc sát chỉ, lục dĩ bị khảo”.

Nghĩa:

Theo lời chép trong sách Khảo lao cổ sự sao, hình pháp triều Trần khốc liệt [dữ dội] lắm: kẻ trộm cướp và kẻ bỏ trốn đi [mà bắt

1. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, NXB Văn Hóa, 1984, Hà Nội và mục từ Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn, trong *Từ điển Tác gia văn hóa Việt Nam* (NXB Văn Hóa, 1999).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

lại được] thì đem chặt ngón chân, mặc cho phải chịu [khổ], hay là đem cho voi giày chết (Chép để tham khảo)”.

So với Hình luật đời Trần vừa dẫn thì Hoàng Việt luật lệ đời Gia Long vẫn ít khốc liệt hơn Hình luật xưa mà Đại Việt sử kí tiền biên đã nhắc lại như đã dẫn trên ⁽¹⁾.

Riêng điều 1 và 2 (tức điều 223 và 224 trong Quyển 12 của toàn bộ bộ luật Gia Long) thì điều 223 (tức điều 1) là chỉ việc *mưu đại nghịch*, còn điều 224 (tức điều 2) xác định rõ việc *mưu gây rối loạn*.

Hai điều này các tác giả sắp đứng gần nhau để nói về việc phản nghịch, nhưng một bên là *đại nghịch (nghịch lớn)* và một bên là *mưu gây rối loạn (mưu phản)*. Hai điều trên pháp quan phải phán đoán rạch ròi chứ không thể nhập nhằng mà kết tội oan sai đối với kẻ phạm pháp. Pháp quan phải có một bộ óc tinh táo, công minh mới phán quyết một cách đúng luật pháp. Tuy vậy, trong lịch sử pháp lí Việt Nam là hồi năm 1908 các nhà cách mạng Việt Nam trong phong trào Duy tân đã bị viên khâm sứ Trung Kỳ lúc ấy là Lévecque đã cố tình đẩy tội *mưu phản* (điều 224) sang tội *Mưu đại nghịch* (điều 223) để trảm quyết (chém ngay) các nhà chí sĩ (Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện. Thực tế, theo luật này thì các ông không bị *chém ngay* vì Phan Châu Trinh được ông Babut và Hội Nhân quyền can thiệp) - chỉ Trần Quý Cáp bị áp dụng điều 223 bị Phạm Ngọc Quát xử trảm quyết (chém ngay).

1. Nguyễn Q. Thắng, *Từ điển Tác gia văn hóa Việt Nam*, NXB Văn Hóa-TT, 1999, TP.HCM.

Trong khi đó, áp dụng điều 224 thì kẻ phạm pháp chỉ bị “giáo giam hậu” (giam sau chờ thất cổ chết), hoặc đánh 100 trượng đầy đi xa 3000 dặm. Nhưng phủ phụ chánh, nhất là Thượng thư Lê Trinh, Cao Xuân Dục cho rằng trường hợp này chỉ phải (cần) áp dụng điều 224 thay vì điều 223 như Lévecque muốn áp đặt theo ý đồ độc ác của ông ta nhằm đim phong trào Duy tân của nhân dân ta vào trong biển máu!⁽¹⁾

Đó là điểm rạch ròi, chính xác của *Hoàng Việt luật lệ*. Từ đó ngày nay ta thấy luật Gia Long không đến nỗi «*dữ dội, khốc liệt*», như các bộ luật khác nhất là *Hình luật thư* đòi nhà Trần như đã nhắc qua ở trên.



Về tội *hối lộ* (Nhận của đút lót, Quyển 17 - Hình luật). Tội này có 9 *điều luật* và nhiều *lệ* để xử phạt việc xấu xa, vi phạm đạo đức làm người trong việc trị nước, nhằm duy trì nhân tâm cùng phong hóa.

Sau đây, chúng tôi xin dịch trích lại đầy đủ các *điều luật* cùng các *lệ* để các nhà làm luật ngày nay cùng nhà cầm quyền nước tham khảo; nếu có thể vận dụng vào công quyền thời hiện đại và đương đại.

Nhận đút lót:

01- Quan lại nhận của tiền

-
1. Tham khảo: Nguyễn Q.Thắng, *Phan Châu Trinh Cuộc đời và tác phẩm*, NXB Văn học tái bản 2001, Hà Nội.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

02- Vương vào tang vật đưa đến tội

03- Nhận của sau khi xong việc

04- Quan lại hứa nhận tiền của

05- Có việc đem của thỉnh cầu

06- Quan buộc mượn hàng hóa tài vật của người

07- Người nhà xin mượn

08- Nhận việc công mà xử gom

09- Giữ lại tang vật ăn trộm

1. Quan lại thọ tài (Quan lại nhận tiền), tức điều 312 của Tổng mục bộ luật.

- Phạm quan lại (nhân chuyên lạm dụng hay không lạm dụng luật pháp) nhận tiền của thì kể theo tang vật đó mà xử tội. Người không ăn lương nhà nước thì giảm một bậc, lấy lại những cáo sắc vua ban cho, xóa tên sổ quan, lại thì bãi dịch - cách chức - (tang vật chỉ một lượng) không kể thứ bậc nào.

- Nói những lỗi của người phạm để lấy tiền thì người có ăn lương nhà nước, giảm một bậc về người nhận của tiền. Người không có ăn lương nhà nước thì giảm hai bậc tội. [Như ăn đút lót bởi hăm dọa gian dối, bởi người ta muốn được xử nhẹ và xong việc mới nhận của tiền thì không ở trong hạn này. Mút tội là trăm trượng, दो hai năm, chiếu luật dời chỗ, xử thành nửa tội lưu] có tang vật (nói lỗi lấy tiền lại nhận tiền thêm) thì kể tang vật đó mà xử theo điều nặng (nếu tang vật nặng thì xử theo tội gốc).

[Giải thích:] - Điều này là luật gốc về quan lại phạm tội ăn của

đút lót, chỉ quan lại mà nói, quan lại chính là người nắm luật pháp, nên chia ra hai hạng lạm dụng luật pháp hay không. Phạm quan hiện nhậm nha môn, quân, dân trong kinh thành hay ở tỉnh, lại hiện dịch, nhân người ta có việc, vì việc làm của họ, đòi tiền của thì kể tang vật đã gom về, chia ra có lạm dụng luật pháp hay không chiếu theo tang vật xử tội. Người làm việc ăn lương, trợ cấp hằng tháng, không đến một thạch (hộc) và người không ăn lương nhà nước, thì được giảm bậc tội so với người có lương, chia hai hạng có lạm dụng luật pháp và không lạm dụng. Lấy tang vật buộc tội thì bậc quan là bị lấy lại mọi đạo, cáo, sắc vua ban, bôi tên trong sổ bộ quan. Còn bậc lại thì cho thôi hiện dịch, không kể là thứ bậc nào, dùng danh lệ về quan viên phạm tội tư mà xử. Phạt trăm trọng, bãi chức không kể là bậc thứ nào, ăn đút lót từ một lượng trở xuống. Lạm dụng luật pháp, phạt 70 trọng, không lạm dụng luật pháp, phạt 60 trọng tất cả đều bãi chức. Phạm tội làm thiếu sót thì không kể nặng nhẹ.

- Nhân việc mà nhận tiền của đút lót ắt có liên quan trong việc nói dối của người để họ giao tiền cho nên lại có thêm tội về nói dối người khác để kiếm tiền. Người ăn lương nhà nước thì giảm một bậc người nhận tiền, người không ăn lương nhà nước, giảm người nhận tiền hai bậc, phạt trăm trọng, đồ hai năm. Chiếu tội về nói dối để lấy tiền, luật cũ có xử dời chỗ đồ, nay ấn tính định là đồ hai năm. Năm bậc tội đồ và trọng cùng có thêm hay bớt, ấy là trọng thì tăng, giảm, đồ là hai năm. Ăn tiền từ một lượng trở xuống, giảm đến tội roi, cũng đồ hai năm. Tội trọng thì giảm, chiếu theo người nhận tiền. Cho nên có chia ra hạng nặng nhẹ mà đồ, nhất định phải xử, để thay cho lệ đồ đổi chỗ kia chứ không

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

phải là lệ đồ của 5 bức đồ. Nói lỗi người khác để lấy tiền, đồ hai năm. Như lạm dụng luật pháp, ăn 30 lượng trở xuống, không mạo dụng pháp luật, ăn 70 trọng trở xuống, trái lại là nặng hơn tội người nhận tiền. Đó là chỉ ra rằng luật rất ghét tội tham nhũng, nhưng người nhận nhiều tiền, tội đến chết, con người nói lỗi để kiếm tiền chỉ phạt trăm trọng [chứ không có tang vật gom về cho mình]. Như người có lỗi kiếm tiền và quan lại, lại dịch có được tiền bởi việc của người ta thì kể số tang vật đã gom về ấy. Chiếu đó mà xử theo có lạm dụng luật pháp và không lạm dụng luật pháp, có ăn lương nhà nước hay không. Tang vật nặng hơn tiền nói lỗi thì từ tang vật mà xử. Nói lỗi lấy tiền nặng thì xử theo lấy tiền nhờ nói lỗi, đồ hai năm. Nặng nhẹ hay đồ là thay cho việc đồ phải đổi chỗ ở, đồ không phải tội chính. Phạt trăm trọng là không đúng. Chiếu theo tổ tụng vu cáo đồ đổi chỗ ở thì đồ hai năm, tăng 3 bức tội về vu cáo và tính vào số trọng bị phạt thì có thể biết lấy việc đồ hai năm là chính tội, và xử theo tội roi, trọng.

Người ăn lương nhà nước (người được lương mỗi tháng 1 thạch trở lên) lạm dụng luật pháp ăn đút lót của nhiều chủ, buộc tội chung là nhận của người mắc tội mà xử cong luật quẹo pháp, nhận tiền của một người thì phạt trọn việc đó. Như nhận tiền của 10 người một lúc, việc đồ bể, tính chung một chỗ, xử trọn một tội. Còn tội phạm hai việc trở lên, một chủ trước bị phát giác và xử tội, tội sau bị phát giác nhẹ hơn, cũng bị xử.

- 1 lượng trở xuống, phạt 70 trọng,
- 1 lượng đến 5 lượng, phạt 80 trọng,
- 10 lượng, phạt 90 trọng,

- 10 đến 15 trọng, phạt 100 trọng,
- 20 lượng đến 60 trọng, phạt đồ 1 năm,
- 25 lượng phạt 70 trọng, đồ một năm rưỡi,
- 30 lượng phạt 80 trọng, đồ hai năm,
- 40 lượng phạt trăm trọng đồ 3 năm,
- 45 lượng, phạt trăm trọng, lưu 2000 dặm,
- 50 lượng, phạt trăm trọng, lưu 2500 dặm,
- 55 lượng, phạt trăm trọng, lưu 3000 dặm,
- 80 lượng đúng, phạt treo cổ (giam chờ)

Không lạm dụng luật pháp, ăn tiền đút lót của nhiều chủ, tính chung xử tội theo nửa số đó. (Tuy có nhận tiền của người nhưng không xử cong queo. Nhưng nhận cùng lúc, tiền của 10 chủ, việc đồ bể, tính gộp chung xử phân nửa tội, một chủ cũng xử phân nửa tội. Lỗi xử nửa tội đều y theo đây).

- 1 lượng trở xuống, phạt 60 trọng,
- 1 lượng trở lên đến 10 lượng, phạt 70 trọng,
- 20 lượng, phạt 80 trọng,
- 30 lượng, phạt 90 trọng,
- 40 lượng phạt trăm trọng,
- 50 lượng, phạt 60 trọng, đồ một năm
- 60 lượng, phạt 70 trọng, đồ một năm rưỡi
- 70 lượng, phạt 80 trọng, đồ hai năm
- 90 lượng, phạt 100 trọng, đồ 3 năm
- 110 lượng, phạt lưu 2000 dặm

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- 120 lượng, phạt 100 trượng, lưu 2000 dặm
- 120 lượng trở lên đúng, treo cổ (giam chờ)

Người không ăn lương nhà nước (lương tháng không tới một thạch) lạm dụng luật pháp (như giúp đỡ, cho phép làm, cố dung túng) thì 120 lượng phạt treo cổ (giam chờ). Không lạm dụng pháp luật thì 120 lượng trở lên chỉ phạt trăm trượng, lưu 3000 dặm.

Tiết đầu, nói quan lại nhận của, tội có sai đẳng. Ở đây luật nghiêm trị tội ăn đút lót, nêu lên tổng cương về nhân có việc, trong mọi trường hợp nhận của. Nếu quan lại nhân có việc của ai, nhận của của họ, rồi xử cong queo, không chiếu theo luật là lạm dụng luật pháp để ăn đút lót. Còn như dù có nhận của mà vẫn nắm công li để xử thì là không lạm dụng luật pháp. Ăn của đút lót, lạm dụng luật pháp là chống hai từng tội, đã nhận đút lót lại lạm dụng luật pháp, dựa vào luật pháp ấy là gian dối, cho nên tội nặng hơn. Như nhận của đút lót của nhiều chủ cùng một lúc, việc đồ bể, không kể nhiều ít, gộp chung, xử hết tội, tức phát giác chuyện của một chủ, đã xử xong, sau phát giác, cũng xử luôn. Ăn một lượng trở xuống, khởi điểm phạt 70 trượng; 5 lượng, thêm một bậc, đến 80 lượng bị treo cổ. Người không ăn lương nhà nước giảm một bậc; đến 120 lượng cũng treo cổ. Ăn đút lót không lạm dụng luật pháp thì một từng tội. Pháp luật không thiếu sót, không nhận của thì tội nhẹ. Trường hợp nhận của tiền của nhiều người cùng lúc việc phát giác, không kể nhiều ít gộp chung xử tội, một chủ cũng xử nửa tội. Có việc ăn đút lót trước xử xong, sau đó phát hiện tội đút lót nhẹ, ngang bậc thì khởi bị xử. Một lượng trở xuống, phạt khởi điểm 60

trượng; 10 lượng thêm một bức đến 120 lượng trở lên là bị thất cố. Người không ăn lương nhà nước thì được giảm một bức; đến 120 lượng trở lên, phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm. Hai hạng có lạm dụng và không lạm dụng luật pháp. Đó là luật chính để xử quan lại ăn đút lót. Quan lại là người nắm pháp luật, bảo vệ pháp luật, mọi cân nhắc sự việc đều trong một tay người ấy, xử hết thấy mọi việc nặng nhẹ, thêm bớt, hoàn toàn do quan lại làm, chủ yếu có lạm dụng hay không lạm dụng luật pháp mà thôi. Người khác không thể làm được. *Quan* thì đều ăn lương nhà nước, còn *lại* thì chia ra hạng có ăn lương và hạng không ăn lương. Gọi kẻ không ăn lương là hạng lại không được trả công, hay lương tháng không tới một thạch. Như quan lại ở tỉnh, các sắc dân, như nhân việc mà nhận của, trừ ngoài việc đòi tiền, gây sợ hãi, hăm dọa lừa đảo, dối gạt là chính luật, mà ăn đút lót có lạm dụng hay không lạm dụng luật pháp thì quan lại như nhau. Xử theo các điều có lạm dụng luật pháp, không lạm dụng luật pháp. ⁽¹⁾

1. *Chú thích bên trên:*

Tập chú nói: Điều này nói chuyện về tội ăn đút lót, Như không nhận tiền của mà lạm dụng luật pháp thì ắt có thiếu sót, thêm bớt; cho nên xử theo luật về thêm bớt, là nhận của trước khi xử có lạm dụng luật pháp hay không. Về sau là đúng với luật này nói, còn như hứa mà chưa nhận thì có điều nói về hứa nhận của, vật. Nếu xử trước rồi sau mới nhận của thì có điều nói về nhận của sau khi xong việc. Nếu chỉ nói sự việc mà người kia tự thấy lỗi mình lo tiền cho xử khác.

Tập chú nói: Xử người ta tội lỗi để nhận tiền là giảng thông suốt nhằm để lấy tiền. Nếu nói việc có liên quan đến ai mà không hối lộ tiền của thì đó là phò thác. Quan lại nhận đút lót, ắt nhân có việc lại nhận trước khi

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Điều lệ:

1) Các bộ viên, nha môn can phạm thì giấy tờ chỉ gọi là Bộ *phi*, *chiêu*, *dao*, *tràng*, *biên* vì phạm đến luật nước không phải là chuyện ăn đút lót thường phạm. Khi phát giác điều tra đúng luật thì xử chém ngay. Người biết rõ về chuyện, phân biệt số lượng bao nhiêu, bị tội gì, chiếu lệ mà đưa ra biên giới xa.

2) Phạm người đang làm việc nơi cửa quan mà nhận của tiền của người có chuyện thì không cứ bởi điều luật chính, nếu đúng là

xong việc rồi người có lỗi đưa tiền mới được xử. Cho nên lời chủ nói: như đòi tiền, nạt dọa... thì không dùng luật này.

Tập chú nói: Ăn của đút lót có lạm dụng luật pháp hay không, đều kể theo số tang vật mình gom về ấy mà luận tội. Nó khác với tang vật của tội ăn trộm. Ăn trộm lấy được của là khổ chủ bị hại, cũng theo tang vật mà buộc tội; tuy một người ăn trộm tang vật của nhiều khổ chủ, cũng chỉ kể là một chủ xử nặng tội. Tuy nhiều người chia tang vật của một chủ cũng kể là tang vật bị mất mát. Các tội ăn trộm tính gộp tang vật nên có chia ra xử riêng thủ, từng. Tội của quan lại nhận của là vi quan lại tham của. Cho nên kể tang vật mà mỗi người đã gom về mà xử, dù một người nhận của của nhiều chủ, tính chung xử hết. Tuy nhiên người cùng nhận của nơi một chủ thì kể vào của nơi một người ấy mà bắt tội mọi kẻ kia. Thế nên không chia thủ, từng.

Tập chú nói: Trong luật nói về việc đi nói tội lỗi người khác để lấy tiền, người có ăn lượng thì giảm một bậc. Tại sao nói chỉ phạt trăm trượng, đồ một năm? Đồ hai năm, phạt 80 trượng, sao nói là 100 trượng? Ấy làm muốn nhấn mạnh vào chỗ có lạm dụng luật pháp hay không lạm dụng. Mút tội là lưu hai bậc đổi ra đồ thì 4 năm, giảm một bậc. Đổi chỗ nơi ở của tội đồ so với tội lưu thì giảm phân nửa, là đồ hai năm. Tuy so với lưu là giảm phân nửa, vẫn bao hàm tội gốc về trượng trong đó, không phải từ trượng thêm tội đồ lên tội đồ, cho nên là 100 trượng (Nguyên chú).

đối với luật có chỗ lạm dụng, dung túng thì đều kể là lạm dụng luật pháp, kể tang vật mà xử tội. Còn như việc chứng người thân, hàng xóm chết thì không phải là việc nơi quan mà nhân vì người có chuyện. Mỗi việc y theo các điều luật gốc mà trị tội, không phải là xử theo lạm dụng luật pháp.

3) Ở kinh thành hay tỉnh, nha môn lớn nhỏ, đồ dịch làm người ta lo sợ, hăm dọa, gian trá đòi tiền của dân nghèo thì kể tang vật từ một lượng trở xuống, phạt trăm trượng. Hai lượng đến 5 lượng phạt trăm trượng, đeo gông hiệu nhất cá nguyệt, 6 lượng đến 10 lượng phạt trăm trượng, đồ 3 năm. Tang vật từ 10 lượng trở lên thì đưa ra biên giới xa. Đến 120 lượng chiếu luật lạm dụng luật pháp xử treo cổ, kẻ từng chia tang vật thì giảm một bậc. Còn kẻ đòi tiền gian trá đối với dân nghèo, khiến họ phải bán con cầm vợ (10 lượng trở xuống) cũng chiếu theo lệ sung quan, phát phối, kẻ a tòng phân chia tang vật [không kể tang vật] đều phạt trăm trượng, đồ 3 năm. Còn kẻ nạt nộ, gian trá khiến người ta phải chết thì không kể tang vật nhiều ít đều bị treo cổ (giam chờ), kẻ a tòng giảm một bậc.

4) Phạm như các nha môn, thư lại mà có tệ lấy văn làm trò chơi giỡn liên hệ đến luật mà phạm pháp thì chiếu người bình thường tăng một bậc để xử.

5) Sai dịch ở các đạo, doanh, trấn, Thượng ti mà nhiều hại dân lành, thì dân châu huyện được phép xét bắt và cho phép người bị hại trình thưa cai dịch ấy, chiếu lệ trị tội.

6) Trừ ngoài việc xét không có gom về tang vật mà khiến bị

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

tội, trong việc xử toàn bộ, vẫn chiếu tội phạm về du di làm thiếu hụt lương tiền được giảm miễn. Nếu quan lại tham lam, nhân việc mà nhận của gom về, tra xét kĩ không lạm dụng luật pháp và theo điều ghi của luật về lạm dụng, không lạm dụng luật pháp mà xét xử. Tang vật giữ lại nếu đúng hạn một năm, xử đến tội chết thì chiếu lần xử đầu mà giảm một bậc đổi ra tội lưu. Tội sung quân, lưu trở xuống thì mỗi thứ giảm một bậc, xử trị. Còn như trong hạn ấy mà không đủ để đưa đến tội chết thì vẫn chiếu lần xử đầu giam đọa, xử tiếp. Tội lưu trở xuống thì xử trị ngay. Còn tang vật phải truy thu, chiếu lệ buộc phải nộp đủ.

7) Quan viên tham lam ăn đứt lót, lạm dụng luật pháp gom về mình, tuy trong hạn xử hết cũng không được phép giảm tội. Ăn đứt lót không bởi lạm dụng luật pháp thì xử theo tội lạm dụng luật pháp. Còn vì tang vật mà khiến mắc tội thì chiếu theo lệ để xét xử.

2. Tọa tang trí tội (Vướng vào tang vật đưa đến tội); tức điều 313 của Tổng mục.

- *Phàm quan lại và người chẳng phải nhân chuyên (lạm dụng hay không lạm dụng luật pháp) mà nhận của tiền của kẻ khác thành tang vật đưa đến tội, gom hết đồ của chủ mà xử phân nửa, người cho được giảm 5 bậc tội. (Như việc bị ăn trộm của cải, hay đánh lộn bị bồi thường thuốc men, ngoài các việc ấy, mà nhận tiền của của người, tính chung của nhiều chủ, xử nửa tội. Vì cả hai hòa đồng cho nhận, cho nên người xuất tiền thì giảm tội 5 bậc so với người nhận tiền). Lại như tự ý giảm bớt tiền của, hay thu nhiều nộp ít, hoặc thu*

thuế lương tiền đem lúa về, kiểm tra ruộng thất bát, tự tạo học bổng lúa riêng [cả dẫu, thước, cân], như có nói trong các điều luật. Tuy không đem về cho mình hay không làm sổ trả tiền nhân công, đối gặt các thứ v.v... Những loại tội bởi tang vật đó đều gọi là vướng vào tang vật đưa đến tội.

[Giải thích:] - Quan lai vướng vào tang vật, nếu không gom về mình thì xử phục chức dịch. Người xuất tiền muốn tránh việc nặng thì xử theo điều nặng.

- 1 lượng trở xuống, phạt 20 roi.
- 1 lượng đến 10 lượng, phạt 30 roi.,
- 20 lượng, phạt 40 roi.
- 30 lượng, phạt 50 roi.
- 40 lượng, phạt 60 trượng.
- 50 lượng, phạt 70 trượng
- 60 lượng, phạt 80 trượng
- 70 lượng, phạt 90 trượng
- 80 lượng, phạt 100 trượng
- 100 lượng, phạt 60 trượng, đồ một năm.
- 200 lượng, phạt 70 trượng đồ một năm rưỡi.
- 300 lượng, phạt 80 trượng, đồ hai năm.
- 400 lượng, phạt 90 trượng, đồ hai năm rưỡi.
- 500 lượng, phạt 100 trượng, đồ 3 năm (mắc tang vật chẳng phải là ăn đứt lột thật, cho nên 500 lượng chỉ bị đồ 3 năm)

Điều trên chia làm hai hạng, hạng có lạm dụng và không lạm

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

dụng; luật pháp viết là nhân việc mà nhận tiền của, nhưng còn kể thêm hạng quan lại và người ham ăn đút lót. Đó là ắt có việc chẳng phải nhận có chuyện mà nhận của. Phàm quan lại và người thường chẳng phải nhân việc nhận tiền hối lộ của người ta thì tang vật ấy đưa đến tội. Liên hệ đến nhiều chủ thì xử nửa tội, sau khi tính tổng số. *Người xuất tiền giảm 5 bậc so với người nhận tiền.* Đã chẳng phải nhân việc, tự mình không bẻ cong luật pháp thì cả hai, cho và nhận hòa đồng. Tự mình không gây khó khăn, sanh sự trắng trợn ép buộc để lấy tiền mà riêng nhận một cách không chính đáng, và cho một cách không chính đáng. *Cho, nhận*, dù có chia nặng nhẹ, nhưng đều không phải không có tội. Một lượng trở xuống phạt 20 roi khỏi điểm, đến 500 lượng, chỉ phạt 100 trượng, đó 3 năm vì tăng tội đó là rất nhẹ. Bản văn gốc chỉ nói chung. Chẳng nhân việc nhận tiền, trong lời chú, dẫn chứng đều có chỉ rõ về số lượng tiền nhận. Phía trước có dẫn bị người ăn trộm tiền của, đánh lộn bị bồi thường thuốc men. Ngoài các việc ấy, nhân nhận tiền là chỉ hấn người thường mà nói, không dính đến quan lại vì quan lại chẳng nhân việc mà nhận tiền của. Còn việc biếu xén, chúc mừng, thì rõ ràng dễ thấy, không cần phải nói. Phía sau dẫn tới việc tự ý giảm bớt tiền của xuống, không gom về cho mình, cũng không gian dối tiền công, thì chỉ hấn về quan lại mà nói. Nhưng đều là tang vật không đúng sự thật. Đoạn trước là nói tang vật có thật gom về mình cho nên đưa đến tội; đoạn sau hoàn toàn không phải tang vật gom về mình, cũng đưa đến tội là bóc lột dân lấy nhiều của, làm lãng phí tài vật, nên *tội đồng*. Gom về mình sẽ bị bãi chức dịch, không gom về mình cho phục chức dịch, cũng có chỗ khác nhau.

Lời chú nói: Người xuất tiền vì trốn tránh việc nặng thì xử theo điều nặng. Nhưng người cho nhằm vào việc trốn tránh thì người nhận của tiền là nhân nhận sự việc. Người cho mắc tội trốn tránh mà người nhận không bị tội tang vật. Lời chú ấy là vì suy rộng mà nói, không nên cố chấp.

3. **Sự hậu thọ tài** (Nhận tiền của sau khi xong việc) [Vi là sau việc mới nhận của nên mới có luật này]; tức điều 314 của bộ luật Tổng mục.

- Phạm quan lại thừa hành công vụ, trước đó không hứa nhận của, sau khi xong việc mà nhận của, nếu xử con luật pháp thì xử tội theo chỗ làm con luật ấy. Xử việc không làm con luật thì phạt tội theo chỗ không con luật ấy. (Người không ăn lương nhà nước thì giảm một bậc so với người ăn lương nhà nước). Nếu làm con luật mà nặng thì theo chỗ nặng mà xử. Quan lại đều chiếu lệ cho về làm dân, không thu lại cáo sắc. Luật không nói tội của người xuất tiền, người trả tiền khi biết tội, thì những người này không nên xử nặng. Trước nói ăn đứt lót có lạm dụng và không lạm dụng luật pháp là đều nhận tiền của trước việc, nhưng còn kể thêm hạng quan lại ham ăn đứt lót. Như vậy ắt có việc nhận tiền sau khi xong việc. Phạm người có việc, trước quan chưa hứa nộp tiền, vật cho quan, nhưng sau khi việc kết thúc, người có việc mới đem tài vật biếu xén, nhân đó mà nhận. So với việc nhận của trước khi xong việc thì có khác nhau, cũng như cho vào lúc không vương phải việc gì đều là khác nhau. Chẳng có cơ mà nhận thì nhận ăn hối lộ; thế là không liêm khiết. Mua ân nghĩa không công khai thì phải xét coi việc xử án trước đây

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

và tang vật nhận được sau khi xong việc, nếu có chỗ công luật pháp thì xử theo chỗ công ấy. Nếu không làm công luật pháp thì xử theo chỗ không làm công ấy. Người không ăn lương nhà nước thì giảm một bậc so với người ăn lương nhà nước. Nếu có việc xử công, thêm bớt thì tội nặng hơn tang vật, vẫn chiếu xử theo điều nặng. Quan lại chiếu việc làm có thiếu sót thì theo lệ là bãi chức dịch, cho về làm dân, nhưng không lấy lại các cáo sắc vì nhận của sau khi xong việc nên tha. Người xuất tiền, người nghe tội trả tiền, thì xử không theo luật nặng. Trường hợp xuất tiền sau khi xong việc; đó không phải là mong được nghe tội mới trả tiền vì họ chưa từng được nghe việc, nên được giảm nhẹ.

4. Quan lại thính hứa tội vật (Quan lại hứa nhận tiền của) [Từ đầu chưa nhận trực tiếp, sau khi xong việc mới nhận của mới có luật này]; tức điều 315 của Tổng mục.

- Phàm chưa trực tiếp với sự việc mà quan lại hứa nhận tiền của, nếu làm công luật pháp thì xử theo chỗ công đó, còn việc không làm công luật pháp thì xử theo chỗ không công. Giảm một bậc tội (nhận tiền) chỗ làm công luật mà nặng thì xử theo điều nặng. (Có dấu tích, số mục rõ ràng mới bị tội).

*Phàm luật gọi là **xử theo**, **chuẩn theo** thì đến tội chết được giảm một bậc. Tuy đủ số tội cũng phạt trăm trượng, lưu ba ngàn dặm. Điều này khái lược gọi là **chuẩn** theo chỗ làm công luật pháp. Lại gọi là giảm một bậc, giả như hứa chuẩn theo chỗ làm công luật pháp, đã đủ số, đến chết, giảm một bậc, phạt một trăm trượng, lưu*

ba ngàn dặm. Lại giảm một bức phạt một trăm trượng, đó 3 năm mới hợp luật. Đó gọi là chánh phạm được giảm nhiều lần.

- Đây nói rõ về quan lại về những trường hợp khác dù là ở nơi của quan cũng không dùng luật này.

[Giải thích:] - Trước nói tang vật làm công hay không làm công luật pháp là nhân việc đã nhận của tiền, nhưng còn thêm hạng quan lại tham lam ăn đút lót. Thế nên ắt có hứa mà chưa tiếp xúc với việc, phạm quan lại có dịp tra xét sự việc phạm pháp, người phạm hứa biểu xén tài vật, quan nhân đó hứa làm theo ý họ, nếu lời yêu cầu ấy được thi hành, dù chưa gom tiền vào tay thì nó cũng đã xông ướp nơi lòng, nên xử là cốt phạt cái tâm địa kia. Tội là ở chỗ đã tâm tham ô, xử án thì cứ theo số tiền của nhận mà buộc tội. Về mức tội, thì theo chỗ làm công luật, xử theo đó, còn việc không làm công luật thì xử theo đó, đều được giảm một bức, tha cho người chưa lấy tiền của. Người không ăn lương nhà nước sẽ giảm một bức so với người ăn lương nhà nước. Nếu đủ số đến chết, thì người có ăn lương, giảm chung hai bức, người không ăn lương giảm chung ba bức. Làm công luật thì đã có luật xử theo đó, ấy là tội làm công luật. Cân nhắc nặng nhẹ bởi hai tội làm công luật và hứa lấy tiền. Xử theo chỗ nặng. Điều này nói chỉ là hứa nhận mà chưa gom tiền vào tay, xử tội treo về ăn đút lót. Do đó lời chú nói: ắt có dấu tích số mục rõ ràng mới bị tội; nếu không có dấu tích thì không có bằng cứ. Nếu không có số mục thì làm sao kể tính tang vật, không được xử đại khái. Luật này nói vào chỗ ấy. Đủ số, đến tội chết, giảm bức. Trong lời chú nói rõ vì chuẩn tội

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

đến chết giảm một bức ấy là thông lệ nhất định. Điều này, chuẩn tội có giảm bức tức là giảm một bức. Trên giảm nhiều lần cũng nhất định là thông lệ. Tội chưa đến chết thì chỉ chiếu bốn luật mà xử giảm. ⁽¹⁾

Điều lệ:

1) Hứa nhận tiền của nhưng mới chỉ hứa miệng thì tang vật không xác thực, không được xử đại khái, phải truy xét như tài vật hứa nhận giấu kín để chỗ khác hay viết ra trong đơn kê số tiền ấy, hoặc giao cho người nói việc. Trường hợp này nên bắt người hứa nộp tiền, thu lấy số ấy cho vào kho công cộng. Nếu thủ phạm phải nên trị tội thì vẫn chiếu luật mà xử. Như y phạm tội [mà] nhẹ hay không tội vì chỉ nhân hứa theo lời yêu cầu thì phạt tội không theo điều nặng. Còn như hứa rồi có giao tiền thật là bao nhiêu, coi rõ là đã nhận hay chưa thì số mục kể là tang vật và sự việc mà y phạm, xử theo luật nặng. Đã giao tang vật với tên người nhận, phải truy số chưa giao, vẫn truy theo tên người nhận.

5. *Hữu sự dĩ tài thỉnh cầu* (Có việc đem của thỉnh cầu); tức điều 316 của Tổng mục

- *Phàm người có việc, đem tiền của cầu xin quan lại làm công luật pháp để họ nhờ vả thì kể số tang vật mà họ cho lấy đó buộc tội.*

1. *Chú thích bên trên: Tập chú nói:* Điều này chỉ nói quan lại, không ai khác. Cho nên nói: trường hợp khác dù người ở nơi cửa quan cũng không dùng luật này (Nguyên chú).

Như làm công luật pháp là lấy chuyện khó đổi thành chuyện dễ thì tội nặng hơn người cho của tiền. Trường hợp này buộc tội theo điều nặng (tang vật kia cho vào kho quan). Còn quan lại gian xảo sinh sự, ép buộc làm tiền trắng trợn thì người xuất tiền không bị tội. (Đổi khó ra dễ là trốn tránh tội nặng, khó để nhận tội nhẹ dễ. Nếu ở luật khác thì cái khó là chỉ khó giải về lương tiền, khó bắt giặc trộm...).

[Giải thích:] - Các điều trên là nói tội của người nhận tiền, điều này thì nói tội của người xuất tiền. Phạm mọi hạng người, bản thân có việc, đem tiền của cầu xin quan lại xử tội mình bằng cách làm công luật pháp thì kể tang vật họ đem cho ấy mà buộc tội. Chiếu điều trước nói vướng vào tang vật đưa đến tội mà xử chiếu theo tổng số, xử nửa tội, cho đến 500 lượng thì phạt trăm trượng, đồ ba năm. Nếu [họ] yêu cầu xử, nhằm né tránh chuyện nặng đổi thành chuyện nhẹ mà luật pháp phải công thì xử như thế nào, tội ấy nặng hơn lời yêu cầu. Ở đây xử theo điều nặng. Tang vật cho vào quan và hai đảng đều có tội tang vật. Nếu phạm nhân vốn không có ý mong cầu ấy, nhưng quan lại thừa hành, gian trá, gây khó khăn, không kết thúc tội, hoặc dùng thế lực lằng ngược, làm sinh ra nhiều chi tiết để ép ngặt lấy tiền, vật thì y theo các điều luật để xử quan lại. Người xuất tiền và người nghe tội trả tiền đều không bị tội. Tang vật trả chủ. Gọi là tang cho và nhận không hòa. Chỉ nói làm công luật pháp, không nói không làm công luật pháp, không muốn làm công luật pháp. Nhưng việc làm công luật pháp ấy có hai lớp ý, một là sau khi cầu xin, quan lại xử công theo. Thế là làm công luật pháp. Mặt khác, sau khi cầu xin, quan lại không làm công luật pháp trong khi xử, nhưng người cầu xin là muốn làm

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

cong luật pháp, cho nên dùng tiền của cầu xin, tức bị tội bởi tang vật ấy. Nè tránh, đổi khó ra dễ. Hai chữ *khó, dễ* ấy bao hàm chuyện rộng, không xử theo tội danh nhất định. Nếu nói tội danh như trốn tội nặng đổi thành tội nhẹ, trốn có tội đổi thành không có tội, như phạm nhân lấy việc đánh người bị thương đáng lẽ bị phạt 80 trường, đồ hai năm, mà cầu xin miễn tính 80 trường, trăm trường phạt, thì đó làm cong luật rất rõ. Phải theo luật đánh người có thương tích mà xử. Nếu được 500 lượng, phạt trăm trường, đồ 3 năm thì là cầu xin tội nặng. Vẫn theo chỗ cầu xin mà xử. Lời chú nói nan giải lương tiền, đều loại suy mà biết.

Điều lệ:

1) Phạm có người đem của cầu xin muốn biết mình tội gì, y lấy tiền thì phải xét kĩ, tính số tang vật mà họ đem cho. Người nhận cùng tội như người đưa vẫn chia hai hạng có ăn lương và không ăn lương, đại khái là không giảm tội. Người không ăn lương thì giảm một bức. Người cầu xin nói tội trả tiền có thủ tùng, thì chiếu lệ mà xử đưa thủ; còn kẻ tùng là người có ăn lương thì được giảm một bức, người không ăn lương thì giảm hai bức. Ngoài ra có kẻ áp chế làm tiền trắng trợn thì người đưa của và người nói tội lấy tiền đều không tội, còn như chuyện biểu xén không liên hệ đến việc cầu xin, vẫn chiếu luật xử tội.

2) Phạm án tội nhận hối lộ nặng thì trừ ngoài án. Người chính thức nhận hối lộ nặng phải tự mình đến quan cúi đầu nhận tội, người làm việc chuyên môn ở doanh trấn giải y đến Thượng ty. Tại kinh thành, người tra án chuyên môn ở pháp ty tra xét kẻ dưới

quyền mình mà xử tội. Kẻ chánh phạm nặng dù có lọt lưới vẫn chiếu theo chỗ nhận tội, theo luật gốc mà xử trị. Ngoài ra, như chưa bị gán tội, chưa xét xử, trở lại phá án, thì kẻ ăn hối lộ nặng, vẫn chiếu tội danh đầu mà xử y. Nhận hối lộ và nhận tội thì kể tang vật xử tội làm cong luật pháp. Đến như kẻ nhận tội nặng có án giải lên mà có liên hệ đến đồng án về tội phạm khác, nhận tội gây thương tích nặng để trốn thoát tội danh đầu thì giảm tội chính một bậc tội. Xử tội chưa bị buộc, vẫn chiếu theo tội đầu mà xử. Nhận tang vật mà nặng làm cong luật pháp thì xử theo điều nặng.

6. Tại quan cầu sách tá hóa nhân tài vật (Quan buộc mượn hàng hóa, tài vật của người khác); tức điều 317 của Tổng mục

- *Phàm Giám lâm, quan lại cậy thế và người cường hào bắt buộc người thường phải cho mượn hàng hóa, đồ đạc của sở, bộ, nội thì tính tang vật buộc mượn ấy, luận tội theo không làm cong luật pháp. Nếu ý mạnh mà buộc mượn, luận tội theo chỗ làm cong luật pháp. Tài vật cấp cho chủ (người không ăn lương giảm một bậc của người có ăn lương).*

- *Nếu đem hàng hóa bán thả nổi giá cho bộ dân và mua vật giá thấp cho nhiều để hưởng chênh lệch giá cả và tính lời dư, thì luận tội theo không làm cong luật. Làm theo thế mạnh thì luận tội theo chỗ làm cong luật pháp. Hàng hóa, đồ vật, tiền đều cho vào kho quan, cấp thủ (Vật bán thì cho quan, số tiền lời cấp cho chủ, vật mua thì vật ấy cấp cho chủ, tiền dùng thì cho vào kho quan. Ba điều dưới là chỉ cho Giám lâm, Quan lại, phủ hào cũng bao hàm trong đó). Như trong Sở, Bộ mua đồ mà không kê giá và mượn đồ y phục, đồ chơi các loại*

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

qua một tháng không trả, thì buộc tội theo tang vật ấy (vẫn gom đồ trả chủ).

- Nếu mượn ngựa trâu, xe thuyền, điểm, xá của Nội, Sở, Bộ dùng, thì tính giá tiền thuê hàng hóa hằng ngày, cũng bị buộc tội theo tang vật ấy, thu tiền trả chủ (kể ngay theo giá tiền công thuê lúc người ấy phạm, tuy nhiều cũng không quá giá vốn).

- Như tiếp nhận biểu xén, lễ vật thổ sản của Sở, Bộ, Nội, người nhận bị phạt 40 roi, người cho giảm một bậc tội. Như nhân việc quan nhận, thì tang vật đó không kể là lạm dụng luật pháp. Còn như đi qua nơi nào, người ta biểu xén, ăn uống, người thân cũ biểu xén thì không ở trong hạn này. Người di sứ đến nơi làm việc mà buộc mượn hàng hóa, đồ vật, mua thu lời nhiều và nhận đồ biểu xén thì mắc tội như Giám lâm, Quan lại. Nếu thôi làm quan mà mượn tài vật của Bộ, Nội cũ và buộc mượn hàng hóa của người bên dưới thì giảm ba bậc lúc đang làm quan.

[Giải thích]: - Trước nói quan lại nhận của là có việc mà người ta cầu xin, có tang vật đưa đến tội là hòa đồng, và người cho, sau việc mà nhận đồ do người biểu tặng đều là không phải quan lại cậy thế để lấy. Nhưng hạng quan lại và kẻ hào cường ham ăn đút lót ắt có việc buộc người ta phải cho mượn hàng hóa. Phạm giám lâm, quan lại đương nhiệm, hiện dịch cậy thế nắm quyền và kẻ cường hào hung ác, vô cơ buộc mượn hàng hóa và tài vật của người trong Sở, Bộ thì kể hết số tang vật buộc mượn ấy. Luận tội theo không lạm dụng pháp luật. Nếu dùng sức mạnh buộc mượn thì buộc tội theo chỗ lạm dụng luật pháp, đến chết thì mỗi thứ

phạt trăm trượng, lưu ba ngàn dặm. Người không ăn lương nhà nước thì giảm một bậc tội so với người có ăn lương. Điều sau nói dùng thế mạnh thì điều trước là không dùng thế mạnh. Nhưng dù không dùng thế mạnh, cũng không phải hòa đồng *cho* và *nhận*; cho nên tang vật buộc mượn đó phải trả chủ.

Bốn tiết sau đây, đều nói bộ dân, bộ nội là chỉ Giám lâm, Quan lại mà trong đó, cũng bao hàm cả cường hào mà tiết đầu đã nói thông suốt. Nếu đem hàng hóa, tài vật của mình bán thả nổi giá cho bộ dân, đem món rẻ làm mắc để thu nhiều tiền bán giá vật bằng món mắc làm ra rẻ để thu lợi nhiều. Từ hai hạng ấy mà thu nhiều lời, trừ vật bán giá nổi thu lời, còn những món tăng giá ít nhiều là lời dư, tính hết số mục lời dư đó, buộc tội không làm công luật. Ngoài ra dùng thế mạnh mua bán giá nổi, thì cũng kể là lời dư buộc tội theo chỗ làm công luật, chia loại vật hàng hóa, giá tiền, cho vào kho quan, cấp cho chủ, lời chú phân biệt rất rõ.

Nếu mua vật của người trong Sở, Bộ không trả giá ngay và mượn y phục đồ chơi của người dưới trong Sở, Bộ qua một tháng mà không trả thì tính tất cả vật giá của đồ mua mượn ấy kể là tang vật mà buộc; đó là thừa ý chuyên mua mượn mà nói. Hai hạng đồng tội. Các vật mua, mượn, thu về trả chủ. Tiết trên nói mua vật giá thấp thì làm thiệt hại đối với dân, không trả thêm tức là tang vật đưa về cho mình, cho nên tội nặng. Tiết này nói mua vật không phải giá thấp, mượn vật cũng hẹn ngày trả. Gọi là không chi không trả, như có hẹn ngày chi trả nhưng chậm một tháng thì không thể miễn được, khác với tang vật mình đã gom về, cho nên tội nhẹ.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Nếu không đưa vào kho quan dùng chung, lại riêng mượn trâu ngựa, súc vật của người trong Sở, Bộ không trả tiền thuê và mượn các loại xe, thuyền, đồ vật, điểm, xá không trả tiền mượn. Trường hợp này tính từng ngày mượn phải trả hết tiền mượn đồ vật ấy, buộc tội theo tang vật, thu tiền trả chủ. Lời chú nói rằng: Kể ngày theo giá tiền, lúc người ấy phạm, công thuê, dù nhiều cũng không được vượt hơn số vốn [là tiền thuê không được hơn giá tiền con trâu, con ngựa]. Tiền mượn không được quá tiền chiếc xe, chiếc thuyền. Đó là danh lệ của luật pháp.

Còn như nhân biểu xén thổ sản, lễ vật của người trong Sở, Bộ thì không kể nhiều ít đều phạt 40 roi; người cho, giảm một bậc tội. Thổ sản lễ vật tuy là chuyện giao tế thường có mà Giám lâm trong Bộ thì không giao tế cùng ai. Tuy vậy thổ sản không phải là vàng bạc, biểu tặng không phải vì cầu xin, cho nên chỉ phạt roi. Nếu nhân có việc mà biểu tặng và nhận thì kể giá tiền của những thổ sản ấy làm tang vật, buộc tội không lạm dụng luật pháp. Đã nói nhân việc thì thổ sản cũng như là của hối lộ, còn như quan đi qua nơi nào, người trong bộ dân, người cũ tặng biểu thổ sản thì không ở trong hạn này. Ăn uống khác với lễ vật, người thân cũ không dính đến bộ dân thì đều không cấm.

Người vâng lệnh vua đi sứ ở nơi làm việc, buộc người ta phải cho mượn hàng hóa, thì buộc tội theo không lạm dụng luật pháp. Mượn thế mạnh thì bị tội lạm dụng luật pháp. Mua bán thu nhiều lời kể là lời dư, buộc tội không lạm dụng luật pháp. Làm bằng thế mạnh thì bị tội lạm dụng luật pháp, còn nhận đồ biểu tặng thì bị tội roi. Nhân việc cũng xử không lạm dụng luật pháp, đồng tội như

giám lâm, quan lại. Người đi sứ dù không có quyền của vị giám lâm, nhưng cũng có ý cạy thế, cho nên tội y đồng. Năm tiết trước đều nói quan lại và chuyện trong Sở, Bộ. Tiết 6 nói người đi sứ, đều là hiện nhiệm. Tiết chót lại nghĩ đến người thôi làm quan. Nếu thôi làm quan mà ý thế buộc mượn hàng hóa, mua bán thì chiếu tiền lời và nhận quà biếu tặng mà giảm ba bậc tội khi còn làm quan. Bản văn bỏ phần nói về nhận tài vật trong bộ cũ, nhưng điều này nói không nhận tài vật trong bộ cũ thì lấy gì mà giảm, tức chỉ biếu tặng thổ sản mà nói, chờ khảo lại.

Điều lệ:

1) Quan văn vô làm tiền đối với thổ quan, người ngoại quốc các dân Nùng, Mán thì bị đồ ba năm trở lên, phát phối ra biên giới xa, sung quân.

2) Tệ nạn thường xuyên đòi tiền bạc, hăm dọa, gian trá, chơi giỡn thì chiếu theo lệ về tang vật gian trá của đồ dịch mà trị tội; đồng thời chiếu theo lệ về tang vật ăn trộm lần đầu, xâm trên cánh tay hai chữ *TANG PHẠM* ⁽¹⁾. Tội phạm thì xâm chữ vào mặt, còn những người làm tiền gian trá, tham ăn của đút lót, lấy có lần đầu lần trốn, bị quan nơi đó tra hỏi, về sau biết y đang ở nơi xa, ngày nào bắt được thì chiếu theo lệ về: đến quan . au trốn thoát, tăng hai bậc mà trị tội vẫn thu lại nguyên tang vật. Quan viên lớn nhỏ, nha môn hiện nhiệm, như ai thu dùng kẻ phạm án ấy thì xâm chữ *TRƯỜNG TÙY* ⁽²⁾, giao bộ nghị xử.

1. *Tang phạm*: Phạm nhân mắc tội có tang chứng (NQT).

2. *Trường tùy*: Kẻ bị tù, giải đi có người theo bên cạnh (NQT).

7. Gia nhân cầu sách (Người nhà xin mượn); tức điều 318 của Tổng mục.

- Phạm người nhà của Giám lâm, Quan lại (như anh em con cháu, nô bộc) xin mượn hàng hóa, tài vật nơi Sở, Bộ, Nội [không lạm dụng luật pháp] và dịch lại, bộ dân, nếu mua bán nhiều lấy lời thì giảm hai bậc tội so với bản quan nơi đó. (Người không ăn lương nhà nước phải xác nhận việc xin mượn hàng hóa, mới y theo luật mà giảm; nếu nhân việc nhận của, vẫn chiếu theo luật về quan lại nhận của mà định tội, không được giảm). Nếu quan lại biết sự việc thì đồng tội, không biết thì không bị tội.

[Giải thích]: - Các điều trên là nói chính quan lại phạm việc ăn đút lót, nhưng suy rộng ra là ắt có việc người nhà của quan lại phạm tội ăn đút lót. Người nhà là người của một nhà, như: cha, anh, em, cháu, con, nô bộc (nhân việc mà nhận lấy của tiền, kẻ khác đưa đến mà nhận lấy). Việc lấy ấy là quan lại nhận của vương vào tang vật đưa đến tội là hai lỗi xử khác nhau. Cầu xin mượn hàng hóa, mua bán lấy lời nhiều thì ở trên luật có ghi về quan lại buộc mượn hàng hóa, dịch lại, bộ dân xử theo luật hộ và dân luật. Phạm người nhà của giám lâm, quan lại cạy thế đối với trong Sở, Bộ, nhận lấy tiền của, cầu xin mượn hàng hóa, tài vật mà tư dịch lại bộ dân không cấp [tiền thuê, mua bán hàng hóa, vật nhiều lấy lời] thì chiếu các điều trên về tội của bản quan mắc phải, giảm hai bậc (vì tội họ phạm dù giống với quan lại, nhưng người phạm thì khác với quan lại, cho nên được giảm ít). Nếu bản quan biết người nhà mình phạm tội ấy mà không ngăn cấm thì bị tội như người

nhà ấy, được giảm hai bậc tội. Không biết thì không bị tội. Biết việc hay không, chỉ nói bản quan, chưa nói đến lại là nêu chỗ nặng để thay chỗ nhẹ. Điều trước có nói quan buộc mượn hàng hóa, có người mua vật không trả tiền, mượn y phục, đồ chơi của bên dưới, lại riêng mượn dùng trâu ngựa các vật, cho nhận thổ sản các việc v.v... Điều này không nói đường như cũng bao gồm những việc như vậy. Trường hợp này, gia nhân có phạm cũng giảm hai bậc so với bản quan. ⁽¹⁾

Điều lệ:

1) Phạm Đại thần nắm quyền làm việc mà không giới hạn người nhà, khiến họ tự ý đến giao kết, qua lại với người bị cai quản mượn hàng hóa, một khi phát giác thì cả chủ cũng bị tội.

8. Nhân công khoa liễm (Nhân việc công mà xử gom); tức điều 319 của Tổng mục.

- Phạm hữu ti quan lại, người khác không vâng theo sự chỉ rõ văn bản của Thượng ti, nhân việc công, tự ý xử gom tài vật về cho mình, quan lại, quân quân rút bớt tiền lương lĩnh và đồ vua ban thưởng (dù không gom về cho mình) phạt 60 trượng. Tang vật nặng thì xử theo tang vật. Gom về cho mình thì kể tang vật lạm dụng luật pháp

1. *Chú thích bên trên: Tập chú nói:* Người nhà phạm tội nặng trở lên là cạy thế. Phạm ở theo nơi nào cùng với ai, đều có thể gọi là gia nhân, không hề vào nhất định là cha, anh, con, cháu. Lại thì khác. Phải gia nhân mới buộc tội (Nguyên chủ).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

mà xử (giảm một bậc cho người không ăn lương so với người có ăn lương, đến 120 lượng thì treo cổ, giam chờ).

- Còn như không nhân công vụ mà xử gom tài vật của người cho vào mình thì kể tang vật xử theo tội không lạm dụng luật pháp (người không ăn lương nhà nước, phạt một trăm trượng, lưu ba ngàn dặm). Nếu đưa đồ tặng người khác, dù không phải gom về mình, tội cũng vậy.

[Giải thích]: - Các điều trước đây là nói quan lại nhận của đút lót của một chủ và nhiều chủ, nhưng suy rộng ra thì tất có thu bớt của bên dưới là những người cai quản quân. Dân thì hữu ti với quan địa phương châu, phủ, huyện và thân dân. Quân quân có nha sở quân quân quan và quan võ quản binh. Công là việc công bao gồm hết cả việc quản lý, các việc tạp. Khoa là chia cắt ra. Liễm là gom lại những phần nhỏ. Phân chia cho người và gom gọn lại thì gọi là khoa liễm. Phạm các nơi, quan lại hữu ti và những người khác... không theo chỉ rõ bản văn của Thượng ti, nhân có công vụ, tự ý khoa liễm tài vật của người dân bên dưới. Đồng loạt quan lại, quân quân, cũng không theo chỉ dẫn rõ bản văn của Thượng ti, nhân công vụ này mà tự ý khoa liễm tiền lương phần vua thưởng của mỗi tên lính. Nếu đưa những phần đó vào dùng cho công vụ, không phải gom về cho mình thì phạt 60 trượng, tính số tang vật khoa liễm, xử tội theo tang vật. Nếu nặng hơn 60 trượng thì theo tội tang vật, chỉ khoa liễm là bị phạt 60 trượng. Tang vật tuy nặng cũng chỉ xử theo tang vật, đến 500 lượng trở lên. Mút tội là trăm trượng, đồ 3 năm. Như thế là nhẹ vì chưa gom về cho mình. Nếu

đem các tài vật khoa liễm không sử dụng công vụ mà đưa về cho mình thì kể hết số tang vật gom về [mình] ấy, xử theo chỗ làm công luật pháp; người không ăn lương thì giảm một bậc so với người có ăn lương. Người có ăn lương lấy 80 lượng thì bị treo cổ, người không ăn lương lấy đến 120 lượng cũng bị treo cổ. Luật gốc không cho giảm, ấy là nối ý về quân quân, hữu ti hai hạng mà nói. Nếu quan lại quân quân, hữu ti và những người khác, không nhân công vụ mà tham lợi tính riêng mà khoa liễm tài vật của nhân dân, tiền lương, đồ vua thưởng cho linh, gom về cho riêng mình. Trường hợp này luận tội không lạm dụng luật pháp, người không ăn lương giảm một bậc so với người có ăn lương. Kẻ lấy 120 lượng trở lên bị treo cổ, người không có ăn lương thì phạt 100 trượng, lưu ba ngàn dặm. Nếu khoa liễm để biếu tặng người khác, tuy không gom về mình, nhưng vì tước đoạt của nhân dân, quân đội để làm ơn huệ của mình, cho nên cũng như tội gom về cho mình. Trường hợp này buộc theo tội không làm công luật pháp. Tội khoa liễm về cho mình là nhân chuyện công mà lạm dụng luật pháp, không nhân chuyện công là không lạm dụng luật pháp vì nói thác là chuyện công mà kể là âm thầm làm chuyện nhận hối lộ. Ứng dụng luật pháp vào thì đó là xâm phạm để đưa về cho mình là làm hựt hắng luật pháp, vì thế nên nặng tội. Không nhân chuyện công, bất quá là xin xỏ mà lấy thì đó làm lợi, không làm hựt hắng luật pháp, cho nên tội nhẹ hơn. ⁽¹⁾

1. Chú thích trên: Tập chú nói: Nhân chuyện công khoa liễm cho chuyện công làm phạm ắt đã rõ mà còn chưa được miễn, huống là lấy thế lằng ngược người ta. Không khoa liễm nhân chuyện công thì không giả thác, ắt làm mờ

9. **Khắc lưu đạo tang** (Giữ lại tang vật ăn trộm); tức điều 320 của Tổng mục.

- *Phạm quan tuần bộ đã bắt được kẻ ăn trộm mà giữ tang vật lại không đem nộp quan thì phạt 40 roi; nếu gom về cho mình thì kể tang vật buộc tội theo chỗ không làm dụng luật pháp; vẫn đem tang vật mà họ giữ lại ấy đưa vào buộc tội chung về tội ăn trộm. Nếu quân nhân phạm tội thì kể tang vật, tuy nhiều tội cũng chỉ phạt 80 trượng, (vẫn tính theo tang vật buộc tội ăn trộm).*

[Giải thích]: - Phạm quan viên, tuần bộ, quân dân đã bắt được kẻ phạm tội có tang vật, phải giải đến quan cùng lúc, cả tang vật và người để quan hình nha xét hỏi; nếu như giữ lại tang vật, không giải đến quan thì phạt 40 roi, hồi chức. Tuy giữ lại tang vật như vậy đã có ý ẩn giấu, thì kể như giữ lại cho mình. Trường hợp này xử theo chỗ không làm dụng luật pháp, bãi chức, không kể thứ bậc, vẫn đem tang vật kia giải đến quan mà buộc chung tội trộm. Nếu quân nhân thủ cấm và tuần phủ châu huyện, binh nhân... có bắt ăn trộm mà giữ tang vật lại chưa đem về cho mình, cũng bị phạt 40 roi. Đã đưa về mình thì xử tội theo người ăn đứt lót, không có ăn lương không làm dụng luật pháp. Tội tang vật tuy nhiều đến 30 lượng trở lên, phạt 80 trượng, tha bớt vì không có lệnh quan mà bắt được ăn trộm, cho nên nhẹ tội, vẫn gom tang vật buộc tội trộm như trước.

ám, không dám lấy uy ép buộc người ta. Như vậy một mặt là gian dối luật pháp để vun quén riêng tư, một mặt là ham ăn đứt lót, như thế là làm dụng, phạm pháp luật. Luật còn kể đến gian dối pháp luật, làm mất giá trị luật pháp nên chia ra hai cách rõ rệt *làm dụng luật pháp* hay *không làm dụng luật pháp* (Nguyên chú).

Điều lệ:

1) Tuân phu chiếm lấy tang vật ăn trộm thì kể tang vật ấy, không lạm dụng luật pháp, xử theo điều nặng.

★

★ ★

Về thuần phong mỹ tục và đạo làm người chân chính thì có thể nói *Hoàng Việt luật lệ* rất nghiêm khắc với những kẻ làm phương hại đến phong tục của người Việt trong đời sống xã hội. Có thể nói các điều luật về đạo đức được các nhà soạn luật này đã vận dụng vào hình luật thật nghiêm ngặt đối với phong hóa nước nhà. Quyển 18: *Hình luật* ghi rõ 28 điều. Riêng phần *Phạm gian* có 9 điều thuộc về phong hóa, và các hình phạt rất nghiêm khắc mà phân minh.

PHẠM GIAN

- 01- Phạm gian dâm
- 02- Dung túng thể thiệp phạm gian
- 03- Thân thuộc cùng gian nhau
- 04- Vu chấp ông gian
- 05- Nô tì, kẻ làm công gian với vợ gia trưởng
- 06- Gian với con gái, vợ của bộ dân
- 07- Cu tăng dử Tăng Đạo phạm gian
- 08- Lương tiện tương gian
- 09- Quan lại ở dèm với con hát

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

1. Phạm gian dâm; tức điều 332 của Tổng mục

- *Phạm kẻ hòa gian, bị phạt 80 trượng, có chồng phạt 90 trượng, điều gian (có hay không chồng) phạt trăm trượng. Cường gian, treo cổ (giam chờ), chưa thành, phạt trăm trượng, lưu ba ngàn dặm (phạm cường gian phải có trạng thái cường bạo mà người phụ nữ không có khả năng chống trả chạy thoát, cũng phải có người biết, nghe và cơ thể có vết thương, y phục bị xé rách, mới buộc tội treo cổ).*

- *Nếu dùng cường mà hòa hợp thành thì không phải cường. Như một người cường bắt một người để dâm thì kẻ gian dâm đó bị treo cổ, cường bắt mà việc chưa xong thì mắc tội lưu. Lại như thấy phụ nữ thông gian cùng người, thấy thế bèn dùng sức mạnh cường gian, người phụ nữ phạm gian dù buộc tội theo chỗ cường, vẫn theo luật về điều gian.*

- *Gian dâm con gái 12 tuổi trở xuống, dù hòa đồng cũng buộc tội theo chỗ cường. Còn hòa gian, điều gian thì trai gái cùng tội. Gian làm nữ rách trầy, giao cho gian phu nuôi dưỡng, gian phu từng phu gả bán, người chồng muốn giữ lại, cho phép. Nếu gả bán cho gian phu thì gian phu và người chồng này, một người bị phạt 80 trượng, người đàn bà bắt li dị trả về gia tộc, đồ cưới cho vào kho quan.*

- *Bị cường hiếp, người phụ nữ không bị tội.*

- *Nếu lập mưu đến nhà người khác để thông gian thì mỗi người giảm một bậc tội so với tội hòa, điều (như người phạm gian bị lộ, đòi ra việc hòa gian riêng thì mỗi người giảm hai bậc tội so với hòa,*

điều, cưỡng). Còn người không phải gian mà bắt được và chỉ gian thì không kể. Nếu gian phụ có mang (gian phụ có bằng có mà gian phụ thì không) thì người đàn bà đó bị tội.

[Giải thích]: - Hòa gian là nam nữ đồng ý làm chuyện gian dâm riêng. Điều gian là gian phụ chuốt lời dụ dỗ điều ngoa, dẫn gian phụ đến nơi khác để thông gian nhau, cũng là hòa gian. Hòa gian thì gian phụ, gian phụ đều bị phạt 80 trượng, đó là trường hợp phụ nữ không chồng, nếu có chồng thì phạt 90 trượng. Còn điều gian thì không kể có chồng hay không, đều bị phạt trăm trượng. Đã có chồng mà bỏ đi dâm ngoại, cho nên tăng hai bậc tội. Điều dẫn ra ngoài mà không sợ người biết thì dâm quá lắm. Cho nên luật pháp lại xử gắt hơn. Phạm dâm đàn bà, con gái người ta thì làm hư hại khuê môn của người. Phạm tội gian dâm vốn là nặng tội ở gian phụ nhưng cũng ắt gian phụ đồng ý không hổ thẹn, đưa đến tình trạng đó thì không kể hòa gian hay điều gian, có chồng hay không, nam nữ đều bị tội.

- Còn như phụ nữ vốn giữ bẽ thanh khiết, bị người cưỡng hiếp làm hoen ố trinh tiết người ta, chuyện ấy hết sức nặng, nếu đã thực hiện xong thì bị treo cổ, chưa thực hiện xong thì phạt trăm trượng lưu ba ngàn dặm. Gian dù chưa thực hiện, nhưng tội cưỡng hiếp là rất nặng, cho nên chỉ giảm một bậc, luật xử tội cưỡng hiếp rất nặng và chuyện cưỡng hiếp thì cũng dễ bị vu cáo bịa đặt, việc dùng sức mạnh kia cũng lại khác nhau, cho nên lời chú nói rõ.

- Bé gái 12 tuổi trở xuống, tình chưa phát, vốn không có lòng dâm, lại dễ bị lừa, bị khống chế, tức cũng có hòa tình cũng do lời

dối gạt, cho nên trong trường hợp này hòa gian cùng đồng xử là cưỡng gian. Đã thành gian thì treo cổ, chưa thành gian thì phạt trăm trượng, lưu ba ngàn dặm.

- Hòa gian, điều gian thì trai gái bị trầy rách, giao cho gian phụ nuôi dưỡng, gian phụ xử theo chồng gả bán, nhưng người chồng muốn giữ lại thì cho phép để thuận nhân tình. Như gả bán cùng gian phụ thì trái luật, túng dâm. Chồng và gian phụ không có tội, nhưng đều bị phạt 80 trượng. Sau khi đến quan người phụ nữ kia tư tình gian tội. Gả bán, xử theo chồng, không nói đến người phụ nữ nữa. Chỉ li dị cho về cha mẹ, đồ cưới cho vào kho quan. Đã không thể cho về với gian phụ cũng không thể cho về với chồng, tái giá thì phải xử cho về với cha mẹ. Gian phụ và chồng đều mắc tội thì tài vật dính đến hai người đều là tang vật, cho nên đưa vào kho quan.

- Cưỡng gian là phụ nữ bị sức mạnh không thể chống cự nổi, là chuyện bất đắc dĩ, chứ không phải có lòng dâm, cho nên phụ nữ không tội. Nếu cùng người nói chuyện gian dâm và dung chứa trong đêm để thông gian là dẫn mối chuyện dâm như bản, giảm một bậc đối với kẻ phạm hòa gian, điều gian. Việc gian dâm bại lộ đổi thành chuyện đồng ý riêng để thoát tội dâm ô với người khác, thì giảm hai bậc so với tội hòa, điều, cưỡng.

- Gian tình là chuyện mê muội không chứng tích làm bằng, dễ trở thành vu cáo: cho nên bắt gian ắt phải tại nơi gian, bắt không tại trận thì việc không bằng cứ, và chỉ nói mưu, cùng mưu thông gian thì nói mà không có bằng cứ, cho nên theo đó mà luận. Nếu

phụ nữ nhận gian dâm mà mang thai, thì gian phụ ấy có bằng cớ, gian phu thì không. Truy cứu gian phụ ắt phải bỏ chỗ thương ghét, cho nên chỉ bắt tội gian phụ ở chỗ hòa gian, chờ sinh nở xong mới quyết được, sinh ra nam nữ gian cũng bị trách rầy buộc nuôi dưỡng. ⁽¹⁾

Điều lệ:

1) Phạm quan chức và quân dân gian với vợ quan chức thì gian phu gian phụ đều bị treo cổ (giam chờ). Nếu quan chức gian với vợ của quân dân thì cách chức, phạt trăm trượng ngay gian phu, bị đóng gông một tháng, phạt trăm trượng. Còn như quân dân cùng gian nhau thì gian phu, gian phụ đều bị đóng gông một tháng, phạt trăm trượng. Còn nô tì gian nhau, không chia một hay nhiều chủ và thiếp, nô tì của quân dân, quân dân quan viên, cùng nhau thì gian phu, gian phụ đều bị phạt trăm trượng.

2) Án luận gian giữa lương nhân phụ nữ cần xét thật theo lệ quang côn⁽²⁾ là thủ thì bị chém ngay, cùng đồng gian thì xử treo cổ (giam chờ). Nếu luận gian đã phạm, gian phu là thủ thì phát ra biên giới xa, là cùng đồng gian thì phạt trăm trượng, lưu ba ngàn dặm. Như đàn bà, con gái phạm gian xong hối hận, tự cải tạo lại có

1. *Chú thích bên trên:* Tập chú nói: Liên hệ đến chuyện hòa gian của phụ nữ, nhân có người thấy đối ra cường với ý đồ che kín đi. Liên hệ đến cường gian, gian phu thì gian phụ bị tội nặng mà trá cường làm hòa để hi vọng khỏi tội. Hòa và cường, nặng nhẹ cách xa nhau, không thể không xem kĩ (Nguyễn chú).

2. *Quang côn:* (?)

bằng chứng xác thực, vẫn buộc tội theo luật về lương nhân phụ nữ (Đồng mưu chưa trải qua đồng gian nhưng phạm khác thì giảm một bậc với tùng, đồng gian).

3) Cường gian bé gái dưới 12 tuổi, nhân đó đưa đến chết và dụ dỗ bé gái dưới 10 tuổi rồi cưỡng dâm thì chiếu lệ quang côn chém ngay. Còn cường gian 12 tuổi trở xuống 10 tuổi trở lên thì chém (giam chờ), hòa gian thì vẫn chiếu hờ: đồng, cường mà luận tội, phạt treo cổ (giam chờ).

4) Cường gian phụ nữ, ngoài hành động cưỡng bởi tay chân, nếu chưa cầm hung khí làm bị thương đã thành hay chưa, vẫn chiếu luật định mà xử, còn nhân cường gian cầm vũ khí gây thương tích cho người đàn bà ấy, chống cự khi bị bắt, gây thương tích cho người bên cạnh, đã thành gian thì xử chém (giam chờ), chưa thành gian thì treo cổ (giam chờ).

5) Phạm điều gian, mưu gian chưa thành, người đàn bà ấy tố cáo cho thân tộc biết, ban bảo vệ xóm làng, tức thời bẩm trình lên quan địa phương tra xét, như quả có bằng chứng, cân nhắc việc nặng nhẹ bắt đóng gông phạt trượng, trách rầy, trình báo lên Thượng ti tòn án. Như gia đình người ấy đã báo cho ban bảo vệ xóm làng biết, nhưng ở đây không bẩm lên quan, khi bẩm quan không xét tra đến nơi chốn, khiến người đàn bà ấy ôm phần uất tự tử thì chiếu lệ lí trưởng không báo trộm cắp xử ban, bảo vệ xóm làng, phạt 80 trượng, quan địa phương chiếu lệ nghị xử lí trưởng.

6) Phạm cường gian giết chết phụ nữ, vẫn y lệ xử chém ngay. Ngoại trừ việc trước có hòa gian, sau nhân chuyện khác cự tuyệt,

khiến người bị cưỡng phải chết, đều chiếu luật gốc về mưu cố đánh mà trị tội.

2. Dung túng thê thiếp phạm gian (Tung dung thê thiếp phạm gian); tức điều 333 Tổng mục.

- *Phạm dung túng thê thiếp thông gian cùng người thì người chồng, gian phu, gian phụ đều bị phạt 90 trượng. Còn ép buộc thê thiếp và con gái thông gian cùng người khác thì người chồng, cha nuôi ấy bị phạt trăm trượng, gian phu bị phạt 80 trượng, phụ nữ không bị tội. Li dị cho về cha mẹ.*

- *Nếu dung túng, ép buộc con gái mình và thê thiếp của con cháu thông gian với người thì tội cũng như vậy. Nếu dùng của mua thối bán thối⁽¹⁾, nhân đó hòa đồng cưới thiếp người thì người chồng, người vợ ấy và người mua thối đều bị phạt trăm trượng, phụ nữ bất li dị, trả về cho cha mẹ, tài lễ cho vào kho quan. Nếu người mua thối cùng phụ nữ dùng mưu ép buộc người chồng bỏ mình mà người chồng không có tình [thối bán] thì không bị tội. Người thối mua và người đàn bà ấy đều bị phạt 60 trượng, đồ một năm, tội khác của người đàn bà có thể chuộc, giao về cho chồng bà ấy, theo chỗ [ông] gả bán thiếp thì giảm một bức, người mưu hợp giảm một bức so với phạm nhân (thối bán và ép buộc thối mua). [Còn nhân gian mà không trình thưa, nhưng gả bán cùng gian phu thì người chồng ấy bị phạt trăm trượng, gian phu gian phụ bị xử theo luật].*

1. Mua thối bán thối: mua bán chế độ tang phục - về liên hệ họ hàng trong việc để tang trong họ (tộc).

[Giải thích]: - Phạm chồng dung thử thê thiếp thông gian cùng người, nhưng thê thiếp vốn dâm hạnh, người chồng không cấm chế, trái lại còn dung túng thì mắc tội làm hư phong hóa, cùng gian phu gian phụ không khác, cho nên mỗi người bị phạt 90 trượng. Nếu người chồng ép buộc thê thiếp, nghĩa phụ ép buộc con gái nuôi thông gian cùng người, mắc tội không biết liêm sỉ hoàn toàn bởi người chồng và nghĩa phụ, cho nên [mỗi người] bị phạt một trăm trượng. Phụ nữ dù gặp chuyện ép buộc, gian phu thật cùng hòa đồng, nên chỉ mắc tội hòa gian, phạt y 80 trượng. Còn phụ nữ vốn không có lòng dâm, nhưng bị ép buộc phải miễn cưỡng nghe theo việc gian ấy dù tình hòa, không phải mình muốn nên không tội, được li dị về với cha mẹ. Dung túng, ép buộc, hai việc ấy đã làm mất phu cương, ép buộc càng làm mất liêm sỉ, về nghĩa không thể khiến hòa hợp được.

- Nếu dung túng, ép buộc con gái mình và thê thiếp của cháu con thông gian cùng người thì hai việc ấy đồng tội. Dung túng cha mẹ, cậu cô cùng gian phu thì phụ nữ mỗi người bị phạt 90 trượng. Ép buộc cha mẹ, cô cậu bị phạt trăm trượng, gian phu 80 trượng, phụ nữ không bị tội. Không nói li dị. Tội dung túng, ép buộc bởi cha mẹ, cậu cô thì nghĩa chồng chưa dứt. Gả bán, giữ lại đều cho phép ttheo chồng cũ. Con gái ruột chưa gả, không thể lia nơi nào nên phải về với cha mẹ. Nếu mưu đồ với vợ người rồi dùng tiền của mua việc thôi ở, người chồng nhận của, tình nguyện bán thôi, người mua thôi hòa đồng. Người chồng ấy, vợ ấy lấy làm vợ thì người chồng ấy, vợ ấy và người mua thôi, mỗi người bị phạt trăm trượng. Người đàn bà li dị về với cha, mẹ, người bán chồng đã bán

thôi, người đàn bà ấy đã bội chồng thì nghĩa chồng vợ đã dứt, nên người đàn bà ấy phải về với cha mẹ. Hai đảng đều có tội. Lễ vật cưới, theo lệ cho vào kho quan. Nếu người mua thôi và người phụ nữ đồng mưu dùng kế ép buộc người chồng bỏ mà người chồng không tính chuyện bán thôi thì không bị tội. Người mua thôi và người phụ nữ, mỗi người bị phạt 60 trượng, đồ một năm. Phụ nữ bị phạt đúng một trăm trượng, tội dư thì cho chuộc, giao về cho chồng cũ theo chồng gả bán, không trả lại đồ cưới. Thiếp thì giảm một bậc, phạt thiếp tuy nhẹ hơn thế nhưng nghĩa của người vợ là theo một cho đến mãn đời, không được nhân mua thôi mà bán hòa đồng để gả và dùng kế ép buộc chồng bỏ. Hòa thú thì người chồng ấy và thiếp cùng người mua thôi mỗi người bị phạt 90 trượng. Dùng kế ép buộc thì người thiếp cùng người mua thôi, mỗi người bị phạt trăm trượng, buộc li dị trả về cho cha mẹ, đồ cưới cho vào kho quan. Còn theo chồng gả bán đều cùng thế đồng mưu nói chuyện hòa hợp thì giảm một bậc so với phạm nhân.

3. Thân thuộc tương gian (Thân thuộc cùng gian nhau); tức điều 334 Tổng mục.

- *Phạm gian với người thân đồng tông, không tang phục và vợ của người không để tang, thì mỗi người bị phạt một trăm trượng. Cường thì gian phu bị chém (gian chờ). Gian với (nội ngoại) ti ma trở lên và vợ hàng thân thuộc của ti ma trở lên. Nếu con gái của người chồng trước cùng mẹ khác cha, chị em gái, mỗi người bị phạt trăm trượng, đồ ba năm, cường thì gian phu bị chém (gian chờ). Nếu gian với vợ của con em, vợ của anh em và chị em gái của mẹ,*

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

chị em gái của cha, cô cùng ông ngoại của chú bác, cùng cố tổ ngoại thì gian phu, gian phụ bị treo cổ (chỉ xuất giá ba cố tổ, chú bác cố tổ thì treo cổ giam chờ), cưỡng gian hàng tiểu công chị em gái, cháu cùng ông nội, cháu gái đã xuất giá giáng phụ thì chém (giam chờ). Nếu gian với vợ của thân sinh thì buộc tội theo hàng thân ti ma, nặng nhẹ so sánh, luận tội theo chị em gái.

- Nếu gian với thiếp của ông bà, vợ của con cháu chị em cô, chú bác với con gái của anh em thì gian phu bị chém ngay (cưỡng thì gian phu bị chém).

- Phạm hạng gian vừa nói là thân thuộc. Gian với thiếp giảm một bậc so với thân. Cưỡng thì bị treo cổ (giam chờ) [Còn phụ nữ bị tội hay không và chưa thành, gian mưu dung túng... các việc ấy đều có chép rõ trong luật về phạm gian].

[Giải thích]: - Phạm đồng tông tộc thân sơ, dù không có chế độ để tang, nhưng danh phận tôn ti, trường ấu vẫn còn, nó khác với người thường gian với hàng không để tang và vợ của hàng thân ấy thì nam nữ mỗi người bị phạt 100 trượng. Chỉ nói đồng tông, thì hàng thân thuộc bên ngoại không có chế độ để tang - đại khái luận tội theo người thường. Nếu gian với hàng thân của ti ma trở lên, và vợ của hàng thân ấy, như con gái của đời chồng trước, chị em cùng mẹ khác cha, thì nam nữ bị phạt trăm trượng, đồ 3 năm. Phụ nữ bị phạt trăm trượng, được thuộc tội dư. Cưỡng thì gian phu bị chém. Nói ti ma trở lên thì người thân của Tiểu công, Đại công đều bao gồm trong ấy. Sự để tang của Ti. Công trọng là nghĩa. Con gái của đời chồng trước, cùng mẹ khác cha, chị em gái tuy không để

tang nhưng nghĩa vẫn nặng. Cho nên chỉ ra hai hạng đặc biệt của người không để tang ấy, cùng tội như ty ma trở lên. Như cố ngoại tức vợ của anh em tổ thân, để tang theo Tiểu công. Như cố cô tức chị em gái của tổ thân, tại thất tiểu công xuất giá ty ma phục vậy. Cố tổ chú bác tức cùng ông nội với cha là tiểu công phục. Bà cố cô tức cùng ông nội với cha chị em tại thất tiểu công xuất giá ty ma phục. Chị em cùng nội với cha tức cùng ông nội với mình, chị em tại thất đại công xuất giá tiểu công phục. Chị em của mẹ là di của mình, tiểu công phục. Vợ của anh em, anh em thì một năm, vợ thì tiểu công phục. Vợ của con, của anh em, cháu thì một năm, vợ thì đại công phục. Vừa nói, ai phạm gian thì nam nữ đều bị treo cổ ngay. Chỉ xuất giá cố cô chú bác cùng ông ngoại (giám chờ). Cường thì gian phụ bị chém ngay. Đó đều là Tiểu công. Đại công thân thuộc mà có khác nhau. Đối với ty ma trở lên, chia sự chi thân, nghĩa cũng chi trọng. Gian dâm là tội làm loạn bên trong, nằm trong thập ác, nên ti ma trở lên, rút ra các hạng riêng làm khuôn mẫu về trọng. Nếu thiếp của ông nội, cô, chú, bác của mẹ, con gái của anh em, vợ của cháu con, chị em bà con rất gần, là thứ lớp lại càng trọng. Phạm gian như thế khác gì cảm thú, có lựa chọn gì đâu. Dâm loạn là nghịch luân đại ác không tha, nam nữ đều bị chém, không nói cường, nội loạn chỉ cùng chém ngay là gay gắt rồi. Không thể xử thêm, có cùng chỉ là chém.

- Thê thì giảm một bậc, cường thì thất cổ (giám chờ). Như gian với thiếp của người đồng tông không để tang thì mỗi người bị phạt 90 trượng, thiếp của người thân nội ngoại ti ma trở lên thì bị phạt 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi. Thiếp của cùng ông nội và của chú bác

cùng ông nội, thiếp của con cháu, của con anh em, anh em chú bác, mỗi người bị phạt một trăm trượng, lưu ba ngàn dặm. Cường thì treo cổ trở lên. Gian phu tội không đến chết vẫn xử đến chỗ tận cùng về phạm gian mà luật pháp định. Tòng phu gả bán mà chồng có muốn giữ lại thì cho phép.

4. **Vu chấp gian ông** (Vu cáo gian ông thông dâm); tức điều 335 Tổng mục

- *Phạm dâm ông, dâm bà vu chấp thân ông (bậc thân thích cao niên) và em vợ vu chấp anh chồng, lừa dối gian dâm thì xử chém (giam chờ). Cường hiếp con của vợ chưa thành niên, vợ tự tử, chiếu theo luật về thân thuộc cường gian [chưa nên] mà xử. Nghĩa tử vu chấp nghĩa phụ lừa dối gian dâm thì xử theo luật người làm công vu gia trưởng. Chị dâu vu chấp em chồng và hàng thân Tì ma trở lên vu chấp thì xử theo vu cáo.*

[Giải thích]: - Lừa dối gian dâm là lừa ti ấu, áp chế thành gian, như cường hiếp. Ông quả có lòng dối gian với con vợ thì chém ngay. Anh quả có lừa dối gian dâm em vợ thì treo cổ ngay. Nay không có chuyện ấy mà vu chấp là muốn hại cha, anh chồng. Đối với chuyện ấy phải tránh rất kỹ, phụ nữ rất ghét lối ấy, cho nên xử chém, không dùng vu cáo phản tọạ, nhưng phải thưa lên quan mới xử. ⁽¹⁾

1. *Chú thích bên trên: Tập chú nói:* Bà con cùng gian dâm nhau, luật pháp xử rất gắt. Con gái không nói xuất giá, con trai không nói xuất kế thì xuất giá vẫn y ở nhà mà luận tội, xuất kế vẫn y bốn tông mà luận. Tội nặng thì treo cổ, không nặng thì xử theo lệ (Nguyên chú).

5. Nô tì, kẻ làm công gian với vợ gia trưởng; tức điều 336 Tổng mục

- Phạm nô tì, kẻ làm công gian dâm với con gái, vợ gia trưởng thì chém ngay. Nếu gian với kì thân của gia trưởng, như vợ của kì thân thì treo cổ (giam chờ), phụ nữ giâm một bức. Nếu gian với vợ của thân tì ma trở lên, và thân tì ma trở lên của gia trưởng thì bị phạt một trăm trượng, lưu hai ngàn dặm. Cường thì chém (giam chờ). Thiếp giâm một bức. Cường cũng chém (giam chờ) [Làm linh tron, quan sai khiến làm mọi việc của một người làm thuê].

[Giải thích]: - Gian dâm người thân thuộc tội rất nặng, nam nữ đồng tội treo cổ. Nô tì, người làm công cùng gia trưởng tuy không ở trong thân thuộc thiên tính mà tương quan là trọng ở nghĩa hơn thân, nên nô tì làm công mà thông gian với vợ, con gia trưởng, loạn luân với trên, dâm hại bên dưới, không còn kỷ cương, nên nam nữ đều bị chém ngay. Hàng kì thân gia trưởng thì có khoảng cách với gia trưởng, nhưng từ gia trưởng suy ra thì nô tì cũng có phần trên dưới, nô tì làm công mà thông gian với kì thân của gia trưởng, như vợ của kì thân, bị thắt cổ, phụ nữ giâm một bức. Chồng hòa gian, nam nữ đồng tội. Điều này không phải vậy. Vì phận của kì thân nhẹ hơn đối với vợ con. Nô tì làm công dâm ô là phạm thượng khó miễn chết, và phụ nữ tuy tiện nhục không xấu hổ chưa đến nỗi chết, nhân đó được giam chút ít. Nếu gian với tì ma của gia trưởng trở lên đến Tiểu công, Đại công và vợ của hàng thân đó thì nam nữ đều bị trăm trượng, lưu đầy hai ngàn dặm. Thân bị hai, phần nhẹ nên Công, Tì đồng luận, không chia sai đẳng. Cường thì dâm phu bị chém (giam chờ). Phụ nữ không bị tội. Chưa thành thì chiếu

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

luật phạm gian, giảm một bậc. Thiếp giảm một bậc. Gian với thiếp của gia trưởng, thì nam nữ bị phạt trăm trượng, lưu đầy ba ngàn dặm. Gian với thiếp của kì thân, của gia trưởng, nô tì làm công phạt trăm trượng, lưu đầy ba ngàn dặm, người thiếp bị phạt trăm trượng, đày 3 năm. Gian với thiếp của kì thân trở lên, tì ma của gia trưởng, nam nữ bị phạt trăm trượng, đày 3 năm. Cường cứng chém, cùng văn trên nói cường gian Tì ma trở lên và vợ của hàng thân ấy thì không khác, tội chém. Chưa thành thì giảm một bậc.

Điều lệ:

1) Phạm người làm công, nô tì cường dâm con gái, vợ và mẹ của gia trưởng thì xét kỹ coi có thương tích trên thân thể như trầy da, y phục có bị rách xé và có hàng xóm chứng kiến là những bừa có xác thực thì không kể đã thành hay chưa. Xử chém.

6. Gian bộ dân thế nữ (Gian với con gái, vợ của bộ dân); tức điều 337 Tổng mục

- Phạm quân dân (bản quan) quan lại gian với vợ, con gái của Bộ mình thì tăng thêm hai bậc tội, người thường gian, bãi chức dịch không kể thứ bậc, phụ nữ luận tội theo thường gian. Nếu gian với tù dân bà thì phạt trăm trượng, đày 3 năm, tù phụ nữ chỉ buộc theo nguyên phạm tội danh, (như bản quan ở ngoài vẫn lấy gian với sở bộ buộc tội, cường thì bị treo cổ)

[Giải thích]: - Phạm quan lại quân quân, quân dân mà gian với con gái, vợ của quân dân sở bộ thì tăng hơn người thường gian hai bậc, bãi chức dịch, không kể hòa gian, phạt một trăm trượng, đày

một năm rưỡi. Quan lại đối với quân dân có phận giám lâm, cạy thế làm chuyện gian thì nặng hơn người thường, nên phải tăng bậc tội. Hành động thiếu sót nên không được dùng thứ bậc. Phụ nữ xử theo người thường phạm gian. Quan lại dù có cạy thế, nhưng chỉ nói gian mà không nói cưỡng thì phụ nữ vốn tự đồng ý nghe theo, nên chiếu luật người thường phạm gian mà xử. Nếu quan lại gian với nữ tù nhân đang bị giam cầm thì phạt một trăm trượng, đồ hai năm. Đối với nữ tù nhân mà quan lại có quyền chuyên chế, cạy pháp luật làm chuyện gian thì chuyện ấy quá lắm, lại càng phải xử nghiêm hơn. Nữ tù nhân bị khống chế bởi quan lại, tuy hòa gian, nhưng không phải ý họ muốn vậy, cho nên không giống với tội gian, chỉ bị tội nguyên phạm tội danh. Lời chú nói rằng: Bản quan ở ngoài vẫn xử theo sở bộ. Phụ nữ không mắc tội gian đến chết thì không được giam tù. Phạm phạm tội khác không cấm thì không nên gọi là tù phụ.

7. *Cư tang dữ tăng đạo phạm gian* (Kẻ đang cư tang và tăng đạo phạm gian); tức điều 338 Tổng mục

- *Phàm để tang cha mẹ và chồng chết, nếu tăng ni, đạo sĩ, nữ quan phạm gian thì tăng hai bậc tội người thường phạm gian, xử tội ấy theo người thường phạm gian. (Cưỡng thì gian phu bị treo cổ - giam chờ - phụ nữ không bị tội).*

[Giải thích]: - Để tang cha mẹ, cậu cô chồng chết mà phạm gian thì quên nỗi đau buồn nên xử thất cổ, xuất gia mà phạm gian thì làm dơ loạn thanh qui, cho nên chiếu theo người thường hòa

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

gian mà xử, có chồng, điều gian, 3 hạng tội trên đều xử tăng hai bậc. Người cùng gian gồm cả nam nữ không có để tang lại không phải xuất gia vẫn chiếu xử người thường gian không ở trong loại tăng bậc tội. Tăng ni có độ điệp, chiếu theo điều lệ sau, đóng gông hiệu phát lạc, vẫn buộc hồi tục, trả về làng cũ làm dân.

Điều lệ:

1) Tăng đạo quan, tăng nhân, đạo sĩ phạm vào kĩ nữ (gái điểm), rượu thịt thì đều phạt trăm trượng, trả về làm dân.

2) Tăng đạo, tăng ni, nữ quan có phạm hòa gian nơi chùa, am viện, môn thủ đóng gông một tháng phạt một trăm trượng. Tăng đạo gian với đàn bà có chồng và điều gian thì chiếu luật, tăng hai bậc tội, phạt trượng, đồ trị tội, vẫn đóng gông một tháng tại nơi chùa, am viện, môn thủ của mình.

8. Lương tiện tương gian (Lành hèn cùng gian); tức điều 339 Tổng mục

- *Phàm nô tì gian dâm với con gái, vợ của người lành thì tăng một bậc tội người thường gian (hòa, điều, có chồng không chồng đều coi như cưỡng, bị chèm). Người lành gian dâm với nô tì khác thì giảm một bậc tội người thường phạm gian, như cưỡng thì vẫn chiếu người thường mà xử treo cổ (giam chờ). Còn cưỡng gian chưa thành thì phạt trăm trượng, lưu ba ngàn dặm. Nô tì cùng gian dâm với nhau thì xử như người thường.*

[Giải thích]: - Nam nữ gian dâm là đều có tội, mà lương tiện có phân tôn ti khác nhau thì không thể xử chung được. Phàm nô tì

mà gian dâm với con gái, vợ của lương nhân thì nam nữ đều tăng một bậc tội người thường gian. Nô tì phạm lương là lấn tiếm mà lương không tự tiếc cho nên đồng là nặng. Lương nhân mà gian dâm với nô tì người khác thì nam nữ đều tăng một bậc tội người thường phạm gian. Từ *lương* bước xuống *tiện* là nhục mà nô tì chẳng thể sánh được với lương, cho nên đồng là nhẹ. Nếu nô tì gian dâm nhau thì tiện gian dâm với tiện, lương gian dâm với lương thì tội theo người thường phạm gian. Tội phạm gian, trong luật không nói nam nữ riêng thì nam nữ đồng tội, đó là lẽ. Ở điều này nói thêm nam nữ đồng tội, thêm gian phụ là tiện mà gian phụ là lương từ lương xuống tiện cùng một nghĩa. Giảm là nam nữ đồng giảm, nô đã là tiện mà gian phụ giảm một bậc tội thì nô tì cũng được giảm như vậy. Hoặc là nô gian lương, lương gian nữ nô tì xử theo luật người thường thì chẳng phải vậy. Trong điều về phạm gian có chồng thì bị phạt 90 trượng, so với hòa gian thêm một bậc, đây là gian phụ nên tăng, nhưng gian phụ cũng đồng tội, điều ấy có thể biết.

9. Quan lại tức xướng (Quan lại ở đêm với con hát); tức điều 340 Tổng mục

- *Phạm quan lại văn võ ở đêm với con hát, phạt 60 trượng (đem con hát theo tiệc rượu cũng bị tội theo luật này). Người mưu cho cuộc họp, giảm một bậc. Nếu con cháu quan viên (được tập ấm) ở đêm với con hát, tội cũng vậy.*

[Giải thích]: - Con hát là hạng phụ nữ vui chơi. Quan lại văn võ

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

ở đêm với họ tuy không là gian so ra cũng hoen ố hành vi, nên phạt 60 trượng, người mưu gây cuộc vui, giã một bức tội, phạt 50 roi. Nếu con cháu quan văn võ được tập ẩm mà ở đêm với con hát thì cũng bị tội như vậy.

Điều lệ:

1) Giám sinh, viên tử chơi bời, uống rượu coi thường sư trưởng không giữ giám qui, học hiệu và đem con hát ra vào quan phủ, bài bạc, khởi đơn thưa kiện nói tội lấy tiền, bao thầu nhiều việc. Các hạng như vậy thì cho về làm dân, trị tội; có tang vật thì kể tang vật buộc tội nặng.

*

* *

Bên cạnh, chương *Phạm gian*, phần *Biểu đồ tổng tang phục* có thể xem như một chương về phong tục học của văn minh sử Việt Nam. Đó là chế độ *để tang*, sử dụng tang phục của cộng đồng người Việt cùng sinh sống trên đất nước, cùng sinh hoạt cộng đồng trong đời sống văn hóa Việt Nam. Từ chế độ tang lễ và tang phục này, ngày nay có thể giúp người Việt chúng ta hiểu thêm các phong tục và tập tục tang chế Việt Nam từ thời trung đại cho đến ngày nay. Thiết tưởng đây có thể xem như một chương của văn minh sử Việt Nam đã đóng góp cho kho tàng văn hóa Việt Nam từ cận đại đến đương đại.

Các bản đồ về tang chế được giới thiệu cận kề giúp cộng đồng dân chúng sử dụng trong các lễ tang cho phù hợp với sinh hoạt xã hội (xem mục *Biểu đồ tang phục* trang 217-241). Các chi tiết trên

giúp cộng đồng dân Việt sống phù hợp với luật pháp và luân lí xã hội, đồng thời nhờ đó các pháp quan có điều kiện khách quan xử lí các vụ án dân sự. Về giá trị tang phục, luật giải thích như sau, chẳng hạn như giày và gậy tang trong tang lễ ông bà, cha mẹ: *«Giày mang dưới chân bên bằng cỏ rom. Đối với việc chống gậy mà khóc, đối với tang cha, người ta dùng khúc trúc với những cái mắt bên ngoài [của nó] như một tượng trưng, cha là trời đối với con, trúc tròn giống như trời, trúc không thay đổi suốt bốn mùa trong năm, vì nỗi buồn thương của con khóc cha giống như qua mùa nóng lạnh không bao giờ thay đổi. Đối với tang mẹ thì gậy làm bằng cây ngô đồng. Chữ đồng là tên cây cũng có nghĩa là đồng tâm, chung nhau; nghĩa là trái tim của con đặt vào người mẹ cũng ngang hàng với cha. Ngoài cây không có mắt, các mắt đều ở bên trong tượng trưng cho sự giữ gìn. Phần trên của cây gậy vót tròn, theo dạng vòng tròn; phần dưới của gậy đẽo thành hình vuông theo hình của đất. Gỗ dù trúc hay cây không khác nhau đều lấy phần gốc, chống xuống. Chiều dài của gậy phải ngang tới trái tim. Người con hiếu khóc thương cha mẹ không thể kể xiết, thân thể gầy bệnh, gậy giúp cho người bệnh, bệnh phát từ tim, cho nên gậy phải dài và chấm dứt tới ngang chỗ tim ấy».*

2. Tinh nhân văn Hoàng Việt luật lệ

Ngoài ra, về Hộ luật, *Hoàng Việt luật lệ* cũng quan tâm nhiều đến chế độ hôn sản trong cộng đồng xã hội, các nhà soạn luật không minh thị về chế độ hôn sản một cách rạch ròi. Thế cho nên ở điều 76 và điều 83 cũng đề cập đến việc phân chia tài sản giữa

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

chánh thất và thứ thất và thừa kế tài sản của cha mẹ để lại. Trong *Điều lệ* của điều 76 ghi rõ:

«Phàm con nuôi khác họ, có ý muốn trở về tông (họ) nó, con nuôi trẻ nhỏ dưới 3 tuổi (như con nhặt được) nhưng y luật theo họ nó thì vẫn châm chước chia cấp tài sản đầy đủ, không ép buộc nó về họ nó. Nếu có ý đồ lấy tài sản [của nó] để đưa đứa trẻ ấy về họ nó thì chiếu luật trị tội»

Điều luật 83 có 2 lệ rõ ràng

1- *«Con trai dòng chính, dòng thứ, trich người làm quan có tập ấm, trước hãy để con cháu dòng chính thừa kế tài sản. Khi phân chia gia tài, điền sản thì không phân biệt con của thê, thiếp, nô tì sinh ra mà phải chia đều cho số con»⁽¹⁾*

2- *«Tài sản của hộ mà đồng tông quả là không có người thừa kế thì giao cho con gái họ nhận lãnh. Nếu không có con gái thì cho phép quan địa phương trình bày rõ lên thượng ti tính toán hợp lý việc sung công»⁽²⁾.*

Xem vậy, thì *Hộ luật* trong *Hoàng Việt luật lệ* chẳng khác gì mấy so với *luật Hồng Đức* về thừa kế có chúc thư hay không chúc thư, người thừa kế đều được hưởng như nhau như trong việc thọ hưởng việc thừa kế cũng như hương hỏa gia tộc.

Điều luật 76 cho phép con nuôi cũng được hưởng quyền thừa kế như con các dòng khác, dù cho đó là con của vợ chính hay nô tì thì cũng như nhau.

1. Điều luật 76 *luật Gia Long*, NXB Văn hóa TT 1994.

2. Điều lệ 83, *luật Gia Long*, *Sdd*, trang 298

Gần đây, tác giả Huỳnh Công Bá khi nghiên cứu «*Vấn đề tài sản trong pháp luật hôn nhân và gia đình dưới triều Nguyễn*». Khi đề cập đến các khía cạnh trên của *Hoàng Việt luật lệ*, và cho rằng: “Nhu vậy, so với *luật Hồng Đức*, *luật Gia Long* lúc đầu có vài thiếu sót về chế độ hôn sản, chế định phân sản, vấn đề thừa kế thông thường và vấn đề thừa kế hương hỏa, nhưng lập tức sau đó được Minh Mệnh và Thiệu Trị bổ sung bằng các đạo dụ mới và cách giải quyết của các đạo dụ này vẫn hoàn toàn giống với pháp luật triều Lê. Nèn, nhìn chung, pháp luật triều Nguyễn vẫn giải quyết các vấn đề tài sản trong hôn nhân và gia đình theo phong tục tập quán sinh hoạt của người Việt Nam đã kế thừa theo truyền thống pháp luật của dân tộc”⁽¹⁾

Thực tế đó là ngoài *Hoàng Việt luật lệ*, dưới triều Minh Mạng (1820-1840) và Thiệu Trị (1840-1847) triều Nguyễn còn tập hợp một số luật lệ lẻ tẻ bổ sung, được chép trong *Minh Mạng luật đại lược*, *Hoàng triều khai định luật lệ* và *Chấn hưng hương phong* bổ sung các điều khoản về *Hộ luật* mà *Hoàng Việt luật lệ* chưa đề cập sâu rộng.⁽²⁾

1. Huỳnh Công Bá, *Bài đã dẫn*, trang 65-75, *Nghiên cứu Huế* tập 3 năm 2002, Huế.
2. Huỳnh Công Bá, *Bdd* và bài *Pháp chế triều Nguyễn đối với vấn đề nhân thân của người phụ nữ* (cùng tập san tập 2, 2001). Trong *Bài đã dẫn* tác giả trên viết: “So với *luật Hồng Đức*, *Hoàng Việt luật lệ* của nhà Nguyễn còn có những thiếu sót trên lĩnh vực hôn sản, thừa kế và hương hỏa, nhưng lập tức nó được Minh Mạng và Thiệu Trị tham chiếu pháp luật triều Lê để bổ sung trong *Hoàng triều khai định luật lệ* và *Chấn chỉnh hương phong* làm cho pháp luật triều Nguyễn, về những điểm này, không có gì cách biệt so

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Ông Nguyễn Hữu Châu Phan cũng trên *Nghiên cứu Huế*, tập 2-2001 cũng cho rằng: “Vua Gia Long lại cung cấp cho các Thượng thư và quan lại của mình một khi giới mệnh: *một bộ luật mới (luật Gia Long)* bắt buộc người dân phải tuân kỉ luật về trật tự một cách hà khắc.

“Không phải do sự tinh cò mà bộ luật mới có những khoản giống với bộ luật của nhà Thanh bên Trung Hoa. Một lần nữa, giai cấp được ưu đãi ở Việt Nam đã khôn ngoan bắt chước chế độ Trung Hoa “đã có kinh nghiệm” để củng cố địa vị của mình”

“Bộ luật bảo vệ những quan lại - không được lòng dân, chẳng hạn như phạt lưu 3000 dặm (điều 236) tội hành hung những người phụ trách thu thuế. Điều 262 bắt buộc mọi hành khách phải có giấy lưu thông, và giấy lưu thông phải trình cho những đồn kiểm soát ở dọc đường” ⁽¹⁾.

Ở đây chưa nói đến nội hàm cùng tính nhân văn của bộ luật, thì thực chất của *Hoàng Việt luật lệ* trước tiên là một công cụ trị

với pháp luật triều Lê (...). Do những chế tài về gian dâm, về sự hiếu đễ về sự “tòng phu” đối với người phụ nữ có phần khắc nghiệt. Tuy nhiên bình tĩnh mà xét thì những nguyên tắc đó, cũng là một thời răn đe, góp phần ổn cố trật tự gia đình và cả trật tự xã hội, làm cho gia đình Việt Nam truyền thống nói riêng và cả Đông phương nói chung trở nên ấm áp, một điều mà nhiều người phương Tây hiện nay đang mơ ước vì nạn li hôn và ngoại tình đã tấn công và gặm nhấm một cách kinh khủng đời sống gia đình của họ”. (tập 2, 2001).

1. Nguyễn Hữu Châu Phan, *Bối cảnh lịch sử Việt Nam khi người Pháp đến, Tập san đã dẫn* Tập 2, 2001.

nước của triều sơ Nguyễn vào thời điểm nước Việt mới thu về một mối; nhất là sau cuộc nội chiến dài (1771-1802) từng phá nát kỉ cương và do “phong hóa suy đồi” làm tiêu trầm luật pháp.

Xem vậy, *Hoàng Việt luật lệ* - nói riêng - và luật triều Nguyễn nói chung vào thời điểm những năm 20 của thế kỉ XIX (1813-1820) đã có một số điểm có thể gọi rằng “mới” và đáp ứng được nhu cầu luật pháp của xã hội đương thời. Thế cho nên, chúng ta có thể qui kết về một số điểm đáng chú ý của *Hoàng Việt luật lệ* như sau:

- *Hoàng Việt luật lệ* là một trong hai bộ luật lớn nhất của cổ luật Việt Nam.

- *Hoàng Việt luật lệ* do người Việt Nam biên soạn có *«Xét lọc, lược định, lấy bỏ, thêm bớt»* so với luật nhà Thanh (theo sử quán triều Nguyễn) mà *«Khoân sửa đổi quan trọng hơn hết là phần lược bỏ một số điều của bộ luật Thanh triều»* (theo Philastre).

- *Hoàng Việt luật lệ* được soạn thảo theo chủ ý của vua Gia Long là *«lấy luật lệ của các triều đại nước ta làm căn bản và chuẩn thẳng, tham khảo luật Hồng Đức và luật Thanh triều»* (theo Gia Long).

- *Hoàng Việt luật lệ* *«giúp kẻ ngoan cố dễ tránh được hành vi sai phạm để họ tự cải hóa mà xa rời sự trừng phạt để có thể đi vào con đường tự cải hóa»* (theo Gia Long).

Và điều “mới”, nhân văn nhất là *Hoàng Việt luật lệ* chủ trương *«trừng phạt để về sau không còn phải trừng phạt nữa, đặt ra tội hình để mai sau (về sau) không còn phải dùng đến tội hình nữa»* như Tổng tài Nguyễn Văn Thành (1757-1717) đã viết trong sớ tấu dâng lên vua Gia Long trước khi ban hành bộ luật trong năm 1813 (Gia

Long thập nhị niên ban hành: *Ban hành năm Gia Long thứ 12, tức năm 1813 - Dương lịch*).

*

* *

Về hình phạt *lăng trì*, trong quyển 1 bộ luật từng nhấn mạnh về cực hình này trong toàn văn bộ luật. Phần *Giải thích*, viết: «*Đời Hán từng tru di tam tộc, trước hết là khắc dấu vào mặt, thêu mũi, cắt ngón chân tả hữu, cắt bộ phận sinh dục, đánh bằng roi cho đến chết, lấy dầu bôi lên, xương thịt ngâm trong nước muối. Đó gọi là năm hình phạt đầy đủ, luật gọi là lăng trì! Phải chăng gốc nó là từ đời Hán?*»

Ngày nay vĩnh viễn bỏ nhục hình ấy, vĩnh viễn bỏ; tộc hình cũng đổi ⁽¹⁾ *chỉ còn giữ lại hình phạt ghê khiếp ngoài hết thấy mọi ghê khiếp này là bằng cách chém* ⁽²⁾ *kẻ bất trung, bất hiếu”* (NQT nhấn mạnh, in đậm).

Hoặc trong mục *Giải thích biểu đồ năm hình phạt* cũng viết: «*Năm hình phạt xưa là khắc dấu vào mặt, cắt mũi, cưa chân, thiến, lăng trì. Năm hình phạt ngày nay là xuy (roi), trượng (gậy), đồ (khổ sai), lưu (dày), tử (chết) (...) Cần cẩn thận ghi nhớ điều này”* (Q.1).

-
1. *Tộc hình*: tức “tru di tam tộc”: giết ba họ gồm họ cha, họ mẹ và họ vợ.
 2. Nguyên văn là *Dĩ lục*: dịch sát nghĩa là *chém bêu đầu*, ông Philastre dịch sang tiếng Pháp là *pour exterminer: để loại trừ, trừ khử...* chứ không dùng từ *mort lente* (lăng trì) là xẻo thịt để tội nhân chết *chậm chậm, chết từ từ*.

Quyển 5 (Lại luật) nói về việc «*Sự ung tấu bất tấu*» điều lệ 1 viết rõ: «*Phàm quan châu, huyện không báo rõ cho thượng ti biết về tình hình thường dân bị bệnh tật khổ sở, khiến dân không biết kêu ca vào đâu thì [quan lại sở tại ấy] bị cách chức vĩnh viễn (không dùng lại). Nếu đã báo lên mà thượng ti không tiếp chuẩn để đạt thì [thượng ti] bị cách chức*».

Quyển 2 phần Danh lệ điều 17, viết: *Người phạm tội còn phải ở nhà nuôi dưỡng cha mẹ (Phạm tội tồn lưu dưỡng thân) ghi rõ:*

«*Phàm người phạm tử tội không được ân xá theo bình thường mà ông bà nội, cha mẹ già trên 70 tuổi hay tàn tật (bại liệt nặng) cần được săn sóc mà trong gia đình y (tội nhân) không còn ai trông thành (từ 16 tuổi trở lên); nghĩa là không khác gì con trai duy nhất thì pháp quan phải điều tra kỹ lưỡng, kê khai rõ tội danh người ấy phạm (cũng như nguyên do) để căn cứ vào tâu lên vua, chờ quyết định. Nếu phạm tội đồ, lưu thì xử 100 trượng, tội còn thừa thì cho nhận tiền chuộc, cho ở nhà nuôi dưỡng cha mẹ (quân nhân phạm tội cũng vậy)*».

Tiếp theo Điều lệ 1 cũng còn nói rõ thêm:

«*Phàm cả anh em trai đều phạm tội và đều bị kết án tội chính, thì một trong 2 người được ở lại nuôi cha mẹ. Theo lệ phải tâu lên vua, chờ vua định đoạt*».

Về tiền chuộc, tiền nợ, điều 23, quyển 3 (mục *Giải thích*) viết:

“*Nếu các loại trâu ngựa, chiếu luật, lúc phạm tiền công thuê là bao nhiêu và bao nhiêu ngày gọi là kế toán. Tháng như ngày tháng dài lâu, tiền nợ tích lũy nhiều vượt hơn giá trị đồ vật gốc thì phải*

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

lấy giá gốc làm chuẩn, không được đòi hơn, đưa đến **tình trạng con hơn mẹ**".

Quyển 15 (Hình luật) điều 11 ghi rõ:

«Quan lại dùng uy thế (chức vụ) vô cớ bắt trói người và tra khảo họ nơi tư gia (không kể có thương tích hay không thương tích) thì tăng hơn người thường 2 bậc tội, nếu nạn nhân chết thì [kê ấy] bị xử treo cổ»

Quyển 19 (Hình luật) điều 10 viết về việc *Không được tra tấn người già, trẻ em*, luật ghi rõ:

- Phạm người Bát nghị (được ưu tiên vì lễ) và trên 70 tuổi (xót thương người già), 15 tuổi trở xuống (vì lòng yêu mến trẻ) nếu tàn phế (thương kẻ tàn phế) như có phạm tội thì quan ti không được dùng hình phạt tra khảo, chỉ căn cứ vào các bằng chứng mà định tội. Ai trái lệnh thì bị xử theo điều sai sót, thêm tội cho người (cố ý thì xử đủ tội, sai sót mà thêm thì giảm 3 bậc). Còn người được che chở theo luật (vì nể chỗ tình thân) và 70 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống đều không được bắt họ làm chứng. Trái luật này thì phạt 50 roi».

Quyển 20 (Hình luật), điều 12 viết về mục đàn bà phạm tội, ghi rõ về cách thụ lý và xử án rất phân minh mà cũng nhân đạo đối với nữ phạm nhân; luật viết:

«Phạm đàn bà phạm tội, trừ tội gian dâm và tội chết mới bị giam cầm, còn những tội khác thì trách phạt rồi giao cho chồng y quân cố. Người không có chồng thì trách phạt và cũng giao cho thân thuộc có chế độ tang phục, lân lí bảo quản. Tùy nha môn cho phép, chứ không được đồng loạt giam cầm. Ai trái, bị phạt 40 roi.

- Nếu phụ nữ mang thai phạm tội phải bị tra khảo thì y sự bảo

quản nói trên, chờ sau khi sinh nở một trăm ngày mới tra xét. Nếu chưa sinh nở mà tra xét làm cho sẩy thai thì quan lại giảm tội thường nhân đánh lộn ba bực. Làm cho họ chết thì phạt 200 trượng, đồ 3 năm. Hạn sinh chưa mãn mà tra xét đưa đến chết thì giảm một bực tội.

- Nếu phụ nữ đang mang thai phạm tử tội thì cho phép mẹ bà vào nơi cấm cấm sóc, cũng cho phép sau khi sinh nở 100 ngày mới hành hình. Chưa sinh nở mà hành hình thì kẻ thi hành bị phạt 80 trượng. Sinh nở hạn chưa mãn mà hành hình, bị phạt 70 trượng, quá hạn mà không hành hình thì phạt 60 trượng.

- Lầm lẫn thì phạt giảm ba bực. Đàn bà mang thai không nên tra khảo, tra khảo làm sẩy thai thì bị phạt 70 trượng, làm chết phạt 70 trượng, đồ một năm rưỡi năm. Hạn sinh nở chưa hết mà bị tra khảo đến chết, phạt 60 trượng, đồ một năm, và phạm tử tội án xử không nên phạt mà phạt, chưa sanh mà đem hành quyết thì phạt 50 roi, chưa mãn hạn mà hành quyết thì phạt 40 roi, quá hạn mà không hành quyết, phạt 30 roi”.

Riêng về việc đàn bà có thai bị phạm tội thì *Hoàng Việt luật lệ* phạt người gây ra cái chết đối với nữ tội nhân thì bị phạt 200 trượng, đồ ba năm (*luật Hồng Đức* tội này thì chỉ bị phạt 80 trượng, *Hoàng Việt luật lệ* ghi phụ nữ mang thai phạm tử tội thì cho phép mẹ bà vào nơi giam cấm cấm sóc tội nhân (*luật Hồng Đức* không có) và chi tiết 100 ngày sau khi sinh mới bị hành hình. Theo họ (các tác giả *Hoàng Việt luật lệ*) cho rằng có đủ 100 ngày là muốn cho hài nhi có đủ sữa bú thì hài nhi đó mới sống được. Còn rất nhiều chi tiết về cách xử phạt, thời hạn giam cấm của hai bộ luật có khá nhiều cách biệt cũng như cách giải thích của bộ *luật Gia Long*.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Riêng về tội hối lộ thì *Hoàng Việt luật lệ* như đã viết ở trên có đến 9 *điều luật* và *những điều lệ* để xử phạt người phạm tội. Người ăn hối lộ có giá trị từ 120 lạng bạc trở lên, hoặc tương đương - thì bị *xử treo cổ* (*luật Hồng Đức* tội này *nặng nhất* chỉ *xử tội đồ* và trong *luật Hồng Đức* mục hối lộ chỉ có hai điều là 138 và 139. Trong khi đó *Hoàng Việt luật lệ*, về việc tàng trữ sách cấm và kẻ làm ra loại sách này, bị *phạt 100 trượng*; trái lại *luật Hồng Đức* ai mắc tội trên thì bị *xử giáo* (*luật Hồng Đức* điều 413). Vậy ngày nay, chúng ta khó có thể bảo luật nào độc đoán hơn luật nào? và nếu có thẩm phán, chánh tòa hoặc luật sư nào có nhiệm vụ trước tòa chắc sẽ dựa vào luật và phán đoán của mình để xét xử một cách khoa học và công bằng.

Bên cạnh, luật này cũng cho phép người có tội bị kết án có thể nộp tiền chuộc tội, nhất là đối với những tội nhân bất hạnh, người liên can đến trách nhiệm, kẻ lâm vào cảnh nghèo khó. Các sự kiện đó được coi là lòng quảng đại thì có thể chuộc tội bằng tiền bởi sự tha thứ của luật pháp. *Phần Tập chú* viết: “Về phần nhận giá chuộc, giá bạc cũng rất nhẹ đối với những người già cả, trẻ em, người tàn tật, quan coi thiên văn, đàn bà đều có thể viện dẫn đến lòng thương người già, xót trẻ thơ, thương kẻ chưa thành nhân, khoan dung cho nghệ sĩ và xót thương cho phận đàn bà” (các trang 204-217).

Ngoài ra điểm «*mới*» theo chúng tôi thì đó là cách biên soạn của *Hoàng Việt luật lệ*, vì trong bộ luật này có mục *giải thích* và *lệ* mà *luật Hồng Đức* không có. Chính điều đó làm cho bộ luật *sáng* và *dễ hiểu*; và các *lệ* này đều xuất phát từ các *lệ* ở địa phương mà

dân ta quen gọi là *lệ làng* chẳng? nghĩa là các lệ này nhiều khi còn quan trọng hơn các điều luật. Thế cho nên dân ta mới có câu “phép vua thua lệ làng” là vậy. Có lẽ nghĩ vậy chẳng mà luật sư Vũ Đình Hòe⁽¹⁾ cho rằng *«bộ luật Gia Long thừa kế và phát huy kinh nghiệm làm luật của những triều đại trước mình trong nước và ngoài nước và có thể là của các cộng đồng làng xã.»* (Lời Bạt, Bdd).

Theo ý kiến cá nhân thì các điều vừa dẫn là những điều chúng tôi nghĩ là *luật Gia Long khác với các luật khác* và cũng có giá trị nhân văn đối với người Việt cũng như đối luật pháp nói chung.

Nói như ông Philastre - mà cũng hợp với suy nghĩ của chúng tôi - nên xin trích lại ý kiến ông để chúng ta thấy được thực chất của bộ luật này. Chính vì vậy *Hoàng Việt luật lệ* đã trở thành chuẩn thẳng trong công tác trị nước và luật pháp triều Nguyễn:

«Vua Gia Long, người sáng lập triều đại hiện nay, khi ban bố bộ luật hiện thời để thay thế bộ luật cũ soạn theo bộ luật nhà Minh⁽²⁾, đã mở ra một con đường mới khiến cho sự ảnh hưởng giữa hai dân

1. Vũ Đình Hòe (1912-) Nhà luật học, quê làng Do Lộ, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, thường trú tại Hà Nội.

Cựu học sinh trường Bào hộ (Trường Bưởi), Cựu Hội viên *Hội Ánh sáng*, *Hội Truyền bá Quốc ngữ*, cựu đảng viên xã hội Pháp (S.F.I.O), cựu sáng lập viên báo *Thanh Nghị* và chủ nhiệm kiêm chủ bút báo này (1941-1945) ở Hà Nội. Tốt nghiệp cử nhân luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 làm Bộ trưởng Giáo dục trong chính phủ lâm thời (1945-1946), Đại biểu Quốc hội khóa I, Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước VNDCCH (1946-1960). Năm 1960 làm chuyên viên luật học ở Hà Nội đến năm 1975.

Hiện nay ông sống với con cháu tại Sài Gòn và Hà Nội.

2. Ý dịch giả chỉ bộ *luật Hồng Đức* (NQT)

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

tộc An Nam và Tàu ngày càng thêm chặt chẽ.

Mặc dầu có một vài sai lầm đã được nêu lên, bộ luật An Nam gồm các sắc luật có lời bàn và các chỉ dụ kèm theo, rõ ràng là một bộ luật mô phỏng theo bộ luật Thanh triều. Chỉ có khác là đã bỏ bớt ở đôi chỗ này và đã sửa đổi ở đôi chỗ nọ.

Khoản sửa đổi quan trọng hơn hết là khoản lược bỏ một số điều luật của bộ luật nhà Thanh ⁽¹⁾.

Ở Âu Châu trước đây đã có người dịch bộ luật này rồi: bộ luật Thanh triều được Huân tước Geoges - Thomas Staunton dịch ra tiếng Anh, còn bộ luật Gia Long thì được ông G. Aubaret dịch ra tiếng Pháp. Bản dịch tiếng Anh chỉ cho ta bản văn của các đạo luật, bản dịch tiếng Pháp thì có thêm một số lớn những sắc chỉ đã được bộ luật Gia Long giữ lại.

Cho dầu gọi là luật nhà Thanh, hay gọi là luật Gia Long; tựu trung đây vẫn là một bộ hình luật, một phần của những qui định trong ngành pháp chế của mỗi nước, gồm có:

1) Những đạo luật về các án thường sự chưa thành luật hẳn mà chỉ là những lời khuyên răn về lối ăn ở, cư xử lấy trong Ngũ Kinh, nhất là lấy trong Kinh Lễ.

2) Những qui định coi như là hiến ước dựa theo một bộ sách xưa tên là Chu Lễ chép các lễ tục của nhà Chu.

3) Những đạo luật gọi là Lục bộ điều liên quan đến sự điều hành các việc công thuộc thẩm quyền của mỗi bộ trong Lục bộ.

1. Chúng tôi (NQT) nhấn mạnh - in đậm.

4) Sau rốt, những Sắc luật và chỉ dụ mà thật ra vốn là một bộ hình luật như đã nói ở trên (...)

Mọi tội trạng đều được xem xét để trừ liệu sẵn một hình phạt, mọi vụ án đều có một thời gian qui định trước. Sai lầm hay bỏ sót khi xử án đều là trọng tội đối với nhà vua. Chính vì vậy mà Lục bộ điều đã được đặt ra để có sẵn những điều khoản ứng phó trong những tình huống vượt ngoài thông lệ.

Cũng nên thấy rằng trong nhiều chỉ dụ, ngoài hình phạt định sẵn cho kẻ phạm tội, bộ luật còn trừ liệu trừng trị những kẻ thông đồng, hoặc những viên chức phạm sơ suất và sai lầm khi xử án. Viên chức có lỗi sẽ bị giao về bộ chờ đình nghị và quyết định. Đó là sự áp dụng điều khoản riêng được qui định trong Lục bộ điều.

Tôi (P.) không dám so sánh việc làm của tôi với công trình của những người đi trước. Với một bộ sách đòi hỏi nhiều công sức như thế này, với một đề tài ít được mọi người biết đến như thế này, tôi không dám táo bạo cho rằng bản dịch của tôi hoàn toàn không có lỗi. Tôi chỉ cố gắng để bị ít lỗi lắm thôi.

Về điểm này có người sẽ bẽ rằng trong phạm vi hình luật bất cứ lỗi lầm nào cũng đưa đến những hậu quả đáng buồn. Đã là sách luật thì không được quyền có lỗi lầm. Điều này đúng, nếu nhà cầm quyền thuộc địa Nam Kỳ có ý định, như tôi đã nghe nhiều người ao ước, dùng bản dịch này ban hành làm bộ luật để cai trị xứ An Nam. Nhưng lấy công tâm mà nghĩ, làm như vậy là sai lầm lớn. Nếu có dùng luật, chúng ta phải dùng bộ luật viết bằng chữ Hán. Nếu có xử án, chúng ta phải dùng ngôn ngữ của người bị xử. Làm ngược lại là vi phạm điều luật đầu tiên của họ cũng như của chúng ta.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Đã cầm quyền thì phải nhận lấy bốn phận và trách nhiệm. Đừng bắt mấy triệu người An Nam phải học tiếng ngoại quốc để cầu xin công lí. Công việc đó, chính những người đã cầm súng trong tay để chinh phục họ phải tự cáng đáng lấy (...)

Chủ ý của tôi vẫn là chuẩn bị một chương trình tu sửa bộ luật lần lần để nâng nó lên tầm mức của nền văn minh hiện đại, để làm cho nó trở nên thích hợp hơn với những nhu cầu của dân chúng An Nam - Nam Kỳ. Nhưng tiếc rằng tôi không có thì giờ. Công việc làm của tôi, dầu giá trị của nó có là thế nào chăng nữa, ít nhứt cũng được cái là tôi đã thực hiện nó với đầu óc hoàn toàn không bị che lấp, bởi bất cứ thiên kiến nào, trong mục đích mưu tìm sự thật. Như vậy, tôi mong ở mọi người sự thể tình và sự rộng lượng (...) ⁽¹⁾

Ngoài ra, tính nhân văn của bộ luật còn thấy rõ qua từng phiên tòa mở trong năm (các tội *Mưu phản*, *Đại phản nghịch*, *Đạo tặc*...). Theo luật, các phiên xử thường tổ chức vào đầu mùa thu chứ không mở vào mùa hè; vì theo luật, mùa hè thời tiết khắc nghiệt sẽ ảnh hưởng xấu đến việc buộc tội của các pháp quan. Nếu phiên tòa xử trong mùa thu năm nay mà chưa có phán quyết cuối cùng thì phải đợi đến mùa thu năm tới mới quyết án chung thẩm. Trường hợp gặp tội nhân bị án tử hình (giam chờ - đợi để chống án hoặc xin ân xá hay, chờ thỉnh ý vua) thì cũng phải đợi đến mùa thu sau khi có phiên tòa mới xử chung thẩm. Việc mở phiên tòa vào

1. Philastre - *Le Code Annamite*, NXB Ernest Le Roux, Paris, 1909 (bản in lần thứ 2), Nguyễn Q. Thắng dịch từ bản tiếng Pháp, xem toàn văn trong *Phụ lục*.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Đã cầm quyền thì phải nhận lấy bốn phận và trách nhiệm. Đừng bắt mấy triệu người An Nam phải học tiếng ngoại quốc để cầu xin công lí. Công việc đó, chính những người đã cầm súng trong tay để chinh phục họ phải tự cáng đáng lấy (...)

Chủ ý của tôi vẫn là chuẩn bị một chương trình tu sửa bộ luật lần lần để nâng nó lên tầm mức của nền văn minh hiện đại, để làm cho nó trở nên thích hợp hơn với những nhu cầu của dân chúng An Nam - Nam Kỳ. Nhưng tiếc rằng tôi không có thì giờ. Công việc làm của tôi, dầu giá trị của nó có là thế nào chăng nữa, ít nhứt cũng được cái là tôi đã thực hiện nó với đầu óc hoàn toàn không bị che lấp, bởi bất cứ thiên kiến nào, trong mục đích mưu tìm sự thật. Như vậy, tôi mong ở mọi người sự thể tình và sự rộng lượng (...)⁽¹⁾

Ngoài ra, tính nhân văn của bộ luật còn thấy rõ qua từng phiên tòa mở trong năm (các tội *Mưu phản*, *Đại phản nghịch*, *Đạo tặc*...). Theo luật, các phiên xử thường tổ chức vào đầu mùa thu chứ không mở vào mùa hè; vì theo luật, mùa hè thời tiết khắc nghiệt sẽ ảnh hưởng xấu đến việc buộc tội của các pháp quan. Nếu phiên tòa xử trong mùa thu năm nay mà chưa có phán quyết cuối cùng thì phải đợi đến mùa thu năm tới mới quyết án chung thẩm. Trường hợp gặp tội nhân bị án tử hình (giam chờ - đợi để chống án hoặc xin ân xá hay, chờ thỉnh ý vua) thì cũng phải đợi đến mùa thu sau khi có phiên tòa mới xử chung thẩm. Việc mở phiên tòa vào

1. Philastre - *Le Code Annamite*, NXB Ernest Le Roux, Paris, 1909 (bản in lần thứ 2), Nguyễn Q. Thắng dịch từ bản tiếng Pháp, xem toàn văn trong *Phụ lục*.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Để có một cái nhìn có tính lịch sử, chúng tôi xin mượn lời trong *sớ tấu* của Tổng tài Nguyễn Văn Thành dâng lên vua Gia Long thay cho kết luận của thiên khảo luận sơ lược này.

Nguyễn Văn Thành viết: “*Nước ta, trong các triều đại trị vì từ trước đến nay, thì triều đại nào cũng đều có bộ luật của triều đại ấy. Xem qua bộ luật Hồng Đức thì biết rằng thời bấy giờ việc phạm tội đã được xếp thành thứ bậc để dễ truy tầm, còn sắc luật thì rất giản lược mà phân minh.*

Trong thời kì Tây Sơn tạo phản, phép tắc bị phá bỏ, kỉ cương tan tác như phải cơn gió dữ, phong tục thì suy đồi, chuyện hung ác, điều gian tà lan tràn không ai kiềm giữ. Chính vì vậy mà tinh thần thượng tôn luật pháp đã bị lu mờ, những con dân trí lực hẹp hòi không còn biết phải cư xử như thế nào nên đã vô tình phạm tội. Và chẳng, mọi việc đều chưa tiên liệu rõ ràng, nên những kẻ gian ngoan đã thừa dịp đảo điên luật pháp để né tránh các tội hình. Lại nữa, khi chiếu theo những điều khoản luật để xem xét về sự việc, bọn tham quan ô lại đã lợi dụng các thứ bậc tội hình, tùy nghi gia giảm để mưu cầu tư lợi.

Nay thừa mạng trời, Đức Thánh thượng đã đổi loạn thành trị, vỗ an bốn biển, chấn chỉnh kỉ cương, nhổ sạch gốc rễ gian tà, đặt lại qui tắc khoan hồng và thưởng phạt. Khi xem đến bộ luật triều Thanh, Đức Thánh thượng nhận thấy đó là bộ luật gồm đủ các sắc luật của các triều đại trước, nên ban sắc chỉ dạy các quan đem ra bàn bạc, xem xét cùng hạ thần ngò hầu chọn lấy những gì khả dĩ soạn thành bộ luật riêng để dùng trong nước.

Hạ thần ngó trông, biết được đức nhân từ của Thánh thượng

muốn giáo hóa cả trong khi trừng phạt.

Sách đã dạy: **«Trừng phạt để về sau không còn phải trừng phạt nữa, đặt ra tội hình để về sau không còn phải dùng đến tội hình nữa»**. Điều đó há chẳng phải là điều mà Đức Thánh thượng hằng mong muốn hay sao?

Thừa vâng Thánh chỉ, hạ thần đã chặt lọc, sửa đổi, gom lại thành một bộ luật hai mươi hai quyển, nhưng vốn tự biết bất tài, thành thử chưa rõ Đức Thánh thượng có đẹp dạ về công việc này chăng?

Hạ thần cung kính quì lạy, mong chờ Đức Thánh thượng ban lời phủ chính.

Sớ tấu này thần hạ khép nép run sợ kính dâng ⁽¹⁾

Niên hiệu Gia Long, ngày mỗ tháng 6 năm thứ 11

III. VĂN BẢN, DỊCH PHẨM VÀ PHẦN GIỚI THIỆU

A. Văn bản

Hiện chúng tôi có 2 bản chữ Hán:

1- Bản khắc in năm 1812 tại Trung Quốc (không đủ bộ). Theo một vài người am tường sách cổ thì bộ này là một phần tử sách gia

1. Trong bản Pháp văn không ghi tên người viết Sớ tấu này, nhưng theo *Đại Nam liệt truyện* tác giả bài này là Nguyễn Văn Thành.

2. Sớ tấu này không thấy in trong bộ luật (có lẽ bị đục bỏ sau khi các tác giả bị khép tội), chúng tôi dịch lại từ bản tiếng Pháp của P.Philastre trong *Le Code Annamite* bản in lần thứ 2, 1909, Paris.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

đình của quan khâm sai Đại thần Nguyễn Tri Phương tàng trữ tại Đại đồn Kỳ Hòa, Gia Định trước năm 1862. Khi quân Pháp tấn công đồn này thì một số tài liệu, sách vở được dời về chùa Giác Lâm, Chợ Lớn. Khi Pháp chiếm trọn Nam Kỳ thì số tài liệu ở chùa Giác Lâm được người Pháp đem về tàng trữ tại Thư viện Blanchard de la Brosse Sài Gòn. Nghe nói (?) bộ này được Trương Vĩnh Ký dùng trong nhiều năm. Bảo rằng bộ này của Đại thần Nguyễn Tri Phương thì rất có lí vì trong mỗi trang sách đều có đóng dấu son «*Khâm sai Đại thần*» bằng chữ Hán. (Bản này đã mất mấy tập đầu nên không thấy tên tác giả).

2- *Bản khắc in ở Việt Nam* (không rõ năm in) gồm 22 quyển, đóng thành 10 tập, khoảng hơn 1.800 trang. Bản này chúng tôi tìm được trong một loạt sách cũ. Sách do Bộ Hình nhượng cho một người sinh trưởng ở Nam Kỳ (có thư riêng của Thượng thư bộ Hình gửi cho người mua). Theo chỗ chúng tôi được biết thì hình như sách này là của một nhân vật trí thức tại tỉnh Gò Công (sau cư ngụ tại Sài Gòn). Cuối cùng sách thất lạc ra nơi bán sách cũ và chúng tôi mua được cách đây đã lâu. (Bản này khắc in sau khi Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh bị khủng bố nên tên tác giả bị đục bỏ⁽¹⁾; do đó sách không ghi tên người biên soạn).

Khi sử dụng, chúng tôi có so sánh giữa hai bản thì thấy bản in

1. Về việc này *Đại Nam liệt truyện* (Q.12) viết rõ: “Năm Minh Mạng thứ nhất, vua nghỉ Thành cùng lu Vũ Trinh, Trần Hựu đều là người có tội không nên làm bản luật, sai xóa tên trong luật đi” (*Sdd*)

tại Việt Nam đúng như bản in ở Trung Quốc hồi năm 1812 (nhưng vì bản in ở Trung Quốc mất mấy tập đầu nên không biết trong tập đầu có in tên tác giả không?). Do đó, khi khảo dịch chúng tôi sử dụng bản in ở Việt Nam làm gốc, còn bản in ở Trung Quốc chỉ để tham khảo. Gần đây (2002) một bạn văn - ông Trần Đình Sơn - có nhã ý cho chúng tôi mượn tham khảo một bản in lần đầu của một đại thần ở Huế thì thấy nội dung không có gì sai biệt với hai bản chúng tôi sử dụng (Xem bài sơ tấu nguyên chữ Hán của Tổng tài Nguyễn Văn Thành in ở cuối sách).

B. Bản dịch, phần Lược khảo và Văn bản

Hoàng Việt luật lệ là một bộ luật lớn và tương đối đầy đủ so với các bộ luật ra đời trước khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua (1802). Các bộ luật như *Hồng Đức thiện chính thư*, *Quốc triều điều luật*, *Cảnh Hưng điều luật*, *Quốc triều hình luật* (tức luật Hồng Đức)⁽¹⁾ là nền tảng ban đầu của việc biên soạn *Hoàng Việt luật lệ* (như lời *Tựa* của vua Gia Long).

Như chúng tôi đã nói ở trên, từ trước đến nay bộ luật này còn

1. Theo *Lời nói đầu* trong sách *Quốc triều hình luật*. NXB Pháp lý, Hà Nội 1991 thì các bộ luật trên còn lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Hà Nội (trước năm 1954 do Trường Viễn Đông Bác Cổ bảo quản tại Hà Nội). Riêng bộ *Quốc triều hình luật* hiện chúng tôi có một bản chép tay viết rất cẩn thận nhưng chỉ chép có 721 thay vì 722 điều. Có thể tham khảo thêm: Nguyễn Q. Thắng, *Lê triều hình luật* (luật Hồng Đức) NXB Văn Hóa-TT, 1998, TP.HCM (Khảo luận, phiên âm, dịch nghĩa).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

trong dạng Hán văn và mới chỉ được dịch sang tiếng Pháp vào các năm 1865 (Aubaret) và 1875 (Philastre) chứ chưa có bản Việt ngữ nào cả.

Gần đây do nhu cầu tìm học, may mắn chúng tôi sưu tầm được gần đủ 2 bộ (một bản in ở Trung Quốc, một in ở Việt Nam) và có ý dịch ra tiếng Việt, trước là thỏa mãn nhu cầu học hỏi, sau nhằm giúp độc giả có được một tài liệu hoà, chỉnh và đáng tin cậy. Chính vì vậy, chúng tôi đã nghĩ nên dịch *trọn bộ* ra Việt ngữ để các bạn trẻ [và cả quý vị trung niên] thích cổ luật có điều kiện tham khảo và cũng thấy rõ thêm một phần nền văn hiến Việt Nam cổ thời. Và Tiểu luận nhỏ này, chúng tôi rút ra từ những suy nghĩ, tìm tòi về nó đều xuất phát từ bản văn cổ đã dẫn.

Trong bản chuyên ngữ đã in (NXB Văn Hóa - Thông Tin, 1994, Hà Nội) chúng tôi dịch, ghi các chú thích ở cuối quyển và nằm ở cuối trang như cách chú thích văn bản ngày nay, chứ không theo cách chú thích nguyên bản (chú thích nguyên bản nằm trên đầu trang). Như vậy, cứ mỗi quyển, ngay đầu là số thứ tự từng *Điều luật*, sau điều luật có lời *Giải thích* của soạn giả, (trong bản khắc in không có chữ *Giải thích*) thì trong bản dịch này chúng tôi cho in thêm chữ *Giải thích nằm trong dấu móc* [**Giải thích**]. Và cũng theo vậy, cuốn sách nhỏ này chúng tôi dựa theo tinh thần trên. Vì trong mạch văn có nhiều câu, cú dài và ẩn chủ ngữ khá nhiều; do đó chúng tôi ngắt ra từng câu ngắn. Khi ngắt chúng tôi đánh thêm dấu móc [] cho câu và dễ hiểu hơn đối với tiếng Việt hiện đại. Có lẽ nghĩ vậy chăng? chính ông Philastre trong bản

Pháp dịch đã thấy cách hành văn của nguyên bản có nhiều câu dài, ẩn chủ ngữ nên ông viết: «*Câu văn chữ Hán nhiều chỗ rất dài, nhất là những câu chép thành điều luật, tiếp theo là hai ba câu khác xen nhau để biến đổi một quyết định cuối cùng. Tôi đã bắt buộc phải hoán chuyển thứ tự trong câu văn, phải thay đổi vài đoạn để có thể theo sát từng chữ một trong nguyên bản chữ Hán.*»⁽¹⁾

Sau phần *Điều luật*, *Giải thích* mới đến điều *Điều lệ*. Cứ mỗi phần như vậy chúng tôi cho in riêng từng corps chữ để độc giả dễ đọc. Như độc giả biết, bộ *Hoàng Việt luật lệ* gồm 22 quyển, mỗi quyển chép nhiều *điều luật* và *lệ* theo thứ tự: *Mục lục tên gọi luật lệ* (45 điều), *Mục lục về quan lại* (27 điều), *Mục lục về Dân* (66 điều), *Mục lục về Lễ* (26 điều), *Mục lục về Quân* (58 điều), *Mục lục về Hình* (176 điều), *Mục lục về Công* (10 điều); tổng cộng là 398 *điều luật* và nhiều *lệ* (tức gồm *Danh lệ*, *Lại luật*, *Hộ luật*, *Lễ luật*, *Bình luật*, *Hình luật*, *Công luật* và *Tổng loại*).

Trong mỗi mục lục có số thứ tự từng tội danh và điều lệ, còn trong mỗi tội danh đều có ghi số thứ tự riêng. Thí dụ trong *Bình luật* có tất cả 58 điều và được chia ra 5 mục:

- 01- *Canh gác nơi vua ở* (16 điều)
- 02- *Việc quân chính* (20 điều)
- 03- *Đồn canh trên sông, trên đất* (5 điều)
- 04- *Chăn nuôi* (5 điều)
- 05- *Bưu dịch* (12 điều)

1. Philaste, *Sdd.*

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

hoặc trong *Hình luật* gồm 176 điều, được chia ra 11 tiểu mục sau:

- 01- *Giặc trộm* (28 điều)
- 02- *Nhân mạng* (20 điều)
- 03- *Đánh lộn* (22 điều)
- 04- *Mắng nhiếc* (8 điều)
- 05- *Kiên thua* (11 điều)
- 06- *Nhận của dút lót* (9 điều)
- 07- *Trá nguy* (11 điều)
- 08- *Phạm giam* (9 điều)
- 09- *Tạ phạm* (11 điều)
- 10- *Bắt câu lưu* (8 điều)
- 11- *Phán quyết án lệnh* (29 điều)

Thế cho nên, trong bản *Tổng mục lục* của sách, chúng tôi khảo dịch trọn và ghi số thứ tự từ điều 1 đến điều 398, còn trong từng cuốn thì chỉ đánh số thứ tự của từng điều trong từng quyển. Do đó, độc giả khỏi phải đặt ra dấu hỏi tại sao trước thì ghi *điều 398 - Sửa lại cầu cống đường sá* mà ở cuối thì lại ghi *10 - Sửa chữa cầu cống đường sá* (vì phần đầu ghi theo *Tổng mục* còn phần sau ghi theo *Mục lục quyển*) để giúp bạn đọc khi sử dụng có một cách nhìn thống nhất mà cũng thấy rõ từng chi tiết.

Với nội dung [đã giới thiệu], sau đây xin trích lời Tựa của vua Gia Long về *HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ* như sau:

LỜI TỰA

[của đương kim hoàng đế Gia Long]

Trẫm nghĩ: Thánh nhân trị thiên hạ đều dùng luật pháp để xử tội, dùng đạo đức để giáo hóa họ. Hai điều ấy không thiên bên nào bỏ bên nào.

Thật vậy, sống trong xã hội, con người với những ham muốn vô bờ; nếu không có luật pháp để ngăn ngừa thì không có cách gì để dẫn dắt người ta vào đường giáo hóa mà biết được đạo đức. Cho nên lời xưa có nói: «Pháp luật là công cụ giúp cho việc cai trị thêm tốt đẹp». Lời đó há chẳng phải là chuyện không thực đâu?

Luật lệ và pháp lệnh là những phán quyết cho sự trừng phạt tội ác. Người xưa khi quyết đoán sự việc còn phải căn cứ vào định chế xã hội chứ không phải chỉ có luật pháp. Há đâu luật pháp không có giá trị của nó? Tuy vậy, nhờ dân chúng biết tôn trọng luật lệ, nên mọi việc trở nên giản dị mà có thể khoan dung nhẹ nhàng.

Gặp lúc phong hóa suy đồi, kẻ gian xảo ngày một sinh sôi nảy nở, pháp luật trừng phạt không đủ để chế ngự điều ác, các điều luật xử tội kẻ gian manh không đủ để ứng dụng. Cho nên luật lệ, pháp lệnh, qui thức nay cần phải gia tăng nhanh chóng. Đó không hề là sự lầm lẫn, vì pháp luật xưa và nay không khác nhau gì cả.

Các triều đại nước ta từ xưa đến nay đều có những pháp lệnh khuôn mẫu. Nhưng trải qua các biến loạn từ thời Tây Sơn, giềng mối tan chìm, luật pháp hư nát, xảo trá hoành hành, xử án qua loa. Mọi việc đâm ra thiếu sót, xử án theo lí đơn giản... khiến người ngu coi

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

thường luật pháp, không biết theo đâu tránh đâu, kẻ ngoan cố thì dễ vô ý chơi đùa, việc xử án thì tự ý thêm bớt, không căn cứ vào nền tảng nào cả, oan ức lan tràn, kiện thưa không căn cứ. Ai có lòng nhân mà không trách ẩn sao?

Ta nhờ oai linh liệt thánh, trấn áp hỗn loạn, đem lại thanh bình, chỉnh đốn trật tự cõi bờ theo luật pháp, lấy giáo hóa làm việc hàng đầu; tuy vậy cũng quan tâm đặc biệt đến việc xử phạt.

Giờ xem hình luật của các triều đại trước của nước Việt ta, mỗi triều đại thành lập từ Lí, Trần, Lê đều có pháp chế riêng cho mỗi triều đại, mà đầy đủ hơn cả là bộ Luật Hồng Đức [đời Lê].

Các triều đình phương Bắc, các vua dựng lên những là Hán, Đường, Tống, Minh... Mỗi triều đại các sách về luật lệ đều có sửa đổi mà đầy đủ nhất là luật triều đại Thanh. Thế nên, ta ra lệnh cho triều thần lấy luật lệ của các triều đại nước ta làm căn bản, tham chiếu luật Hồng Đức và luật Thanh triều; rút lấy, thêm bớt, cân nhắc, biên tập thành bộ luật tiện dụng. Dịch thân Trẫm tu chỉnh lại sau cùng, rồi ban hành [ra] để mọi người biết nhằm tránh bớt lỗi lầm, khiến bộ luật chiếu rọi như ánh sáng mặt trời, mặt trăng không còn chỗ nào bị che khuất nữa. Những điều nghiêm trị trong bộ luật sáng như tia chớp, vang động như sấm sét không thể sai phạm được.

Các quan viên giữ chức vụ [về luật pháp] phải vâng chiếu theo luật này, coi nó như khuôn mẫu đầy ánh sáng về luật pháp. Từ đó, kẻ ngoan cố dễ tránh được những hành vi sai phạm để họ tự cải hóa mà xa rời sự trừng phạt hầu tránh khỏi pháp luật xử lí. Theo vậy kẻ sai trái có thể đi vào con đường tự giáo hóa, tự tránh bớt sai phạm để

Nguyễn Q. Thắng

*quan chức hữu ti khỏi can thiệp vào. Được như thế thì mọi việc sẽ an
thịnh mà không cần đến luật pháp xử trị. Việc đó há chẳng phải là chỗ
dựa tốt sao?*

Thế nên Trẫm ra lệnh chép những lời này làm tựa.

Ngày 12 tháng 6 năm Gia Long thứ 11

PHẦN THỨ HAI

Bảng Tổng mục lục của bộ luật và Giải thích của nguyên bản

(CHÚNG TÔI DỊCH SẮT)

Quyển 1: Mục lục về Luật

- Các biểu đồ
- Tang chế
- Lệ phân biệt rõ nghĩa 8 chữ
- Giải thích chỗ trọng yếu của Luật

Quyển 02: Phần 1: Tên gọi Lệ, Luật

Quyển 03: Phần 2: Tên gọi Lệ, Luật

Quyển 04: Luật về quan lại chức chế

Quyển 05: Luật về quan lại công chức

Quyển 06: Luật dân, việc dân

Quyển 06: Luật dân, ruộng, nhà ở

Quyển 07: Luật dân về cưới giá

Quyển 08: - Luật dân về:

- Thương khố
- Nộp thuế
- Cho vay, tiền bạc
- Chợ, cửa hàng

Quyển 09: - Luật về lễ tế tự

- Luật về nghi chế

Quyển 10: - Luật về lính gác nơi vua ở

- Luật về hành chánh, quân sự

Quyển 11: - Luật về lính ở cửa ải, trên bộ, trên sông

- Luật về lính chăn nuôi, chuồng trại
- Luật về lính bưu dịch

Quyển 12: - Luật Hình về giặc (phần trên):

- Luật Hình về giặc trộm (phần giữa)

Quyển 13: - Luật Hình về giặc (phần dưới)

Quyển 14: - Luật Hình về tội giết người

Quyển 15: - Luật Hình về đánh lộn (phần 1)

- Luật Hình về đánh lộn (phần 2)

Quyển 16: - Luật Hình về mắng chửi, làm nhục

- Luật Hình về tố tụng

Quyển 17: - Luật Hình về nhận đút lót:

- Luật Hình về trá ngục

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Quyển 18: - Luật Hình về gian dâm;

- Luật Hình về tạp phạm

- Luật Hình về bắt câu lưu.

Quyển 19: Luật Hình về phán quyết bản án (phần 1)

Quyển 20: Luật Hình về phán quyết bản án (phần 2)

Quyển 21: - Luật Hình về công việc xây cất:

- Luật Hình về đề điều

Quyển 22: So sánh và sách dẫn các điều luật

Mục lục chi tiết quyển 1:

1- Các mục về luật

2- Các biểu đồ: 6 hành vi bất hợp pháp

- Lệ nạp tiền chuộc

- Chuộc tội trong trường hợp giết người, làm bị thương bởi vô ý.

- Lãnh chịu giá (tiền) chuộc tội vì già, tàn tật trong hạn đồ

- Lãnh chịu giá (tiền) chuộc tội vu khống

- Năm hình luật khổ sai

- Đồ dùng tra tấn, giam cầm

- Y phục trong khi dễ tang

3- Luật lệ về y phục dễ tang

4- Lệ để phân biệt rõ về nghĩa 8 chữ

5- Giải thích những chỗ quan trọng của nghĩa luật

1- CÁC MỤC VỀ LUẬT

Mục lục tên gọi luật lệ có 45 điều:

Điều 01: 5 hình luật khổ sai

02: 10 tội ác

03: Bát nghị

04: Người được nghị phạm tội

05: Ông bà người được nghị phạm tội

06: Quan chức phạm tội

07: Quan văn võ phạm tội công

08: Quan văn võ phạm tội tư

09: Quân nhân có sổ bộ phạm tội

10: Người phạm tội được giảm nhiều lần

11: Thôi làm quan đúng phép

12: Phạm tội trước khi làm quan

13: Đương sai mất tên gọi

14: Gia thuộc của người tội lưu, tù

15: Tội không được tha theo ân xá bình thường

16: Trên đường đến chỗ lưu, gặp dịp tha

17: Người phạm tội còn phải ở nhà nuôi dưỡng cha mẹ

18: Quan coi thiên văn phạm tội

19: Thợ thủ công, nhạc sĩ cấu kết, phụ nữ phạm tội

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- 20: Người mắc tội lưu, đồ lại phạm tội*
- 21: Nhận giá tiền chuộc đối với người già, trẻ em, người tàn phế*
- 22: Khi phạm tội chưa già, tàn tật*
- 23: Tịch thu trả lại vật dút lót*
- 24: Người phạm tội tự thú trước pháp luật*
- 25: Phát giác hai tội một lúc, xử theo tội nặng*
- 26: Người phạm tội cùng trốn*
- 27: Quan đồng liêu phạm tội công*
- 28: Lầm lẫn trong việc công*
- 29: Cùng phạm tội nhưng chia thủ, tòng*
- 30: Người phạm tội bị phát giác lúc bỏ trốn*
- 31: Thân thuộc cùng chứa chấp che giấu*
- 32: Xử chém quân nhân làm phản*
- 33: Người ngoại quốc phạm tội*
- 34: Điều khoản của đạo luật có tên tội riêng*
- 35: Điều lệ tăng giảm tội*
- 36: Sự diễn đạt bằng câu: Xa giá của vua*
- 37: Sự diễn đạt bằng câu: Ông bà trong vòng thân thuộc*
- 38: Sự diễn đạt bằng câu: Cùng đồng đội*
- 39: Sự diễn đạt bằng câu: Giám lâm, Chủ thủ*
- 40: Sự diễn đạt bằng câu: Một ngày gồm 100 khắc*

41: Sự diễn đại bằng câu: đạo sĩ, nữ quan

42: Xử tội theo luật mới ban

43: Xử tội không có điều chính

44: Địa phương lưu đồ

45: Sung vào lính địa phương

2 - MỤC LỤC LUẬT VỀ QUAN LẠI:

Có 27 điều:

A- Chế độ quan chức gồm 13 điều:

46: Quan viên được tập ám

47: Vào làm quan chuyên tự tiện tuyển quan theo ý mình

48: Quan Văn không được phong chức Công và Hầu

49: Lạm đặt quan lại để dùng

50: Đeo tín bài chỉ chức việc

51: Cống Cử những người không xứng đáng

52: Cử dùng những quan lại đã phạm lỗi

53: Tự tiện rời khỏi chức việc

54: Quan lại phó nhiệm quá hạn để làm việc riêng

55: Vô cớ không đến triều tham nghị, không ngồi xử ở pháp đình

56: Tự tiện giam quan dưới quyền mình

57: Gian dăng

58: Ca tụng đức vua và đại thần

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

B- Công chức thông dụng gồm 14 điều:

59: *Đọc giảng luật và lệnh*

60: *Dâng thư lên vua trái lệnh*

61: *Bỏ phế làm hư lệnh vua và ấn tín*

62: *Dâng thư tâu việc phạm húy*

63: *Việc nên tâu lại không tâu*

64: *Đi sứ không về báo cáo lại*

65: *Làm trễ nãi văn thư quan*

66: *Chiếu xét văn quyển*

67: *Khám xét kỹ quyển tống (danh bộ)*

68: *Thay thế đồng liêu phán án hoặc kí tên văn án*

69: *Thêm bớt văn thư quan*

70: *Khóa cất ấn tín*

71: *Quên đóng ấn tín*

72: *Tự tiện dùng loại ấn tín điều binh*

3 - MỤC LỤC VỀ HỘ (DÂN)

Có 66 điều:

A- Việc dân, có 11 điều:

73: *Thường dân lấy dăng bạ làm chỗ ổn định.*

74: *Giấu nhân khẩu không dăng bạ*

75: *Cất riêng am viện và riêng độ Tăng, Đạo*

- 76: Lập dịch tử sai pháp
- 77: Nhật nuôi con trai, con gái bơ vơ
- 78: Thuế điền thổ và sưu dịch không đồng đều
- 79: Sai khiến dịch phu không công bằng
- 80: Trốn tránh sưu dịch
- 81: Đem bộ dân phu dịch và thợ về làm việc tư
- 82: Chia gia tài gia đình khác danh bộ
- 83: Ty ấu tự tiện dùng của cải
- B- Ruộng, nhà, có 10 điều:
 - 84: Đối giấu thuế ruộng
 - 85: Kiểm tra tại chỗ thất thoát thuế ruộng bởi thiên tai
 - 86: Ruộng đất của công thần
 - 87: Bán trộm ruộng, nhà
 - 88: Mua đất ruộng mà người ta giao quyền tài phán cho mình
 - 89: Bán ruộng, nhà có kẻ chuộc
 - 90: Cày cấy trộm nơi ruộng, vườn của quan, dân
 - 91: Bỏ phế làm hư dụng cụ cấy trồng
 - 92: Tự tiện ăn dưa quả trong ruộng, vườn người ta
 - 93: Riêng mượn xe thuyền của quan
- C- Hôn nhân, có 16 điều:
 - 94: Hôn nhân nam nữ

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- 95: Cầm cho mượn vợ và con gái
- 96: Mất thứ bực thê và thiếp
- 97: Đuổi rẽ và gả con gái
- 98: Cưới gả đang lúc cư tang
- 99: Cưới gả đang lúc cha mẹ ở tù
- 100: Cưới người cùng dòng họ
- 101: Cưới giữa tôn trưởng và bực dưới
- 102: Cưới người thân thuộc làm thê thiếp
- 103: Cưới phụ nữ bộ dân làm thê thiếp
- 104: Cưới đàn bà con gái đang trốn thoát
- 105: Cường chiếm con gái, phụ nữ nhà lành làm vợ
- 106: Tăng, Đạo cưới vợ
- 107: Cưới gả giữa nhà lành và người tâm thường
- 108: Bỏ vợ
- 109: Cưới gả sái luật, chủ hôn, người làm mai bị phạt
- D- Thương khó, có 22 điều:
 - 110: Thu lúa thuế trễ hạn
 - 111: Thu quá nhiều số lúa thuế
 - 112: Ẩn giấu tiêu xài thuế lúa, đồ vật
 - 113: Thâu nạp thuế lúa
 - 114: Xuất thiếu mà chứng nhận đủ chu sa

- 115: Xài riêng số lương, tiền phụ dư
116: Mượn riêng lương, tiền
117: Mượn riêng đồ của quan
118: Du di thu, nạp
119: Cửa hàng cần, thuê dịch gian dối
120: Mạo chi lương quan
121: Coi xét qua lại lương, tiền
122: Thương khó không hay bị trộm
123: Giữ chi lương, tiền và tự ý mở thu nhà nước
124: Xuất, thu vật nhà nước trái phép
125: Gây khó khăn trong việc thu chi
126: Bạc, vàng gởi đi phải giữ đúng số tuổi
127: Làm hư hao tài vật trong thương khó
128: Chuyển, giải vật nhà nước
129: Nghị xử phạt tội ăn đút lót không đúng mức
130: Quản lý giữ gìn quan vật khi đang làm quan
131: Giấu, chiếm gian dối gia sản bị nhập quan
Đ- Hạn thuế, có 2 điều:
132: Trốn thuế
133: Thương buôn hàng hải trốn thuế hàng hóa
E- Cho vay tiền, có 3 điều:
134: Trái với việc cấm thủ lợi

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

135: Tiêu xài tài sản mà mình nhận gởi của người

136: Nhật được của rơi

4- MỤC LỤC LUẬT VỀ LỄ

Có 26 điều:

A- Tế tự, có 6 điều:

139: Tế hưởng

140: Làm hư đàn tế trong đại tế

141: Thần linh được dâng hiến tế

142: Lãng tâm của các đời vua

143: Sự bất kính, khinh lờn đối với thần linh

144: Cấm đồng bóng, tà thuật

B- Nghi chế, có 20 điều:

145: Điều chế thuốc men cho vua

146: Xe, y phục, đồ dùng của vua

147: Thu cất sách cấm

148: Y phục, đồ vật vua cho

149: Lỡ quên việc chúc tụng lễ luật trong triều

150: Mất nghi thức

151: Mất thứ tự tâu đáp đối với vua

152: Gây khó khăn cho người triều kiến

153: Dâng thư trình tâu sự việc

- 154: Ngăn cấm việc đón đưa
- 155: Nhân viên công sai khinh thường trưởng quan
- 156: Nhà cửa, y phục sái luật
- 157: Bốn phần Tăng, Đạo lạy cha mẹ
- 158: Quên mất việc xem điềm trời
- 159: Thuật sĩ nói can việc họa phúc
- 160: Giấu tang cha mẹ, vợ
- 161: Bỏ nhiệm vụ săn sóc cha mẹ già
- 162: Việc chôn cất
- 163: Uống rượu lễ trong làng
- 164: Hạn chế việc gia đình

5 - MỤC LỤC LUẬT VỀ QUÂN SỰ

Có 58 điều:

A- Canh gác nơi vua ở, có 16 điều:

- 165: Tự tiện vào cửa Thái miếu
- 166: Tự tiện vào bên trong cửa cung điện
- 167: Quân túc vệ người thủ vệ tự thay thế nhau
- 168: Vi phạm, trễ nãi khi theo hộ giá
- 169: Đi thẳng trên lối vua đi
- 170: Thợ và công nhân thay nhau làm việc trong nội phủ
- 171: Làm việc trong cung điện xong không chịu trở về

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

172: Ra vào liên liên nơi cửa cung điện

173: Đề phòng cửa nẻo đối với nội sử ra vào

174: Nhắm vào cung điện mà bắn tên

175: Vũ khí của người túc vệ

176: Cắm súng vào túc vệ quân người bị xử tội

177: Đi băng ngang vào đám rước

178: Cửa nơi hành cung

179: Vượt qua thành vua

180: Khóa cửa cấm

B- Việc quân chính, có 20 điều:

181: Tự tiện điều động quan quân

182: Thân báo quân vụ

183: Phi báo tình hình quân sự

184: Tiết lộ đại sự của quân đội

185: Đòi hỏi trừ đầy đủ quân khí cho lính biên phòng

186: Làm lẫn và tai nạn trong quân sự

187: Đi đánh giặc mà trễ hạn

188: Quân nhân thế địch

189: Chủ tướng không cố thủ

190: Thả cho lính cướp bóc

191: Không thao luyện quân sĩ

- 192: Gây biến động cho lương dân
- 193: Lén bán quân khí
- 194: Bỏ phế phá hư quân khí
- 195: Giấu riêng những quân khí bị cấm
- 196: Buông lời cho lính nghỉ việc
- 197: Công hầu dùng quan quân làm việc tư
- 198: Lính từng chinh, thủ ngự đào ngũ
- 199: Ưu đãi, thương giúp thân thuộc quân nhân
- 200: Cấm ban đêm

C- Đồn canh xét trên đất trên sông, có 5 điều:

- 201: Lén vượt, giả mạo vượt qua trạm xét trên bộ, trên sông
- 202: Trá mạo cấp giấy thông hành
- 203: Trạm gác trên bộ, trên sông làm khó dễ
- 204: Xét hỏi bọn dọ thám
- 205: Lén ra khỏi biên giới và trái lệnh cấm xuất khẩu

D- Chăn nuôi, chuồng trại, có 5 điều:

- 206: Không huấn luyện tập dượt ngựa quan
- 207: Đánh giết ngựa trâu
- 208: Súc sản cắn, đập người
- 209: Giấu bớt súc sản của quan sinh dê
- 210: Lén mượn súc sản của quan.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

D- Bưu dịch, có 12 điều:

211: Đưa tống công văn

212: Chận lấy những công văn đóng ấn dán kĩ

213: Trạm dịch hư nát

214: Bắt lính trạm dịch làm việc tư

215: Chi tiền đi đường nhiều hơn tiền cấp

216: Văn thư cần phải giao bằng chạy ngựa mà không cấp ngựa

217: Làm chậm công việc cần làm

218: Chiếm thượng phòng nơi trạm xá ban đêm

219: Bắt dân phu khiêng kiệu vào việc riêng

220: Đưa về nhà thân thuộc nơi làng cũ các quan chết vì bệnh

221: Thừa sai chuyển mượn người khác làm

222: Cởi trên thuyền, xe, súc sản của quan có phụ đem theo đồ dùng riêng

6 - MỤC LỤC VỀ HÌNH CÔNG có 176 điều:

1- Giặc trộm, có 28 điều:

223: Mưu phản đại nghịch

224: Âm mưu gây rối loạn

225: Tạo những lời nói yêu tà sách

226: Ăn cắp đồ vua dùng trong đại tế thần

227: Ăn cắp chiếu chỉ của vua

- 228: Ăn cắp ấn tín
- 229: Ăn trộm tài vật trong nội phủ
- 230: Ăn trộm chìa khóa cổng thành
- 231: Ăn trộm quân khí
- 232: Ăn trộm cây lớn, cây nhỏ trong vườn lăng
- 233: Giám thủ tục ăn trộm lương tiền trong thương khố
- 234: Người thường ăn trộm lương tiền trong thương khố
- 235: Ăn trộm táo bạo
- 236: Cướp tù nhân
- 237: Sang đoạt giữa ban ngày
- 238: Ăn trộm, ăn cắp vật
- 239: Ăn trộm ngựa, trâu, súc sản
- 240: Ăn trộm lúa thóc ngoài đồng
- 241: Ăn trộm lẫn nhau trong thân thuộc
- 242: Dọa nạt cho người sợ mà lấy của
- 243: Lừa dối quan ti mà lấy của
- 244: Cướp người mua người bằng lối ăn cướp
- 245: Đào mả
- 246: Ban đêm xâm nhập vào người một cách vô cơ
- 247: Chủ chứa oa trử trộm cắp
- 248: Cùng mưu đi ăn trộm

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

249: Lấy công khai hay lấy cắp đều là ăn trộm

250: Cạo bỏ chữ xăm

2- Nhân mạng, có 20 điều:

251: Mưu giết người

252: Mưu giết sứ nhà vua và bảo quân quan trưởng

253: Mưu giết ông bà cha mẹ

254: Giết chết gian phu

255: Mưu giết cha mẹ của người chồng cũ

256: Giết ba mạng người cùng một nhà

257: Cắt những bộ phận sống của con người

258: Nuôi chế những chất độc để giết người

259: Đánh lộn và cố giết người

260: Lấy đi y phục, đồ ăn của người

261: Làm chết bị thương người bởi vui chơi, bởi làm lỡ, bởi ngộ sát

262: Chồng đánh chết thê thiếp có tội

263: Giết cháu con và nô tì mưu cầu nhờ vả người

264: Bắn cung tên làm người bị thương

265: Ngựa, xe làm người bị thương

266: Thấy thuốc dờ làm bị thương, chết người

267: Gài cung bẫy làm bị thương chết người

268: Dùng oai áp bức người đến chết

269: Tôn trưởng hòa giải riêng với kẻ giết người

270: Cùng đi biết có mưu hại mình

3- Đánh lộn, có 22 điều:

271: Đánh lộn

272: Thời hạn bảo cô

273: Nổi giận gây gỗ trong cung

274: Tôn thất thân thuộc bị đánh

275: Đánh sứ vua và bản quan, trưởng quan

276: Phụ tá chức vụ dưới quyền đánh trưởng quan

277: Thượng ti quan và quan dưới quyền cùng đánh nhau

278: Quan cứu phẩm trở lên đánh trưởng quan

279: Chống cự, đánh người đến bắt

280: Đánh thầy học

281: Dùng uy lực khống chế trói người

282: Kẻ lành người hèn cùng đánh nhau

283: Nô tì đánh gia trưởng

284: Thê thiếp đánh chồng

285: Trong giòng họ thân thuộc đánh nhau

286: Đánh từ Đại công trở xuống tôn trưởng

287: Đánh tôn trưởng trong vòng thân tộc

288: Đánh ông bà, cha mẹ

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

289: *Thê thiếp cùng đánh với bà con bên chồng*

290: *Đánh vợ, con của chồng trước*

291: *Thê thiếp đánh cha mẹ của người chồng đã chết*

292: *Ông bà bị đánh*

4- Măng nhiếc, có 8 điều:

293: *Mắng người*

294: *Mắng sếp vua và bản quan, trưởng quan*

295: *Phụ tá chức vụ dưới quyền mắng trưởng quan*

296: *Nô tì mắng gia trưởng*

297: *Mắng tôn trưởng*

298: *Mắng ông bà, cha mẹ*

299: *Thê thiếp mắng bà con tôn trưởng bên chồng*

300: *Thê thiếp mắng cha mẹ của người chồng đã chết*

5- Kiện thưa, có 11 điều:

301: *Vượt kiện lên tòa cấp trên*

302: *Gởi thư ròi giấu tên thưa tội người khác*

303: *Cáo trạng không được thụ lí*

304: *Cho phép kiện thưa được đổi đi chỗ khác*

305: *Vu cáo*

306: *Liên can đến người dưới mà phạm đến nghĩa cả*

307: *Cháu con sai phạm lời răn dạy của ông bà*

308: Kẻ đang ở tù không được thừa kiện việc của người khác

309: Xúi xiển người thừa kiện

310: Quân nhân và dân thường hẹn nhau giải quyết thừa kiện

311: Quan lại kiện gia nhân tố cáo mình

6- Nhận của đút lót, có 9 điều:

312: Quan lại nhận của, tiền

313: Buộc tội theo tang vật

314: Nhận của tiền sau khi xong việc

315: Quan lại được phép nhận tài vật

316: Có việc dùng tiền của xin nhờ

317: Đang làm quan mượn ép hàng hóa của cải của người

318: Gia nhân xin xỏ

319: Nhân tội công mà được giảm bớt

320: Cất giữ tang vật ăn trộm

7- Trá ngục, có 11 điều:

321: Làm dối chiếu lệnh vua

322: Trá ngục truyền chiếu vua

323: Đối với lệnh vua trá cho là không được

324: Ngụy tạo ấn tín, sách luật đương thời

325: Lén đúc tiền đồng

326: Giả dạng là quan chức

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

327: *Trá xưng là quan chức nội sứ*

328: *Trá xưng người hầu cận vua để làm chuyện riêng*

329: *Trá làm điếm lành*

330: *Trá làm bệnh nặng gần chết, bị thương để trốn việc*

331: *Trá dụ dỗ người làm chuyển sái luật*

8- Phạm gian, có 9 điều:

332: *Phạm gian*

333: *Dung túng thê thiếp phạm gian dâm*

334: *Thân thuộc cùng phạm gian dâm*

335: *Vu cáo cha chồng gian dâm*

336: *Nô tì, người làm thuê giam dâm với vợ gia trưởng*

337: *Gian dâm với con gái, đàn bà bộ dân*

338: *Người để tang phạm gian dâm với Tăng, Đạo*

339: *Người lành gian dâm với kẻ thấp hèn*

340: *Quan lại ở dâm với con hát*

9- Tạt phạm, có 11 điều:

341: *Phá hư Thân mình đình*

342: *Cấp thuốc cho thợ thủ công, quân sĩ bệnh*

343: *Đánh bạc*

344: *Yêm, hoạn quan*

345: *Phú thác việc công*

346: Việc tư và việc công

347: Mất phòng bị lửa cháy

348: Ném lửa cố ý đốt nhà của người ta

349: Bày trò tạp kịch

350: Trái lệnh

351: Những việc không nên làm

10- Bắt câu lưu, có 8 điều:

352: Người có nhiệm vụ sai bắt tội nhân

353: Tội nhân chống cự khi bị bắt

354: Tù trốn khỏi nhà giam và phản đối giam, đang trốn

355: Tội lưu, đồ bỏ trốn

356: Giữ lại tù nhân tội đồ

357: Coi tù không cẩn thận bị sảy tù

358: Biết tình mà chưa giấu tội nhân

359: Thời hạn bắt giặc trộm

11- Phán quyết án lệnh, có 29 điều:

360: Tù phải cấm nhưng không giam cầm

361: Cố xét cố khám người bình thường

362: Cấm lâu dài

363: Đối đãi tàn tệ với người ở tù

364: Cho người tù dao nhọn để họ trốn thoát

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- 365: Giám tù dạy tù nhân phân đối*
- 366: Đồ mặc, lương của tù*
- 367: Công thần nên cấm thân nhân đi xem*
- 368: Tử tù xúi người tự sát*
- 369: Già trẻ không khảo hỏi*
- 370: Xét án đình bỏ tù chờ đổi chất*
- 371: Y cáo trạng xét án*
- 372: Người nguyên cáo xong việc không được thả về*
- 373: Người ở tù vu cáo tố cáo kẻ khác*
- 374: Quan ti thêm bớt số tội nhân*
- 375: Biện minh oan uổng*
- 376: Hữu ti giết tù các bậc*
- 377: Xét nghiệm chết vì bị thương không đúng sự thật*
- 378: Giết phạt không đúng pháp*
- 379: Trường quan sai dùng người có tội*
- 380: Xù tội dẫn luật lĩnh*
- 381: Người ở tù tự nhận tội*
- 382: Trước khi được ân xá, xù tội không đúng*
- 383: Nghe được ân xá mà cố phạm*
- 384: Tù đồ không chịu làm việc*
- 385: Đàn bà phạm tội*

386: Từ từ phúc tâu chờ đáp

387: Xử tội không đúng

388: Lại diễn thay người viết lời nhận tội

7- MỤC LỤC LUẬT VỀ CÔNG

Có 10 điều:

1- Xây cất, có 6 điều:

389: Tự tiện tạo tác

390: Lãng phí vào xây dựng không đủ tiền bù đắp

391: Tạo tác không đúng phép

392: Mạo phá các vật có giá trị

393: Sửa sang kho lẫm

394: Quan lại hữu ti không đến quan sảnh

2- Dê điều, có 4 điều:

395: Lén làm dê vỡ

396: Không sửa sang dê điều, sái lúc

397: Xâm chiếm lòng lẻ đường

398: Sửa lại cầu cống đường sá

Tổng cộng có 398 điều luật.

Trên đây là *Tổng mục lục* và chi tiết của bộ luật, từ đó độc giả có thể so sánh, đối chiếu với bản dịch để hiểu rõ nội dung của bộ luật. Đồng thời sau đây chúng tôi giới thiệu thêm phần đầu (Hướng dẫn để đọc nguyên bản) của *Hoàng Việt luật lệ*.



Sau cùng là *Lời giải thích* từ nguyên bản sách *Hoàng Việt luật lệ*:
(nguyên văn)

CÁCH LUẬN TỘI THEO TANG VẬT (*Hướng dẫn đem theo để
đọc luật*)

Luận tội theo tang vật là đem tang vật ăn cắp được họp làm một, tang vật ấy chỉ ra sự nặng nhẹ để căn cứ vào đó buộc tội [nặng nhẹ]. Hình phạt công bố cho mỗi người được chỉ định đúng với tang vật ấy. Cho nên mới nói cách luận tội theo tang vật.

Hai chữ Hán: *Tính và tính* đều có nghĩa khác nhau hoàn toàn. Chữ tính 併 là chỉ hai vật cùng loại như nhau, bằng nhau, dùng để chỉ sự phạm khác nhau, nhưng khi buộc tội thì cùng bực nhau, một tội. Chữ Tính 銓 thì không kể người nhiều ít, trộm có trước sau, và mỗi người chiếm lấy phần nặng nhẹ, chỉ kể nhất thời phạm tội, đều kể chung làm một khác gì người ta trộn lẫn vàng, bạc, đồng, thiếc mà không bận tâm đến sự dung hóa của kim loại mịn, thô ra sao, cả đến chất bột, đất bụi, đều dung hóa làm một, chỉ kể trong lượng nặng nhẹ mà thôi. Đó là nghĩa chung của việc luận tội *TÍNH TANG LUẬN TỘI* (luận tội theo tang vật). Nhưng dù có là luật, nhưng khi ứng dụng, người ta phải chia làm hai đường, như tang vật cùng ăn trộm bởi nhiều người thì không phải thực hiện một lúc mà sự ăn trộm ấy nối tiếp nhau phát hiện cùng một lúc, thì không cần biết ngày giờ xa, người nhiều hay ít, không chia ra phần nặng nhẹ mà mỗi người có, mà người ta đều kể chung là tang vật

bao nhiêu đó. Đem tổng số tang vật ấy, luận tội ứng với tang số mỗi người mà xử phạt, đó là cách luận tội theo tang vật, ông giám thủ ăn trộm, thường nhân ăn trộm. Đó là một nghĩa.

Như tang vật ăn trộm chẳng phải của một chủ, một lúc phát hiện ra thì chỉ lấy tang vật nặng của một chủ mà buộc tội, còn những sự việc khác đều không bàn đến chỉ mỗi người để bị xử theo luật gốc. Không cần biết phần mỗi người lấy trộm nhiều hay ít, chỉ kể tang vật nặng lấy của một chủ, kể số lượng tiền bạc mà định bức tội. Đó là qui tắc phạt cá nhân ăn trộm. Đó lại là một nghĩa.

Nếu quan lại, trong những lần khác nhau, và nhiều cạnh khía để có tang vật trong trường hợp lạm dụng luật pháp, các sự kiện ấy bị phát hiện cùng lúc thì cũng đều gộp làm một để buộc tội. Việc ấy dường như không khác với lối luận tội theo tang vật, nhưng đem một người với một thân mà đem chữ *TÍNH* cùng như nhau thì chưa có thể luận rõ được với người khác. Thế nên, trong luật còn có sự phân biệt bởi câu: *Tính tổng số và buộc tội theo số ấy để phân biệt*. Đó là làm rõ tinh thần luật pháp là rất tinh tế, rất sâu sắc.

Có người cho rằng, giám thủ ăn trộm, thường dân ăn trộm, ăn cắp vật tên gọi dù khác, nhưng xu hướng của tinh thần ăn trộm thì như nhau. Nhưng hai chữ cùng tang vật để chỉ định tội theo tang vật thì ba hạng trộm mà luật đã nói đều là đó cả. Trong khi ấy, chỉ riêng ăn trộm vật thì lấy một chủ làm nặng tội, chia ra thủ, tòng, mà giám thủ ăn trộm, thường dân ăn trộm thì buông lơi, không chia thủ, tòng? lại gộp chung nhiều lần, ít hay nhiều mà cùng luận tội bớt đi cho từng đối tượng.

Người ta cho rằng của cải cất giấu nơi nhà tư gia họ quý giá, tiếc nuối vô cùng, không phải là món mà người ta có được dễ dàng. Vì thế muốn ăn trộm thì trước phải lập mưu để chiếm lấy nó, chọn dịp thuận tiện thám thính để sau cùng thực hiện ăn trộm, tay chuyển tay nhau cho nó biến mất. Muốn đạt kết quả ấy, thì không thể thiếu người chỉ huy một phần mà có được, nên có chia ra *thủ, từng*. Việc xử nặng tội đối với một chủ, cũng không phạt quá tội gốc, hai tội trở lên (nặng và nhiều lần) khi phát hiện cùng lúc thì xử theo tội nặng. Nếu trong thương khố, lương, tiền sắp đặt trong đó theo hạng loại khác nhau, cất kĩ, chia riêng, nhưng nói chung thì đó là tài vật công cộng. Nếu những của cải ấy sắp đặt hiển nhiên, cất giữ ngoài phạm vi mà thừa cơ hội bị trộm nếu không phải là giám thủ thì thường nhân lấy, dù việc ăn trộm ấy có diễn ra nhiều lần và số lượng nhiều ít khác nhau, nhưng nói về thương khố thì là một cho nên không thể lấy số lần nhiều ít, nặng nhẹ khác nhau mà luận tội theo lối *tính luận*. Còn như không chia thủ, từng là để chỉ cho người ta biết rằng tội ăn trộm không phải là một tội quan trọng bình thường, vì nếu có chia ra tội trộm nặng nhẹ thì cùng theo tang vật cũng có thứ bậc khác nhau về tội mà giảm bớt. Nếu trộm là ăn cắp vật thì nặng là bậc hai, mà nặng bậc hai thì tội cũng giảm một bậc. Đó là qui tắc bao hàm ý nghĩa giảm nhẹ.

LẤY PHÂN NỬA ĐỂ BUỘC TỘI

Lấy phân nửa để buộc tội có nghĩa là sự uyển chuyển của luật pháp để định tội theo tang vật. Có hai trường hợp: một là không liên can đến lạm dụng luật pháp, hai là vì tang vật mà có tội. Trong

mỗi trường hợp có chép rõ, nếu tang vật của nhiều chủ thì tổng cộng lại rồi phạt tội phân nửa số ấy, gọi bằng thành ngữ 9 chữ (cửu tự).

- Lấy nửa là bỏ đi phân nửa, như tang vật là hai lượng, người ta chia hai lấy một lượng, đó là khái niệm về lấy phân nửa.

- Bực tội, tang vật và sự buộc tội, mỗi bực, thêm tội theo tang vật.

Tang vật đầy thì luận tội tương ứng với nó. Nếu không đủ số tang vật để chỉ chỉ buộc tội thì không buộc tội theo nó mà là buộc tội theo luật. Cho nên gọi là bực tội. Nhưng lấy phân nửa tang vật để buộc tội thì trong đó có ngụ nghĩa giảm nhiều lần mà không nói ra. Nhưng trong mỗi trường hợp kể trên về phạt tội theo phân nửa số tang vật, đều căn cứ vào những yếu tố của nhiều chủ, căn cứ đó tạo bởi thành ngữ 3 chữ (tam tự) như gặp án lấy phân nửa để luận tội thì trước hết phải tra xét kĩ có nhận tiền của các chủ hay không. Nếu chỉ nhận tiền ở một chủ thì lại không được câu nệ vào lệ lấy phân nửa này, mà phải tính thật vào số lượng để chỉ bực tội. Đó là cách làm hợp với tinh thần của luật pháp.

Thật vậy, trong các điều khoản của luật liên hệ đến không lạm dụng luật pháp và buộc tội theo tang vật hiện có. Qui tắc là dựa vào sự giảm bớt để buộc tội, mà hiện giờ người này, chỉ nhận của ở một người thì tang vật gần như không có. Nếu lặp lại việc lấy phân nửa mà xử thì hóa ra tội càng nhẹ và pháp luật như chưa hợp lí, người ta sẽ coi thường và tội phạm càng nhiều ra. Như thế thì còn đâu là luật pháp lớn được truyền qua các thế hệ? Cho nên, các bực tiền hiền càng làm sáng tỏ, chủ thích thêm cho luật này.

Người ta thấy rõ trong sự giải thích về trường hợp không lạm dụng luật pháp, là như chỉ nhận tiền của một người thì không thể chia nó làm hai được, vì ý hướng giảm bớt không thể lấy phân nửa, đã bao hàm trong chánh văn. Trong 3 chữ (tam tự) ,các người chủ mà nói phân nửa, ý niệm lấy phân nửa ấy làm cho 3 chữ lại thêm mập mờ. Nếu trong các điều khoản chỉ dùng 3 chữ để luận tội theo tang vật thì phải có một lệ riêng không được giống như lệ nói ở đây.

LUẬN TỘI THEO TANG VẬT

Luận tội theo tang vật một là như từ tang vật mà có tội thì qui tắc xử là kể tang vật đó, hai lượng, lấy một lượng, một lượng trở xuống đến 10 lượng thì phạt 20 roi. Từ 20 roi khởi điểm, đủ 10 lượng mới thêm một bậc tội, dù đến ngoài 50 lượng, cũng chỉ phạt 100 trượng, đồ 3 năm. Đó là ý nghĩa chung của nền tảng qui tắc về luận tội theo tang vật. Nếu ứng dụng qui tắc thì mỗi trường hợp lại có khác nhau. Chỉ lấy 2 lượng kể là một lượng, mỗi 10 lượng tăng một bậc tội làm chủ nào thì không câu nệ vào pháp định là từ tang vật mà có tội; mức tội là 100 trượng, đồ 3 năm, coi đó là mức cố định. Cho nên, xử tội theo từ tang vật mà có tội với 6 tang vật đó là nền tảng của luật pháp. Nhưng qui tắc xử thì có chia ra tang vật của nhiều người hay của một người.

Nếu trong luật nói buộc tội theo tang vật là theo các tang vật, chuẩn luật là như thế. Việc này có hơi khác với nền tảng của luật là đều không chia ra tang vật của nhiều người hay của một người.

BIỂU ĐỘ VỀ SÁU TANG VẬT PHẠM	20 roi	30 roi	40 roi	50 roi	Trượng 60	70	80	90	100
Giám thủ ăn trộm lượng tiền trong thương kho không chia ra thủ, từng, và luân tội theo tang vật, dưới 17 lượng, phạt 80 trượng, cứ 2 lượng 5 tiền tăng 1 bức tội. 20 lượng, lưu 2000 dặm 40 lượng xé chém. GIÁM THỦ ĂN TRỘM	Phạm giám thủ ăn trộm xử tội lưu, chém đều coi là tạp phạm, không phải tội thật. Chỉ đến 1000 lượng trở lên, theo lệnh là xử chém, giám chờ.						Dưới 1 lượng	1 lượng đến 2 lượng 5 tiền	5 lượng
Thường nhân dưới 1 bức, phạt 70 trượng, cứ 5 lượng, tăng một bức, đến 55 lượng, lưu 3000 dặm, 80 lượng xử lăng. THƯỜNG NHÂN ĂN TRỘM	T h ư ơ n g nhân ăn trộm 80 lượng trở lên, gia tăng có luật riêng.					Dưới 1 lượng	1 đến 5 lượng	10 lượng	15 lượng
Căn cứ tổng số gốc củ các chủ khác nhau, xử tội theo 1 nửa số đó, mỗi người được giảm 5 bức tội. Nếu của 1 chủ thì không buộc tội tang vật theo 1 nửa số đó. Dưới 1 lượng, phạt 20 roi, mỗi 10 lượng thêm 1 bức tội. 100 lượng trở lên luận tội 100, mức tội không quá tội đó. BUỘC TỘI THEO TANG VẬT	Dưới 1 lượng	đến 10 lượng	20 lượng	30 lượng	40 lượng	50 lượng	60 lượng	70 lượng	80 lượng

	Đỗ 1,5 năm	2 năm	2,5 năm	3 năm	Lưu 2000 dặm	2.500 dặm	3000 dặm	Tạp phạm	Tạp phạm	
	Trượng 70	Trượng 80	Trượng 90	Trượng 100	Trượng 100	Trượng 100	Trượng 100	Thượng nhân treo cổ	Giám thủ chém	
	10 lạng	12,5 lạng	15 lạng	17,5 lạng	20 lạng	25 lạng	30 lạng lưu 3 năm, liên quan tạp phạm phạt đồ 4 năm		40 lạng	Trên kế cứ 2,5 lạng tăng 1 bực tội, lấy được 1000 lạng trở xuống vẫn xử tạp phạm, chém, thay bằng đồ, 1000 lạng trở lên, xử chém giam chờ, theo luật ăn trộm có tang vật thì giám thủ trộm lương, gạo 60 thạch thì sung quân. Ăn cắp lương gạo chờ trên sông 600 thạch, xử chém giam chờ. Ăn cắp lương chờ trên sông 120 thạch thì sung quân, 600 thạch, treo cổ (coi luật ăn trộm có tang vật).
	25 lạng	30 lạng	35 lạng	40 lạng	45 lạng	50 lạng	55 lạng lưu 3 năm liên quan đến tạp phạm, phạt đồ 4 năm	80 lạng, phạt đồ 5 năm		85 lạng phạt 100 trượng, lưu 2000 dặm, 90 lạng phạt 100 trượng, lưu 2500 dặm, 95 lạng phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm. 100 lạng trở lên phạt treo cổ, ăn treo, coi là phạm thật. Còn những trường hợp nói trước, tăng mỗi 5 lạng là 2 bực.
	200 lạng	300 lạng	400 lạng	500 lạng						

BIỂU ĐỒ VỀ SÁU TANG VẬT PHẠM (tt)	20 roi	30 roi	40 roi	50 roi	trưởng 60	70	80	
LAM DUNG PHÁP LUẬT Giảm một bức tội cho người không lãnh lượng nhà nước.	Luận tội toàn đủ theo tang vật của nhiều chủ gom lại. Khởi đầu của phạm pháp chiếu theo tội ăn cắp của người thường: 80 lạng xử treo cổ cho ai có lãnh lượng nhà nước, coi là trọng phạm. Người không lãnh lượng nhà nước, được giảm, ăn cắp 200 lạng mới xử treo cổ, coi là trọng phạm. Nếu tang vật chưa vào tay thì giảm 1 bức.					1 lạng trở xuống	1 lạng đến 5 lạng	1.
KHÔNG LAM DUNG PHÁP LUẬT Giảm 1 bức tội cho không lãnh lượng nhà nước	Luận tội 1 nửa theo tang vật của nhiều chủ gom lại. Nếu của 1 chủ cũng luận tội 1 nửa. Không lam dung pháp luật thì tội như ăn trộm: 120 lạng nếu có lãnh lượng nhà nước thì xử treo cổ. Người không có lãnh lượng nhà nước thì phạm nhân chỉ mức lưu, không xử chết.				1 lạng trở xuống	10 lạng	20 lạng	1.
ĂN CẮP VẬT	Xử nặng ăn trộm của 1 chủ, luận tội theo tang vật. Ăn cắp đã lấy được của thì phạt 60 trưởng, mỗi 10 lạng thêm 1 bức tội. Nếu trộm đến 100 lạng, thì lưu 3000 dặm. Trở nên, ai phạm đủ 3 lần đều thì treo cổ. Phạm lần thứ 3 là lần chót thì án theo tang vật đó mà bắt tội.				1 lạng trở xuống	10 lạng	20 lạng	3 lạ

100	Đổ 1 năm	Đổ 1,5 năm	2 năm	2,5 năm	3 năm	Lưu 2000 dặm	2.500 dặm	3000 dặm	Phạm nghiêm trọng
	Trượng 60	Trượng 70	Trượng 80	Trượng 90	Trượng 100	Trượng 100	Trượng 100	Trượng 100	Treo cổ
15 lang	20 lang	25 lang	30 lang	35 lang	40 lang	45 lang	50 lang	55 lang	80 lượng cho những ai lãnh lương nhà nước, 120 lượng cho những ai không có lãnh lương nhà nước
40 lang	50 lang	60 lang	70 lang	80 lang	90 lang	100 lang	110 lang	120 lang tới cao nhất đối với phạm nhân không có lãnh lương nhà nước	120 lang trở lên
40 lang	50 lang	60 lang	70 lang	80 lang	90 lang	100 lang	110 lang	120 lang	120 lang trở lên

Nếu chỉ lấy hai lượng thật, mà coi là một lượng thật xử tội một nửa mà thôi thì không được nói chung là từ tang vật mà có tội, nên đặc biệt phải nói là buộc tội theo tang vật. Ấy là luận tội và chia ra có tội mà luận thì trong ấy, sự luận tội đã bao hàm về bậc tội nặng nhẹ rồi.

Xét theo 6 tang vật thì giám thủ ăn trộm 100 lượng trở lên tăng tội thật phạm cho đến 3 lần lưu đầy được coi là cao nhất. Ăn cắp 1000 lượng trở lên bị xử chém. Ăn trộm vật có tài phạm, 3 lần ăn trộm thì chỉ rõ ra sự gia trọng và căn cứ theo súc sản ngựa trâu mà luận tội, còn cấp cây lớn, cây nhỏ trong vườn lăng thì tính số gốc cây mà luận tội. Có lạm dụng luật pháp hay không lạm dụng luật pháp mà bọn đồ dịch có dối trá tang vật thì cũng chia rõ ra sự gia trọng mà xử tội. Luật gốc không thể kể hết ra để dẫn dụng. Thường nhân ăn trộm 100 lượng trở lên, theo trong lệ nói, thì xử treo cổ là cao nhất, ăn cắp 100 lượng trở xuống thì sung vào quân ra biên giới xa, và kẻ a tòng thì tăng tội nặng lên từ tội đồ, hết hạn thì lưu đầy. Trong những trường hợp đó, luật gốc cũng không thể dẫn dụng hết ra, nhưng các điều lệ khác trong luật, có nói về sự buộc tội ăn trộm với tang vật. Sự buộc tội ăn trộm với tang vật ấy, đều là dùng *luật* mà không dùng *lệ*, cho nên là luật thì không thể bỏ được.

TẬP LỤC CHO ĐỦ:

Giám thủ ăn trộm 2,5 lượng và 5 lượng là một bậc tội, thường nhân ăn trộm lạm dụng luật pháp với tang vật 5 lượng là một bậc

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

tội. Trong trường hợp ăn cắp vật không có quả tang lạm dụng luật pháp thì tang vật ăn trộm 10 lượng là một bức tội. Buộc tội theo tang vật thì từ 10 lượng đến 100 lượng là một bức tội. Theo số để tăng tội thì dường như đuổi theo sự gia tăng đồng loạt ở mọi trường hợp. Chẳng hạn như ăn trộm với tang vật một lượng *trở xuống* thì phạt 60 trượng. Đã nói *TRỞ XUỐNG* thì 10 lượng trở lên là trong khoảng 10 lượng bị phạt 70 trượng. 10 lượng trở lên là ở trong khoảng 20 lượng bị phạt 80 trượng cứ tăng đến 110 lượng trở lên tức trong khoảng 120 lượng bị tội lưu đầy. Thế nên 120 lượng trở lên bị treo cổ. Như thế thích hợp với qui tắc 10 lượng tăng một bức.

Nhưng hiện giờ phương pháp luận tội là tính theo tang vật thì ắt phải đủ số mới buộc tội tương ứng. Thật vậy, các qui tắc tên các lệ luật tăng giảm có nói: Tăng là số đủ để buộc tội. Lời chú thích có nói: nếu tang vật đến 40 lượng, nhưng mới có 39 lượng 99 phân thiếu 1 phân thì cũng không được buộc tội theo loại 40 lượng. Thế nên, ăn trộm vật tang vật 1 lượng trở lên, phạt 70 trượng, 10 lượng trở lên cũng phạt 70 lượng, ắt phải đầy 20 lượng mới phạt 80 trượng, đầy 30 lượng mới phạt 90 trượng, đầy 120 lượng mới phạt lưu đầy, quá số ấy thì treo cổ. Tuy gọi *đủ số* theo qui tắc định nghĩa thích hợp với sự tăng tội đặc biệt, nhưng tội lại nhẹ “tội nghi duy khinh”. Hễ tang tội thì phải lấy đủ số làm chuẩn; từ xưa đến giờ thành án có thể khảo cứu, căn cứ, không nên câu nệ mà hà khắc. Nếu ăn cắp vật để loại suy cho những trường hợp tang vật khác. (Xem *Biểu đồ lệ nạp giá tiền chuộc* nơi các trang 198, 199, 200, 201).

Tập chú: Năm hình phạt: xuy, trượng, đồ, lưu, tử đều có cách

chuộc theo qui tắc, tra xét kĩ việc này. Tuy biểu đồ có chỉ ra người không có tài nguyên, người có tài nguyên, người có tài nguyên ít. Luật không chép là nên chuộc hay không nên chuộc, chỉ điều lệ có ghi vậy cũng không chỉ định điều kiện gì.

Hiện nay, chủ quan viên bị phạt roi, trọng, đồ và lưu đầy khi tạt phạm đều chiếu vào người có tài sản để chuộc tội.

Những quan viên và quan dịch tham lam ăn của đứt lót mắc tội lưu đầy đồ trọng thì không cho phép chuộc và những người không được chuộc là: Phạm tội chết đúng mức, phạm 10 điều ác, dù ân xá thường cũng không được tha. Những ai can tội tham lam ăn đứt lót, nhận tiền lạm dụng luật pháp, cố dung túng kẻ phạm gian dâm, ăn trộm, làm người bị thương, đều không được chuộc. Những kẻ lâm vào hoàn cảnh bất hạnh, người liên can đến trách nhiệm, thương giúp người khác, sự việc đó được coi là lòng quảng đại thì đều có thể chuộc bởi sự tha thứ, tùy theo sự việc có thể dâng thư trình bày lên cho vua biết xin tha tội.

Về phần nhận tiền chuộc, giá bạc cũng rất nhẹ đối với những người già cả, trẻ em, người tàn tật, quan coi thiên văn, đàn bà đều có thể viện dẫn đến lòng thương người già, xót trẻ thơ, thương kẻ chưa thành nhân, khoan dung cho nghệ sĩ và xót thương cho phạm nhân đàn bà.

Nếu người đứng chuộc thì phải theo luật là chịu phạt 100 trọng và nhận giá chuộc tội dựa theo biểu đồ thiết lập giá bạc chuộc thì trước nhiều sau ít. Điều lệ có nói rằng: *Đàn bà phạm tội bị kết án roi, trọng và đồ, lưu, sung quan, tạt phạm, từ tội đều bị phạt 100 trọng.* Xét coi họ có tài sản thì cho chuộc như mệnh phụ

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

hay vợ chính của quan viên. Các hạng hình phạt roi, trượng, và đồ lưu và 100 trượng vốn là phải ứng dụng nhưng nghĩ đến số phận đàn bà họ có tài sản và mệnh phụ, vợ chính của quan viên cho nên tha thứ cho chuộc tội giá chuộc cao: 10 roi chuộc bằng một tiền, mỗi bức tội tăng một bức thì tăng một tiền, cho đến 100 trượng thì bạc chuộc là một lượng. Đó là lệ chuộc.

Các tội đồ, lưu và tạp phạm bị xử thất cố, chém là những tội mà bản chất phụ nữ không thể gánh nổi, bởi khoan thứ nên cho chuộc. Ngoài tội 100 trượng hoặc chịu hoặc chuộc ra, còn tội dư về đồ, lưu có thể đổi ra trượng hoặc chuộc với số tiền nhẹ, tội đồ một năm thì giá chuộc là 7 phân, 5 li, từ mỗi bức tội tăng, một bức thì thêm 3 phân 7 li, 5 hào, đến tội lưu 2000 dặm thì gấp đồ lưu 3000 dặm thì 3 tiền 7 phân, 5 li đến tội treo cổ, chém thì lại tăng gấp đôi 7 phân, 5 li, đến tội treo cổ, chém thì lại tăng gấp đôi 7 phân, 5 li, tiếp theo là 4 tiền, 5 phân. Đó là lệ chuộc.

Riêng về sự áp dụng giá chuộc hiện nay, ở kinh đô thì do Bộ quan tâu lên vua thỉnh ý, ngoài thì do quan doanh trấn tâu thỉnh đều nhằm vào châm chước tội tình nhằm có thể tha mới cho phép nộp chuộc.

Tập chú thêm cho đủ:

Qui tắc tăng giá tiền chuộc cho các tội trượng, đồ, lưu là 10 roi phạt bạc 7 li, năm hào. Đối với 5 bức tội phạt roi, tăng mỗi bức là 7 li 5 hào. 50 roi, chuộc 3 phân, 7 li 5 hào. Từ 60 đến 100 trượng cũng có 5 bức, qui tắc tăng cũng giống tội roi, cho mỗi bức tội, là 7 li, 5 hào. Khi tội tới 100 trượng, tất cả là 7 phân 5 li. Từ 100 trượng đến

BIỂU ĐỘ NHẬN GIÁ TIỀN CHUỘC TRONG NHỮNG TRƯ

Lơ đẽnh giết người làm bị thương người trong thân tộc, theo luật không xử. Xem kĩ thấy luật không ghi. Trường hợp không dự đoá

Phạm tội giết người bởi lơ đẽnh	Xử treo cổ. Giá chuộc tùy theo luật, bạc 12 lượng, 4 tiền, 2 phân cấp cho gia đình nạn nhân lo việc chôn cất	
Tàn tật nặng	Xử 100 trượng, đố 3 năm theo luật, giá chuộc: 7 lượng, 9 phân, 7 li. Làm gãy tứ chi, làm dui 1 mắt bị coi là tàn tật nặng.	Phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm. Chuộc: 10 lượng, 6 tiền, 4 phân, 5 li. Làm mất 2 mắt, 2 ngón tay mất 2 cơ quan, 2 ngón tay, mất 2 cơ quan hay 1 phần thân thể bị thương tổn trở lên, làm bệnh cũ thêm trầm trọng bên trong, cắt lưỡi hay làm hư bộ phận sinh dục.
Làm bị thương trở lên	Phạt 100 trượng. Chuộc: 1 lượng 7 tiền, 7 phân, 4 li. Làm gãy 1 cái răng, 1 ngón tay, mù 1 mắt, điếc lỗ tai, hư mũi, vẹo xương sống, làm phồng bởi lửa, bởi kim loại.	60 trượng, đố 1 năm. Giá chuộc 3 lượng, 5 tiền, 4 phân, 8 li. Làm 2 gãy 2 răng, 2 ngón trở lên, bức tốc.
Làm bị thương trở xuống	Phạt 20 roi. Giá chuộc: 3 tiền 5 phân, 4 li. Đánh đá, không gây thương tích.	Phạt 20 roi. Giá chuộc 5 tiền, 3 phân, 2 li. Đánh đá bị thương tích, đánh với đồ vật mà không làm bị thương

HỢP GIẾT NGƯỜI, LÀM BỊ THƯƠNG BỞI SỰ LỢ ĐỀNH

Đạo cô tuyệt đối, không xử lưu, đồ. Giết bị xử, làm bị thương:
xử như giết người nào đó.

trượng, đồ 2 năm. Giá chuộc: ng, 3 tiền, 2 phân, 2 li. Làm sườn, tay làm bị thương 2 , làm gãy, gãy thai, làm bị ng với đồ bền nhọn.		
t 40 roi. Giá chuộc: 7 tiền, Làm bị thương bởi đồ vật.	Phạt 50 roi. Giá chuộc: 8 tiền, 8 phân, 7 li. Nhổ tóc người 1 vuông.	Phạt 80 trượng. Giá chuộc: 1 lượng, 4 tiền, 1 phân, 9 li. Làm máu chảy từ tai mắt, tổn bên trong thổ huyết. Làm dơ đầu mặt người ta.

BIỂU ĐỒ NHẬN GIÁ CHUỘC CHO PHẠM

(Trong giải thích thêm, nói: bản này chỉ liên hệ đến 5 bậc tội đồ phạm nhân chưa già, bệnh tật thì họ đã chịu trượng rồi. Giá chuộc người già bệnh tật thì [nó] nhẹ hơn, qui tắc ngày cũng áp dụng cho

Đồ 1 năm, 60 trượng	Đồ 1,5 năm, 70 trượng	Đồ 2 năm, 80 trượng
Phạm phạm 60 trượng, đồ 1 năm, trở nên già, tàn tật 1 tiền, 5 phân, trừ 60 trượng đã chịu với 4 phân, 5 li. Giá chuộc 1 năm còn dư tội đồ là 1 tiền 5 li. Giá chuộc mỗi tháng đồ: 8 li, 7 hào, 5 ti. Nếu đã đồ 1 tháng rồi thì giá chuộc còn là 8 li, 7 hào 5 ti. Giá chuộc 11 tháng còn lại là: 9 phân, 6 li, 2 hào, 5 ti.	Phạm phạm 70 trượng, đồ 1,5 năm, trở nên già, tàn tật, 1 tiền, 8 phân, 7 li, 5 hào, nhưng trừ đi 5 phân, 2 li, 5 hào, vì 70 trượng đã chịu rồi. Còn dư tội đồ 1,5 năm, thì giá chuộc là 1 tiền, 3 phân, 5 hào tội đồ mỗi tháng là 7 li, 5 hào; Nếu đã chịu đồ một tháng rồi thì trừ số đó ra. Giá chuộc 17 tháng còn lại chưa chịu tội là chuộc 1 tiền, 2 phân, 7 li, 5 hào.	Phạm phạm 80 trượng, đồ 2 năm, trở nên già, tàn tật 2 tiền, 2 phân, 5 li, trừ ra 6 phân vì đã chịu 80 trượng. Giá chuộc 2 năm đồ còn lại là 1 tiền, 6 phân, 5 li. Giá chuộc mỗi tháng đồ: 6 li, 8 hào, 7 ti, 5 hốt. Nếu đã chịu 1 tháng rồi thì trừ số ấy ra. Còn dư 23 tháng đồ, giá chuộc là 1 tiền, 5 phân, 8 li, 1 hào, 2 li, 5 hốt.

ÂN GIÀ YẾU TRONG THỜI HẠN BỊ ĐỒ.

đồ 4 năm, 5 năm. Không nói đến tội trọng, vì lúc phát phối, nhầm vào số năm, tháng đồ chưa đủ mà thôi. So với giá chuộc cụ nữ.

	Đồ 2,5 năm, 90 trọng	Đồ 3 năm, 300 trọng
	Phạm phạm 90 trọng, đồ 2,5 năm, trở nên già tàn tật 2 tiền, 6 phân, 2 li 5 hào, vì đã chịu 90 trọng nên trừ ra 6 phân, 7 li, 5 hào. Còn dư tội đồ 2,5 năm, giá chuộc là 1 tiền, 9 phân, 5 li. Giá chuộc mỗi tháng đồ là 6 li, 5 hào. Nếu đã chịu 1 tháng rồi thì trừ số ấy ra. Còn lại 29 tháng đồ, giá chuộc là 1 tiền, 8 phân, 8 li, 5 hào.	Phạm phạm 100 trọng, đồ 3 năm, trở nên già, tàn tật 3 tiền, trừ ra 7 phân, 5 li vì đã chịu 100 trọng. Dư ra 3 năm đồ, giá chuộc là 2 tiền, 2 phân, 5 li, giá chuộc tội đồ mỗi tháng: 6 li, 2 hào, 5 ti. Như đã chịu 1 tháng đồ rồi thì trừ số ấy ra. Còn lại 35 tháng, giá chuộc là 2 tiền, 1 phân, 8 li, 7 hào, 5 ti.

tội đồ một năm thì tăng gấp đôi từ 7 phân 5 hào đến 1 tiền 5 phân. Đối với mỗi 5 bức của tội đồ thì tăng phân nửa của 7 phân 5 li là 3 phân 7 li 5 hào, giá chuộc 3 năm đồ thành là 3 tiền. Từ đó 3 năm đến lưu 2000 dăm, giá tăng vẫn 7 phân 5 li. Đối với 3 bức của tội lưu đầy, giá chuộc cũng tăng 3 phân, 7 li, 5 hào. Giá chuộc tội lưu đầy 3000 dăm là 4 tiền 5 phân. Từ lưu đầy 3000 dăm cho đến tội chết bởi thất cổ hay chém, giá tăng vẫn 7 phân 5 li, giá chuộc đủ là 5 tiền 2 phân 5 li, trong đó bao hàm luôn giá chuộc tội trượng.

Qui tắc nhận giá tiền chuộc đối với người già, trẻ em, tàn tật và những người khác, là từ roi trượng cho đến tạp phạm đồ 5 năm thì giá chuộc roi, trượng là 7 li 5 hào, mỗi 10 trượng tăng một bức. Số tiền chuộc cũng gấp đôi, cho đến đồ một năm thì giá chuộc tăng 1 tiền 5 phân là gồm luôn trong đó tiền chuộc 100 trượng. Đó gọi là *luật bội gia*. Tiếp theo là tội treo cổ, chém bởi tạp phạm, giá chuộc tăng đến 5 tiền 2 phân 5 li là dứt số ở đó. Đó là có lòng đối với người già, trẻ em, kẻ vị thành nhân.

Đến vợ chính của quan viên, không thể áp dụng phạt chung, nên những phụ nữ có tài sản thì đều trước hết bỏ đi 100 trượng, giá chuộc cho mỗi 10 trượng là 1 tiền, đến 10 trượng thì giá chuộc là 1 lượng, còn những tội bên cạnh khác thì gọi là tội dư. Tội dư, chiếu lệ, giá chuộc mỗi 10 trượng là 7 li, 5 hào đối với người già cả, trẻ em, tàn phế, theo tăng bức mà tính.

Những trường hợp khác thì qui tắc nhận giá chuộc có khác nhau, cho nên trong biểu đồ có giải thích là: Chuộc tội theo lệ và

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

sau 100 trượng lại có nêu nhận giá chuộc về tội dư của phụ nữ, đó là để phân biệt rõ với những trường hợp khác.

Ấn định theo sự nộp chuộc tội trượng phụ nữ, thì mỗi 10 trượng giá chuộc là 1 tiền, nghĩa lí là ở đó, vì tuy không chọn đúng tội đồ, lưu nhưng phụ nữ chịu roi trượng thì không hại gì, cho nên luật nói phụ nữ phạm tội đồ lưu thì phải chịu 100 trượng, tội dư thì nhận chuộc. Nhưng trong lệ kẻ mệnh phụ, vợ quan viên và người phụ nữ có tài sản, nếu chịu chung không phân biệt ra thì sẽ có một mức như nhau giữa mệnh phụ với những đàn bà khác có tài sản, không có tài sản đồng tội. Cái đó là chẳng phải xử chung mà vì lòng thương đối với số phận phụ nữ yếu đuối. Vì lẽ ấy mà lệ cho nộp chuộc, mỗi 10 roi, trượng là 1 tiền vì tội này vốn phải chịu nhưng đã nộp chuộc, giá chuộc như giá chuộc của người già, trẻ em, người tàn tật là 7 li 5 hào, có nhiều hơn. Đó là ý của lệ.

Tuy nhiên, hiện nay ở các tòa án, nha môn áp dụng roi trượng cho toàn phụ nữ phạm tội, chỉ không thực hiện roi trượng đối với người già cả, trẻ em, tàn tật, mỗi 10 trượng tiền chuộc là 7 li, 5 hào. Dù noi theo tập tục đã có, nhưng phải biết tùy nghi theo thói quen tục lệ không nên câu chấp quá đáng.

Có người cho rằng giá chuộc cho tội 100 trượng và lưu đầy 3000 dặm thì tăng tội đồ lên 3 năm, hay lấy tội lưu đầy đổi ra tội đồ 5 năm, và nhận giá chuộc tăng lên 3 năm đồ và 100 trượng, tính chung cho chuộc, nhưng người coi án không có năng lực làm như vậy. Tội đồ không thể vượt quá 5 năm, các qui tắc buộc tội đều không làm như thế cho nên kẻ tạp phạm, tội được thay thế bởi 5

đồ hay hơn, và giá chuộc là 5 tiền 2 phân 5 li. Nếu tách ra lưu, đồ để bắt đồ 7 năm thì giá nhận chuộc không có trong qui tắc này. Cho nên tạp phạm có trong danh lệ thì phạt trưng lưu đầy với sự tăng tội đồ; nếu gặp dịp ân xá thì giảm bậc tội, giảm tổng đồ là 4 năm. Đó là tội 5 năm đồ được thay thế, và nếu gặp dịp sẽ nhận cho chuộc thì tội trưng lưu tăng thành tội đồ. Từ đó thì cho phép nhận chuộc cho tội đồ 5 năm.

(Coi *Biểu đồ* về tội lỗi làm bị thương, chết người nơi các trang 206-209)

Giải thích biểu giá chuộc:

Án theo đây thời chịu trưng, giá chuộc không khác, chỉ có làm việc tội đồ 1 tháng mà giá chuộc khác nhau như 8 li, 7 hào, 5 li, như 7 li, 5 hào, 6 li, 8 hào, 7 li, 5 hốt, 6 li 5 hào, 6 li 2 hào, 5 ti. Tại sao? Vì toàn giá chuộc tội đồ có sai đẳng.

Tạp chú: Điều này có nói đến những người phạm tội đồ lúc tuổi chưa già, thân không bệnh tật, đã chịu trưng, phát phối. Sau khi mãn việc tuổi đầy 70 và bị tàn phế, nên đưa ra qui tắc chuộc, phải tính đồ, trưng và tổng giá chuộc, trừ ra là bao nhiêu vì số trưng mình đã chịu, chiếu hạn năm tội đồ chia đều ra mỗi tháng bao nhiêu tiền, trừ đi số việc đã làm, còn lại là số chuộc cho việc chưa làm, cũng dễ tính.

Gom góp cho đủ: Ba bậc lưu của tạp phạm được đổi ra 100 trưng và 4 năm đồ phạm nhân trở nên già, tàn tật thì tính chung giá chuộc là 4 tiền, 5 phân. Trừ ra 7 phân, 5 li vì 100 trưng đã chịu, còn dư lại 4 năm đồ, giá chuộc là 3 tiền, 7 phân, 5 li, giá chuộc tội đồ mỗi tháng là 7 li, 8 hào, 1 ti, 2 hốt, còn lại

47 tháng chưa làm việc, giá chuộc là 3 tiền 6 phân 7 li 1 hào 8 ti 7 hốt 5 li.

Trong trường hợp tội treo cổ, chém tạp phạm thì được đổi ra 100 trượng, đồ 5 năm. Phạm nhân trở nên già, tàn tật, tính giá chuộc chung là 5 tiền, 2 phân, 2 li, trừ ra 7 phân, 5 li vì đã chịu qua 100 trượng. Còn dư tội đồ 5 năm, giá chuộc là 4 tiền 5 phân, giá chuộc tội đồ mỗi tháng là 7 li, 5 hào, nếu đã làm việc 2 tháng thì chuộc tội đồ là 7 li 5 hào. Còn 59 tháng chưa làm việc, giá chuộc là 4 tiền 4 phân 2 li, 5 hào.

BIỂU ĐỒ NHẬN GIÁ CHUỘC VỀ TỘI VỤ KHÔNG

Một điều coi nhẹ nhưng được coi là nghiêm trọng.

(Trong sự giải thích thêm có nói: Qui tắc này là ngắt ra từ 100 trượng nhận giá chuộc đối với tội cao hơn. Trong đó còn nói thêm: Đối tội đồ và lưu ra trượng. Nếu kẻ vu cáo đã chịu phạt thì 100 trượng được trừ ra, còn như vượt giá 100 trượng, thì theo luật đổi qua trượng, mà tính bạc là 7 li, 5 hào cho mỗi 10 trượng cho chuộc. Sự vượt quá tội, đó là phẩm chất thật đối với tội vu khống sau khi được trừ bớt bởi sự việc vu cáo. Đối với động cơ vu cáo, giảm bớt tội, chỉ còn tội vu khống và tính vào tội sai lầm phụ thuộc vào tội vu khống, đều coi là tội dư, tội thừa liên hệ đến 1 người bị tội, nó được tính theo sự kiện nhiều hay ít mà buộc tội).

Phạm ai vu khống lỗi nhẹ thành lỗi nặng, như vu cáo một người thì phạt 100 trượng, trong đó chỉ xứng 40 trượng là sự thực, còn 60 trượng kia là vu khống. Người bị cáo chịu phạt thì người vu

			Qui tắc (lệ)		Roi : 10	R
BIỂU ĐỘ NỘP GIÁ TIỀN CHUỘC	NGƯỜI KHÔNG CÓ TÀI SẢN	Chịu tội theo Luật			Trượng nhỏ	
Chuộc là thực tế giảm tội nhưng giảm không tên tội phạm. Qui tắc nhận giá chuộc bắt đầu từ đời Chu Mục vương, thịnh hành đời Hán với Trương Thoang.	NGƯỜI CÓ TÀI SẢN	Chiếu theo lệ chuộc tội	Đem tiền nộp vào kho	Nộp lúa vào kho, 1 thạch lúa nộp 5 đấu gạo, mỗi thạch gạo nộp 5 tiền	Bạc chuộc: 2 tiền 5 phân. Nộp gạo thì 5 đấu, lúa: 1 thạch	Bạc tiền gạo thạt lúa:
	NGƯỜI CÓ TÀI SẢN HƠI ÍT			Giá tiền chuộc: 3 tiền, 1 tháng làm việc theo lệ nộp 3 tiền.		Giá chuộc 5 ph bực tiền
	NHẬN GIÁ CHUỘC	Người già, trẻ em, tàn tật, người coi thiên văn và cả dân bá phạm tội chiếu theo trượng, theo lệ nhận giá chuộc.			Giá chuộc: 7 lĩ 5 hảo bạc	1 ph hảo b
	CHUỘC TỘI	Vợ chính của quan viên không kham nổi tội ban bố và các bá có nguồn tài sản chiếu lệ nộp chuộc tội			Giá chuộc: 1 tiền	Giá ch tiền
				Qui tắc nhận giá chuộc đối với phụ nữ bị tội đóng gong	20 ngày gong giá chuộc tiền lệ 5 lĩ	25 gong chuộc 3 ph

	Roi : 30	Roi : 40	Roi : 50	Trượng: 60	Trượng: 70	Trượng: 80	Trượng: 90
				Trượng lớn: từ roi qua trượng, tăng gấp đôi, mỗi bực tăng gấp đôi	Trở xuống giá chuộc là 5 tiền cho mỗi 10 trượng.		
c 5 ô p 1 ô p ch	Chuộc bạc 7 tiền 5 phân. Nộp gạo: 1 thạch 5 đấu. Nộp lúa: 3 thạch	Bạc chuộc: 1 lượng. Gạo 2 thạch. Lúa 4 thạch	Bạc: 1,25 lượng gạo: 2 thạch 5. Lúa 5 thạch	Bạc 3 lượng. Gạo 6 thạch. Lúa 12 thạch	Bạc 3,5 lượng. Gạo 7 thạch. Lúa 14 thạch	Bạc 4 lượng. Gạo 8 thạch. Lúa 16 thạch	Bạc 4,5 lượng. Gạo 9 thạch. Lúa 18 thạch
ến iên Đôi 1 ân	Giá chuộc: 6 tiền	7 tiền 5 phân	9 tiền	1,2 lượng. Từ roi qua trượng, tội tăng gấp đôi thêm 3 tiền	1,35 lượng. mỗi bực tăng 3 tiền, 5 phân	1,5 lượng	1,65 lượng
5	2 phân, 2 li, 5 hào	3 phân bạc	3 phân, 7 li, 5 hào bạc	4 phân, 5 li bạc	Bạc 5 phân, 2 li, 5 hào	Bạc 6 phân	Bạc 6 phân, 7 li, 5 hào
c: 2	3 tiền	4 tiền	5 tiền	6 tiền	7 tiền	8 tiền	9 tiền
gày gia tiền 5 li	30 ngày gông, 1 tiền, 6 phân, 5 li	35 ngày gông 1 tiền, 9 phân, 5 li	40 ngày gông 2 tiền, 2 phân, 5 li	55 ngày gông, 3 tiền	55 ngày gông, 3 tiền, 3 phân, 7 li 5 hào	60 ngày gông, 3 tiền, 7 phân, 5 li	

Đồ 1 năm	Đồ 1 năm	Đồ 1 năm rưỡi	Đồ 2 năm	Đồ 2 năm rưỡi	Đồ 2
					5 tô trên pha ra là nhà trần
Tội tử trường qua đồ mỗi bậc tăng 2 lượng 5 tiền, có thể đổi 10 thạch lúa.	Bạc 7 lượng, 5 tiền. Gạo 15 thạch, lúa 30 thạch	Bạc 10 lượng, gạo 20 thạch, lúa 40 thạch	Bạc 12 lượng rưỡi. Gạo 25 thạch. Lúa 50 thạch	Bạc 15 lượng. Gạo 30 thạch. Lúa 60 thạch	Bạc 5. C thạch Lúa
Tội tử trường qua đồ, mỗi bậc tăng 1 lượng 8 tiền, có thể đổi bằng công làm việc nửa năm	Bạc 3 lượng 6	5 lượng 4	7 lượng 2	9 lượng	Bạc lượng
Tội tử trường qua đồ thêm 7 phần 5 li, mỗi bậc tội tăng 3 phần, 7 li, 5 hào, từ đồ đổi qua lưu, thêm 7 phần, 5 li mỗi bậc tội thêm 3 phần, 7 li, 5 hào	1 tiền 5 phần	1 tiền, 8 phần, 7 li, 5 hào	2 tiền, 2 phần, 5 li	2 tiền, 6 phần, 2 li, 5 hào	Bạc
LỆ NHẬN GIÁ CHUỘC CHO TỘI THỬA CỦA ĐÀN BÀ	60 trường và đồ, đổi qua 120 trường. Tội chính là 100 trường, chuộc 1 lượng, tội dư 20 đổi ra 7 phần 5 li	70 trường và đồ, đổi ra 140 trường. Tội chính 100 trường chuộc 1 lượng, tội dư 40 đổi ra 1 tiền, 1 phần, 2 li 5 hào	80 trường và đồ, đổi ra 160 trường. Tội chính 100 trường, chuộc 1 lượng, tội dư 60, đổi ra 1 tiền 5 phần	90 trường và đồ, đổi ra 180 trường. Tội chính 100 trường chuộc 1 lượng, tội dư 80, đổi ra 1 tiền, 8 phần, 7 li, 5 hào	Tội 1 trường đổi ra trường chính trường 1 lượng đổi ra phần
Đổi tội đồ ra trường bằng 7 phần, 5 li. Từ đồ đổi ra lưu, kẻ phạm vẫn tăng mỗi trường hợp 7 phần 5 li. Trong tội lưu, mỗi bậc thêm 2 phần, 7 li, 5 hào.					

LƯU ĐÂY 200 dặm	2.500 dặm	3000 dặm	Đồ đầy đủ: 4 năm	Tạp phẩm 5 năm	TREO CỔ, CHÉM
		3 tội lưu đầy kể trên, định nơi mà phát phối			
			Bạc 20 lượng. Gạo 40 thạch. Lúa 80 thạch	Bạc 25 lượng. Gạo 50 thạch. Lúa 100 thạch	Tội trọng trong những trường hợp tội đó kể trên, ngoài ra có thể trả bằng giá ngoại ngạch
			Bạc chuộc: 14,4 lượng	18 lượng	Nếu tội có phụ bằng trọng, muôn chuộc, giá chuộc phải nộp thêm.
3 tiền, 7 phân, 5 li	4 tiền, 1 phân, 2 li, 5 hào	4 tiền, 5 phân	Đồ 2 năm thuyền chuyển, chuộc bằng 4 tiền, 5 phân		5 tiền, 2 phân, 5 li
Tội này bằng 220 trọng. Tội chính 100 trọng thuộc 1 lượng, tội dư 120, đổi ra 3 tiền	Tội này bằng 240 trọng. Tội chính 100 trọng chuộc 1 lượng, tội dư 140 đổi ra 3 tiền, 3 phân, 7 li, 5 hào	Tội này bằng 260 trọng. Tội chính 100 trọng, chuộc 1 lượng, tội dư 160 đổi ra 3 tiền, 7 phân, 5 li			Ngoại trừ tội chính, chuộc bằng 1 lượng (100 trọng) tội dư đổi ra 4 tiền, 5 phân

khống phải chịu đủ 60 trượng, không cho chuộc, như chưa chịu tội thì mới chiếu xét sau đó nhận giá cho chuộc.

1- Phạt roi: Trượng nhỏ, cứ mỗi bức 10 trượng, giá chuộc là 7 li, 5 hào. Tội trượng cũng là tội đồ, cho nên đổi đồ ra trượng.

- *Phạt 10 roi:*

- *Phạt 20 roi:*

- *Phạt 30 roi:* Như vu cáo một người thì phạt 30 roi, trong đó 10 roi là sự thực, còn 20 roi là vu khống. Người bị vu cáo chịu phạt thì kẻ vu cáo bị phạt 20 roi, nếu chưa chịu phạt thì cho chuộc giá một phân, 5 li.

- *Phạt 40 roi:* Như vu cáo người thì phạt 40 roi, trong đó 10 roi là sự thực, còn 30 roi là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 30 roi. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì cho người vu khống chuộc tội giá là 2 phân, 2 li, 5 hào.

- *Phạt 50 roi:* Như vu cáo người thì phạt 50 roi, trong đó 20 roi là sự thực, còn 30 roi là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 30 roi. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 2 phân, 2 li, 5 hào.

2. Phạt trượng:

- *Phạt 60 trượng:* Như vu cáo người thì phạt 60 trượng, trong đó 20 trượng là sự thật, còn 40 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 40 trượng. Nếu

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 3 phân.

- *Phạt 70 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 70 trượng, trong đó 30 trượng là sự thật, còn 40 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 40 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 3 phân.

- *Phạt 80 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 80 trượng, trong đó 30 trượng là sự thật, còn 50 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 50 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 2 phân, 7 li 5 hào.

- *Phạt 90 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 90 trượng, trong đó 40 trượng là sự thật, còn 50 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 50 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 3 phân, 7 li 5 hào.

- *Phạt 100 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, trong đó 40 trượng là sự thật, còn 60 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 60 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 4 phân, 5 li.

3- Tội đồ:

- *Phạt đồ 1 năm, 60 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 60

trượng, đồ một năm, trong đó 50 roi là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 10 trượng đồ một năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 60 trượng, đồ một năm ra 120 trượng, trừ sự thực 50 ra, còn dư 70 trượng chuộc cho tội, giá là 5 phân 2 li 5 hào.

- *Phạt đồ 1,5 năm, 70 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 70 trượng, đồ 1,5 năm, trong đó 70 trượng là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh tội đồ 1,5 năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 70 trượng và 1,5 năm đồ ra 140 trượng, trừ sự thực 70 trượng ra, còn dư 70 trượng chuộc cho tội, giá là 5 phân 2 li 5 hào.

- *Phạt đồ 2 năm, 80 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 80 trượng, đồ 2 năm, trong đó 80 trượng là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh tội đồ 2 năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 80 trượng, 2 năm đồ ra 160 trượng, trừ sự thực 80 trượng ra, còn dư 80 trượng chuộc cho tội, giá là 6 phân.

- *Phạt đồ 2,5 năm, 90 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 90 trượng, đồ 2,5 năm, trong đó 60 trượng, đồ một năm là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh 30 trượng, đồ 1,5 năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 90 trượng, đồ 2,5 năm đồ ra 180 trượng, trừ 60 trượng và đồ một năm. Sự thực ra đổi thành 120 trượng còn dư 60 trượng, cho chuộc tội giá là 4 phân 5 li.

- *Phạt đồ 3 năm, 100 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, đồ 3 năm, trong đó, 80 trượng là sự thực. Nếu người bị vu

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh 20 trượng đồ 3 năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 100 trượng, đồ 3 năm thành 200 trượng, trừ 80 trượng sự thực, còn 120 trượng, người vu khống vẫn phải chịu 100 trượng, dư 20 trượng mới chỉ chuộc giá là 1 phân 5 li.

4- Tội lưu đày:

- *Phạt lưu 2000 dặm, 100 trượng:* Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, lưu 2000 dặm, trong đó sự thực là 20 roi. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt, tội lưu 3 năm bức đổi thành 4 năm đồ, nhưng trong đó vẫn bao hàm 100 trượng, trừ 20 roi sự thực ra, còn dư 80 trượng, 4 năm đồ thì người vu khống chịu hoàn toàn. Nếu người bị vu cáo chưa chịu phạt, tội lưu 3 bức đổi thành 4 năm đồ, tăng thêm một năm tội đồ, đổi thành 40 trượng, tính chung tội đổi thành 240 trượng, trừ 20 roi sự thực ra, người vu khống còn lãnh 100 trượng, còn dư 120 trượng đổi thành 60 trượng, một năm đồ thì chỉ chuộc tội, giá là một tiền 5 phân.

- *Phạt lưu 2.500 dặm, 100 trượng:* Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, lưu 2.500 dặm, trong đó, 60 trượng đồ một năm là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt, 3 bức lưu được đổi thành 4 năm đồ trong đó bao hàm 100 trượng, trừ 60 trượng, một năm đồ sự thực, còn dư 40 trượng, 3 năm đồ thì người vu khống lãnh đủ. Nếu người bị vu cáo chưa chịu phạt, tội lưu 3 bức đổi thành 4 năm đồ, tăng thêm một năm đồ đổi thành 40 trượng, tính chung tội đổi thành 240 trượng, trừ 60 trượng và một năm đồ sự thực, đổi cái này ra thành 120 trượng thì còn dư lại 120 trượng, người vu khống lãnh 100 trượng mới chuộc tội dư 20 trượng, giá là một phân, 5 li.

- *Phạt lưu 3000 dặm, 100 trượng*: Như vu cáo người bị phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm, trong đó 100 trượng, lưu 2000 dặm là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt đối bực lưu gần thành bực lưu xa, mỗi bực lưu đổi thành nửa năm đồ, trừ số sự thực ra, người vu không lãnh một năm đồ. Nếu người bị vu cáo chưa chịu phạt, thì mỗi bực lưu đổi thành 20 trượng, tội lưu 3000 dặm đổi thành 260 trượng, từ sự thực 100 trượng và 2000 dặm ra cái này đổi thành 220 trượng, còn dư ra 40 trượng, cho chuộc giá cho 3 phân. Giá chuộc này khác với giá chuộc về người già cả, trẻ em, phụ nữ và những người khác, cũng nói là nhận giá chuộc. Trong đây, chuộc tội là chuộc tội đồ, lưu sau thời gian dài họ đã chịu hình phạt, trong đây, tội đồ lưu đều đổi ra tội trượng và chuộc theo số trượng.

(Xem biểu đồ về nộp giá tiền chuộc nơi các trang 215-217)

Bình phẩm của nhà chức trách:

Xem trong bảng trên, người ta thấy người bị vu cáo đã chịu phạt và người vu khống luôn luôn chịu hết mọi tội từ roi, trượng, đồ, lưu không khác gì nhau. Nếu người bị vu cáo không chịu phạt, người vu khống chuộc tội roi trượng cũng không khác gì nhau, nhưng người này chỉ bị tội đồ, lưu thì được đổi đồ ra trượng. Trong khi mỗi bực tăng 20 trượng thì đưa đến kết quả là: khi chịu 60 trượng đồ một năm còn phải thêm vào 20 trượng vào 60 trượng ban đầu, dường như không nên đưa đến kết quả, tổng cộng 120 trượng. Chính vì người ta không thấy rằng tội đồ bắt đầu là cả một năm và tội trượng bắt đầu bằng trượng (con gậy, cái gậy).

Con số 60. Trong qui tắc xử tội trượng thì phải coi số trượng ban đầu. Tội đồ một năm. Trượng căn bản là 60. Nếu đổi một năm

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

đồ bằng trượng thì nên bằng số đồ là 60 trượng, lại thêm 60 trượng ban đầu thành ra là tổng số 120 trượng.

- Đồ 1,5 năm, trượng căn bản: 70 đem tội đồ, 1,5 năm tính ra 70 trượng, thêm 70 trượng ban đầu thành ra 140 trượng.

- Đồ 2 năm trượng căn bản 80, đem tội đồ 2 năm đổi thành 80 trượng, thêm 80 trượng ban đầu thành ra 160 trượng.

- Đồ 2,5 năm, tội đầu là 90 trượng, đem đổi 2,5 năm đó ra 90 trượng, thêm 90 trượng ban đầu, thành ra 180 trượng.

- Đồ 3 năm, tội đầu là 100 trượng, đổi 3 năm đồ ra 100 trượng, thêm 100 trượng ban đầu thành 200 trượng. Đó là qui tắc đổi tội đồ ra trượng. Tiếp tục theo thang tội thì đến tội lưu đầy. Ba bậc lưu chịu đựng bằng 100 trượng. Lưu 2000 dặm bằng 3 năm đồ thêm một bậc. Ba năm đồ đổi thành 100 trượng, thì lưu 2000 dặm phải đổi thành 120 trượng cộng với 100 trượng ban đầu thành 220 trượng.

- Lưu 2.500 dặm, so với lưu 2000 dặm thì tăng một bậc. Lưu 2000 dặm đổi thành 120 trượng, vậy thì 2.500 dặm phải đổi thành 140 trượng, thêm 100 trượng ban đầu, đưa tổng số là 240 trượng.

- Lưu 3000 dặm, so với 2.500 thì nó tăng một bậc. Lưu 2.500 dặm đổi thành 140 trượng. Vậy lưu 3000 dặm đổi thành 160 trượng, thêm 100 trượng ban đầu, đưa tổng số là 260 trượng. Đó là qui tắc tội lưu ra trượng.

Phạm người bị vu cáo phạm một điều gì đó đang lưu gần bị vu cáo bị đổi đi xa, nếu người ấy chưa chịu phạt thì đều chiếu theo

qui tắc này. Nếu người bị cáo, liên can việc gì đó, bị tội roi, trượng hay đồ, nhưng bị vu cáo mắc tội lưu, nếu người ấy chưa chịu phạt thì không thể đổi đi xa hay gần. Ba bức lưu được thay thế bằng 4 năm đồ. coi như còn dư một năm tội, vì tội đồ chỉ có 3 năm không thể vượt qua mức cao nhất đó. Nay đem tội lưu đổi thành đồ 4 năm, so ra thì đồ cao nhất rồi hơn một năm, nghĩa là hơn hai bức, mỗi bức đổi thành 20 trượng và gia tăng thành 40 trượng. Thêm tổng số 100 trượng sẽ thành sự đổi ra tội đồ cao nhất, 100 trượng ban đầu, căn bản của tội lưu, thêm 40 trượng, như thế đổi tội lưu thành trượng đưa đến tổng số 240 trượng. Trong số đó, cắt trừ phần tội đúng sự thực, hoặc roi, trượng hay đồ ra, chiếu số trừ rồi, số còn dư ra, tính ra trượng không đến 100 thì mới nhận giá chuộc cho số trượng còn lại.

Tập hợp pháp điển:

Năm bức tội đồ vốn bao hàm 100 trượng căn bản. Nếu so sánh bức tội giữa chúng với nhau thì không cần phải tính số 100 trượng. Ba bức lưu, chứa trong mỗi bức 5 đồ. Đổi tội ra trượng bằng 200. Nếu so sánh hai bức tội lưu với nhau thì cũng không cần tính 5 tội đồ bao hàm trong số 200 ấy. Hình phạt không đưa đến cái chết được hình thành 18 bức thang, bắt đầu bằng phạt roi, trượng. Hai hình phạt này mỗi thứ có 5 bức, cộng chung là 10 bức. Mỗi bức tăng 10 roi, trượng, theo tội nặng mà tăng lên đến 20 trượng. Thêm một bức trượng là 20 đối với tội hơi nặng. Thành mỗi bức là 20 trượng, tăng 5 bức thì ra 100, 200 trượng. Ngoài số ấy, không thể tăng nữa; cho nên mới đổi nó ra 5 bức tội đồ, thực sự là 2000

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

trượng. Mút tội đồ cũng chưa đủ tội phạt thì đổi nó ra tội lưu đầy. Tội này có 3 bậc. Nếu tính theo số trượng, sau khi tăng hai bậc thì tới tội lưu. Nó được kể là 260 trượng. Nếu kể theo tội đồ thì tăng nửa năm, là đầy tội lưu, là 4 năm rưỡi tội đồ. Biết thế mới tính chính xác đổi trượng ra đồ mới rõ ràng. Lời chú thích cũ nói: Ba bậc lưu đổi bằng 4 năm đồ, trong đó có sự chậm chước đổi đi xa hay gần.

BIỂU ĐỒ VỀ 5 HÌNH PHẠT

5 bậc Hình phạt roi:

- 10 roi/20 roi/30 roi/40 roi/50 roi/Roi là áp dụng đối với người có tội nhẹ, dùng trượng nhỏ đánh phạm nhân từ 10 đến 50 roi, chia làm 5 bậc, mỗi bậc là 10 roi. Có tăng hay giảm.

5 bậc tội hình phạt trượng:

- 60 trượng/70/80/90/100 trượng là dùng cho người phạm tội nặng, dùng trượng đánh phạm nhân từ 60 đến 100 trượng, cũng chia làm 5 bậc, mỗi bậc 10 trượng, có tăng giảm theo tội.

5 bậc tội hình phạt đồ:

- 1 năm và 60 trượng/1,5 năm và 70 trượng/2 năm và 80 trượng/2,5 năm và 90 trượng/3 năm và 100 trượng/Đồ là phạm nhân phạm tội hơi nặng gởi về quản thúc nơi trấn họ ở, bắt làm mọi việc nặng nhọc. Từ 1 năm đến 3 năm thì dứt, cũng chia làm 5 bậc, mỗi bậc 10 trượng, và đồ nửa năm, là để tăng giảm.

3 bậc tội hình phạt lưu:

- 2000 dặm và 100 trượng/

- 2,500 dặm và 100 trọng/

- 3000 dặm và 100 trọng/

Lưu là phạm nhân phạm tội dù nặng nhưng chưa đáng phải chết, lưu đầy vĩnh viễn nơi xa, cả đời không còn được trở về cố hương, xa từ 2000 dặm, tăng thêm đến 3000 dặm tùy theo tội. Mỗi 500 dặm làm thành một bậc tội, giảm thì qua tội đó.

Hai bậc tội chết:

- *Treo cổ:* tứ chi, thân thể còn nguyên vẹn.

- *Chém:* đầu hoàn toàn vắng khỏi mình.

Đây là hình phạt cùng cực nhất.

PHỤ CHÚ⁽¹⁾

Phạm ai vụ khống lỗi nhẹ thành lỗi nặng như vu cáo một người thì phạt 100 trọng, trong đó chỉ xứng 40 trọng là sự thực, còn 60 trọng kia là vu khống. Người bị cáo chịu phạt thì người vu khống phải chịu đủ 60 trọng, không cho chuộc, như chưa chịu tội thì mới chiếu xét sau đó nhận giá cho chuộc.

Phạt 10 roi: Trọng nhỏ, cứ mỗi bậc 10 trọng, giá chuộc là 7 li, 5 hào. Tội trọng cũng là tội đồ, cho nên đổi đồ ra trọng.

Phạt roi

- *Phạt 20 roi:*

1. Phụ chú này thuộc phần *Giải thích* của bộ luật.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- *Phạt 30 roi*: Như vu cáo một người thì phạt 30 roi, trong đó 10 roi là sự thực, còn 20 roi là vu khống. Người bị cáo chịu phạt thì kẻ vu cáo bị phạt 20 roi, nếu chưa chịu phạt thì cho chuộc giá một phân, 5 li.

- *Phạt 40 roi*: Như vu cáo người thì phạt 40 roi, trong đó 10 roi là sự thực, còn 30 roi là tội vu khống. Nếu người bị cáo đã chịu thì người vu khống lãnh đủ 30 roi. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì cho người vu khống chuộc tội giá là 2 phân, 2 li, 5 hào.

- *Phạt 50 roi*: Như vu cáo người thì phạt 50 roi, trong đó 20 roi là sự thực, còn 30 roi là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 30 roi. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội; giá là 2 phân, 2 li, 5 hào.

Phạt trượng:

- *Phạt 60 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 60 trượng, trong đó, 20 trượng là sự thực, còn 40 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 40 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 3 phân.

- *Phạt 70 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 70 trượng, trong đó, 30 trượng là sự thực, còn 40 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 40 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội giá là 3 phân.

- *Phạt 80 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 80 trượng, trong đó, 30 trượng là sự thực, 50 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 50 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội; giá là 2 phân, 7 li 5 hào.

- *Phạt 90 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 90 trượng, trong đó, 40 trượng là sự thực, 50 trượng là tội vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 50 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội; giá là 3 phân, 7 li 5 hào.

- *Phạt 100 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, trong đó 40 trượng là sự thật, 60 trượng là vu khống. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 60 trượng. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì người vu khống được chuộc tội, giá là 4 phân, 5 li.

Tội đồ

- *Phạt đồ 1 năm, 60 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 60 trượng, đồ một năm, trong đó 50 roi là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh đủ 10 trượng đồ một năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 60 trượng, đồ một năm ra 120 trượng, trừ sự thực 50 ra, còn dư 70 trượng chuộc cho tội giá là 5 phân 2 li 5 hào.

- *Phạt đồ 1,5 năm, 70 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 70 trượng, đồ 1,5 năm, trong đó 70 trượng là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu khống lãnh tội đồ 1,5 năm. Nếu

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 70 trượng và 1,5 năm đổi ra 140 trượng, trừ sự thực 70 trượng ra, còn dư 70 trượng, cho chuộc tội, giá là 5 phân 2 li, 5 hào.

- *Phạt đồ 2 năm, 80 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 80 trượng, đồ 2 năm, trong đó 80 trượng là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu không lãnh tội đồ 2 năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 80 trượng và 2 năm đổi ra 160 trượng, trừ sự thực 80 trượng ra, còn 80 trượng, cho chuộc tội; giá là 6 phân.

- *Phạt đồ 2 năm, 90 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 90 trượng, đồ 2,5 năm, trong đó 60 trượng, đồ một năm là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu không lãnh 30 trượng, đồ 1,5 năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 90 trượng, đồ 2,5 năm ra 180 trượng, còn dư 60 trượng và đồ một năm, sự thật đổi thành 120 trượng, dư 60 trượng cho chuộc tội; giá là 4 phân, 5 li.

- *Phạt đồ 3 năm, 100 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, đồ 3 năm, trong đó 80 trượng là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt thì người vu không lãnh 20 trượng, đồ 3 năm. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt thì đổi 100 trượng, đồ 3 năm thành 200 trượng, trừ 80 trượng sự thực, còn 120 trượng, người vu không vẫn phải chịu 100 trượng, dư 20 trượng mới cho chuộc; giá là 1 phân 5 li.

Tội lưu đày:

- *Phạt lưu 2000 dặm, 100 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 100

trượng, lưu 2000 dặm, trong đó sự thực là 20 roi. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt, tội lưu 3 năm bực đổi thành 4 năm đồ, nhưng trong đó vẫn bao hàm 100 trượng, trừ 20 roi sự thực ra, còn dư 80 trượng, 4 năm đồ thì người vu khống phải chịu hoàn toàn. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt, tội lưu 3 bực đổi thành 4 năm đồ, tăng thêm một năm tội đồ, đổi thành 40 trượng. Tính chung tội đồ thành 240 trượng, trừ 20 roi sự thực ra, người vu khống còn lãnh 100 trượng, còn dư 120 trượng đổi thành 60 trượng, một năm đồ thì chỉ chuộc tội; giá là 1 tiền 5 phân.

- *Phạt lưu 2,500 dặm, 100 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, lưu 2.500 năm, trong đó, 60 trượng, đồ một năm là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt, 3 bực lưu được đổi thành 4 năm đồ, trong đó bao hàm có 100 trượng, trừ 60 trượng, một năm đồ sự thực, còn dư 40 trượng, 3 năm đồ thì người vu khống lãnh đủ. Nếu người bị cáo chưa chịu phạt, tội lưu 3 bực đổi thành 4 năm đồ tăng thêm một năm đồ đổi thành 40 trượng, tính chung tội đồ thành 240 trượng, trừ 60 trượng và một năm đồ sự thực, đổi cái này ra thành 120 trượng, thì còn dư lại 120 trượng, người vu khống lãnh 100 trượng mới cho chuộc tội dư 20 trượng; giá là 1 phân, 5 li.

- *Phạt lưu 3000 dặm, 100 trượng*: Như vu cáo người thì phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm, trong đó 100 trượng, lưu 2000 dặm là sự thực. Nếu người bị vu cáo đã chịu phạt đổi bực lưu gần thành bực lưu xa, mỗi bực lưu đổi thành nửa năm đồ, trừ số sự thực ra, người vu khống lãnh một năm đồ. Nếu người bị vu cáo chưa chịu phạt, thì mỗi bực lưu đổi thành 20 trượng, tội lưu 3000 dặm đổi thành

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

260 trượng, trừ sự thực 100 trượng và 2000 dặm ra cái này đổi thành 220 trượng, còn dư ra 40 trượng, cho chuộc; giá là 3 phân.

Giá chuộc này khác với giá chuộc về người già cả, trẻ em, phụ nữ và những người khác, cũng nói là nhận giá chuộc. Trong đây, chuộc tội là chuộc tội đồ, lưu sau thời hạn dài họ đã chịu hình phạt. Trong đây, tội đồ lưu đều đổi ra tội trượng và chuộc theo số trượng.

Bình phẩm của nhà chức trách:

Xem trong bảng trên, người ta thấy người bị vu cáo đã chịu phạt và người vu khống luôn luôn chịu hết mọi tội từ roi, trượng, đồ, lưu không khác gì nhau. Nếu người bị vu cáo không chịu phạt, người vu khống chuộc tội roi trượng cũng không khác gì nhau, nhưng người này, chỉ bị tội đồ, lưu thì được đổi đồ ra trượng. Trong khi mỗi bậc tăng 20 trượng thì đưa đến kết quả là: khi chịu 60 trượng, đồ một năm còn phải thêm vào 20 trượng vào 60 trượng ban đầu, dường như không nên đưa đến kết quả, tổng cộng 120 trượng. Chính vì người ta không thấy rằng tội đồ bắt đầu là cả một năm và tội trượng bắt đầu bằng con (gậy).

GIẢI THÍCH BIỂU ĐỒ 5 BỤC TỘI:

- Trong sách giải thích của mình, họ Li⁽¹⁾ có nói: 5 hình phạt này được chế ra từ thượng cổ. Vua Thuấn ra lệnh cho ông Cao Dao rằng: «*Ông là bậc sĩ, phải thấu rõ 5 hình phạt*». Đó là nguồn gốc mà 5 hình phạt đã được thiết lập, lưu truyền đến ngày nay.

(1) *Họ Lý*: tức Lý Khôi (455-395 tr. TL) tác giả bộ luật có tên là *Pháp hình* (gồm 6 chương: Đạo pháp, Tặc pháp, Vong pháp, Bố pháp, Tappháp và Cự pháp). Ông cũng là thầy học của Ngụy Văn Đế quốc đời Ngụy Văn Đế có công trong việc cải cách pháp chế sớm nhất vào thời cổ đại Trung Quốc.

Nhưng 5 hình phạt xưa *đánh dấu vào mặt, cắt mũi, cưa chân, thiến và tròng phạt nặng*. Sự đánh dấu vào mặt là khắc vào trán, cắt mũi, cắt chân hay bộ phận sinh dục và chết là hình phạt cuối cùng. Năm hình phạt ngày nay là: *roi, trượng, đồ, lưu, chết*.

Từ đời Hán Văn Đế, bỏ tội hình đổi ra thành roi. Roi, trượng được đưa vào thành 5 hình phạt, từ đó truyền đến vua Cảnh Đế lại có gia giảm. Các đời sau nối tiếp đã hình thành 5 hình phạt là roi, trượng, đồ, lưu và chết. Trong 5 hình phạt ấy, mỗi triều đại đều nói đến sự giết. Cần cẩn thận ghi nhớ điều ấy.

Về 5 bậc hình phạt bằng roi:

Đánh bằng roi làm cho xấu hổ, trừng trị bằng sự nhục nhã này cho người có tội thấy xấu hổ để tự sửa đổi mình. Hình phạt này nhẹ từ 10 roi đến 50 roi.

Về 5 bậc hình phạt bằng trượng:

Hình phạt này nặng hơn roi. Hai roi bằng 1 trượng. Ai phạm tội nặng hơn 50 roi, thì người ta bỏ roi mà xử bằng trượng. Phạt bằng trượng thì bắt đầu là 60 trượng, mỗi bậc là 10 trượng, đặt mức cao nhất là 100 trượng.

Về 5 bậc hình phạt bằng đồ: (khổ sai)

Tội phạt đồ thì thời xưa gọi là *Thành đán thung* (giã gạo buổi sáng trong thành). Công việc này trói buộc nhân thân phải đem hết sức làm việc nặng nhọc. Đến khi lập qui tắc *Bình chuẩn* thì không còn dùng lối Thành đán thung nữa. Cho nên đưa phạm nhân về các trạm dịch chạy bộ hoặc ngựa trên đất hay trên sông,

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

coi là một hình phạt dưới quyền sai khiến của trưởng trạm dịch. Tội nặng vượt hơn 100 trượng, người ta đặc biệt lập ra qui tắc giảm trượng, tăng đồ để đổi nhau. Tội nặng hơn 100 trượng thì giảm 40 trượng là thực tội, vẫn trở lại khởi điểm là lấy roi thay cho trượng thêm một năm đồ để thay cho 60 trượng phải chịu phạt. Nếu tội nặng tăng tiếp bức phạt đến 100 trượng mới thôi. Đó là nói về 5 bức tội hình phạt bằng đồ. Lại còn có chỗ gọi là *Nhuận đồ* là đổi 3 bức lưu ra 4 năm đồ. Tội phạm bị treo cổ, chém đổi ra đồ 5 năm.

Về 3 hình phạt bằng lưu:

Người đầu tiên là vua Thuấn, nhà vua đã dày ông Cộng Công vào tội lưu. Thấy trong sách chép rằng: “Lưu là giảm nhẹ trong 5 bức tội”, nghĩa là qui tắc tội lưu được giảm trong 5 bức, là theo sự khoan dung khi còn ngờ vực về sự phù hợp đối với 5 bức tội. Các triều đại kế tiếp, người ta mới nhập gọn vào nó vào một trong năm hình phạt. Nhưng tại sao trong 3 bức lưu với khởi đầu là 2000 dặm? Ấy là bởi vua Nghiên chia đất nhà vua làm 5 vùng, mỗi vùng đất là 500 dặm. Từ đó lui xa dần đến vùng chót thì xây kinh đô vua. Hai vùng sau là nơi an trí tội nhân. Tội có nặng nhẹ, nơi đây cũng có xa gần. Lưu 2000 dặm thì gởi họ đến ở trước hai vùng sau cùng. Lưu 2.500 dặm thì gởi đến vùng sau, cuối cùng là 3000 dặm thì gởi tội nhân đến ngoài vùng sau chót, có nghĩa là không dính dáng gì đến chuyện trong nước.

Về 2 hình phạt bằng chết:

Chết có hai loại là *treo cổ* và *chém*. Chém thì thân và đầu mỗi nơi cách biệt, còn treo cổ thì chỉ chấm dứt sự sống mà thân thể

còn toàn vẹn. Dù trong điều luật có chia làm hai lỗi chết, nhưng chỉ kể là 1 trong 5 hình phạt, vì điều kiện duy nhất là đưa đến cái chết của tội nhân. Cho đến trong danh lệ đặc biệt coi hai cái chết này là một. Tội mà đến phải chết là nặng nhất trong các hình phạt. Cho nên trong *Hồng phạm, Cửu trù, Lục cực* có chép về việc chấm dứt mạng sống của kẻ hung bạo. Vua lập luật nghiêm để trị nhân dân. Dựa vào qui tắc sức mạnh buộc phải tuân thủ bởi luật cứng rắn. Cho đến trời cũng trừng phạt kẻ phạm tội như vậy.

Giải thích thêm về xử tử:

Treo cổ, chém là hai tội tử hình chính, ngoài ra còn một bức tháp hơn gọi là tạp phạm treo cổ. Tạp phạm chém đều được đổi thành tội đồ 5 năm, cho nên lập thêm *nhuận đồ*. Bức trên gọi là *chém bêu đầu*, răn dạy mọi người, là chém thây sau khi chết. Bêu đầu, những hình phạt đó không phải là chuyện bình thường trong nước. Nó chỉ được dùng trong những trường hợp rất hiếm, chỉ thấy nói tán mác trong luật, trong các điều, không được kê vào chính mục của 5 hình phạt, cho nên gọi là *nhuận* (phụ thêm).

Lăng trì:

Chết lăng trì là một hình phạt ghê khiếp nhất trong các hình phạt ghê khiếp. Không chỉ trong 5 hình phạt ngày nay, người ta không có kể nó, mà cả trong 5 hình phạt thượng cổ cũng chưa thấy kể đến. Qui tắc của xử tội này là khoét thịt trên thân một tấc, róc cho đến khi hết thịt hoàn toàn. Liên sau đó, đối với nam thì cắt bộ phận sinh dục, đối với nữ thì lấy vải che bộ phận sinh dục, cắt

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

mổ bụng, moi tạng phủ cho đến khi chết, rồi cắt tay chân, cắt những khớp xương, đập bể xương sống. Người ta không biết hình phạt này bắt nguồn từ đâu. Ngày xưa, vua nhà Thương mổ bụng phụ nữ có thai và người hiền sĩ, ngâm muối da thịt của Bá Ấp Khảo. Phải chăng đó là khởi nguyên của hình phạt lăng trì này? Mặt khác, trong thời Chiến Quốc một người cha già ⁽¹⁾ đã bị xé xác bởi xe kéo, phải chăng đó là khởi đầu của hình phạt lăng trì? Tiếp theo, đời Hán từng tru di ba họ, trước hết là khắc dấu vào mặt, thêu mũi, cắt ngón chân tả hữu, cắt bộ phận sinh dục, đánh bằng roi cho đến khi chết, lấy đầu bêu lên, xương thịt ngâm trong nước muối. Đó gọi là 5 hình phạt đầy đủ, luật gọi là *lăng trì*, phải chăng gốc nó là từ đời Hán? Ngày nay vĩnh viễn bỏ nhục hình, vĩnh viễn bỏ; tộc hình ⁽²⁾ cũng đổi, chỉ còn giữ lại hình phạt ghê khiếp ngoài hết thảy mọi ghê khiếp này *bằng cách chém kẻ bất trung, bất hiếu* thôi.

Bêu đầu răn chúng:

Bêu đầu răn chúng là chém tội nhân lấy đầu bêu lên cây sào cắm ở nơi ngã tư đường kể tội, kể tên tội nhân ra, để cảnh cáo cho mọi người biết sợ. Lĩnh bêu đầu răn chúng có từ đời Châu Võ vương, ông đã treo đầu vua Trụ vào cờ hiệu trắng để cho mọi

1. *Cha già*: tức Là Bất Vi cha ruột của Tần Thủy Hoàng, nhưng từ khi vợ ông mới có thai ông đã đem gả cho cho Tần Thủy Hoàng, nên sử Trung Quốc gọi là *Cha già*. (NQT)

2. *Tộc hình*: hình áp dụng theo gia tộc, tức giết ba họ, gồm *họ cha, họ mẹ và họ vợ*. Ta quen gọi là *Tru di tam tộc*. (NQT)

người biết rằng tội nhân đã bị trừng trị. Tội bêu đầu bắt đầu có từ đó. Hình phạt chém bêu đầu gọi là Kiêu, là mượn nghĩa từ loài chim và thú, đồng loại giữa chúng nhưng giết nhau dữ lắm, dữ nhất là hai loài chim *Kiêu* và con *Kính*. Chim Kiêu thì ăn thịt mẹ, thú Kính thì ăn thịt cha. Chim Kiêu lúc mới sinh ra, chim mẹ bằng nhiều phương kế kiếm đồ ăn nuôi con, nhưng đến lúc chim con đủ lông cánh mạnh khỏe rồi thì mẹ chúng già yếu, mù lòa kiệt sức, không còn cấp thức ăn cho con nữa thì bầy chim Kiêu con này xé xác con mẹ mà ăn, chúng ăn hết thịt mẹ no nê, còn lại cái đầu mẹ, chúng tha máng lên cành cây. Đó là con đường bí mật mà trời dành để trừng phạt những kẻ phạm tội như thế. Thú Kính cũng tương tự vậy. Các vua phong theo hình thức đó để gây nỗi sợ hãi đối với phạm nhân, và mọi người. Trong những trường hợp nghiêm trọng nhất mới dùng đến để cảnh cáo mọi người, nêu lên một hình phạt khủng khiếp để ngăn ngừa kẻ ác, ngoài việc bắt đứng chặt đầu rồi lại bêu đầu lên thật khiếp đảm vậy.

Chặt xác chết:

Khi hết thở gọi là chết. Hình còn lại gọi là xác chết. Khi xử tội phạm, áp dụng nhiều luật, đến khi tội nhân chết, người ta bảo luật trời đã phạt y thì người ta không còn đòi hỏi gì nữa ở phạm nhân. Nếu tội nhân là kẻ cực ác, giống như chim Kiêu thú Kính, dù chết tội cũng khó tha thứ được bởi luật, dù trừng phạt bởi luật trời, thì luật người còn phải trừng trị cho đến cùng; cho nên người ta mới lấy xác mà chặt để đưa sự ứng dụng của luật đến biên giới cuối cùng của sự chết.

GIẢI THÍCH THÊM VỀ TỘI LƯU:

Đày mà không bị trượng:

Tội lưu theo tội đồ, tăng tội lưu ắt là tăng trượng, luật đã định như vậy. Nên trong các luật, phạm tội lưu là trước đó phải có 100 trượng. Tuy nhiên, trong luật cũng có nói lưu 2000 dặm mà không có kèm theo trượng, trong trường hợp đó, tội gọi là *đày mà không trượng*. Đày mà không trượng áp dụng trong trường hợp bị buộc tội bởi những yếu tố khác, phạm nhân không phải chính mình gây ra tội, nên không có lí do để bắt họ chịu phạt trượng. Họ không bị trượng nên không có lệ cho chuộc tội. Những người phạm tội nặng thì còn nghiêm khắc hơn, đối với lệ ân xá thường vẫn không được hưởng, không được ân xá trên đường lưu đày dù có lệnh ân xá chung. Tại sao thế? vì phạm nhân ở vào hàng cực ác vượt qua cái ác bình thường, bị coi là con người nguy hiểm nếu cho họ tự do, cho nên khát khe và bắt đày.

1- Biểu đồ hình cụ (để trừng phạt)

Gông nặng cổ:

Dùng 2 thanh gỗ khổ dài 4 thước, 7 tác, bào vỏ, 2 đầu khóa lại bởi hai thanh ngang, chính giữa, nơi để đút vỏ vô cũng khóa bằng hai thanh ngang. Bốn thanh ngang đều bằng sắt, sức nặng cho mỗi thanh sắt ấy là 8 lượng, tính cộng là 20 cân trở lên, 21 cân trở xuống. Trọng lượng đó, khắc trên cái gông. Phạm tù nặng đã xử bị xử chém ngay, thắt cổ ngay và treo cổ, chém giam chờ đều cho đeo gông này.

Gông cổ:

Dùng hai thanh gỗ khổ dài 4 thước, 7 tấc, bào vỏ, hai đầu khóa bởi 2 thanh ngang, chỗ đút cổ vào cũng khóa bằng 2 thanh ngang. Bốn thanh này đều làm bằng sắt nhẹ, mỗi thanh nặng 6 lượng, tổng cộng 17 cân trở lên, 18 cân trở xuống. Khắc trọng lượng trên gông. Những kẻ phạm thập ác, trộm cướp bạo đều bị gông để chờ xử án.

Gông cổ ngắn:

Dùng hai thanh gỗ khô dài hai thước, bào vỏ, hai đầu khóa lại bằng hai thanh ngang, nơi để đút cổ vô cũng khóa bởi hai thanh ngang. Bốn thanh ngang đều bằng sắt, mỗi thanh nặng 6 lượng, tính chung là 9 cân trở lên, 10 cân trở xuống. Khắc trọng lượng trên gông. Tù nhân trên đường phát lưu, phụ nữ phạm tử tội, giam chờ đều bị gông bằng gông này.

Sên khóa bằng sắt:

Có thể bài sắt khắc tội đồ một năm. Bên trên là cái vòng sắt tròn khóa ốp sát cổ tội phạm, trên khoen sắt ấy cột treo lòng thông một sợi dây lòi tói bằng sắt nặng, dài 1 thước 4 tấc, nút đầu sợi lòi tói này là hai sợi xích sắt cột chặt vào mỗi sợi dài 1 thước 7 tấc, nút cuối đầu hai sợi xích là hai cái khoen sắt dùng để bỏ chân tội phạm vào cớ tói mắt cá, nặng mỗi cái 4 cân trở lên, 8 lượng trở xuống. Khóa bằng sắt này dùng cho tội đồ, đưa đi làm việc lính, chỉ dùng cho tội đồ không phải là thập ác và loại bạo trộm.

Sên khóa đôi bằng sắt:

Ở nút hai đầu sợi lòi tói là hai khoen sắt để ốp vào cổ tội nhân

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

có lòng thông tấm lặc khắc thời hạn đồ, hạn năm. Sợi lõi tời dài 5 thước nặng 6 cân trở lên, 6 cân 8 lượng trở xuống, các phạm nhân mắc tội đồ trên đường dẫn đến nơi làm việc thì dùng khóa này.

Loại gông cổ khác:

Dùng hai thanh gỗ khô dài 4 thước 5 tấc, bào vỏ. Hai đầu mút và chỗ đút cổ vào đầu khóa bằng 4 thanh ngang, mút hai đầu chỗ khóa thanh ngang còn cột bằng dây mây cực chắc, nặng 9 cân trở lên, 10 cân trở xuống. Khắc trọng lượng trên gông. Phạm dân, quân thường không phải phạm thập ác, không phải cướp bạo, trộm bạo, các tội danh còn giam chờ tra xét dùng nó hay gông lớn quá nặng hay gông giải đi đường quá nhẹ thì dùng gông này.

Gông đi đường:

Dùng hai thanh cây còn tươi non dài 3 thước 5 tấc, chặt hết nhánh, gai. Mút hai đầu và chỗ đút cổ vào đều khóa bằng 4 thanh ngang. Nơi hai đầu còn buộc bằng dây mây cực chắc, phạm giải tội tù đi đường, dùng cho nó nhẹ, và lúc ngừng lại. Các tên chủ mưu nổi loạn thì di chuyển trong cũi và những tên bạo trộm khi giải đi dùng loại gông bọc sắt cứng.

Gông chân:

Dùng khúc cây khô dài 1 thước 3 tấc, chính giữa đục một cái lỗ dài 4 tấc, ngang 2 tấc 2 phân trở lên, 2 tấc 4 phân trở xuống, có thể cho chân tù nhân vào, chính giữa có một thanh ngang mà hai đầu rộng hai tấc hoặc cắt thành hai miếng mà hai đầu được khóa lại bằng hai thanh ngang, hoặc dùng một khúc gỗ, khoét một cái lỗ

chính giữa, nặng 8, 9 cân. Cái dùng cho phụ nữ thì nặng chừng 6 đến 7 cân. Loại này còn dùng cho tội nhẹ chưa phải dùng đến gông đi đường và phụ nữ bị giam.

Gông chân loại dài: (cái trăn)

Dùng hai miếng ván, mỗi miếng dày 1 tấc 5 phân trở lên, hai tấc trở xuống, chính giữa khoét lỗ vừa chân tù nhân. Không tính số, phạm kẻ giam chờ tra xét và đã bị buộc tội ăn cắp vặt, các loại tù ấy, ban đêm đưa chân mặt của họ vào cái lỗ, hai đầu đóng nêm thật chắc, không cách gì chạy trốn được.

Roi:

Dùng dây mây nhỏ một khúc dài 2 thước 7 tấc, hay 6 phân trở xuống, 5 phân trở lên về bề tròn. Roi không nên quá nặng. Các viên chỉ huy quân sự và sếp thường dân dùng để trừng phạt kẻ dưới, hay trừng trị cho ai vào chỗ nấy, đều được phép dùng roi cho đến dưới 50 roi. Phụ nữ phạm tội bị xử roi, trượng, không được chuộc tội, nếu họ bị xử roi mà họ chịu, nhưng nếu bị xử trượng 60 trượng đến 100 thì người ta có thể đổi trượng ra roi.

Trượng:

Người ta dùng tre dài 2 thước, 8 phân, bề tròn 1 tấc 2 phân trở xuống, hay 1 tấc 1 phân trở lên, không quá nặng, tội nhân bị 60 trượng trở lên thì dùng nó.

2 - Biểu đồ tổng tang phục

1- Hạng trăm thôi: (3 năm)

Dùng vải hết sức thô xấu may áo, không may lai dưới.

2- Tề thời: 5 tháng/có chống gậy/không chống gậy/3 tháng/
Dùng vải gai hơi thô may áo, có may lai dưới.

3- Đại công: 9 tháng/may áo bằng vải trắng thô.

4- Tiểu công: 5 tháng/may áo bằng vải trắng hơi thô.

5- Tì ma: 3 tháng/may áo bằng vải trắng hơi mịn.

Lí thị giải thích rằng: Trên đầu luật mà ghi chép về tang phục là coi tang chế nặng nhẹ để lấy nó làm thước đo “tội nặng hay nhẹ”.

Có 5 bậc tang phục, đầu tiên phân biệt 5 bậc ấy về thân sơ của 5 thế hệ khác nhau mà chế định số tang năm hay tháng. Mặc dù dựa trên ân dày mỏng mà trở nên khinh trọng, nhưng đều đặt trên nền tảng thiên đạo cả. Sách *Tiểu kí* nói: “Khi tang chế kéo dài hai lần đến ngày sinh nhật thì gọi là 3 năm, khi tang kéo dài cho đến ngày sinh nhật thì gọi là hai năm, tang 9 tháng kéo dài 3 mùa, tang 5 tháng kéo dài hai mùa, tang 3 tháng: 1 mùa”.

Lễ tiết đó xuất phát từ lòng người một cách tự nhiên, không thể tự mình chấm dứt được. Tang có 4 bậc gọi là *chính phục*, *nghĩa phục*, *gia phục*, *giáng phục*.

Chính phục: là người ta mặc tang phục vì tình cảm tự nhiên, như con vì cha mẹ mà mặc áo tang loại trầm.

Nghĩa phục: là dù khác nơi sinh đẻ nhưng vì bốn phận giống nhau nên vì nghĩa mà mặc áo tang, như con dâu để tang cha mẹ chồng.

Gia phục: vốn không phải mặc, nhưng vì lễ bắt buộc người ta mặc áo loại áo tang nhẹ, như cháu để tang ông bà nội.

Giáng phục: dù tình cảm không phải ít, phận mình trong gia đình tuy kém nhưng đối với tang là quan trọng, người ta mặc áo tang bọc thấp, chẳng hạn áo tang nhẹ mà con gái đã xuất giá mặc đối với cha mẹ qua đời.

Áo trăm thôi, 3 năm:

Phàm áo tang, trên gọi là *Thôi*, dưới gọi là *Thường*. Chữ *thôi* mà đọc là *tôi* có nghĩa là nghiêng xuống, hạ thấp xuống. Chữ *TRĂM*, nghĩa là không may lai đường viên. Áo này may bằng vải gai hết sức thô xấu, bên cạnh, dưới đều không may lai, trên của áo thì có miếng vá lộn trái ra ngoài, gọi là *PHỤ BẢNG* để biểu thị rằng mình đang gánh nỗi đau xót nặng nề, trọng nhớ thương. Lấy miếng vải vuông 7 tấc may cặp vào chỗ phía sau cổ, buông thông xuống.

Phía trước, nơi chỗ trái tim, có một miếng gọi là *thôi* để chứng tỏ người con có hiếu có lòng *ai thôi* (oằn dưới nỗi xót thương) dùng miếng vải dài 6 phân, rộng 4 phân may chắp vào cổ trái phía trước cái áo. Bên trái bên phải cái áo có cổ bên trong, dưới hai nách, có hai miếng thả tròn ten như hình đuôi chim én, để che vạt áo phía dưới gọi là *thường*.

Trước phần *THƯỜNG* này có 3 lần xếp, sau có 4 lần xếp, áo ở bên trong mà lần xếp vải thì ở ngoài. Lần xếp trước không dính theo lần xếp sau, những lần xếp này làm thành 3 lần xếp như tổ ong, chữ tổ ong có nghĩa là hai bên may dính mà chính giữa thì rỗng. Mũ đội thì bằng giấy bồi khá dài cho chấm tới gáy, nó có 3 hình tổ ong nhỏ, đều quay hướng về phía phải làm thành 3 lần xếp. Người ta dùng một sợi dây từ trán buộc ngược ra tới sau cổ rồi cột

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

tréo đưa nó về phía trước, mỗi cạnh cho đến lỗ tai kết thúc ở đó, hai cái dây còn dư thông xuống làm thành dây cương cột lại dưới cằm. Dây thắt lưng dùng sợi dây cho hai đầu dính nhau, xoắn tréo nhau, còn chất gai, buông thông xuống hai bên sau khi cột thắt, có thêm sợi dây nhỏ buộc vào.

Giày mang dưới chân bên bằng gỗ rơm. Đối với việc chống gậy mà khóc, đối với tang cha, người ta dùng khúc trúc với những cái mắt bên ngoài của nó như một tượng trưng; cha là trời đối với con, trúc tròn giống như trời, trúc không thay đổi suốt 4 mùa trong năm, nổi buồn thương của con khóc cha giống như qua mùa nóng lạnh cũng không thay đổi. Đối với tang mẹ thì gậy làm bằng gỗ đồng. Chữ *đồng* là tên cây cũng có nghĩa *đồng tâm*, chung nhau, nghĩa là trái tim của con đặt vào người mẹ cùng ngang hàng với cha. Ngoài cây không có mắt, các mắt đều ở bên trong, tượng trưng cho sự giữ gìn. Phần nửa trên của gậy vót tròn theo dạng vòng tròn, phần dưới của gậy đẽo thành hình vuông, theo hình của đất. Gỗ dù trúc hay cây không khác nhau đều lấy phần gốc, chống xuống. Chiều dài của cây gậy phải ngang tới trái tim. Người con hiếu khóc thương không thể kể xiết, thân thể gầy bệnh, gậy giúp cho người bệnh, bệnh phát ra từ tim, cho cây gậy phải dài và chấm dứt tới ngang chỗ tim ấy.

Tề thời, thời kì chống gậy

Tề thời, thời kì không chống gậy

Tề thời tang 5 tháng

Tề thời tang 3 tháng

Tê thôi là lấy vải gai thô may áo có viền lai hai bên, và dưới, thì giống như áo trăm thôi. Mũ làm bằng vải có hai dây buộc như dây cương. Gậy làm bằng gỗ ngô đồng, nhưng không dùng, nếu không phải loại tang chống gậy. Giày mang thì bện bằng cỏ gai thô sơ. Theo lễ xưa thì tang mẹ 3 năm bận tang phục, nhưng đồ mặc bên trong gọi là *thôi* không viền, vì không dám đặt mẹ ngang hàng với cha. Tang chế ngày nay thì cha mẹ bằng nhau nên đủ cả *trăm*, lẫn *thôi*, trong suốt năm để tang. Nhưng không phải chỉ mặc áo *tê* trong thời kì để tang một năm mà còn có *tê thôi* 5 tháng, *tê thôi* 3 tháng. Cao tăng tổ phụ mẫu kế đến là cha, là những người quan trọng khác thường trong thân tộc. Cho nên số tháng mặc đồ tang có giảm bớt, nhưng chế độ mặc đồ tang thì không đổi giảm là vì không dám mặc tang phục người bậc thấp đối với tang tôn kính bề trên.

Đại công, 9 tháng:

Đại công là dùng vải thô to may áo tang mặc áo này 9 tháng để, *đó là thời gian trọn vẹn rồi.*

Tiểu công, 5 tháng:

Tiểu công là lấy vải mịn may kĩ, đó là tang phục bậc thấp dưới bậc đại công, mặc 5 tháng để tang, đó là thời kì ảnh hưởng của dương.

Tì ma, 3 tháng:

Tì ma là vải dệt mịn như xoa, tơ, dùng may áo tang. Ngày xưa chữ *Tì* là thông dụng chỉ vải hết sức mịn như tơ, mặc áo tang này trong 3 tháng hết sức nhẹ, đó là một mùa.

Đản miến:

Đây là sự dư ra trong 5 phục. Miến âm là vắn, loại tang phục này còn nhẹ hơn ti ma một bậc. Qui tắc may là lấy miếng vải rộng một tấc từ giữa so quanh ra phía trước trán, lại quay ra sau, quần lại nơi búi tóc. Nếu cùng chung tổ 5 đời thì chỉ mặc ti ma mà thôi, còn ngoài tang ấy ra thì đều đội trên đầu miếng vải tang ấy. Nếu gặp tang tham dự lễ chôn cất, chỉ mặc đồ trắng, quần đầu bằng miếng vải trắng. Miếng vải trắng quần đầu ấy chưa thành là tang phục.

3 - BIỂU ĐỒ VỀ CHÍNH PHỤC CỦA NGŨ PHỤC ĐỐI VỚI BỐN TÔNG CHÍNH HỌ

1) Phàm cháu nội đích tôn, mà cha đã chết, thì tang ông bà nội là quan trọng, phải để tang *TRẮM THÔI* 3 năm, nếu để tang cho tăng cao tổ phụ mẫu thì cũng mặc đồ tang ấy.

2) Phàm con trai tới cho đời sau của một người, kẻ ấy để tang cho cha mẹ mình thì mặc đồ tang giảm một bậc. Đối với cha mẹ đẻ của nó thì cũng mặc đồ tang giảm một bậc trong thời hạn một năm, không chống gậy, cha mẹ để tang cho nó cũng mặc như thế.

3) Phàm cô, chị cả, em gái và cháu gái ở nhà hay đã lấy chồng, bị xuất (li dị) họ trở về trong gia đình thì mặc đồ tang như con trai. Xuất giá nhưng không chồng, không con, để tang cho anh cả, em trai, chị, em gái cháu gái mặc tang một năm không có chống gậy.

4) Phàm tộc thuộc chung tổ 5 đời, ngoài việc mặc tang ti ma ra, không buộc họ mặc đồ tang. Đối với tang cha mẹ chỉ đội Đản

				ÔNG B của c
			Tăng tổ cô của chồng: không để tang	ÔNG B/ của c
		Đường tổ cô của chồng: không để tang	Đường cô của chồng: xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	ÔNG của ch
		Cô họ của chồng không để tang	Đường cô của chồng: xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	CHA, M Trăm t
Chị, em họ của chồng: không để tang	Chị em bà con xa của chồng: không để tang	Đường chị em của chồng: tì ma	Chị em chồng Tiểu công	Chồng để tang vợ nếu cha mẹ vợ còn sống thì không chồng gây/ Tề thời vợ, gây 1 năm
		Cháu xa của chồng: xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	Đường cháu gái của chồng xuất giá tì ma/ Trong gia đình tiểu công	Vợ và các con: Đại công/ Các con 1 năm
		Vợ dượng cháu gái của chồng xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	Cháu chồng xuất giá đại công/ Trong gia đình 1 năm	Vợ của cháu tì ma
			Cháu tăng của chồng: xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	TĂNG tì
				Nguy tì

ÔNG TỔ tì ma				
IG TỔ tì ma	Ông bà tăng thức bá của chồng không để tang			
NỘI ại công	Ông bà bác, ông chú thím của chồng: tì ma	Ông chú bác họ của chồng: không để tang		
HỒNG 3 năm	Chú thím chồng, bác chồng ại công	Đường chú bác của chồng tì ma	Chú thím họ của chồng không để tang	
Vợ để tang chồng: trăm thôi 3 năm	Anh em chồng và vợ họ: tiểu công	Đường huynh đệ của chồng và vợ họ: tì ma	Anh em xa của chồng và vợ họ không để tang	Anh em bà con của chồng không để tang
Vợ và con cả 1 năm/ Con cả 1 năm	Vợ của cháu chồng ại công/ Cháu gái của chồng: 1 năm	Vợ của đường cháu gái của chồng tì ma/ Đường cháu gái của chồng tiểu công	Cháu gái xa của chồng: tì ma	
Cháu ại công	Vợ của cháu trai của chồng: tì ma/ cháu của cháu chồng tiểu công	Đường cháu gái của cháu gái của chồng tì ma		
TÔN t	Vợ tăng tôn của chồng tì ma			
tôn				

miền, nếu tham dự lễ chôn cất thì chỉ mặc đồ trắng và quần trên đầu một miếng vải.

(xem *Biểu đồ* nơi các trang 246-247)

Tập chú: Vợ để tang thân tộc bên chồng cùng sự để tang của chồng có lúc giống có lúc khác; nếu có sự xâm phạm lãnh vực của nhau thì coi như giống của chồng, không căn cứ vào phục chế, không căn cứ vào phục chế thì không giống với chồng, hoặc không căn cứ vào phục chế cũng không coi là giống chồng thì tự chiếu theo các điều trong luật.

Tập chú: Vợ để tang cho cô, chị, em chồng đều là mặc tiểu công, để tang cho chị em cùng ông nội với chồng, của chồng thì mặc ti ma, không kể là còn ở nhà hay đã xuất giá. Thật sự tang phục mà người vợ mặc đã giảm nhiều bậc so với của chồng, nên không được giảm nữa.

Tập chú: Về sau, trong qui tắc áo tang, trường hợp mặc tề thôi, có chồng gầy một năm, tang phục ấy là của con để tang cho mẹ đã lấy chồng hay mẹ bị cha đuổi. Không được nói rằng vợ của con trai giống như thế thì không có tang phục kiểu nào hết. Hoặc có người nói rằng mẹ cãi giá hay li dị với chồng trước khi chồng lấy vợ khác thì không để tang, hoặc sau khi chồng lấy vợ khác thì người vợ này mặc tang phục giống như chồng.

Tập chú: Theo biểu đồ để tang bốn tông, cho cháu gái cùng ông nội, cho cháu gái tăng tông chúng còn ở nhà thì mặc ti ma, nếu chúng xuất giá thì không để tang. Trong biểu đồ này, vợ để tang cho cháu cùng ông nội với chồng, cháu tăng tông của chồng

đều mặc ti ma trong trường hợp chúng còn ở nhà, trong lời chú chỉ đặc biệt chỉ khi chúng xuất giá thì người vợ không mặc kiểu áo tang nào cả.

Giải thích thêm cho đủ:

Người chồng theo hầu đời sau của một người thì người vợ mặc tang phục như chồng, anh này mặc tang phục theo chỗ thân thuộc về sau, thì theo biểu đồ là đồ tang giảm bậc đối với bốn tông. Trừ cha mẹ chồng ra có điều nói riêng, còn những người khác thì theo sự giảm bậc của chồng mà giảm theo. Lại theo tang phục tể thời một năm, không có chồng gậy dưới hạng đó, có một điều nói về kế mẫu để tang cho con trai dòng lớn và các con. Do đó loại suy thì, theo biểu đồ đối với con cháu không kể là xuất giá hay chưa, chế phục đều như nhau, con, cháu, của vợ cũng như vậy.

3 - BIỂU ĐỒ VỀ VỢ LÊ, THIẾP ĐỂ TANG CHO THÂN TỘC CỦA GIA TRƯỞNG

Các cháu dòng chính và hết thầy cháu đối với bà của dòng nhánh đều mặc tang phục tiểu công, 5 tháng.

(Coi *Biểu đồ* nơi các trang 252, 253).

Tập chú: Thê là ngang bằng; nghĩa là cùng chồng một thể, còn thiếp là bên cạnh nghĩa là người được hầu bên. Thê gọi chồng là chồng, còn thiếp gọi chồng là Gia trưởng, sự khác nhau rõ rệt. Vợ để tang cha mẹ chồng cũng giống như chồng, còn thiếp thì giảm một bậc, có một năm. Đó không phải quan hệ thân tộc thừa thót mà là vì phận kém hơn. Nếu thiếp cùng gia trưởng xâm phạm

nhau thì giống như thế. Cho nên danh phận trong gia đình nghiêm minh. Có sự khác biệt với thê là để nêu rõ phận kém hơn mà có khoan dung.

Trong biểu đồ nói con trai mà không có con gái. Con trai không để tang cha của người thiếp, trong khi cha của người thiếp phải để tang con trai một năm, nghĩa là giống như cha mẹ chúng để tang cho chúng, vì phụ nữ theo đạo tam tông mà con là một trong đó. Cha của người thiếp, thật đó bị chuyên chế bởi con của người gia trưởng. Người thiếp để tang con của gia trưởng một năm là vì nghĩa, không phải chia biệt thân sơ gì mà là nghĩa trọng. Còn con gái của gia trưởng thật khó nói là đồng như thế được, dường như người thiếp không phải để tang con gái gia trưởng. Đối với con riêng của mình, người thiếp để tang một năm. Đối với cha mẹ ruột mình, người thiếp có bốn phận như đối với con mình, bà phải để tang một năm là nghĩa vậy. Đối với con gái mình sinh ra, người thiếp cũng phải để tang một năm. Nếu chúng xuất giá thì giảm một bậc.

4 - BIỂU ĐỒ GIANG PHỤC

- Con gái đã lấy chồng để tang cho bốn tông.

(Xem *Biểu đồ* nơi các trang 252, 253)

Tập chú: Theo biểu đồ, tang phục của vợ đối với thân tộc bên chồng, đối với cô của chồng, chị em chồng đều mặc tiểu công. Đối với chị em cùng ông nội của chồng mặc ti ma. Đối với con gái đã xuất giá, đối với vợ các cháu trong bốn tộc, đối với vợ của anh em đều mặc đồ tiểu công. Đối với vợ của anh em cùng ông nội thì mặc ti

ma. Nay trong biểu đồ không nói thì không có mặc tang phục nào hết.

Giải thích thêm cho đủ:

Cháu để tang cho bà cô đã xuất giá thì mặc ti ma. Vợ đối với tang của cháu gái, đường cháu gái, đường chị em của chồng đã xuất giá thì mặc ti ma. Vợ đối với tang của chị, em ruột hay cô ruột của chồng thì không kể tại gia hay xuất giá đều mặc tiểu công, thì con gái xuất giá đối với tang cháu trong bốn tông. Đối với Ông bà của chú bác, đối với mẹ của đường thúc bá, đối với vợ của đường anh em, đối với vợ của anh em ruột, đối với vợ của con của anh em ruột đều có mặc đồ tang, nhưng con gái đã xuất giá đối với tang của ông bà của chú bác, mẹ của đường chú bác có hai hạng, theo chế độ tang phục thì mặc ti ma. Ngoài ra, theo đó mà loại suy. Con gái xuất giá, đối với tang của anh cả và em trai theo hậu duệ của cha, vẫn mặc tang phục một năm, không giảm đồ, gọi là đại công. Đó là qui tắc tổng loại của chế phụ. Con gái xuất giá, để tang trong bốn tông mà giảm bậc thì bốn tông đối với tang con gái xuất giá cũng mặc loại tang phục giảm bậc thấy rải rác trong các biểu đồ. Nhưng cha mẹ, ông bà để tang cho con gái xuất giá hay cháu gái mà giảm bậc thì lời chú không nói rõ. Theo tang chế đại công hạng dưới có điều nói cha mẹ vì con xuất giá là từ hạng kì một năm để tang cho đến giảm bậc công. Ngoài ra, những trường hợp tương tự loại suy mà biết.

5 - BIỂU ĐỒ ĐỂ TANG BÊN NGOẠI

(Xem *Biểu đồ* nơi hai trang 252, 253)

					C Tế th
			Cô của tăng tổ xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma		T/ Tế thời, ki
		Tăng tổ cô xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	Tổ cô xuất giá tì ma/ Trong gia đình tiểu công		ÔN Tế thời, ki
	Tộc cô xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	Đường cô (cùng ông nội) xuất giá tì ma/ Trong gia đình tiểu công	Cô xuất giá đại công/ Trong gia đình 1 năm		C/ Trảm
Chị, em gái họ xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	Chị, em gái xa xuất giá tì ma/ Trong gia đình tiểu công	Chị em gái cùng nội xuất giá tiểu công/ Trong gia đình đại công	Chị, em gái xuất giá đại công/ Trong gia đình 1 năm		CHỈ
	Cháu xa xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	Cháu rể xuất giá tì ma/Trong gia đình tiểu công	Cháu gái xuất giá đại công/ Trong gia đình 1 năm		Vợ các con đại công/ Các con 1 năm
		Cháu gái rể xuất giá không để tang/ Trong gia đình tì ma	Cháu gái nhỏ xuất giá tì ma/ Trong gia đình tiểu công		Vợ của cháu tra nhỏ tì ma/ Các cháu nhỏ đại công
			Cháu gái tăng tôn xuất giá không để tang/ Trong gia đình: tì ma		Vợ của cháu tăng không để tang
					Vợ của cháu Nguyên không để tang

Ổ hàng				
Ổ chống gậy	Chú bác của ông bà nội, tì ma			
NỘI chống gậy	Bác, chú thím tiểu công	Chú thím liên hệ: tì ma		
1Ệ 3 năm	Chú thím 1 năm	Chú thím 3 tiểu công	Chú bà con thím tìma	
LÌNH	Anh chị, em tiểu công/ anh em 1 năm	Vợ chồng anh em ruột tìma/ Anh em kế đại công	Vợ anh cả 2, em xa xa không để tang/ Anh em tiểu công	Vợ anh cả, em bà con không để tang/ Anh cả em bà con tìma
Dâu trưởng 1 năm / Con cả 1 năm	Vợ của cháu đại công / Cháu 1 năm	Vợ của cháu kế tìma/ Cháu kế tiểu công	Vợ của xa cháu không để tang/ Cháu xa tìma	
Vợ của cháu ruột 1 đại công/ Cháu ruột năm	Vợ của cháu nhỏ tìma/ Cháu nhỏ Tiểu công	Vợ cháu nhỏ kế không để tang/ Cháu nhỏ kế tìma		
Cháu tăng: tìma	Vợ của cháu tăng không để tang/ Cháu tăng tìma			
Cháu nguyên: tìma				

Tập chú: Để tang ông bà ngoại chỉ mặc Tiểu công, nhưng trong luật thì coi cha mẹ và tôn trưởng là giống nhau để tang một năm, đó là xét thấy ân nghĩa nặng, đó là cha mẹ của mẹ. Nhưng đối với cha của mẹ ruột, mẹ kế thì cũng mặc tiểu công. Đó là bốn phận tang phục chứ thật ra, về án hoai thì khác nhau. Nếu có xâm phạm lẫn nhau thì không được đồng hóa cha mẹ với tôn trưởng là để tang một năm, đối với từ mẫu, 'đương mẫu cũng vậy. Đối với tang của vợ, của anh em, của mẹ và đối với chồng của chị, em gái của mẹ đều không để tang, nếu có sự sai phạm thì đó coi như đối với người thường.

Nếu ai phạm tội đối với cháu ngoại, chứ không phải cháu ngoại gây ra hay lăng ngược đối với cháu trai của chị đến nỗi khiến nó chết thì tạm thời uyển chuyển xét sự việc quanh co ẩn khúc thế nào mà bắt tội, chứ không căn cứ trong giới hạn của chế phục.

Giải thích thêm cho đủ:

Chiếu theo điều nói về hôn nhân giữa hàng tôn và ti bên ngoại thì ai cưới cô cậu, kết hôn với chị em của mẹ, lời chú nói một câu là chỉ mặc tang phục ti ma mà thôi. Có thể thấy trong biểu đồ này, vốn nói chung cả nam lẫn nữ. Hai chữ *Chính mình đã gồm nam lẫn nữ trong đó* và các chữ *CON CHÁU*, không chữ nào là không gồm nam nữ, chỉ nữ xuất giá mới được giảm bậc tang phục. Về phục chế bên mẹ phải coi thêm phục chế về ông bà ngoại mà lời chú nói và tiếp theo có ghi điều về ai đánh cha mẹ bậc cao hàng tôn trưởng đại công trở xuống trong điều lệ bằng văn.

Sáu hạng

Tang phục Tiểu công giống nhau đối với tang cha mẹ đẻ và cha mẹ mà người mẹ theo hầu đời sau là 5 tháng.

1) Trong tang cha mẹ, các con phải để tang mẹ ruột.

2) Các con mà mẹ ruột đã li dị, phải để tang cha mẹ của kế mẫu.

3) Các con dòng nhánh mà mẹ dòng chính còn sống, trong tang cha mẹ, phải để tang mẹ của bà đích mẫu (mẹ dòng chính).

4) Các con dòng chánh, trong tang của cha mẹ, phải để tang cho cha mẹ bà kế mẫu.

5) Các con dòng nhánh, trong tang cha mẹ, phải để tang cho ông bà ngoại khi không có kế phụ.

6) Các con theo hầu chủ đời sau, trong tang cha mẹ, phải để tang cho cha mẹ chủ đời sau.

Sáu hạng vừa nói trên, nếu xâm phạm lẫn nhau, thì chiếu theo luật về quan hệ ti ấu và tôn trưởng, coi như họ xâm phạm đối với hàng tôn thuộc và cha mẹ ruột. Nếu phạm tội giết chết, mưu giết, cố giết thì đều bị xử tử ngay. Nếu gây thương tích hay đánh bị thương thì mỗi tội đều chiếu theo phục chế rành mạch mà xử tội. Ngoài ra, để tang cho cha mẹ bà kế mẫu, và những hạng khác, thì cũng đều chiếu theo lệ tang của cha mẹ của mẹ người đời sau mà mình theo hầu mà xử lí. Còn như về cha mẹ của cha mẹ đẻ thì coi là huyết tộc truyền đời, ân nghĩa thật nặng. Con có phạm tội thì vẫn chiếu theo luật đặc biệt đánh và giết chết ông bà cha mẹ mà xử chém. Còn như mưu hay cố sát thì xử chém bêu đầu. Đối với

người theo hầu chủ sau, trong tang cha mẹ, để tang cho cha mẹ của mẹ đẻ mình thì giảm tiểu công một bậc, nhưng ân của mẹ người mà mình theo hầu so ra thì rất nặng, cho nên những người phạm tội đối với ông bà nên người ta còn giảm tội, cho nên mặc đồ tang tiểu công. Đối với các hạng khác như cháu trai của chị các hạng, thì vẫn chiếu theo hạng trước mà xử giảm tùy theo sự liên hệ của người ấy và cha mẹ họ ngoại, tôn ti mà kết tội.

6 - BIỂU ĐỒ VỀ TANG PHỤC ĐỐI VỚI CHA MẸ VỢ

(Xem Biểu đồ nơi các trang 252, 253)

Tập chú: Cha mẹ bên ngoại đều là gia đình của mẹ, gia đình của vợ, chẳng phải là cha mẹ ngoài. Trong luật nói xâm phạm lẫn nhau giữa cha mẹ của vợ nên mặc tang tì ma. Hai điều trong luật liên can đến vấn đề này là tôn thuộc và chúng che dấu lỗi cho nhau, và can danh phạm nghĩa, thì lại đồng hóa với cha mẹ, mặc tang phục một năm.

Giải thích thêm cho đủ:

Trong biểu đồ về tang phục đối với cha mẹ bên ngoại đều chép rõ. Hai chữ **KHÔNG (để) TANG** khiến người ta cho rằng không để tang thân thuộc bên ngoại, điều này khác với người thường. Đó là luật đã thiết lập. Trong biểu đồ có ghi lên như con của chị, em, vợ trong khi đó chồng của chị em của mẹ thì lại không ghi. Tại sao cháu của mẹ không coi là ngoại hôn thân thuộc, như chồng của chị, em của mẹ? Con của chị, em của vợ được ghi vào biểu đồ là vì nghĩa. Điều ấy có thể biết lẫn nhau. Riêng chồng của chị, em của mẹ [cũng là ngoại hôn] có lẽ không để tang thân thuộc [có thể biết].

Dưới dạng phục chế ti ma tiểu công 5 tháng, có con trai con gái của chị em tại nhà, một điều liên can đến biểu đồ mà đã quên ghi. (Đây là góp sắp thêm vào). Trong biểu đồ, con của con gái có một hạng tang phục, tổng loại mà nói thì nam nữ đồng nhau (góp sắc thêm vào).

7- BIỂU ĐỒ VỀ TANG PHỤC CHO BA CHA TÁM MẸ

(Xem *Biểu đồ* nơi các trang 252, 253)

Tập chú: Từ nhỏ đã theo mẹ ở chung với nhà kế phụ thì có ơn nuôi dưỡng giáo dục, cả hai đều không có cha mẹ thì mặc tang Đại công, cả hai đều có cha mẹ thì tang phục khác nhau. Trong biểu đồ, lời chú giải thích kế phụ có con cháu hay không cậu nhỏ này có thúc bá huynh đệ hay không, đều để tang một năm, nếu không có cha mẹ thì để tang Đại công, vì Đại công là tang phục nhẹ, nhưng áp dụng thì nghiêm minh.

Lễ thì trọng bốn công, lúc cậu nhỏ không có cha mẹ thì mặc tang phục Đại công, xấu hổ là nó thấy bị bỏ rơi, không còn cha mẹ. Nếu kế phụ cũng không có cha mẹ thì mặc tang phục Đại công để tang một năm và cậu bé được người nhận nuôi dưỡng cũng không được làm rối loạn cái nguồn gốc mà đưa bé sinh ra, ơn kế phụ nuôi dưỡng cũng không thể quên. Cho nên đưa bé này phải để tang kế phụ một năm để báo cái ơn kia. Nếu cả hai (kế phụ và thằng bé) đều có cha mẹ thì tang một năm mặc Đại công. Như vậy kế phụ có cha mẹ để mặc đồ tang, ân riêng thì nhẹ mà ân cha mẹ gốc thì nặng, cho nên chỉ mặc Tề thôi 3 tháng.

Trường hợp từ đầu, đưa bé ở chung nhà với kế phụ, sau lại

không còn ở chung nữa, để tang dù 3 tháng nhưng không mặc Ti ma mà là mặc Tê thôi, có nghĩa là kẻ phụ được đối bực bằng cao tổ gốc của thằng bé, danh dự đối với nó càng lớn. Nếu từ đầu, thằng bé cho đến giờ vẫn không ở chung nhà với kẻ phụ, đối với nó không ân, không nghĩa thì tại sao bắt nó phải mặc tang phục?

Đối với kẻ mẫu, tang phục căn bản là Trảm thôi, 3 năm. Nếu mẹ cái giá thì hết nghĩa đối với cha thì bà ta không được để tang. Trong khi đó, trẻ mồ côi không nơi nương tựa để được nuôi dưỡng, thì bà là mẹ chính, cho nên đưa trẻ mặc tang phục Tê thôi để tang bà một năm với gậy, giống như để tang cha với mẹ cái giá nhưng điều này chỉ áp dụng đối với kẻ mẫu thôi. Nhưng đối với kẻ phụ thì phải phân rõ, cả hai kẻ phụ và thằng bé có hay không có cha mẹ để mặc tang phục. Đại công và trường hợp đưa bé trước đây ở chung nhà với kẻ phụ nhưng nay thì không. Điều này để dẫn đến tang phục nào phải mặc. Có chia rõ mẹ đẻ và vợ kế của cha, nhưng kẻ phụ thì không.

Tập chú: Ngoài mẹ đẻ đưa bé, nó còn tới 8 bà mẹ nữa. Đối với mẹ dòng chính, bà này giữ vai trò quan trọng cho vị trí nó trong gia đình. Đối với kẻ mẫu, cái quan trọng đối với nó là bốn phận, bà ta là vợ của cha, tức là mẹ của các con, bà được đồng hóa với mẹ đẻ của đứa bé.

Từ mẫu, dưỡng mẫu ơn hết sức nặng, cho nên để tang cũng như dưỡng mẫu. Từ bé nó là con nuôi của người ta hay nó được ẵm về nuôi, đôi khi trẻ bị bỏ rơi, chưa đầy 3 tuổi, đó là sự sai lầm. Khi ai đó, nhặt và nuôi lớn trẻ bị bỏ rơi từ nhỏ thì trẻ ấy là khác giống

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

họ. Theo lễ, không có trẻ khác họ phải để tang 3 năm. Nhưng tại sao chỉ nói đến mẹ mà không nói đến cha? Đối với trẻ nhặt nuôi, dạy thì ơn đó không khác đối với con đẻ nuôi cùng một cha mẹ, cho nên tang phục là tự nhiên như nhau, điều ấy không cần thiết phải bàn. Chế phục không thể chống lại qui tắc của Lễ.

Đối với mẹ tái giá tuy nghĩa đã chấm dứt đối với cha, đối với mẹ li dị, tuy nghĩa đối với cha đã chấm dứt, nhưng bốn phận của con đối với mẹ (bà ta) không thể chấm dứt được, cho nên đối với cả hai, con phải để tang một năm, có gậy.

Đối với thứ mẫu, bà là mẹ của anh em trai, nên con có bốn phận phải để tang bà. Như mẫu còn là thiếp của cha, bà cho trẻ bú mớm, chỉ vì mẹ đẻ đã chết mà cha ra lệnh cho bà phải nuôi dưỡng, bà không cùng bậc với từ mẫu, cho nên tang như mẫu chỉ mặc Tì ma, không đơn giản là trả ơn cho bú mớm.

Tập chú: Tang phục đối với 3 ông cha, 8 bà mẹ, người vợ phải luôn luôn theo qui tắc của chồng, trong qui tắc chế phục, còn có tang đối với đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu, dưỡng mẫu, thứ mẫu thì có nói rằng để tang các mẹ trên như tang phục đối với vợ của các con. Còn những trường hợp khác thì không có chép ra, há vợ của các con không để tang cho ai ư? - chờ khảo lại.

Tập chú: Thứ mẫu tuy được để tang một năm, nhưng trong luật chỉ nói là thiếp của cha không ở chung trong hàng để tang một năm như cha mẹ, tôn trưởng. Đứa trẻ ở chung một nhà với kế phụ, tuy có để tang một năm nhưng nó cũng khác với tang một năm của cha mẹ.

8- QUI TẮC VỀ TANG PHỤC

1- Trảm thôi, 3 năm:

- Con trai đối với cha mẹ, con gái còn ở nhà và đã hứa gả, đã gả nhưng bị đuổi trở về lại nhà như vợ của con trai.

- Con trai đối với kế mẫu, từ mẫu, dưỡng mẫu, và vợ con trai, giống nhau (kế mẫu là vợ sau của cha, từ mẫu là mẹ chết cha giao cho thiếp khác nuôi mình, dưỡng mẫu là từ nhỏ là con nuôi của người khác).

- Con dòng nhánh đối với mẹ đẻ và mẹ dòng chính thì giống như vợ của con trai dòng nhánh, giống nhau.

- Người theo hầu đời sau của một người, đối với cha mẹ người ấy, nó trở thành là dòng dõi, vợ y cũng thế.

- Cháu dòng chính đối với ông bà nội cũng như đối với ông bà tăng Cao tổ, khi cháu này thừa trọng, vợ nó cũng thế.

- Vợ đối với chồng, thiếp đối với gia trưởng, đồng.

2- Tề thôi, có gậy, 1 năm

- Con dòng chính, và con dòng nhánh đối với thứ mẫu, vợ của con dòng chính, dòng nhánh đồng (thứ mẫu là thiếp của cha, bà có nhiều con trai con gái, thiếp của cha không có con trai, con gái thì bắt đặc dĩ gọi là mẹ vậy).

- Con đối với mẹ cải giá (cha chết mẹ đẻ cải giá).

- Con đối với mẹ bị đuổi (mẹ đẻ bị cha đuổi).

- Chồng đối với vợ (cha mẹ còn sống thì không chống gậy).

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

3- Tề thôi, không có gậy, 1 năm

- Ông đối với cháu dòng chính.
- Cha mẹ đối với con lớn dòng chính, cũng như đối với vợ của con trưởng dòng chính, đối với con gái trong nhà, đối với con trai theo hầu đời sau của một người
- Kế mẫu đối với trưởng tử và các con
- Con trai của chồng trước theo kế mẫu cải giá, đối với kế mẫu cải giá
- Cháu đối với chú bác, cũng như cô, chị em của cha còn trong nhà
- Chính mình đối với anh em ruột, con của anh em ruột, con gái còn trong nhà
- Cháu trai đối với ông bà nội, cháu gái tại nhà hay đồng xuất giá
- Người theo hầu đời sau của một người đối với cha mẹ đẻ
- Con gái xuất giá đối với cha mẹ
- Con gái còn trong nhà, như con gái đã hứa hôn, không chồng lẫn không con, đối với anh em, chị em, cũng như đối với cháu trai, cháu gái còn trong gia đình
- Con gái hứa hôn với người, đối với anh em mà những người này đã theo hầu cha của người đời sau
- Đàn bà đối với con của anh em chồng và đối với con gái những người ấy còn trong nhà
- Thiếp đối với vợ chính của gia trưởng

- Thiếp đối với cha mẹ của gia trưởng
- Thiếp đối với con trưởng và các con của gia trưởng, cũng như đối với con mình đẻ
- Cùng ở chung nhà với kế phụ mà ông ta và mình cả hai đều không có cha mẹ thì mặc đồ tang Đại công hay y phục nghiêm hơn.

4- Tề thôi, 5 tháng:

- Cháu tăng tôn đối với ông bà tăng tổ, tăng tôn gái cũng vậy.

5- Tề thôi, 3 tháng:

- Cháu nguyên tôn đối với ông bà cao tổ, nguyên tôn gái cũng vậy.
- Cùng ở chung nhà với kế phụ mà ông ta và mình, cả hai đều có cha mẹ thì đối với tang thì mặc Đại công hay y phục nghiêm hơn.
- Cùng ở chung nhà với kế phụ nhưng nay thì không ở nữa thì cũng vậy (nếu từ trước không ở chung thì không để tang).

6- Đại công, 9 tháng:

- Ông đối với cháu trai, cháu gái còn ở trong nhà
- Bà đối với cháu dòng chính và đối với các cháu
- Cha mẹ đối các cháu và đối với con gái xuất giá
- Bác, chú thím đối với vợ của cháu, cũng như đối với cháu gái đã xuất giá (vợ của cháu là vợ của những anh em trai, cháu gái là con gái của anh em).
- Vợ đối với ông bà nội chồng
- Vợ đối với chú bác chồng

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Người theo hầu đời sau của một người, đối với anh em, cũng như đối với cô chị em còn trong nhà hầu người đời sau thì đối với tang cha mẹ dẽ đều giảm một bậc

- Vợ mà chồng theo hầu đời sau của một người khác, đối với cha mẹ dẽ của mình

- Chính mình đối với đường huynh đệ, chị em còn trong nhà (tức con trai con gái của chú bác)

- Chính mình đối với cô cũng như đối với chị, em gái đã xuất giá (cô là chị hay em của cha, chị, em gái ấy là ruột thịt của mình).

- Chính mình đối với con trai của anh em, khi những con trai này theo hầu đời sau của một người

- Con gái xuất giá đối với chú bác bốn tông

- Con gái xuất giá đối với anh em bốn tông cũng như đối với bà con của những anh em đó.

- Con gái xuất giá đối với cô chị em bốn tông, cũng như đối với con gái của những anh em còn trong gia đình.

7- Tiểu công, 5 tháng:

- Chính mình đối với ông bà của chú bác (anh em ruột) của ông bà

- Chính mình đối với đường chú bác (đường huynh đệ của cha)

- Chính mình đối với anh em họ xa cũng như đối với chị em gái họ xa còn trong nhà

- Chính mình đối với đồng đường chị mẹ gái xuất giá

- Chính mình đối với con của đồng đường anh em cũng như đối với con gái họ còn trong nhà

- Chính mình đối với bà cô còn ở trong nhà (tức chị em ruột của ông nội)

- Chính mình đối với đường cô còn trong nhà (tức chị em đồng đường của cha)

- Chính mình đối với vợ của anh em.

- Ông đối với vợ các cháu dòng chính.

- Chính mình đối với cháu của anh em và cháu gái của họ còn ở trong nhà.

- Chính mình đối với ông bà ngoại (tức cha mẹ của mẹ)

(Đối với cha mẹ đường kế mẫu, khi bà ta còn ở trong gia đình, những trẻ con dòng nhánh, đang sống với mẹ dòng chính, đối với cha mẹ của mẹ dòng chính, các con dòng nhánh đối với cha mẹ của đường kế mẫu khi bà còn ở trong gia đình, những con của dòng nhánh. Chúng không được tiếp nối là hậu duệ của cha chúng. Đối với cha mẹ đẻ, những người chúng nối dõi khác cha chúng, đối với cha mẹ mà chúng nối dõi. Năm hạng người kể trên mặc tang phục như nhau đối với cha mẹ đẻ. Ông bà ngoại chúng được danh dự mặc cùng tang phục. Qui tắc tang phục của anh em, chị em của mẹ và những người báo phụ cũng đồng với tang phục của mẹ chúng. Cô cậu, hai di, anh em, chị em cũng đồng. Người theo hầu nối dõi người khác là cha nó, đối với tang phục cha mẹ đẻ thì mặc tang giảm bậc. Những con trai dòng nhánh, nó không

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

được tiếp nối hậu duệ của cha chúng, tang phục đối với cha mẹ đẻ cũng mặc tang phục như nhau. Nếu mẹ mình xuất thân từ nhà hèn kém, nô lệ bị mua làm thiếp, hay nếu cha mẹ đẻ chúng thuộc vào giai cấp thành thị thì không ở trong lệ này).

- Chính mình đối với anh chị em của mẹ (anh kêu bằng cậu, chị kêu bằng dì, về nghĩa phục có chép rõ trong điều về ông bà ngoại).

- Chính mình đối với con của chị em gái nghĩa là đối với cháu ngoại và cũng như đối với con gái của những người ấy còn trong gia đình (nghĩa phục có chép rõ trong điều về ông bà ngoại)

- Những cháu dòng chính và tất cả các cháu đối với ông bà dòng nhánh (những con gái còn trong gia đình như nhau)

- Thiếp sinh con trai, con gái đối với ông bà nội gia trưởng

- Vợ đối với cháu của anh em của chồng (là những diệt tôn) cũng như đối với cháu gái của anh em chồng, khi chúng còn ở trong gia đình (tức cháu gái)

- Vợ đối với cô chồng, cũng như đối với chị em chồng (ở gia đình, xuất giá, như nhau)

- Vợ đối với anh em chồng cũng như đối với vợ của anh em chồng

- Đối với con đồng đường huynh đệ của chồng, cũng như đối với con gái của họ khi chúng còn ở gia đình

- Con gái xuất giá đối với đường huynh đệ của bốn tông, cũng như đối với đường chị em khi họ còn ở trong gia đình. Người theo hầu đòi sau của một người là cha đối với cô và chị em xuất giá

8- Tì ma, 3 tháng:

- Ông đối với vợ của các cháu
- Ông bà tăng tổ đối với tăng tôn, nguyên tôn, tăng tôn nữ, nguyên tôn nữ như nhau
- Bà đối với vợ các cháu dòng chính và tất cả các cháu
- Chính mình đối với như mẫu
- Chính mình đối với ông bà hàng tăng thúc bá (nghĩa là anh em của tăng tổ cũng như đối với vợ của mỗi anh em tăng tổ)
- Chính mình đối với anh em trong tộc và đối với chị em trong tộc khi họ còn ở trong gia đình (nghĩa là đối với anh chị em đời thứ ba cùng cao tổ)
- Chính mình đối với tăng tổ cô còn trong gia đình (nghĩa là chị em của tăng tổ)
- Chính mình đối với cô trong tộc còn trong gia đình (tức đồng đường chị em của Ông)
- Chính mình đối với cô trong tộc còn trong gia đình (tức đối với chị em xa của cha)
- Chính mình đối với ông bà thúc bá trong tộc (tức tổ tông đường huynh đệ và vợ của đồng đường huynh đệ)
- Chính mình đối với tăng tô của anh em và tăng tôn gái của anh em khi chúng còn trong gia đình
- Chính mình đối với cháu gái của anh em xuất giá
- Chính mình đối với cháu của đồng đường huynh đệ và cháu gái của đồng đường huynh đệ khi chúng còn ở trong gia đình

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

- Chính mình đối với con trai của anh em họ xa và đối với con gái của họ còn trong gia đình

- Chính mình đối với tổ cô và đường cô, và đối với chị em họ xa xuất giá (tổ cô là chị em ruột của ông nội, đường cô tức đường chị em của cha)

- Chính mình đối với con gái xuất giá của đồng đường huynh đệ

- Chính mình đối với con cô - tức con của chị em ruột của cha
- (nghĩa phục có ghi rõ trong điều ông bà nội)

- Chính mình đối với con của cậu - tức con của anh em ruột của mẹ - (nghĩa phục có ghi rõ trong điều ông bà nội)

- Chính mình đối với hai dì, anh em - tức con của chị em ruột của mẹ - (nghĩa phục có ghi rõ nơi điều ông bà nội)

- Chính mình đối với cha mẹ vợ.

- Chính mình đối với rể.

- Chính mình đối với cháu ngoại trai gái đồng - tức con của con gái - (nghĩa phục có ghi rõ nơi điều ông bà nội)

- Chính mình đối với vợ của cháu của anh em (tức vợ của cháu)

- Chính mình đối với vợ của cháu đường anh em (tức vợ của đường cháu)

- Chính mình đối với vợ của đồng đường huynh đệ

- Vợ đối với Cao tăng tổ phụ mẫu của chồng.

- Vợ đối với thúc bá tổ phụ mẫu của chồng và tổ cô còn ở nhà, của chồng

- Vợ đối với đường bá thúc phụ mẫu của chồng và đường cô của chồng, còn ở nhà, (đường cô của chồng tức là người sinh ra thúc bá tổ phụ của chồng)

- Vợ đối với đồng đường huynh đệ chị em của chồng, và vợ của đồng đường anh em của chồng

- Vợ đối với em trai, em còn trong nhà, anh của chồng bà con xa

- Vợ đối với con gái xuất giá, anh em của chồng, bà con xa

- Vợ đối với vợ của anh em của chồng, bà con xa (tức vợ của cháu xa)

- Vợ đối với cháu của anh em chồng, bà con xa và cháu gái còn ở nhà

- Vợ đối với vợ của cháu của anh em chồng (tức vợ của cháu)

- Vợ đối với cháu gái của anh em chồng, xuất giá

- Vợ đối với tăng tôn, nguyên tôn của chồng và tăng tôn gái, nguyên tôn gái còn ở nhà

- Vợ đối với tăng tôn cả anh em của chồng (tức cháu tăng diệt) tăng tôn gái, như nhau.

- Vợ đối với bà con bên ngoại, hàng để tang tiểu công, của chồng.

- Con gái xuất giá đối với chú bác tổ phụ mẫu bốn tông và tổ cô ở nhà.

- Con gái xuất giá đối với đồng đường thúc bá bốn tông và đường cô ở nhà.

- Con gái xuất giá đối với con trai của đường huynh đệ bốn tông và con gái ở nhà đều như nhau

10 - QUI TẮC ĐỐI VỚI SỰ PHÂN BIỆT NGHĨA CỦA 8 CHỮ:

Đĩ, chuẩn, giai, các, kì, cập, tức, nhược (Theo, chuẩn, đều, mỗi, cái này, như vậy, tức là, nếu)

1) Theo: Chỉ người phạm theo như người chánh phạm như nhau, như Giám thủ buôn bán đồ của nhà nước, coi như không khác ăn trộm, cho nên bị phán xét theo tội ăn trộm và ngoài cái tên: Tội bị xâm chữ ra, hoàn toàn bị tội chém, treo cổ.

Giải thích của họ Vương: ⁽¹⁾ chữ **THEO** thì không phải là hoàn toàn phạm, không phải chân phạm, mà tình thì cùng chân phạm là một theo chỗ phạm của y mà xử tội, nên gọi là **THEO**.

2) Chuẩn: nó chỉ ra có chỗ khác nào đó giữa phạm và thật phạm, như chuẩn theo chỗ làm hại pháp luật, chuẩn theo tội ăn trộm mà xử, chuẩn theo tội, không những ngoài tên tội bị xâm chữ mà tội còn bị 100 trượng, lưu đầy 3000 dặm.

Giải thích của họ Vương: Chuẩn là cùng chân phạm có khoảng cách, dùng cái này là chuẩn theo cái kia. Chỗ phạm và tình với việc có khác nhau, nhưng đối với sự phạm tội như nhau, không áp dụng tất cả luật đối với hạng trước đã phạm, chỉ gộp tội phạm mà không nói chung đúng như thật, nên gọi là **CHUẨN**.

3) Đều: không chia ra thủ, tông phạm mà là khép tội như

(1) **Họ Vương:** Tức Vương An Thạch (1021-1086) đời Tống Thần tông Trung Quốc. Ông là tác giả "Ngũ Gia Liên Bảo" (năm gia đình làm một bảo). Ông chủ trương Táp pháp và từng làm Tế tướng.

nhau, như giám lâm, chủ thủ, chức dịch đồng tình ăn trộm, những quân vật mà giám chủ giấu đạt đủ số thì **ĐỀU** bị chém.

Giải thích của họ Vương: Đều là nói chung, bằng như một, không chia riêng chỉ gộp chung cùng tội bị phạt cho ai nấy, nên gọi là **ĐỀU**.

4) Mỗi: chỉ người này, người kia đều bị phạt tội như nhau. Chẳng hạn giữa nhiều hạng người, người thợ được đưa vào làm việc trong nội phủ. Nếu không chính mình đi làm mà thuê người khác mạo danh, riêng tự thay thế. Người này mượn, người kia chịu mượn, riêng tự thay thế, người này mượn, người kia chịu mượn đều bị phạt 100 trượng.

Giải thích của họ Vương: chữ **mỗi** chỉ người này phạm và việc phạm bởi người khác, nghĩa có khác nhau giữa hàng vạn trường hợp, nhưng người ta đồng hóa, coi mọi trường hợp như nhau, cho nên dùng chữ **mỗi** để thiết lập một sự tách biệt.

5) Cái này: chỉ sự thay đổi ý kiến đối với trước. Chẳng hạn như khi xử tội mà tội nhân thuộc về *bát nghị* thì việc xử ấy trước phải tâu lên vua để thỉnh ý, đối với kẻ phạm *thập ác*, người ta không áp dụng luật này.

Giải thích của họ Vương: Chữ *kì* (cái này) là lời thay đổi duyên cớ, nương theo văn trên mà viết ra, khi có một sự thay đổi ý kiến diễn ra và kết quả là theo sự thay đổi ý kiến đó, điều gì chưa hết thì dùng chữ này để nói tiếp ra.

6) Như vậy: Chỉ sự việc nối tiếp tới sau, như người này người

kia đều phạm tội ăn đút lót; như vậy, vật cấm trở thành bị chiếm đoạt.

Giải thích của họ Vương: Như vậy là chỉ cho sự đồng hóa và sự gộp làm một. Phạm một người sự việc có khác nhau, nhưng áp dụng phạt thì đều như nhau, đều dùng chữ như vậy chỉ tổng thể.

7) Túc là: Chỉ hết ý nhưng còn chỗ đáng. Chẳng hạn như phạm tội bị phát hiện trong khi nó bỏ trốn, hết thấy chứng tang đầy đủ rõ ràng, tức là tội đã thành xử được.

Giải thích của họ Vương: Túc là có nghĩa là kết quả tự nhiên vững chắc, dễ thấy không cần phải tái xét nữa

8) Nếu: chỉ vẫn tuy có khác nhưng còn ý ở trước. Chẳng hạn như khi phạm tội thì chưa già, chưa tàn tật, nhưng khi tội bị phát hiện thì đã già, tàn tật, luận xử theo già, theo tàn tật lúc ấy. Nếu tội phạm trở nên già, tàn tật trong thời gian đồ thì già, tàn tật vẫn bị kết án như thế.

Giải thích của họ Vương: Chữ *nếu* là lời chỉ dự đối ý, dùng để thay thế hay kéo dài cái nghĩa và tầm vị trí mặc dầu ý giống ý trước, nhưng trên văn thì thay đổi không cùng. Muốn thay đổi động cơ để áp dụng hình phạt thì phải trình bày trường hợp ăn khớp với viện dẫn thì bắt buộc phải dùng giả thiết nếu để đưa đến kết luận nên gọi là nếu.

Giải thích nghĩa quan trọng của luật (nhân luật: *con mắt của luật*)

Chỉ: giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: chữ *đan* (chỉ) là nói,

không ắt phải thâm nhập sâu vào trong vấn đề, chỉ cần chạm nhẹ cũng biết rồi; đó là nghĩa của luật. Đối với sự kiện hết sức lớn lao, trọng đại thường dùng chữ *chỉ* kiên định cái nghiêm trọng của sự việc. Chữ này, trong văn tự nó là hư tự dùng trong nghĩa chuyển ý qua chủ đề khác.

Như trong điều nói về mưu phản đại nghịch, nói: Phàm mưu phản, mưu đại nghịch, chỉ cùng mưu thôi, không chia thủ tùng, đều bị xử tử chém bêu đầu. Điều này dùng chữ *CHỈ* với nghĩa là đối với việc đã làm, chưa làm, *CHỈ* liên hệ vào việc cùng mưu tại hiện trường tức là bị tội. Đó là đánh nặng vào âm mưu, xử nghiêm tội phản nghịch. Hay như trong điều viết về bạo trộm nói: Phàm bạo trộm đã thực hiện, nhưng chỉ được của vẫn không chia ra thủ tùng đều xử chém cả. Điều này dùng chữ *CHỈ* với nghĩa là đối với số tang vật, nói: Phàm ăn trộm đều kể tang vật mà buộc tội. Như vậy không cần xét cùng làm hay không, từng ăn trộm hay không, và tang vật được chia mỗi người là bao nhiêu chỉ căn cứ vào tang vật mỗi người có mà thẩm xét rõ thực liên hệ đến của cải khổ chủ đã bị mất. Sự mất của khổ chủ có bằng có thì các việc bạo trộm đã làm là sự thật thì không cần xét hỏi về tang vật có hay không mà các đồng hành ăn trộm đã chia nhau. Chỉ căn cứ vào số của đã mất của chủ dù một ngọn cỏ, một cành cây đều kể là tang vật để định các tội đối với mỗi người. Cho nên nói *CHỈ*, cái nặng là nằm trong chỗ dùng bạo lực, xử chém là căn cứ vào bạo lực ấy, không căn cứ vào tang vật. Trong trường hợp ăn cắp vật, thì còn căn cứ vào tang vật để buộc tội huống chi là bạo trộm ư? *CHỈ* lấy được là bị tội. Đó là vì trọng của cải của dân mà pháp luật nên trừng trị khắt khe đối

với hành vi ăn trộm bằng bạo lực. Nếu người thường ăn trộm nhiều hạng thì trong điều về các thứ trộm có nói: chỉ được của lại liên hệ đến không phải quá nhẹ nhưng nhấn mạnh vào đồ vật. Trong trường hợp đó cũng dùng chữ *CHỈ* theo nghĩa là đối với lượng mà tăng tội, tức số tiền chia, phần chia cũng chiếu theo luật mà xử tội. Với cách đó, pháp luật dùng xử nặng đối với thương khổ, bẻ gãy mầm móng ăn trộm thương khổ.

Đồng: giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: *Đồng, cùng*, hợp nhất trái nghĩa với khác, chia rẽ. Chữ này dùng chỉ cho hai vật cùng làm một, chẳng hạn trường hợp phạm tội khác nhau xa mà xử tội thì như nhau, như cùng bị buộc tội bạo trộm.

Câu: giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói *câu là tất cả*, chung trái nghĩa với một mình. Dùng chữ này nói bao quát, vì sự lí tan ra khác nhau, cho nên gom tổng lại mà nói *đều, tất cả*, như câu nói: tất cả chớ buộc tội, hết thấy đều chớ có luận đến tội.

Y: giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: chữ Y nghĩa là theo lấy từ chữ Y là cái áo, như áo người ta có lớn nhỏ, dài ngắn, mỗi người y theo, nương theo cơ thể mình mà mặc. Trong luật có định rõ hình thức phạm tội liên hệ đến thực phạm một gốc như nhau, văn luật lấy đó định tội nên nói là Y, *dựa theo*. Nhưng trong luật pháp dùng chữ Y có 3 trường hợp, chẳng hạn trong danh lệ, điều nói về thợ, nhạc sĩ, phụ nữ phạm tội, nói rằng khi các xếp thợ khác nhau của công bộ đều phạm tội đều có thể xử tử. Trường hợp tạp phạm bị xử tử nếu không có tài nguyên để chuộc mà lạm dụng pháp luật nhận tiền lo lót của đám ăn trộm lừa bịp, tội đồ trở lên thì y luật mà

giam họ đủ ngày, đều đuổi khỏi chức dịch xếp thợ, chỉ còn làm việc theo chuyên môn đơn giản. Thật ra xếp thợ nhiều nghề khác nhau khó đáp ứng mau được, nơi bị đưa đến chịu tội đồ người ta chỉ cần sức khỏe của cánh tay mà không dùng đến chuyên môn đặc biệt của họ. Cho nên y theo luật bắt giam mà không được y theo chính luật, luật này cho phép đưa phạm nhân đến nơi làm việc cho tội phạm, đó là bỏ luật chính gốc mà theo lệ của luật vậy. Đó là một nghĩa. Lại trong danh lệ nói: Phạm bốn điều có riêng tội danh và danh lệ tội khác nhau. Y theo bốn điều mà xử thì gọi là y đó, là bớt lẽ của luật để y bốn luật. Đó là một nghĩa.

Lại trong danh lệ nói: Vốn là tội nặng mà khi phạm lại không biết nó là nặng, thì Y theo người thường mà xét tội. Ở đây chữ Y là chỉ cho sự phạm thì rất nhẹ hơn điều mà luật định, cho nên gọi là can tội nặng hay nhẹ là theo sự việc.

Tinh: (bằng) Giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: chữ bằng cùng biểu thị ý ngang bằng, không so le như sự chuyển động của mặt trời, mặt trăng, cả hai cùng đi, bằng nhau không thúc giục vận tốc. Các chữ có nghĩa tương tự nhau là Tinh, dư, câu (*đều, cùng, hết, thảy*) nhưng thực tế không phải như vậy. Trong luật hệ dùng chữ ĐỒNG và chữ CẦU thì để đều có nhỏ, có lớn, trên, dưới tôn ti, xa, gần trong ấy. Nếu dùng chữ TINH (đều) thì đều coi chung sự lí, đều đồng nhất, bản chất có sẵn như nhau đưa đến tội không phân lớn, nhỏ, bực lưu lại không nói đến sự cách biệt quá xa mà chuẩn lí áp dụng xử tội như nhau, bằng nhau. Tinh thì cùng xem vì cùng một chữ TINH bao quát.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Tùng: Giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: Chữ *tùng* có nghĩa là theo, diễn tả ý tưởng đi xuống theo một gốc. Có cái gốc người ta mới theo đó mà phát lên. Thật vậy, khi phạm nhân phạm một sự việc, có hai điểm khác nhau, tình mỗi cái phân biệt, chưa biết nguyên nhân thì không nên cố chấp vào ấn tượng ban đầu của mình mà áp dụng luật được. Không được khẳng khẳng thành tội, không tình chung chung mà luận chung được. Phải xét khắp tình lý chu đáo đối với các điều luật, châm chước để tìm ra cốt lõi thích hợp, cho nên nói là *THEO*, vì theo đối lại là bỏ, có nghĩa là *bỏ đây theo kia*. Nhưng trong luật dùng chữ *tùng* có ba nghĩa, như trong danh lệ về điều: hai tội cùng bị phát hiện, cùng luận tội theo điều nặng, nói: phạm hai tội trở lên, cùng phát hiện một lúc thì luận tội theo điều nặng, mỗi bức tội theo một điều mà buộc tội. Điều gọi là *Tùng (theo)* nghĩa là hai việc trở lên, tội bị phát hiện cùng một lúc, lấy luật xử tội, mỗi mỗi ngang nhau thì khó phân nặng nhẹ, thì rất cùng phải bỏ cái kia, cái án chỉ theo một điều để buộc tội. Đó là một nghĩa.

Trong điều nói về bà con ăn trộm của nhau, trong luật có nói: Nếu làm chết, bị thương thì mỗi thứ y theo giết, làm bị thương tôn trưởng, ty ấu là luật gốc thì xử tội nặng nhất. Điều gọi là *theo ấy*, là so sánh xét định chỗ nặng nhẹ mà theo chỗ nặng. Đó là một nghĩa.

Trong danh lệ về *trừ danh đương sai*, điều sau nói về quân, dân, thợ mỗi người theo điều kiện riêng của họ, phát trả về nguyên tịch. Vâng theo làm những chuyện tầm thường. Gọi là *TÙNG* ấy, chỉ mỗi người theo phân loại phận mình. Đó là một nghĩa.

Luận tội theo luật nặng: giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: Luận tội theo luật nặng là so sánh cân nhắc nặng nhẹ, theo chỗ nặng để buộc tội. Chữ là chữ trọng yếu, phải chú ý và chữ luận cũng vậy không được bỏ qua một cách dễ dàng. Nhưng **TÙNG TRONG LUẬN**, 3 chữ ấy, cũng có hai nghĩa. Như trong danh lệ nói: hai tội cùng phát hiện thì theo luật nặng mà xử. Đó là tội cùng phát hiện một lúc, như tội phạm bình nhật cùng lúc phát hiện tội không nặng thì phải nắm chắc các yếu tố khác nhau của sự việc mà theo chỗ nặng hơn để buộc tội. Đó là một nghĩa.

Nếu trong, các điều dưới có chép luận tội theo luật nặng thì đem chỗ phạm của một việc đối với luật mà nói, nếu người ấy chỉ phạm có một điều thì những kết tội phải đúng sự kiện, là trong cùng một sự kiện, còn có trường hợp nặng hay nhẹ khác nhau giữa chúng; hay nói cách khác trong hai trường hợp thì một nặng, một nhẹ khiến người ta phải xa điều này theo điều kia, nghĩa là xa điều nhẹ để theo điều nặng. Phải luôn luôn so sánh cẩn thận những gì là nặng, những gì là nhẹ, không nên chỉ hạn chế trong thẩm lượng một luật, chỉ theo điều nặng mà thôi, đó là một nghĩa.

Lấy giảm (giảm nhiều lần): Giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: Giảm nhiều lần là giảm theo từng lớp, cũng chỉ một người đó phạm tội mà tra xét trong luật lệ, phạm có lẽ được giảm thì phải tra xét mỗi việc cho rõ ràng giảm nhiều phía mà giảm, cho nên nói lấy giảm. Như **TRIỆU GIÁP TIỀN ẤT** cùng phạm ăn cắp vật, luật chia thủ, tòng, như **TIỀN ẤT** là tòng phạm thì nên giảm một bậc. Nếu một người muốn đi kiện, nhưng y lại tự thú thì giảm hai bậc,

nhưng trong khi xét gấp thời kì quá nóng bức thì nên giảm một bậc, sự giảm đó là bốn bậc. Lại như quan lại phạm tội công bị buộc tội lầm, lại điển giảm tội nhân ba bậc, nếu phạm nhân chưa chịu hình phạt thì lại giảm một bậc, nếu gặp mùa quá nóng thì giảm thêm một bậc vậy là năm bậc cả thảy.

Đệ giảm: *(theo thứ tự mà giảm)* giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói đệ giảm là chia bậc mà giảm. Điều này đối với tập thể của nhiều cá nhân. Thật vậy, giữa nhiều người cùng phạm cùng một tội, thực tế, trong đó, đối với người này là nặng, đối với người kia là nhẹ, phải chia lớn nhỏ, tôn ti khác nhau cho đến chức vụ nắm giữ thống nhiếp, thân sơ, quý tiện khác nhau. Đối với mỗi tội phạm xét vị trí, trường hợp để chia ra nặng nhẹ mà tuân tự giảm..

Thính giảm: *(được phép giảm)* giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: được phép giảm là nguyên nhân làm ác vốn không phải là gốc phạm coi chỗ làm mà giảm, chẳng phải tội gốc thì được giảm, nhưng người phạm tội duy không có qui tắt giảm, mà thật lúc có thể giảm, cho nên không được coi là chính thức giảm. Lại nói tiếp: thính giảm là đợi lúc xét nghe mà giảm, lại *thính là nghe chờ*, nghe không chắc là được, như nói “nghe thầy giáo thì cái nghe ấy chắc rõ ràng”, xét kĩ, tham hỏi nhiều người, nhằm đưa tội nhân vào tội tự tử, tình huống tự tử ấy có thể xảy ra ngộ hâu nhân ấy mà giảm nhiều bậc, mới có thể theo đó mà giảm, cho nên không phải lệnh chính thức, trong văn nói giảm tội gốc một bậc mà đặc biệt nói được phép giảm tội gốc hai bậc. Trong điều nói về trường hợp người phạm tội bỏ trốn thì phạm tội nhân tại đào, tội chưa có thể

sớm xử trí, tựa hồ người ta vẫn còn để đó hoặc giam chờ hay chờ lĩnh trên để xử.

Đặc giảm: (*được giảm*) giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: được giảm là phép luật không thể giảm, nhưng suy tình đo lí là không được giảm mà lại giảm cho, gọi là *được giảm*, như trong điều về giá thú sai luật là tội của chủ hôn, người làm mai, nói: nếu người chủ hôn là người bà con xa trở xuống thì sự việc là do chủ hôn, chủ hôn là thủ, còn nam nữ là từng được giảm một bậc. Xét trong điều luật nói thủ là người cưới gả sai luật. Nếu do ông bà nội, cha mẹ, cô, anh chị, ông bà ngoại và cậu mợ chủ hôn thì tội sai luật chỉ buộc vào chủ hôn, nam nữ không có tội. Kế tiếp có nói: những người chủ hôn khác, thì sự việc do chủ hôn, chủ hôn là thủ, nam nữ là từng được giảm một bậc. Sự việc do nam nữ thì nam nữ là thủ, chủ hôn là từng, được giảm một bậc. Sự việc do nam nữ thì nam nữ là thủ, chủ hôn là từng, được giảm một bậc. Sự nghiêm khắc này nhắm vào hai chữ *DƯ THÂN* (*người khác thân tộc*) còn ông bà nội, cha mẹ v.v... là thân lí ưng là người chủ hôn, nam nữ là theo lĩnh trên không dám trái đến nên phạm giáo lĩnh, cho nên nam nữ không bị tội. Nếu chủ hôn là người ngoài thân tộc thì chẳng ắt là người chủ hôn thì nam nữ được lấy lẽ nghĩa trình bày từ sai mà tự định cho nên nặng là phân chia thủ từng.

Tội đồng: (*Tội như nhau*) Giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: *Tội đồng là tội như nhau*. Người tù không đồng phạm, dù mỗi người phạm riêng, nhưng tội thì không nặng nhẹ, cho nên tội đồng. Vì đồng không có cái gì khác cho nên nói đến chết vẫn

không giảm bậc, nhưng các món được cùng nhau thì xử theo luật. Nếu trong điều lệ còn tăng là không coi chỗ được mà là đồng.

Đồng tội: (*Cùng tội*) Giải nghĩa và giải thích hợp nhất nói: *Đồng tội là cùng có tội*, nhưng trong luật đồng tội cũng có hai nghĩa, đem chỗ nặng nhẹ của mỗi người mà chia khác nhau, như trong danh lệ nói: Gọi là đồng tội ấy, chỉ buộc tội kẻ chánh phạm cho đến chết, người đồng tội thì giảm một bậc, mọt tội là phạt 100 trượng, lưu đầy 3000 dặm, không ở trong lệ xâm chữ, thất cổ, chém. Đại để cùng nghĩa với chữ *chuẩn*. Đó là một nghĩa.

Lại nói: Nếu nhận của, cố dung túng thì cùng họ đồng tội, xử tội hoàn toàn cho đến chết, bị xử treo cổ mà thôi. Đại ước giống như phân biệt giám thủ ăn trộm và thường nhân ăn trộm. Đó là một nghĩa.

PHẦN THỨ BA

PHỤ LỤC

Lời nói đầu

[Cho bản dịch Hoàng Việt luật lệ
ra tiếng Pháp của P.Philastre]

Xét theo ngôn ngữ thì người An Nam dường như thuộc một chi cùng gốc với người Tàu(?). Họ đã di từ miền núi ra vùng biển, từ phương Bắc xuống phương Nam, họ đã đi qua vùng mà ngày nay gọi là hai tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông. Sau nhiều trận đánh và sau nhiều cuộc xâm chiếm đất đai liên tiếp, họ đã đến định cư ở xứ Đông Kinh và một nửa phần của xứ Đàng Trong. Cách đây khoảng 350 năm họ bắt đầu xuống xứ Thủy Chân Lạp ⁽¹⁾ khiến người Cao Miên phải bỏ hẳn ba tỉnh đầu tiên và một số nhỏ đã rút về ở rải rác trong tỉnh thứ tư còn lại.

Do đó có thể thấy rằng trong các cuộc xâm lăng, dân tộc An Nam là một dân tộc hùng dũng. Họ không đồng hóa với những dân tộc bị họ cai trị nên vẫn giữ được nét thuần nhứt tương đối.

1. Tác giả viết bài này hồi năm 1875 nên chúng tôi vẫn giữ nguyên các thuật ngữ và cách xưng hô đương thời (như An Nam, Tàu, Thánh chỉ, Thánh thượng...) (NQT)

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Khi họ xuống phương Nam như vậy, thì ở phương Bắc họ vẫn bị người Tàu nhiều lần đưa quân sang xâm chiếm. Trong những thời kì dài, họ phải nằm dưới sự thống trị của các triều đại vua Trung Quốc.

Trong hai loạt sự kiện lịch sử vừa nêu, có lẽ loạt sự kiện thứ nhất mới là nguyên nhân chính đã khiến từ trước tới nay, giữa người An Nam và người Tàu vẫn có một sự đồng nhất về quan niệm và tư tưởng. Dầu có bác bẻ thế nào chăng nữa, sự việc vẫn hiển nhiên như vậy. Hai nước tuy có chủ quyền riêng biệt, nhưng lại có phong tục và cách tổ chức chính trị gần giống nhau, nhất là dưới bốn triều vua An Nam sau này thì sự gần giống ấy đã mau chóng trở thành giống hần.

Vua Gia Long, người sáng lập triều đại hiện nay, khi ban bố bộ luật hiện thời để thay thế bộ luật cũ soạn theo bộ luật nhà Minh ⁽¹⁾ đã mở ra một con đường mới khiến cho sự ảnh hưởng giữa hai dân tộc An Nam và Tàu ngày càng thêm chặt chẽ.

Mặc dầu có một vài sai lầm đã được nêu lên, bộ luật An Nam gồm các sắc luật có lời bàn và các chỉ dụ kèm theo rõ ràng là một bộ luật mô phỏng theo bộ luật Thanh triều. Chỉ có khác là đã bỏ bớt ở đôi chỗ này và đã sửa đổi ở đôi chỗ nọ.

Khoản sửa đổi quan trọng hơn hết là khoản lược bỏ một số điều luật của bộ luật nhà Thanh ⁽²⁾

1. Tác giả muốn nói đến bộ Luật Hồng Đức (NQT)

2. Dịch giả nhấn mạnh, in đậm

Ở Âu Châu trước đây đã có người dịch bộ luật này rồi: bộ luật Thanh triều được Huân tước Geoges - Thomas Staunton dịch ra tiếng Anh, còn bộ **luật Gia Long** thì được ông G-Aubaret dịch ra tiếng Pháp. Bản dịch tiếng Anh chỉ cho ta bản văn của các đạo luật, bản dịch tiếng Lang-Sa thì có thêm một số lớn những sắc chỉ đã được bộ luật Gia Long giữ lại.

Cho dầu gọi là luật nhà Thanh hay gọi là luật Gia Long tựu trung đây vẫn là một bộ hình luật, một phần của những qui định trong ngành pháp chế của mỗi nước và gồm có:

1) Những đạo luật về các án thường sự (dân sự) chưa thành luật hẳn mà chỉ là những lời khuyên răn về lối ăn ở, cư xử lấy trong **Ngũ Kinh**, nhất là lấy trong **Kinh Lễ**.

2) Những qui định coi như là hiến ước dựa theo một bộ sách xưa tên là **Chu Lễ** chép các lễ tục của nhà Chu.

3) Những đạo luật gọi là **Lục bộ điều** liên quan đến sự điều hành các việc công thuộc thẩm quyền của mỗi bộ trong lục bộ.

4) Sau rốt, những **Sắc luật và Chỉ dụ** mà thật ra vốn là một bộ hình luật như đã nói ở trên.

Ở nước Tàu, công việc nghiên cứu luật lệ là một công việc khó khăn phức tạp. Sách bàn về luật rất nhiều, nhưng lại không dễ gì kiếm được.

Mãi đến đời nhà Minh, bộ hình luật mới được Nội các cho mang ra bình nghị và các lời bình được ghi thêm vào phần văn bản của mỗi điều. Văn bản lại được chú giải bằng chữ nhỏ viết xen vào, như vậy thật rõ ràng và dễ hiểu.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Việc nước Pháp cai trị An Nam đương nhiên đã khiến cho công việc tìm hiểu bộ luật Thanh triều, vốn cũng là bộ luật bốn xứ, trở thành một công việc có tầm quan trọng mới mẻ.

Tuy rằng ngay từ đầu, đã có loại bỏ, hoặc thay đổi tính chất của một vài hình phạt, nhưng tựu trung các phần căn bản trong hai bộ luật vẫn còn được giữ nguyên. Chúng ta cần biết rõ điểm này và đó là ý hướng chính yếu của công việc nghiên cứu ở đây.

Ở nước Tàu cũng như nước An Nam, công việc chung trong nước được phân thành sáu loại và được giao cho sáu bộ. Do vậy mới có sáu hạng luật, mỗi hạng dành riêng cho mỗi bộ. Tuy nhiên cả sáu hạng ấy đều nằm chung trong bộ hình luật.

Theo như lời chú giải đi kèm thì phần lớn những nội dung căn bản của các điều luật đều là những nội dung có nguồn gốc xa xưa. Nhiều đạo luật là những án lệ có từ lâu đời và được đưa vào bộ luật để thành luật. Chính vì vậy mà đã có sự thiếu đồng nhất trong phần hình thức. Nguyên tắc chỉ đạo căn bản vẫn được tôn trọng nhưng các mục thì lại sắp xếp không thứ tự, thiếu phương pháp trong một khuôn khổ chật hẹp. Hậu quả thứ nhất của sự việc này là trong bộ luật đã có những khoản được lập đi lập lại nhiều lần khiến bản văn rườm rà và dài ra. Hậu quả thứ hai là những khó khăn mà những người nghiên cứu bộ luật thường gặp phải. Nếu không thuộc nằm lòng bộ luật thì không làm sao biết chắc là mình không quên đoạn này đoạn kia, những đoạn có ảnh hưởng đến một sự quyết định hoặc một sự sửa đổi.

Căn bản chính yếu của bộ hình luật nhà Thanh đặt trên hai

nguyên tắc sau đây: một là viên quan xử án phải xét đến tính chất của tội trạng và áp dụng hình phạt đúng như trong luật đã ghi. Thứ đến là không bao giờ được dựa theo các trường hợp đặc biệt của tội trạng để sửa đổi hình phạt.

Hình phạt bao giờ cũng phải cân xứng với tội lỗi đã gây ra. Để có thể áp dụng hình phạt một cách sát sao, nhà làm luật phải tiên liệu tất cả những trường hợp khác nhau của tội trạng. Chính vì lẽ đó đã khiến cho bộ luật có quá nhiều điều khoản. Cứ mỗi lần xảy ra một trường hợp không được trừ liệu trong các điều khoản cũ là lại phải tiếp tục đưa thêm vào bộ luật những điều khoản bổ sung. Bộ luật nhà Thanh là một tập hợp những án lệ có từ 4000 năm nay và mỗi khi có một sự đổi thay triều đại thì lại được sắp xếp lại, có động lại, chọn lọc lại.

Thật là rắc rối và phức tạp. Chính nhiều tác giả người Trung Quốc đã nêu ra trường hợp những triều vua từng ban bố những bộ luật có ghi đến 610 tội bị phạt án tử hình và khoảng 6000 tội khác bị xử bằng nhiều hình phạt khác ⁽¹⁾

Mọi tội trạng đều được xem xét để trừ liệu sẵn một hình phạt, mọi vụ án đều có một thời hạn qui định trước. Sai lầm hay bỏ sót khi xử án đều là trọng tội đối với nhà vua. Chính vì vậy mà **Lục bộ điều** đã được đặt ra để có sẵn những điều khoản ứng phó trong những tình huống vượt ngoài thông lệ.

Cũng nên thấy rằng trong nhiều chỉ dụ, ngoài hình phạt định sẵn

1. Bộ luật của vua Mục Vương (1001 trước CN) có bàn đến khoảng 4000 tội khác nhau.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

cho kẻ phạm tội, bộ luật còn trừ liệu trừng trị những kẻ thông đồng hoặc những viên chức phạm sơ suất và sai lầm khi xử án. Viên chức có lỗi sẽ bị giao về bộ chờ đình nghị và quyết định. Đó là sự áp dụng điều khoản riêng được qui định trong **Lục bộ điều**.

Ở nước An Nam công việc nghiên cứu hình luật là một công việc bị triều đình nghiêm cấm. Sách luật in ra chỉ để dùng trong các bộ và công sở.

Ở nước Tàu thì công việc đó lại được triều đình cho phép. Bộ luật được nhiều nhà xuất bản in ra với lời chú giải cùng lời bình và được cập nhật kịp thời mỗi khi có sự thay đổi về luật lệ. Lời chú giải gồm những điều luật và sắc dụ chính thức của triều đình, lời nghị bình là những ý kiến phản ánh riêng của từng tác giả.

Trong các bộ sách đó khó mà tìm thấy có bộ nào làm nổi công việc phân tích, hoặc đưa ra nổi một lí thuyết về hình luật. Các bình giả chỉ biết lấy ra từng câu, so sánh qua loa, biện minh cho điều khoản này, điều khoản nọ chứ không có cố gắng hiến gì mới mẻ. Những nhận xét có giá trị về mặt phê bình thì rất hiếm. Nhiều nhất vẫn là những ý kiến tầm thường, thô thiển đến đáng thương hại. Tuy nhiên, qua cái việc mọi người ít nhiều được tự do tranh luận đó, chúng ta phải công nhận rằng người Tàu là một dân tộc có khiếu học hỏi về hình luật và có khả năng đào tạo được những nhà làm luật tài ba, xứng đáng không thua những nhà làm luật của bất cứ nước nào.

Như tôi đã nói, bản dịch này nhằm giới thiệu bộ luật Tàu và bộ luật An Nam, đồng thời nhằm giúp cho công việc của các quan tòa khi cần phải áp dụng các bộ luật này được dễ dàng hơn.

Bắt đầu dịch từ tháng sáu năm 1871, đến tháng 3 năm 1875 mới hoàn thành. Giá tôi chỉ có mỗi cái công việc dịch này thôi, thì có lẽ đã xong sớm hơn. Tôi tiếc là đã cho nó ra mắt hơi vội. Tôi không dám so sánh việc làm của tôi với công trình của những người đi trước. Với một bộ sách đòi hỏi nhiều công sức như thế này, với một đề tài ít được mọi người biết đến như thế này, tôi không dám táo bạo cho rằng bản dịch của tôi hoàn toàn không có lỗi. Tôi chỉ cố gắng để bị ít lỗi lắm thôi.

Về điểm này có người sẽ bẻ rằng trong phạm vi hình luật bất cứ lỗi lầm nào cũng đưa đến những hậu quả đáng buồn. Đã là sách luật thì không được quyền có lỗi lầm. Điều này đúng, nếu nhà cầm quyền thuộc địa Nam Kỳ có ý định, như tôi đã nghe nhiều người ao ước, dùng bản dịch này ban hành làm bộ luật để cai trị xứ Nam Kỳ. Nhưng lấy công tâm mà nghĩ, làm như vậy là sai lầm lớn. Nếu có dùng luật, chúng ta phải dùng bộ luật viết bằng chữ Hán. Nếu có xử án, chúng ta phải dùng ngôn ngữ của người bị xử. Làm ngược lại là vi phạm điều luật đầu tiên của họ cũng như của chúng ta.

Đã cầm quyền là phải nhận lấy bốn phận và trách nhiệm. Đừng bắt mấy triệu người An Nam phải học tiếng ngoại quốc để cầu xin công lí. Công việc đó, chính những người đã cầm súng trong tay để chinh phục họ phải tự cáng đáng lấy.

Bản dịch bộ luật An Nam ra tiếng Pháp chỉ có thể là một cuốn sách chỉ dẫn, giúp đỡ trong giai đoạn đầu, chỉ có thể là một phương tiện để đưa lần-lần đến sự sử dụng bộ luật ngay trong nguyên bản. Muốn hoàn thành mục tiêu đó, điều kiện thứ nhất, sau điều kiện

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

trung thực trong khi dịch, phải là điều kiện tôn trọng hình thức bản nguyên văn. Tôi đã bỏ hết những lời văn trau chuốt, để tìm lại trong những lời chú giải ý nghĩa đúng của mỗi câu văn để phục hồi văn bản.

Câu văn chữ Hán nhiều khi lại rất dài, nhất là những câu chép thành điều luật. Chủ từ thường đặt ở đầu câu, tiếp theo là hai ba câu khác xen nhau để biến đổi một quyết định cuối cùng. Tôi đã bắt buộc phải hoán chuyển thứ tự trong câu văn, phải thay đổi vài đoạn để có thể theo sát từng chữ một trong bản nguyên văn chữ Hán.

*Kèm theo mỗi đoạn là những lời chú giải in chữ nhỏ mà tôi gọi là **Lời bình chính thức** để phân biệt với những lời bình lấy trong bản nguyên văn.*

Cùng với mỗi đoạn, tôi cũng ghi thêm vài chữ để trở nguồn gốc của bản văn trong bộ luật An Nam. Tôi cũng lấy trong bộ luật Tàu những phần chú giải mà tôi nhận thấy

Đôi khi cũng xảy ra chuyện là lời chú giải này lại mâu thuẫn với lời chú giải kia. Đó là tôi muốn ghi lại những ý kiến khác nhau. Và lại, đó cũng là cách hay nhất để kiểm soát lại bản dịch và sửa chữa những chỗ kém, nhất là để cho thấy rõ quan niệm về hình luật và cách áp dụng hình luật của người Tàu. Đó là phần bổ túc cần thiết cho mọi công trình nghiên cứu về hình luật Tàu và hình luật An Nam.

Tôi cũng đã thêm vào bản dịch một vài đoạn phân tích do chính tôi viết ra. Những đoạn này không bổ ích gì cho người bản xứ nhưng lại rất cần thiết cho những ai chưa thông thạo về phong tục, cách tổ chức và cách suy nghĩ của người An Nam.

Nguyễn Q. Thắng

Thoạt đầu, lúc bắt tay vào công việc này, tôi đã dự định sẵn một chương trình rộng lớn. Nhưng sau khi xét lại, tôi thấy một công trình tổng hợp rút ngắn bộ luật An Nam có lẽ sẽ có lợi hơn. Chủ ý của tôi vẫn là chuẩn bị một chương trình tu sửa bộ luật lần lần để nâng nó lên tầm mức của nền văn minh hiện đại, để làm cho nó trở nên thích hợp hơn với những nhu cầu của dân chúng An Nam - Nam Kỳ. Nhưng tiếc rằng tôi không có thì giờ. Công việc làm của tôi, dầu giá trị của nó có là thế nào chăng nữa, ít nhứt cũng được cái là tôi đã thực hiện nó với đầu óc hoàn toàn không bị che lấp bởi bất cứ thiên kiến nào, trong mục đích mưu tìm sự thật. Như vậy, tôi mong ở mọi người sự thể tình và sự rộng lượng.

Khi cho in cuốn sách này, tôi rất sung sướng được ngỏ lời cảm tạ phó đô đốc Dupré, Thống đốc Nam Kỳ, về sự khuyến khích và sự tiếp đón nồng hậu của ngài đối với việc làm của tôi. Tôi cũng xin cảm tạ phó đô đốc de Montagnac, Bộ trưởng Bộ Hải quân, đã giúp tôi hoàn thành một công việc do chánh phủ thuộc địa Nam Kỳ giao phó.

Collonges, au Mont - D'or, ngày 5 tháng 3 năm 1875⁽¹⁾

P. PHILASTRE

1. NQT dịch từ bản tiếng Pháp, Sdd.

Sớ tấu kính dâng hoàng thượng

(DỊCH TỪ BẢN TIẾNG PHÁP)

Hạ thần trộm thấy: hình phạt để trị ác trường gian vẫn là công cụ hữu ích của triều đình. Đời thượng cổ và các đời thái bình thịnh trị, con người lúc nào cũng trung hậu, phong tục lúc nào cũng thuần phác. Ấy vậy mà ngoài những lời khuyên răn đạo lý, đáng thánh nhơn vẫn phải duy trì hình phạt trong việc chấn dân. Ngay xưa, lòng người gồm cả thiện lẫn ác cũng như vạn vật gồm cả nguyên lý âm lẫn dương. Ngay trong thời đại thánh nhơn cũng vẫn không thể không có người làm ác, chính vì vậy mà vẫn không thể không có những hình phạt sẵn sàng.

Nước ta, trong các triều đại trị vì từ trước đến nay, thì triều đại nào cũng đều có bộ luật của triều đại ấy. Xem qua bộ luật Hồng Đức thì biết rằng thời bấy giờ việc phạm tội đã được xếp thành thứ bậc để dễ truy tầm, còn sắc luật thì rất giản lược mà phân minh.

Trong thời kì Tây Sơn nổi lên, phép tắc bị phá bỏ, kỉ cương tan tác như phải cơn gió dữ, phong tục thì suy đồi, chuyên hung ác, điều gian tà lan tràn không ai kèm giữ. Chính vì vậy mà tinh thần thượng

tôn luật pháp đã bị lu mờ, những con dân trí lực hẹp hòi không còn biết phải cư xử như thế nào nên đã vô tình phạm tội. Và chẳng, mọi việc đều chưa tiên liệu rõ ràng, nên những kẻ gian ngoan đã thừa dịp đào diên luật pháp để né tránh các tội hình. Lại nữa, khi chiếu theo những điều khoản luật để xem xét về sự việc, bọn tham quan ô lại đã lợi dụng các thứ bậc tội hình, tùy nghi gia giảm để mưu cầu tư lợi.

Nay thừa mạng trời, đức Thánh thượng đã đổi loạn thành trị, vỗ an bốn biển, chấn chỉnh kỉ cương, nhổ sạch gốc rễ gian tà, đặt lại qui tắc khoan hồng và thương phạt. Khi xem đến bộ luật triều Thanh, đức Thánh thượng nhận thấy đó là bộ luật gồm đủ các sắc luật của các triều đại trước, nên ban sắc chỉ dạy các quan đem ra bàn bạc, xem xét cùng hạ thần ngỏ hầu chọn lấy những gì khả dĩ soạn thành bộ luật riêng để dùng trong nước.

Hạ thần ngửa trông, biết được đức nhân từ của Thánh thượng muốn giáo hóa cả trong khi trừng phạt.

Sách đã dạy: **«Trừng phạt để về sau không còn phải trừng phạt nữa, đặt ra tội hình để về sau không còn phải dùng đến tội hình nữa»**. Điều đó há chẳng phải là điều mà Đức Thánh thượng hằng mong muốn hay sao?

Thừa vâng Thánh chỉ, hạ thần đã chất lọc, sửa đổi, gom lại thành một bộ luật hai mươi hai quyển, nhưng vốn tự biết bất tài, thành thử chưa rõ đức Thánh thượng có đẹp dạ về công việc này chăng?

Hạ thần cung kính quì lạy, mong chờ đức Thánh thượng ban lời phủ chính.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Sớ tấu này hạ thần khép nép run sợ kính dâng ⁽¹⁾

Niên hiệu Gia Long, ngày mỗ tháng 6 năm thứ 11 ⁽²⁾

-
1. Trong bản Pháp văn không ghi tên người viết *Sớ tấu* này, nhưng theo *Đại Nam liệt truyện* thì tác giả bài này là Nguyễn Văn Thành.
 2. *Sớ tấu* này không thấy in trong bộ luật đời Minh Mạng (có lẽ bị đục bỏ sau khi các tác giả bị khép tội), chúng tôi dịch lại từ bản tiếng Pháp của P.Philastre trong *Le Code Annamite* bản in lần thứ 2, 1909, Paris.

Phiên âm

(SỐ TÁU CỦA TỔNG TÀI NGUYÊN VĂN THÀNH)

Ước tắc sự hoặc hữu quyết. Ngoan giả ngoạn lòng dĩ tị hình, nhi kê khảo tị phụ chi gian gian, sử diệc đắc dĩ khoa điều, vi thượng hạ du dĩ chi nang thác.

Thiên khai,

Thánh minh dịch loạn vi trị, sùng tuy tứ hải, chấn loát bá vi, thừa loạn chi hậu, sam trừ lang dữ (tú). Pháp tại tất hành, nhi nghĩa sát nghĩa hình, mỗi ngụ ai căng chi ý.

Phi lâm Thanh triều luật thư, kiến kì tập lịch đại chi thành vi nhưt đại chi chế. vi tường mật. Thời mệnh triều thần dữ thần tham duyệt thủ kì thích ư dụng giả, trước vi quốc triều luật lệ ngưỡng kiến.

Thánh thiên tử hiếu sinh chi chí đức, ngụ giáo ư hình thư văn: tích dĩ chỉ tích, hình kì vô hình, kì tư chi vị dư, thần phụng mệnh san tu vi quyền nhị thập hữu nhị, kiến thức thiện lậu.

Thượng ngôn, thần thiết duy hình dĩ trừng ác, nhi cấm gian, phụ trị chi cụ dã. Long cổ thịnh thời, dân phác tục mĩ, nhi phú giáo

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

chi. Hậu bất cảm phế hình. Lương dĩ nhơn tính chi hữu thiện ác, do thiên đạo chi hữu âm dương. Tuy Thánh thể bất năng vô ác nhơn. Cố phòng phạm chi cụ, bất cảm quyết dã. Ngã quốc.

Lịch triều dĩ lai, cụ hữu lệnh điển tham dụng Hồng Đức điều luật, dĩ kỉ sự ước nhi dĩ cứu, văn giản nhi bất phiền dã. Khoảnh dĩ Tây Sơn chi biến, pháp đạo cương luân, phong tục đổi bại, tiêu tà tứ hoành, gian nhũng bất thắng giản. Tắc lí hoặc vị minh, ngu giả hôn minh nhi xúc cấm.

Thánh thính (mất 3 chữ) thành nhiệt thẳng chiến lật chi chi cần.

Thượng ngôn

DỊCH NGHĨA:

Hạ thần trộm nghĩ:

Luật pháp mà giản ước, ngắn gọn quá thì không tránh khỏi có việc thiếu sót. Kẻ ngoan cố khinh lờn né tránh pháp luật, nên khi tra cứu kĩ các khoản phụ thêm nói về cái gian manh thì lịch sử cũng đã chia ra nhiều khoa trên dưới du di, thêm bớt để lấy đó làm cẩm nang, qui tắc (về luật pháp) không thay đổi.

Hạ thần cung kính trình dâng lên Thánh thượng,

Nay thừa mạng trời đức thánh chúa sáng ngời, dẹp loạn khắp bốn phương, đem lại thanh bình khắp xã tắc, trải rộng lòng yêu mến muôn dân tới bốn biển, mở mang lại muôn nghiệp nghề làm ăn, giấy sạch, cắt hết mọi cỏ hôi thối, um tùm lan tràn sau cơn loạn lạc, đưa ra pháp luật thi hành đều khắp. Mọi xử án, tội tù mà pháp luật đưa

ra, trong ấy đều hàm chứa bao tình thương xót muôn dân của đức Thánh thượng.

Lần giờ xem bộ luật nhà Thann, đức Thánh thượng nhận thấy trong ấy đã gom hết luật pháp của nhiều triều đại, tổng kết thành pháp luật cho mỗi triều vua đều hết sức sáng tỏ, chặt chẽ.

Khi ấy, Thánh thượng ra lệnh cho triều thần là hạ thần đây, tham cứu qua bộ luật nhà Thanh, rồi rút lấy những điều ứng dụng được soạn thành một bộ luật riêng hầu dùng trong nước nhằm giúp cho mọi người cùng biết. Qua đó, đức hiếu sinh, nhân từ, đem an vui cho khắp cõi, thật là muôn vàn lớn lao của Thánh thượng đã gói gắm vào sách Pháp luật này. Trong ấy nói: «Trừng phạt để về sau không còn phải trừng phạt nữa, đặt ra tội hình để mai hậu không còn phải dùng đến, tội hình nữa». Điều đó há chẳng phải là điều mà đức Thánh thượng hằng mong muốn sao?

Thừa vâng thánh chỉ, hạ thần đã chất lọc, sửa đổi, tổng hợp lại thành hai mươi hai quyển, nhưng hạ thần tự biết bất tài, thành thử chưa rõ đức Thánh thượng có vừa lòng về công việc này chăng?

Hạ thần cung kính dâng lên đức Thánh thượng,

Hạ thần cúi đầu trộm nghĩ: Luật pháp dùng để trị ác trừng gian, đồng thời còn nhằm ngăn ngừa kẻ gian manh làm điều cần bậy. Từ đó pháp luật trở thành công cụ cần thiết cho chính trị, an ninh. Thời xưa, nổi tiếng thái bình thịnh trị chính là nhờ dân hiền lương, phong tục thuần phác; đó là nhờ triều đình nặng lòng dạy bảo trăm họ cùng khắp. Đời sau không triều vua nào dám bỏ pháp luật, vì tính con người có kẻ ác người lành, chẳng khác gì trời đất có nguyên tắc âm dương.

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

Dù vào đời vua nổi tiếng thánh đức đi nữa vẫn không thể không có kẻ ác. Do vậy, pháp luật để ngăn ngừa kẻ phạm tội là việc không thể thiếu được.

*Nước ta, trong các triều đại trị vì từ xưa tới nay thì triều đại nào cũng có đầy đủ pháp luật. Các bộ luật ấy vẫn tham chiếu theo bộ **Luật Hồng Đức**, vì những điều luật trong bộ luật ấy gọn rõ, văn lại giản lược, phân minh, dễ hiểu.*

Tây Sơn nổi lên một thời gian ngắn, gây biến loạn khắp nơi, khiến luật pháp, kỷ cương xã hội tan tác tiêu trầm, phong tục bị suy đồi như gặp cơn gió dữ. Thời gian tà, bạo ngược nổi lên như trong đêm tối mịt mù; bọn gian manh, tham những tràn lan không thể nói hết được. Những kẻ không hiểu luật pháp, dân đen ngu hèn không còn biết phải cư xử như thế nào, nên đã vô tình phạm tội, không tìm được lối ra.

Hạ thần cung kính quì lạy dâng lên, mong đức Thánh thượng ban lời phủ chính⁽¹⁾.

Thượng ngôn⁽²⁾

1. Nguyễn Q. Thắng phiên âm, dịch nghĩa từ bản Hán văn in trong *Hoàng Việt luật lệ* (bản in đời Tự Đức),
2. Bản văn này không có trong 22 quyển mà chúng tôi giới thiệu. Theo truyền văn thì bản *sơ tấu* này vào đời Tự Đức mới được in lại như trong chú thích ở phần đầu. Ông Philastre khi dịch sang tiếng Pháp có lẽ dùng bản in đời Gia Long hoặc Tự Đức nên ông đã dịch đủ sang tiếng Pháp. Có lẽ ông Philastre đã thay đổi một số cấu trúc của bản *Tấu* nên thứ tự ý văn có phần trước phần sau; nhưng nội dung bài không khác nhau (xem bản dịch tiếng Pháp dẫn trước NQT).

Lời bạt

(Thơ của cựu Bộ trưởng Tư pháp,
luật sư Vũ Đình Hòe gửi dịch giả)

Anh Nguyễn Q. Thắng thân mến,

Cám ơn anh đã có nhã ý gửi cho tôi xem trước bản in thử, giới thiệu cuốn sách của anh dịch bộ Hoàng Việt Luật Lệ (Luật Gia Long).

Tôi hào hứng đọc luôn một mạch.

Đang lúc «chủ nghĩa thực dụng» đe dọa lan tràn xã hội mà anh cho ra đời một tài liệu dày cộm «khô không khốc», có lẽ sẽ chỉ hấp dẫn mấy «ông đồ» pháp lí như tôi thì quả là liều lĩnh!

Nhưng suy đi nghĩ lại tôi thấy việc anh làm không phải là... không ích đâu. Ít nhất là đối với số người hăng say muốn quay về khai thác vốn cổ còn nóng hổi của Dân tộc.

Hiện nay, «thiên hạ» đang mò tìm và cố gắng thực hiện một mô hình Nhà nước - Pháp quyền, thì cái pho luật lệ đồ sộ này có thể được độc giả coi là một nguồn pháp lí phong phú nên tham khảo, cùng với bộ luật Hồng Đức vốn đã nổi tiếng.

Ta thường nghĩ, vua quan thời trước trị quốc, chấn dân là theo

Lược khảo Hoàng Việt luật lệ

kiểu nhân trị. Có đúng thế không? Theo tôi hai bộ luật Hồng Đức và Gia Long đều là những bộ luật tổng hợp gồm nhiều ngành luật phục vụ cho «Lục Bộ» thì rõ ràng chúng đặt nền tảng cho một nền pháp trị đang hoàng. Nền pháp trị ấy của nước Việt Nam ta - pháp trị phong kiến, tất nhiên - kết hợp «phép vua» với «lệ làng». Và cả phép vua lẫn lệ làng đều dựa trên đạo lý Khổng-Mạnh, kết hợp với đạo lý nhân nghĩa cổ truyền Việt Nam. Bộ luật Gia Long kế thừa và phát huy kinh nghiệm làm luật của những triều đại trước mình, trong nước và ngoài nước và có thể là của cả các cộng đồng làng xã.

Anh Nguyễn Q. Thắng ạ.

Tôi vốn là một người nghiên cứu và áp dụng luật nên rất hoan nghênh công trình khảo - dịch của anh, nó tích tụ hàng chục năm công phu và tâm huyết. Đây là một tư liệu quý.

Tôi còn hoan nghênh công trình của anh vì một lẽ nữa, quan trọng hơn.

*Xét nội dung bộ Hoàng Việt luật lệ, anh đã đánh giá nó một cách độc đáo, «khác đời». Từ bao lâu, người ta (kể cả tôi) coi nó như đã sao chép nguyên xi bộ luật nhà Thanh bên Tàu. Do đó mang tính chất độc đoán, dăm, phân dân của bộ luật thuộc một triều đại phong kiến đang xuống dốc nên phải ra tay khủng bố, nô dịch thần dân vì nghĩ rằng họ chỉ lăm le nổi loạn. Ngược lại, anh thấy bộ luật Hoàng Việt vẫn giữ cốt cách Việt Nam, có «**tinh thần nhân đạo**» và «**Tính nhân văn**» của nó được «**vận dụng vào công quyền Việt Nam**» khởi đi từ năm 1813 cho đến những năm gần đây». Rồi anh nêu ra những chứng cứ.*

Nguyễn Q. Thắng

Tôi chưa dám có ý kiến gì. Thú thật, trước đây tôi không có điều kiện, thậm chí không có ý thức tiếp cận nguyên bản chữ Hán. Thì nay đã có bản dịch của anh kèm theo cả bản chữ Nho. Còn gì bằng! tôi sẽ đọc kĩ lại, nghiền cứu lại nghiêm túc vấn đề. Và rất mong rồi đây có những cuộc hội thảo khoa học để giới sử học và luật học chúng ta thống nhất nhân định thì mới có thể khai thác được đúng đắn di sản văn hóa này của tổ tiên.

Dẫu sao, ngay lúc này, tôi nghĩ cần tỏ lòng trân trọng của tôi đối với thái độ thẳng thắn của anh vì anh đã mạnh dạn nhận xét về sự «thiếu công bằng» của những ai đó như giáo sư Vũ Văn Mẫu, Tiến sĩ Vũ Tam Tư, như Đinh Gia Trinh, hoặc như tôi... «đã đem cái nhìn hiện đại phán xét việc làm của những người đã sống cách chúng ta hàng trăm năm», hoặc do cảm tính chính trị mà đã có cái nhìn có thể là thiên lệch, chủ quan, một chiều... Chuyện đó đối với tôi sau này mới rõ.

Một lần nữa, xin thành thật cảm ơn anh.

Vũ Đình Hòe

(Cựu Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước VNDCCH)

Thủ Đức, ngày 9-8-1994

Thư mục

1. *La justice de l'ancien Annam*, Traduction et commentaire du Code des Lê, IDEO Hà Nội, 1911 (Deloustal dịch).
2. *Lê triều hình luật* (Lương thần Cao Nãi Quang dịch - Trường Đại học luật khoa Sài Gòn XB, Sài Gòn, 1956 Bản có chữ Hán).
3. *Lê triều hình luật* (một nhóm dịch giả), NXB Pháp lí, Hà Nội, 1991.
4. *Lê triều hình luật* (Nguyễn Q. Thắng dịch, giới thiệu), NXB Văn hóa TT, Hà Nội, 1998. (Bản có chữ Hán)
5. *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long) (Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Văn Tài dịch), NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1994. (Bản có chữ Hán)
6. Nguyễn Q. Thắng, *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Văn Hóa-TT, (bản in lần thứ 5, 1998)
7. Nguyễn Q. Thắng, *Từ điển Tác gia văn hóa Việt Nam*, NXB Văn Hóa TT, Hà Nội, 1999.
8. Nguyễn Bá Trác, *Hoàng Việt Giáp tí niên biểu*, BQGGD xuất bản 1963, Sài Gòn.
9. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, NXB Văn Hóa, 1982, Hà Nội
10. Trần Thúc Linh, *Pháp luật dẫn giải*, Saigon, 1970.

mục lục

Lời đầu sách	5
PHẦN THỨ NHẤT	7
I. Hoàng Việt luật lệ một phần của văn minh sử Việt Nam	7
II. Đặc điểm của Hoàng Việt luật lệ	12
III. Nội dung hình luật của Hoàng Việt luật lệ	28
Đạo tặc	29
Mưu phản	35
Tạo yêu thư, yêu ngôn	40
Cướp tù	72
Sang đoạt ban ngày	77
Trộm cắp	84
1. Tính chất hình luật của Hoàng Việt luật lệ	95
Nhận của đứt lót (hối lộ)	98
Phạm gian	126
Hộ luật	144
2. Tính nhân văn của Hoàng Việt luật lệ	144
IV. Văn bản và phần giới thiệu	160
a. Văn bản	160
b. Bản dịch	162

PHẦN THỨ HAI	169
Tổng mục lục của bộ luật	169
Giải thích (Hướng dẫn đem theo để đọc luật)	193
Lấy phân minh để buộc tội	195
Luận tội theo tang vật	197
Tập lục	202
Giải thích biểu giá chuộc	212
Biểu đồ nhận giá chuộc về tội vu khống	213
Tập hợp pháp điển	224
Phụ chú	225
Giải thích biểu đồ năm bậc tội	231
Giải thích về xử tử	234
Lăng trì	234
Bêu đầu răn chúng	235
Biểu đồ hình cụ	237
Biểu đồ tổng tang phục	240
Qui tắc đối với sự phân biệt nghĩa của 8 chữ	269
Giải thích nghĩa quan trọng của luật (nhân luật)	271
 PHẦN THỨ BA	 280
Phụ lục	280
Lời nói đầu	
(Cho bản dịch Hoàng Việt luật lệ ra tiếng Pháp của P.Philastre)	280
Sớ tấu kính dâng hoàng thượng	289
Phiên âm: (bản sớ tấu của Tổng tài Nguyễn Văn Thành)	292
Lời bạt	296
Thư mục	299

御製皇越律例序



朕惟聖人治天下刑罰之與德化未
嘗偏廢蓋民生有欲世故無涯非刑
以防之無以使之入教而知德故曰
刑者輔治之具豈虛乎哉律令者刑
罰之斷例也古者議事以制不爲刑

辟豈刑辟不可爲哉民醇事簡容可
畧也風會旣降民僞日滋刑罰不足
以勝奸科條不足以應用故律例令
式遞有增加豈非古後異宜而律之
必不可闕歟我國歷朝以來具有令
典自經西山之變綱淪法斁巧詐橫

多約則事或有關簡則理或未明愚
者惰於趨避頑者易於翫弄而審讞
之下比附出入無所稽據冤濫靡告
豈非仁者之所隱哉朕賴

列聖之靈削平僭亂混一區宇經緯節理
每以教化爲先務而於刑獄之間尤

致意焉披閱歷代刑書我越李陳黎
之興一代有一代之制而備於洪德
北朝漢唐宋明之興律令之書代有
脩改而備於大清爰命廷臣準歷朝
令典參以洪德清朝條律取舍秤停
務止於當彙集成編朕親自裁正

行天下使知禁防大興灼然如日月
之無所隱慝詰嚴條凜然如雷霆之
不可犯守職之吏得奉以爲明法而
愚頑之民易避難犯於以遷善而遠
罰出刑而入教不犯有司罔干予正
庶幾刑措之隆寧不於斯是賴哉遂

命書以爲序



嘉隆十一年六月十二日



奉



敕

纂修



約則事或有闕頑者玩弄以尅刑而稽考比附之間
奸吏亦得以科條爲上下游移之囊橐

天啟

聖明易亂爲治寵綏四海振刷百爲承亂之後芟除根莠
法在必行而義殺義刑每寓哀矜之意披覽清朝律
書見其集歷代之成爲一代之制誠爲詳密特命朝
臣與臣參閱取其適於用者著爲國朝律例仰見

聖天子好生之至德寓教於刑書云辟以止辟刑期無刑
其茲之謂歟臣奉命刪修爲卷二十有二見識淺陋

上言臣竊惟刑以懲惡而禁奸輔治之具也隆古盛時
民樸俗美而富教之後不敢廢刑良以人性之有善
惡猶天道之有陰陽雖聖世不能無惡人故防範之
具不敢闕也我國

歷朝以來具有今典參用洪德條律以其事約而易究文
簡而不煩也頃以西山之變法數綱淪風俗頹敗宵
邪恣橫奸宄不勝簡則理或未明愚者昏冥而觸禁

未當伏候

聖聰止下臣誠恐勝戰慄之至謹

上言

LƯỢC KHẢO HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ

(Bước đầu tìm hiểu luật Gia Long)

Chịu trách nhiệm xuất bản : *Vũ An Chương*

Biên tập : *Nguyễn Văn Toại*

Trình bày, sửa bản in : *Nguyễn Thăng*

Bìa : *Duy Ngọc*

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Xưởng in Bình Hòa theo giấy trích ngang kế hoạch xuất bản số 14/CXB-QLXB/31-VHTT ngày 4-1-2001 của Cục xuất bản Bộ Văn hóa Thông tin và Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin ngày 18-2-2002. In xong, nộp lưu chiểu quý 3 năm 2002.

Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin: 43 Lò Đúc - Hà Nội

Đính chính

Trang	Dòng	In là	Sửa là
21	16 ↓	chém ⁽³⁾ . Kẻ bất...	<i>chém⁽³⁾ kẻ bất...</i>
26	1 ↑	1968	1998

Phân chữ Hán: Vì lỗi kĩ thuật, xin độc giả đọc các trang chữ Hán từ trái sang phải.

- **Hoàng Việt luật lệ** là một trong hai bộ luật lớn nhất của cổ luật Việt Nam (Hồng Đức, Gia Long).

- **Hoàng Việt luật lệ** được soạn thảo theo chủ ý của vua Gia Long là lấy luật lệ của các triều đại nước ta làm căn bản và chuẩn thẳng, tham khảo **luật Hồng Đức** và **luật Thanh triều** (theo vua Gia Long).

- **Hoàng Việt luật lệ** “giúp kẻ ngoan cố dễ tránh được hành vi sai phạm để họ tự hối cải mà xa rời sự trừng phạt, từ đó có thể đi vào đường tự cải hóa” (theo vua Gia Long).

- **Hoàng Việt luật lệ** chủ trương “trừng phạt để về sau không còn phải trừng phạt nữa, đặt ra tội hình để mai sau không còn dùng đến tội hình nữa”. (theo Tổng tài Nguyễn Văn Thành).

- Nội dung **Hoàng Việt luật lệ** “có xét lọc, lược định, lấy bỏ, thêm bớt mà khoản sửa đổi quan trọng hơn hết là lược bỏ một số điều của luật nhà Thanh” (theo Philastre).